



PHẬT

Sống Đúng

SÁCH RÈN NHÂN CÁCH

Sa- éc
May, 2016

HOÀNG-XUÂN-VIỆT

THUẬT SỐNG DŨNG

TỔNG LUẬN NHỮNG NHƠN ĐỨC ĐỐI
KỶ, ĐỐI THA, ĐỐI THIÊN HAY LÀ
NGHỆ THUẬT ĐÀO LUYỆN ỨC LẬP CHÍ,
TRÌ CHÍ VÀ ĐẠT CHÍ

Sa- éc
May, 2016

LOẠI SÁCH « **HỌC LÀM NGƯỜI** »

Trang lặng

*những cuộc đời đang lên mà trong
đó người ta hi vọng hình bóng nền
móng của gia đình, rường cột của
dân tộc, thành lũy của nhân loại và
hiếu tử của Thượng-Đế.*

HOÀNG-XUÂN-VIỆT

TIA SÁNG

Có điều tất yếu cho con người hơn cơm ăn áo mặc. là Đức-dục.

SOCRATE

Tự Thiện Tâm dĩ chí u thúc dân nhất thi giai dĩ tu thân vi bản.

KHÔNG TỬ

Trên tờ sàng, qua bên kia thế giới, còn lại cho người có nhan sắc, sức khỏe, của tiền, quyền chức, tài cao cái gì ? Tội ác hay nhân đức ?

WATERSTONE

*Vẫn minh Âu Á trời thanh sạch:
Này lúc cương thường đảo ngược ru ?*

TẢN ĐÀ

Những nền giáo dục tốt đẹp nhất, sẽ trở thành tồi bại nếu không còn lấy luân lý làm nền tảng.

NAPOLÉON

TỰA

Lật lịch sử văn minh thế giới bạn thường thấy hai thứ người mà tên tuổi bất diệt trên không gian và thời gian. Đó là vĩ nhân và thánh nhân. Tôi muốn hiểu vĩ nhân là những bậc đa tài xuất chúng trong các ngành văn hóa, nghệ thuật, khoa học hay những vị lương đồng ra vào trận mạc bách chiến bách thắng. Bạn có thể gọi Archimède, Michel Auge, hai ông bà Curie, Nã Phá Luân, thống chế Foch là những vĩ nhân.

Còn thánh nhân, tôi hiểu là những bậc người nuôi lý tưởng đạo hạnh can đảm, chiến thắng tình dục, vượt chúng trong việc thực hiện những nhân đức và lấy cuộc sống hiện thế làm bàn đạp cho cánh đời lai sinh vĩnh phúc. Một Không tử, Thích ca, một Gandhi và chính tông hơn, một Bảo lộc, một Thomas D'aquin, một Curé D'ars, một Gèneviève, một André, một Elisabeth là thánh nhân. Người ta có thể gọi những bậc trước là anh hùng đời và các vị sau là anh hùng đạo. Cả hai đều là những kẻ siêu quần vì biết khai thác đắc lực nguồn tình cảm, trí tuệ và ý chí của mình. Nhưng nếu tế nhị hơn một chút, bạn thấy anh hùng đời và anh hùng đạo có những dị điểm quan hệ. Trước hết anh hùng đạo là những người tự chiến thắng mình : nghĩa là tự mình cầm cương các tình dục xấu trong mình. Còn anh hùng đời thường là những kẻ điều khiển thiên hạ. Song họ không nhưt thiết làm chủ lấy mình. Một anh hùng đạo như Thích ca dám gan mật ra đi tìm đường tự giác,

bỏ lại sau lưng vợ đẹp con xinh, vàng kho bạc lăm. Một anh hùng đời như Nã Phá Luân, đã một thời cầm trọn trong tay vận mệnh Âu-Châu, đi đến đâu thì sông phải cạn, núi phải tan. Vậy mà con người ấy, một thời phải lặn dạn vì ái tình, một mặt hò hét hàng vạn tinh binh, một mặt ngoan ngoãn như búp bê cái liếc của nàng Joséphine. Anh hùng đạo thẳng mình. Anh hùng đời thẳng kẻ khác. Lão Tử phê bình về họ : Thẳng nhưn giả hữu lực, tự thẳng giả cường. Anh hùng đời là người có sức mạnh căn cứ vào sức khỏe, quyền chức, tiền bạc, vũ khí. Còn anh hùng đạo có thể là kẻ tay không về những điều kiện này ; nhưng làm chủ mình : Họ là những người anh dũng chính tông.

Xét phương diện các khả năng trong con người, ta thấy anh hùng đời phát triển chu đáo trí tuệ. Nó minh mẫn giúp họ thấy xa hiều rộng. Tình cảm nơi họ cũng dồi dào, được khai thác xô đẩy họ say mê phục vụ đường lối khoa học, nghệ thuật hay chính trị mà nhờ trí tuệ sáng suốt họ thấy. Ý chí là nguồn hoạt động có khả năng cung cấp cho họ nghị lực chịu đựng gian lao. Nhưng cách chung : người thấy họ hoặc bỏ hoang hoặc cần thả một năng lực tinh thần là lương tâm. Đời hỏi căn bản của lương tâm là trong sạch, giàu có nhân đức. Lương tâm sống về cuộc sống lai sinh, vĩnh cửu, coi cuộc sống hiện thế làm phương thế. Người anh hùng đạo ngó xuyên qua kiếp nhân sinh cao lắm là trăm năm, một cái gì lâu bền làm thỏa mãn cho con người hoàn toàn. Cái gì đó, đời phải có lương tâm bằng tuyệt, thánh thiện. Tôi không cần nói vai trò quan hệ của lương tâm trong sự quyết định trường cửu khi con người ra trời. Ai cũng biết vì cuộc đời là mây nổi nên từ xưa

chứa đến thứ dân, dưới lưỡi liềm của Tà-thần đều tay trắng. Mỗi người chỉ được đem theo mình; qua bên kia cuộc đời, hoặc công đức hoặc tội lỗi mà lương tâm là kho chứa và chịu trách nhiệm. Tôi không muốn bạn lưu ý lương tâm trong chức vụ siêu quyền ấy. Mà chỉ xin bạn chiếu cố hai tác dụng đặc biệt này của người biết trui luyện nó đối với chính mình và đối với tha nhân. Một lương tâm được rèn đức trong bầu khí thanh sạch và thánh thiện sẽ trở thành nguồn dưỡng khí cho con người. Tôi muốn nói khi một mặt tiêu cực tránh các tật xấu, mặt khác tích cực thi hành những tập quán tốt mà các nhà luân lý học gọi là nhân đức, khi bạn làm như vậy, tôi nói bạn là người Dững. Trong cuốn Đức Điền Tinh chắc bạn không quên tôi nói Dững là lý tưởng cao đẹp nhất của con người.. Với đức Dững, bạn sống cuộc đời nội tâm và xã hội trong tình trạng hoạt động quân bình của lý trí, ý chí và tình cảm. Lý trí giúp bạn sáng suốt. Ý chí bắt buộc bạn cương quyết. Tình cảm khiến bạn dịu dàng. Ba năng lực vừa nói, con người của bạn, tác động điều hòa, chu đáo trong cương vị của mình. Không năng lực nào lấn áp năng lực nào. Đối với mình, bạn tự trị, an phận, nhất là không bao giờ thấy lòng xao xuyến. Trên đường đời lặn lội ăn chịu các đau khổ để thể hiện nghề làm người cách vui tươi. Đối với tha nhân, có thể bạn nghèo nàn, đau bệnh, kém tài; nhưng nhất định luôn được trọng phục. Người ta thấy bạn bác ái, công bình, điềm đạm, vui vẻ, v v .. Ai mà không cảm mến. Nhân đức tự nó hay lây mà.

Bạn có sức khỏe nếu không như một Hạng Vương thì như một Andréle Gall, con người đã một thời dùng răng

lời nói máy cày nặng trên trăm ký lô, trĩ lại nổi một phi cơ gần hai trăm mã lực vô phương cải cách. Bạn mừng. Bạn lên như điều trên đường kinh doanh mà tên tuổi đứng ngang vua xe hơi, dầu lửa, thép của Pháp và Hoa Kỳ. Bạn càng mừng. Bạn đủ trí như một Solômông, quyền hành như một Nã Phá Luân. Bạn rất mừng. Nhưng thưa bạn, Bạn sẽ mừng hơn khi bạn đi con đường của một Thích Ca, Socrate, Khổng Tử. Anh hùng đời hay lắm đấy. Mà nó là lý tưởng của một số người mà anh hùng đạo là lý tưởng ai cũng phải thờ phượng. Cuốn sách bé mọn này được soạn ra để giúp bạn phần nào để phục vụ lý tưởng đó. Nó không phải là phép màu gì đâu. Mà chỉ là những bí quyết có thể giúp ta nỗ lực trên đường thiện. Còn xa quá con đường thánh nhân, mà ta cố gắng chừng nào hay chừng nấy, cũng đỡ đỡ, phải không bạn. Tinh thần vượt tiến mà tôi nhấn mạnh cùng bạn trong toàn quyển này là tinh thần của Lão Ngư Ông trong một danh phẩm của Hemingway mà tôi có dịp bàn qua trong lời tựa cuốn Người Chí Khi. Nghĩa là đương đầu với trở lực, nhấp chập chập chên dờ tôn toan, luôn bám chân lên dốc trơn trượt, có té thì lồm cồm ngồi dậy, đi ngay không được đi quanh. Đông tố trần gian vùi lấp thuyền lòng ta, nhưng ta cứ nhồi lên và hướng về lý tưởng làm người.

Viết quyển này tôi nhớ cách riêng những tuổi xuân vừa bỏ hẳn gia đình, trường học để bước chân vào ngưỡng cửa trường đời. Ai ở giai đoạn này của đời sống, nếu muốn làm nên một sự nghiệp tốt đẹp, phải đeo trong mình những bùa linh diệu : Tôi muốn nói một số lớn nhân đức. Chúng ta nòng cốt cho tư tưởng, ngôn phong, tác phong

cùng những cử chỉ, thái độ của ta. Chúng đi tiền phong trong sự cấu tạo giá trị con người và theo con người lặn qua bên kia bờ cõi cái chết. Xét về mặt thực tế, nhân đức khiến con người ăn chịu với bao nhiêu phiền toái cay độc, éo le của biển đời đầy nước mắt này. Những ai nuôi chúng trong tâm hồn đều có thể bị đời khinh rẻ, lâm cảnh nghèo túng, hoặc gặp đủ thử thách bại mà tâm hồn luôn nghe lảng lảng sung sướng. Bạn còn nhớ ra ai ca tụng hai cái chết vĩ đại nhất trên trần gian, một của Đức Giêsu và một của Socrate không? Mà tại sao vĩ đại? Chỉ tại thánh đức. Đời lên hương thật chỉ nhờ thánh đức.

Đề giúp đời bạn có ý nghĩ quyền Thuật Sống Dường này ra đời mà phân lý thuyết về nhân đức chỉ bàn đại cương. Tôi chú trọng nhất những thực tập nhân đức. Các nhân đức được trình bày theo bốn khối. Mỗi khối có đức căn bản, rồi đến các đức do đó phát sinh ra. Mỗi đức thường được bàn theo thứ tự này: 1) Định nghĩa, 2) bản tính, 3) hình thức, 4) phân loại 5) sự hệ trọng, 6) phương thể luyện tập của nhân đức, 7) và những danh ngôn, 8) tự ám thị. Những vấn đề tôi bàn cùng bạn, cách chung là những vấn đề tự bản chất hơi khó hiểu. Chúng thường được bàn trong những lớp tu tài phần nhì hay ở đại học khi người ta nghiên cứu về luân lý học. Vấn đề khó. Nó đòi nhiều suy nghĩ. Nếu đọc tôi mà không thấy thích vấn đề là tại tôi bắt tài trong sự trình bày, chớ tự vấn đề ẩn tàng những điều tế nhị rất thâm thúy hoặc sâu sắc. Nếu nói chời mình gọi nó giống như sâu riêng vậy bạn.

Tôi hi vọng chất bồi dưỡng của nó sẽ đền bù lại mọi cố gắng của bạn và không phần thưởng nào tôi lấy làm hãnh diện thụ lãnh bằng khi đọc xong mấy trang sau bạn nghĩ ngợi nhiều về đời sống nội tâm của mình, chỉ nghĩ ngợi! Thưa bạn:

HOÀNG-XUÂN-VIỆT

Sa- éc

May, 2016

PHẦN NHỨT

NHÂN ĐỨC KHÁI LUẬN

« Những ngày tết của mùa xuân
không duyên dáng bằng nhân đức
phát sinh trong một thanh niên. »

Vauvenargues.

ĐẠI QUAN

- 1) Nhân đức với lý tưởng làm người.
- 2) Nhân đức là gì ?

CHƯƠNG I

Sa- éc
May, 2016

NHÂN ĐỨC VỚI LÝ TƯỞNG CON NGƯỜI

« Bạn hãy làm người cho ra người. »

Pindare

I. — ĐẠI YẾU

- 1) Khoa học Thiện : Câu chuyện Socrate và Xénophon
- 2) Là người và làm người
- 3) Vai trò của đức dục
- 4) Dọn đất lương tâm
- 5) Gieo giống nhân đức
- 6) Danh ngôn
- 7) Tự ám thị

1 — Khoa học Thiện : Socrate, đại triết gia Hy-lạp, ngày nọ gặp một nam thanh niên Xénophon trên một con đường ở thành Nhã-Điền.

Triết gia giơ gậy ra chặn đường thanh niên hỏi : « Anh biết ở đâu bán bánh, thịt không ? » Thanh niên vội vã đáp : « Ở chợ ». Nhà hiền triết hỏi tiếp : « Rồi anh biết ở đâu bán quần áo, giày vớ không ? » Xénophon vừa nói vừa chỉ : « Thì cũng ở chợ ». Socrate khen giỏi rồi hỏi nữa : « Nhưng anh biết ở đâu người ta tập nên người thiện chăng ? » Chàng thanh niên ngơ ngác, thú thật với Socrate từ lâu không hề đề ý khoa-học ấy. Triết-gia đáp : « Tất cả những hiểu biết và của cải ích gì cho anh, nếu anh

không thành một người lương-hảo. Chúng ta sẽ biến thành khi giới hại anh, hại xã-hội nếu lương-tâm anh không được giáo luyện. Vậy anh hãy theo tôi. Chúng ta sẽ giúp nhau nghiên-cứu khoa-học cao cả nhất của loài người là : Khoa học thiện. Xenophon nghe lời : Nước Hy-Lạp nhờ đó mà có một công-dân kiến-quốc xừng đáng.

Câu chuyện này, thưa bạn, giúp ta đề ý một vấn-đề tối ư quan trọng của con người là lý tưởng luân-lý. Ai trong chúng ta cũng nhận thấy bằng kinh-nghiệm, tự nhiên chúng ta khao-khát sống thiện. Lắm lúc thấy mình yếu đuối, tội lỗi, tầm thường, chúng ta nghe lương tâm thúc-giục cải-hóa cuộc đời. Bourceau và Fabry nói : *« Một ngày trong muôn ngàn trường hợp, chúng ta cảm thấy sự yếu đuối, sự tầm thường của chúng ta »*. Mà cảm thấy như vậy tức là mặc nhiên chúng ta nhận con người có một lý-tưởng tuyệt vời phải chiếm đoạt là sống thiện. Choặng nên người đường hoàng phải chuyên luyện khoa học thiện. Tại sao ? Vì là người mà không được huấn đức thì không nên người.

2. — Là người và làm người.

Đĩ nhiên là người thì chúng ta hơn nhiều tạo vật vô tri, vô giác về nhiều phương diện rồi. Nhưng khi là người, ta không có quyền sống theo những huấn lệnh xấu của bản năng và làm nô lệ tạt xấu. Ta phải kiềm hãm thú tánh trong ta để nhân-tính phát triển theo đà thánh thiện. Là người, ta phải có lý tưởng : Làm Người. Bồn phận căn bản của ta là trở thành thiện-nhân. Goethe đã mượn câu này của Pindare, khắc trên cửa ông *« Bạn hãy làm người cho ra người »*. Bạn có thể lấy danh ngôn ấy làm tiêu ngữ cho

đời mình. Muốn có lúa phải cày, bừa, gieo, cấy. Muốn nên người, phải luyện đức.

3. -- Vai trò của đức dục.

Người ta là người mà không tự nhiên nên người. Người ta trở thành người, người hiền theo chân nghĩa của nó.

Người xưa chẳng đã nói cách chi lý *Homo fit, non est: con người chứ không tự nhiên nên người.* Cho rằng làm người cho ra người dù muốn dù không ta cũng phải nhờ đức dục. Đức dục giúp cho lý tưởng luân lý trong mỗi cá nhân được thể hiện bằng cách rèn đức lương tâm cá nhân ấy ngày một chánh trực, thanh thiện hơn. Sức khoẻ của thân thể cần đồ ẩm thực, vệ sinh, thuốc men, nghỉ ngơi dễ được bảo đảm, dồi dào thế nào, thì sức khoẻ tâm hồn cần nhân đức mà khoa đức dục là phương thế, thế ấy. Nhờ nó về mặt tiêu cực, ta trấn áp các xạ thức giục bất thiện của bản năng, tránh được những xu hướng, tập quán xấu làm nhân phẩm bị hạ thấp. Một cách tích cực khoa đức dục vạch cho ta thấy các bồn phận của ta đối với bản thân, gia đình, quốc gia, nhân loại, Thượng Đế. Có người tưởng luân lý đi ngược bản tính con người. Đó là lầm tưởng. Luân lý là bí quyết giúp nhân tính phát triển hợp nhân phẩm. Nó hộ vệ lý tưởng con người, làm cho con người ngày một xứng đáng với danh hiệu mình hơn. Ai tưởng nó là chướng ngại vật ruồng bỏ nó sẽ bị sự trả đũa nặng. Florian, một nhà ngụ ngôn nổi tiếng của Pháp có viết một bài ngụ ngôn tuyệt bút thuật lại chuyện lý thú này. Có một chàng khiêu vũ hát xiếc nọ cầm một cây gậy để đi trên một sợi dây nhỏ, chắc, căng thẳng. Thiên hạ bao vây coi đông như kiến cỏ. Lối hoan hô long trời. Cây gậy giúp cho anh giữ thế thăng bằng.

Nhưng anh thấy nó là một chương ngại vật. Anh quảng nó và đi tay không với ngu ý đề cao tài xảo thuật của mình hơn. Tội nghiệp quá : vừa quảng gây, anh lão đảo, mất quân bình, té từ trên cao xuống nền gạch. Anh gãy sống mũi. Hồi nãy lời hoan hô long trời bầy giờ lời cười nhạo lở đất. Thưa bạn, luân lý xem ra chương ngại đời ta, nhưng chính nó giúp ta bước vững trên đường đời. Bỏ nó, ta sẽ té lăn xuống hố sa đọa. Nhân phẩm bị chìm xuống đất đen. Đề khoa học thiện được gây nhiều kết quả, vấn đề đại hệ nhất là trui rèn lương tâm.

1.— Dọn đất lương tâm.

Nếu trong công cuộc giáo dục con người đức dục chiếm địa vị quan trọng thế nào thì

trong sự huấn đức việc đào luyện lương tâm cũng quan trọng thế ấy. Sống thiện, sống đúng nhân phẩm là vấn đề của lương tâm. Chớ không phải chỉ là hiểu biết nhiều nguyên tắc, học thuyết luân lý mặc dầu việc này vẫn cần thiết. Sống nên người là biết nhận đúng cái ác để tránh, cái thiện để theo. Mà làm sao nhận đúng những điều ấy nếu không chạy đến lương tâm. Pascal nói : *Lương tâm là cuốn sách luân lý hay nhất mà chúng ta phải tham thảo hơn hết* Thật vậy. Đứng góc cạnh luân lý, người ta phải nói lương tâm là cơ quan phán đoán tính chất luân lý thiện hay ác của các tác vi nhân linh, là những việc làm mà con người làm với ý thức, chịu trách nhiệm về chúng. Foulquié dựa vào định nghĩa của cuốn *Vocabulaire de la société de Philosophie* viết : *Lương tâm luân lý là đặc tính mà tính thần, con người nhờ đề đưa ra những phán đoán thẳng mực, tự nhiên, tức khắc về giá trị của một vạt hành vi cá nhân nhất định.* Trước khi hành

vi xảy ra, nó cho ta biết hành vi tốt hay xấu theo lý tưởng luân lý. Hành vi xảy ra xong, lương tâm sẽ gây trong ta những tâm tình lúc nó phản ứng trước việc thiện hay ác. Tâm tình hân hoan nếu là bổn phận được thi hành. Tâm tình hối tiếc nếu ta làm lỗi. Bởi vai trò lương tâm tối hệ như vậy nên khi bàn về nhân đức người ta phải nghĩ ngay huấn luyện lương tâm. Trong xã hội loài người có hai hạng người đáng kính là anh hùng và thánh nhân, nhưt là thánh phan. Thánh nhân sở dĩ đáng kính nhưt vì các việc thiện cả họ căn cứ vào lương tâm mà bất kể phán đoán của con mắt người đời. Trên đường làm người ta phải theo gót các thánh nhân. Anh hùng nơi trận mạc thì hay lắm ; nhưng hay hơn là anh hùng trước sự tấn công của tình dục, xu hướng xấu, tập quán xấu. Làm được một Nã-phá-Luân thì oai thật, nhưng không được không sao. Mà nhưt định phải nỗ lực đi con đường của Socrate, Francois d'Assise là đường tu đức.

Muốn có một lương tâm lành mạnh trước hết phải biết phân biệt các thứ lương tâm và đào luyện riêng lương tâm chính trực. Chúng ta đã biết nhiều loại lương tâm. Như đối với chân lý, thì có lương tâm chánh trực, lương tâm sai lầm. Lương tâm sai lầm chia ra lương tâm quá rộng, quá hẹp và bối rối. Còn đối với cá nhân, lương tâm có thể gọi là chắc chắn hay hồ nghi. Ở đây ta chỉ quan tâm sự huấn luyện lương tâm chính trực. Bí quyết là : 1) Đừng khi nào cả lòng làm nghịch lương tâm. Ai có ý cãi mệnh lệnh lương tâm một lần có thể bất tuân nó nhiều lần. Một lương tâm bị bất phục nhiều lần trở thành vô hiệu, sau cùng sai lạc. 2) Đọc nhiều sách báo dạy về lương tâm. 3) Nghe giáo luyện về đạo lý. 4) Noi gương các

dục giàu lương tâm như cha mẹ lương thiện, thầy giáo lành nghề. 5) Bàn chuyện tâm hồn với những cố vấn đạo hạnh, thông minh. 6) Tĩnh tâm, tự kiểm thảo.

Có được một lương tâm chính trực là đã bước một bước dài trên đường tâm đức. Người ta chỉ còn lo luyện các nhân đức là nên người tốt đẹp.

5. — Giọt giống nhân đức. Stahl nói : Các nhơn đức nhỏ không chiếu rạng mà chúng phát mùi thơm : đó là những cầm hoa của tâm hồn ».

Những cầm hoa ấy phải được ương trồng trên đất lương tâm một cách liên tục thì con người mới trở nên mỹ hảo. Bản tính con người không phải ác như Tuân-Tử chủ trương nhưng nó bị nhiễm độc bởi nguyên-tội. Do đó con người có tính dục xấu, thúc đẩy tâm hồn té vào những khuyết điểm hay tội lỗi. Trên bước đường tu đức, sau khi làm công việc tiêu cực là chiến đấu với bản năng, là chuẩn bị lương tâm chính trực, con người phải luyện những nhân đức ăn thua đến bản thân, gia đình, nhơn loại và Thượng-Đế. Như vậy ta thấy chính nhân đức là điều kiện tất yếu để ta chiếm đoạt lý tưởng làm người. Có thể nói cách khác, làm người là thực hiện những nhân đức mà nhân phẩm cần nó để phát triển đầy đủ.

6 — DANH NGÔN

1) Một nền giáo dục toàn bích phải gồm thể-dục, trí-dục, lương-tâm dục, tính giáo-dục, chí-dục, giáo-dục và xã-dục.

Waterstone

2) Một trong những điều kiện chắc chắn nhất để hạnh-phúc là có thể nhìn toàn thể đời sống mình mà không hổ thẹn và không bị lương tâm cắn rứt.

Condorcet

3) Đối với điều thiện, nhân đức ở điểm cao nhất.

Aristote

4) Thích kỹ dĩ giáo dân giả nghịch, chính kỹ dĩ giáo nhân giả thuận : tha thứ để dạy mình là nghịch, sửa mình để dạy mình là thuận.

Tổ-Thư

5) Cho một quốc gia, sự ngu dốt một Thượng-đế chân thực là một trong những tai nạn xấu-xa nhất.

Platon

7 — TỰ ÁM THỊ

Tôi là người. Tôi có bốn phận chiêm đoạt lý tưởng làm người cho ra người bằng cách tu tâm, luyện đức.

CHƯƠNG II

NHƠN ĐỨC LÀ GÌ ?

*« Làm một người đức hạnh là
làm một chuyến phiêu lưu lớn
lao, táo bạo hơn ghe buồm đi
quanh trái đất. »*

Chesterton

I.— ĐẠI YẾU

- 1) Lời trời của thánh François d'Assise
- 2) Định nghĩa hơn đức
- 3) Thứ loại nhân đức
- 4) Sự gia giảm hay tiêu trầm của nhân đức
- 5) Công nghiệp
- 6) Tinh thần bất vị lợi
- 7) Anh hùng
- 8) Trọn lành
- 9) Thánh
- 10) Căn thiết nhân đức.

1— Lời trời của thánh François d'Assise...

« Không ai chỉ cho tôi phải
làm cái gì, nhưng Đấng tối
cao mặc khải cho tôi phải
sống theo luật của Phúc âm
thánh...

Nhưng ai tình nguyện nhận lối sống này sẽ ban bố
cho kẻ nghèo tất cả những gì mình có thể có... Chúng tôi
thích sống trong những thành đường nghèo nàn, bị bỏ bê
và chúng tôi là những kẻ đơn thương đầu lụy hết mọi
người. Tự tay tôi, tôi làm việc và muốn làm mãi, và tôi cũng
muốn các anh em khác sinh sống bằng lao công lương

thiện. Những ai không có nghề thì học nghề, không phải nhằm mục đích dùng lao công lãnh lợi mà để làm gương tốt và tránh sự ỏ không. Trong trường hợp mà người ta không huân công cho chúng tôi thì chúng tôi chạy đến bàn Thượng đế bằng cách xin của bố thí hết nhà này sang nhà khác. (Trích *Un homme appelé. François d'Assise*, Léon Poivier — Mame 232 — 233). Đọc mấy dòng trên, những dòng phát xuất do tâm hồn nhơn đức của Thánh François d'Assise, bạn có cảm tưởng gì ? Chắc bạn có nhiều ý tưởng ở , lắm. Và chắc chắn bạn thấy có cái gì hướng thượng, siêu mẫu làm cho tâm hồn ta lâng lâng như muốn cất cánh khỏi cuộc đời phù vân này. Tôi muốn nói sức mạnh của nhơn đức. Nó tô điểm linh hồn. Nó tạo cho nội tâm một mảnh lực gây kinh trọng, khả ái. Ôi ! quý đẹp thay ! những tâm hồn nhơn đức, nhứt là nhơn đức giữa cuộc đời đầy nước mắt và tội lỗi này.

2. — Định nghĩa nhơn đức.

Pháp văn có tiếng *Vertu* phát xuất bởi tiếng latin *Virtus*. Tiếng này mang gốc tiếng vir : người ta dùng theo nguyên

ngữ chỉ đức anh dũng thuộc nam tính. Một danh từ Hi-lạp *arete* cũng có nghĩa giống *virtus*, chỉ đức can đảm.

Có khi người ta dùng tiếng *vertu* chỉ năng lực phát sinh. Ở đây ta dùng tiếng Nhân đức dịch tiếng « *vertu* » của Pháp văn hay *virtu* của La-văn chỉ « tập quán hành thiện ». Nên đề ý : nhân đức là tập quán hành thiện, tức là xu hướng liên tục về sự thể hiện việc lành. Nó là một trạng thái thánh đức của tâm hồn chứ không phải chỉ là một việc thiện đơn độc. Foulquié nói : « Những tác vi bên ngoài làm cho biết có nó chứ không cấu thành

nó ». Nhận xét ấy đúng. Một ác nhân có thể làm một việc thiện mà không có nhân đức.

Đừng quên một xu hướng tâm hồn cho đặng thành nhân đức phải nhắm đối tượng thiện. Một tên hung ác can đảm rình rập nhiều ngày, nhiều tháng để giết một bà giàu có, cướp của : anh ta có xu hướng can đảm mà không nhân đức. Trái lại... Nhân đức chẳng những là một xu-hướng liên tục mà còn là một năng lực thúc đẩy ta đến việc thiện. Vì đó người nhân đức dễ làm lành hơn người lạnh nhạt, tội lỗi.

Aristote khi nhận xét nhân đức, nói nó đứng trung dung : « In medio stat virtus ». Phải hiểu trung dung đây là nhân đức đứng giữa những thái cực xấu, chứ không phải người hành thiện phải làm lành cách-trung dung. Ví dụ nói đức can đảm đứng trung dung phải hiểu nó ở giữa sự táo bạo và sự bạc nhược. Còn lý tưởng của người hành thiện thì vô cùng. Người ta luôn phải hướng thượng, tự thánh hóa tận khả năng mới xứng nhân phẩm.

3 — Thứ loại nhân đức.

1) Xét về bản chất, nhân đức chia ra làm hai thứ : tự nhiên và siêu nhiên. Đức tự nhiên

nhắm cái thiện tự nhiên nên nó có do nhân lực dưới sự điều khiển của lý trí lành mạnh. Còn đức siêu nhiên nhắm đối tượng siêu phàm là tình yêu Thượng đế, hạnh phúc vĩnh cửu nên cho đặng có phải nhờ ân sủng.

2) Xét về nguồn gốc, nhân đức chia ra : thiên phú và luyện tập. Nhân đức thiên phú có do Thượng đế ban riêng trong tâm hồn cùng với thành sủng. Còn nhân đức luyện tập là nhân đức ta có nhờ làm đi làm lại nhiều lần những việc thiện.

3) Xét về đối tượng, nhân đức được gọi là đối thần và luân lý. Đối thần tức lấy Thượng đế làm đối tượng. Bận tin, cậy, mến Thượng đế : Tôi nói bạn có nhân đức đối thần. Luân đức nhằm đời sống hợp luật tự nhiên, thuận lý trí sáng suốt của con người. Ai cũng có thể có luân đức kể cả người lương, người tội lỗi. Luân đức cần được siêu nhiên hóa để gây công trạng trước mặt Thượng Đế.

4) Xét về trình độ, nhân đức có thể tầm thường hay anh hùng. Gọi là tầm thường khi nó được thực hiện trong điều kiện thông thường của khả năng con người. Khi được thực hiện cách siêu phàm, người ta gọi nó là đức anh hùng.

5) Xét về bản chất : nhân đức được chia ra tự nhiên hay siêu nhiên tùy phương thể có tính cách nhơn loại hay thánh chúa, tùy đối tượng là cái thiện tự nhiên hay siêu nhiên.

Chú ý : a) Triết gia có thể căn cứ vào đối tượng để khi các thần học gia chia nhân đức làm đối thần đức và luân đức, thì họ chia nhân đức làm đối nhân và đối xã tùy sự ích lợi nhân đức đem lại cho cá nhân thì hành nó hay cho xã hội hưởng thụ nó

b) Người ta cũng có thể căn cứ vào các tài năng mà chia nhân đức ra luân đức và trí đức. Luân đức làm cho các xu hướng con người nên thiện hảo. Trí đức giúp trí tuệ sáng suốt, khôn ngoan.

4. — Sự giá giảm hay tiêu trầm của nhân đức.

Nhân đức có thể giá giảm hay tiêu trầm :

1) Những thiên-phủ đức phát sinh nhờ thánh sống.

Thánh sùng có thể gia tăng nhờ các thiện vi, nhờ sự thụ nhận cách thánh thiện những bí tích. Mà các thiện phủ đức có do thánh sùng nên chúng có thể được gia tăng với điều-kiện này. Những khuyết điểm hay tội lỗi nhẹ làm suy giảm đức ái có thể làm cho tâm hồn mất nhuệ-khí thì hành các thiện phủ đức. Trong trường-hợp này có thể nói thiện phủ đức bị giảm. Chớ xét cho cùng lý thiện phủ đức là đặc ân do thánh sùng nên không thể bàn sự suy giảm hiểu theo nghĩa nhân-loại được. Tội trọng cách chung có thể làm tiêu trầm các thiện phủ đức vì nó đánh rơi thánh sùng. Chúng tôi nói cách chung để hiểu các đức tin, đức cậy, có thể còn khi ta phạm tội trọng miễn đừng phạm những tội nghịch trực tiếp hai nhân đức này.

2) *Các luân đức tự nhiên có thể gia giảm tùy các việc thiện sinh ra chúng, gia hay giảm.* Chúng ta đừng quên các đức này có do nỗ-lực của con người chớ không do thánh sùng đặc biệt. Một khi con người ngưng hay chống đối một luân đức thì nó mất. Về mặt làm người, cần nhất là nỗ-lực Ai cũng có phần người hạ, nó xô đẩy lương-tâm đến các việc ác. Muốn nên người phải liên-tục nỗ lực tránh dữ, làm lành.

5) *Công-nghiệp.* Khi bàn về nhân đức người ta hay nghĩ đến công nghiệp. Vậy công nghiệp là gì ? Theo Foulquié, xét nguyên ngữ công nghiệp bởi tiếng la-tinh mereo : Tôi chọn phần, tôi phụng sự. Xét nghĩa rộng là giá-trị của cá-nhân hay công việc. Ở đây phải hiểu công-nghiệp là giá-trị luân lý đáng được thưởng công nhờ nỗ-lực của ý-chí. Hai điều kiện tất yếu để có công nghiệp là việc thiện và cố gắng thể hiện việc thiện. Nói vậy hiểu là người lập công-nghiệp vừa nhắm lý-tưởng, vừa chiến đấu với tất cả

những gì trở ngại làm cho họ khó đi đến lý tưởng. Trở lực hoặc chủ quan hoặc khách quan. Trở lực càng khó chiến thắng mà ta chiến thắng được, công-nghiệp ta càng cao. Trên đường tu đức, sự nỗ-lực đến cực-độ sẽ vươn mình lên lý-tưởng làm người cần thiết, là cao đẹp.

6) *Tinh-thần bất-vị-lợi*. Phải hiểu bất-vị-lợi đây, là thứ tinh-thần không quan-tưởng đến quyền-lợi tư biệt mà chỉ nghĩ đến ích lợi của tha nhân, của đoàn thể. Hiểu như vậy thì nó mới là một nhân đức. Nó có giá trị không phải tại chính nó mà tại những quyền lợi hay lý-tưởng nó đem. Muốn có tinh thần bất-vị-lợi cao cả không gì hay là tạo trong tâm hồn những tâm tình cao thượng, đem hàng hái đối với chí cả.

7) *Anh hùng*. Ở đây ta không hiểu người anh hùng là những nhân vật huyền bí, việc anh hùng là việc của thần thánh. Ta hiểu người anh hùng là người hành động với lòng can đảm siêu quần trong những trường hợp khó khăn, cực khổ, đòi nhiều chí khí. Cho dạng tác vi anh hùng thành nhân đức nó phải nhằm một lý tưởng thiện. Dĩ nhiên trong khi đeo đuổi một lý tưởng tốt đẹp thì việc anh hùng được thể hiện coi là những tác vi nhân đức. Điều kiện tất yếu để nên anh hùng là có một ý chí gang thép được điều khiển bởi một lương tâm sáng suốt, thành thiện.

8) *Trọn lành*. Nói đến nhân đức không mấy ai không nghĩ đến trọn lành. Nên có những nhận xét quan trọng này về trọn lành. Trước hết phải hiểu trọn lành theo nghĩa tu đức. Nghĩa là tình trạng đã chiếm đoạt được lý tưởng luân lý mà lý trí, và ý chí hiểu biết, yêu mến. Cho dạng trọn lành là một tác vi nhân đức nó phải được hiểu là nỗ lực tiến triển của người tu thân. Dĩ nhiên tiếng trọn lành được hiểu với một nghĩa tương đối. Nếu hiểu theo nghĩa tuyệt đối thì trừ ra Thượng đế không ai trọn lành.

9) *Thánh*. Thánh là tánh cách của người nhờ đặc sủng của Thượng đế đi đến một cao độ của sự trọn lành. Thánh nhân vì đó là kẻ thân mật hợp nhất với Thượng đế, để tránh những tội lỗi hơn phạm nhân và huy động các tâm tình, tư tưởng, tác vi về Thượng Đế.

10.— Cần thiết của nhân-đức.

Nhân đức cần thiết cho con người vì chính nó làm cho tâm hồn lành mạnh, hoạt động. Người ta thường lo trả lời những đòi hỏi vật chất hay tinh thần như cái ăn, cái mặc, những kiến thức mà quên bồi bổ lương tâm, một tài năng cột trụ của con người. Ở hiện thế, lương tâm thánh đức làm cho con người có tư cách. Ở đời sau, nó tạo cho con người những phần thưởng bất diệt.

Muốn trở thành người nhân đức trước hết, tiêu cực phải tránh các tội xấu, tích cực phải thể hiện luôn những việc thiện. Người nhân đức gương mẫu là người mỗi ngày trung tín thi hành những bổn phận, dù là những việc nhỏ nhặt. Các siêu nhân nêu gương thánh như Sênêque, Socrate, François d'Assise, Thérèse đều là những người trọng bổn phận. Nhất là các vị kỷ lương kiem tâm mỗi ngày. Con đường của các vị là đường lý tưởng để nên người nhân đức.

11 — DANH NGÔN

1) Nhân đức đứng mực trung.

St. Thomas.

2) Vật dĩ ác tiểu nhi vi chi, vật dĩ thiện tiểu nhi bất vi : đừng cho ác nhỏ mà làm, thiện nhỏ mà không làm.

Chiêu-Liệt

3) Cầu tha các bần phận nhỏ dọn đường cho các lỗi nặng.

Bà Necker

4) Ai gieo trong than khóc sẽ gặt trong vui mừng.

Ps. 125 — 5

5) Mọi tâm hồn nào bay lên đều đem theo thế giới.

E. Lescur

12 — TỰ ÁM THỊ :

Càng luyện đức, tôi càng thấy nhân cách tôi được phát triển, do đó tôi được người xung quanh quý phục hơn.

CHƯƠNG III

ĐỨC KHÔN NGOAN

« Khôn ngoan gồm nhiều
độ lượng và chịu khổ. »

L. Venillet

I.— ĐẠI YẾU

- 1) Chuyện cú mèo và chim gáy
- 2) Định nghĩa đức khôn ngoan
- 3) Bản chất đức khôn ngoan
- 4) Tật xấu nghịch đức khôn ngoan
- 5) Cần thiết đức khôn ngoan
- 6) Phương thức luyện đức khôn ngoan

1. — Chuyện cú mèo và chim gáy. Chim gáy hỏi cú mèo : « Ông bay đâu đó ? » Cú mèo đáp : « Tôi sẽ bay sang hướng đông ». — Sao vậy ?

— Ở đây không được. Người ta ghét tiếng tôi kêu quá.

— Ở tiếng của ông áo-não, gây sầu oán, tai họa. Làm sao đổi tiếng đi. Chớ sang đông mà kêu giọng trù ẻo thì người đông cũng ghét nữa. Thiên hạ đâu đâu cũng một bụng. Câu chuyện này trong Thuyết huyền có vẻ biếm ngôn, nhưng chứa một bài học thâm, thúy về đức khôn ngoan.

Ở đời lắm kẻ như cú mèo mang lòng ác mà bịp đời bằng mọi mưu cơ, lường gạt. Cái khôn đó là khôn đại. Người khôn đúng nghĩa khôn, là người thiện và xử với ai cũng thành thực.

2. — Định nghĩa đức khôn ngoan.

Khôn ngoan là nhà đức giúp ta lựa chọn những phương thế hiệu nghiệm nhất để chiếm đoạt cứu cánh mà ta

nhắm. Nếu đối tượng của nó là một cứu cánh phạm tục thì nó là nhân đức tự nhiên. Là nhân đức siêu nhiên thì nó nhờ ân sủng nhắm đối tượng siêu nhiên, theo cứu cánh tối hậu của con người.

Đức khôn ngoan là con đẻ của trí tuệ vì chính trí tuệ tùy hoàn cảnh đặc biệt, lựa những phương thế thích nghi để ý cũng được thực hiện. Vẫn biết có sự can thiệp của ý chí để có sự ham muốn khi lựa chọn để hằng hái thực hành. Nhưng chính trí tuệ đóng vai trò quan trọng nhất khi lựa chọn phương thế thích hợp cho từng người, sự việc, biến cố, hoàn cảnh. Phải tế nhị phân biệt bản sắc của đức khôn ngoan. Khi ta cố ý thể hiện một ý định có tính cách hoàn toàn như loại như một văn sĩ cầu lợi, cầu danh thì sự khôn ngoan có tính chất tầm thường. Nó vô tư. Trái lại khi dùng nó vào mưu cầu, những việc ác, trả lời đòi hỏi của tính dục xấu, thì nó biến thành tai hại. Có thứ khôn ngoan căn cứ vào tìm kiếm hạnh phúc bất diệt đời sau. Nó bắt con người hướng về Thượng đế tìm kiếm một mình Thượng Đế. Gọi nó là đức khôn ngoan siêu nhiên. Người ta hay chia đức khôn ngoan ra :

1) *Đức khôn ngoan cá nhân* : khi nó liên hệ các việc cá nhân.

2) *Đức khôn ngoan xã hội hay công dân* : khi nó nhắm tha nhân, cộng đồng, công ích.

3) *Đức khôn ngoan gia đình* : là thứ khôn ngoan xã hội nhưng nhắm đặc biệt đời sống cha mẹ, con cái trong gia thất.

3. — Bản chất đức khôn ngoan.

Có ba điều kiện tất yếu để nên người khôn ngoan : suy tính già dặn, quyết định sáng suốt, và dẻo dai thực-hành.

a) *Suy tính già dặn.* Người khôn ngoan trước khi bắt tay làm việc gì, nhìn lại dĩ vãng để đọc lấy những kinh-nghiệm. Kho kinh-nghiệm chứa trong đời tư những vĩ-nhân : học hay và chữa đỡ nhờ đó. Cũng nhìn lại kinh-nghiệm đời tư. Coi đâu là những nguyên nhân thất bại và bị quyết thành-công trong thời qua ở chỗ nào.

Ngó lại dĩ vãng để nhìn kỹ hiện tại, để phòng các âm-mưu, đối phó những trở lực. Hãy rút những bài học của thời qua làm bùa hộ thân cho việc hiện thời. Dĩ nhiên khi tổ-chức hiện tại cần ngó tương-lai. Phải thấy trước những hậu quả của các việc mình làm. Muốn chiếm một lý tưởng nào đó, phải dự trù kế-hoạch căn cứ vào thực-tế, chuẩn bị đầy đủ phương thế. Thành công không được phó cho may rủi mà phải được sắp đặt trước chu đáo.

Muốn suy tính kỹ lưỡng cần tỉnh lặng và thời-gian. Hai yếu-tố này giúp ta trở về với nội tâm, sáng suốt nhận điều hư thực, thiện ác. Đừng có óc tự mãn. Ở đời nhân vô thập toàn. Vả lại có lúc việc người-ta sáng mà việc mình ta quáng. Đi bàn hỏi người thực tài, thực đức vì đó là việc cần thiết. Không phải ta nô-lệ họ. Ta chỉ xin ý kiến khôn ngoan của họ. Còn sự quyết định tối hậu thuộc về ta. Trong khi bàn hỏi vừa giữ độc lập tinh-thần vừa có thái độ khiêm nhu căn cứ trên tinh thần học bay chữa đỡ.

b) *Quyết định sáng suốt.* Vấn đề khôn ngoan là hành-động đắc-lực. Cho dặng vậy phải quyết-định sắt thép. Mà làm sao ? Sau khi cân đo kỹ cái thuận, cái nghịch, lựa

chọn điều hay rồi thì phải cương quyết bảo tồn ý định. Tránh tuyệt sự do dự, sự hối tiếc vô lý và vô ích. Ca dao ta có câu :

*Lòng ta ta đã chắc rồi,
Dầu ai giục đứng, giục ngồi không nao.*

Hãy lấy câu này làm kim chỉ nam. Thủ đích của quyết định là ngại khó, sợ dư luận, lười biếng, ngã lòng. Coi các thứ này như chứng bệnh dịch của đức khôn ngoan.

c) *Hành động dẻo dai.* Quan hệ nhứt là thể hiện những điều đã suy tính, quyết định. Mới nuôi những mộng đẹp, mới soạn chương trình thì ai cũng hăng hái. Coi chừng trên đường dài có nhiều trở lực vật-chất hay tinh-thần. Muốn đắc-lực phải :

Tiên kiến năng lực chịu đựng của mình, cách phương thể thành công, các trở lực phải san bằng, lý tưởng nhứt định chiếm đoạt.

Canh phòng những bất ngờ có thể xảy ra. Luôn sẵn để chụp các cơ hội tốt. Tỉnh thức để đối phó những gì bất lợi cho mục phiêu. Hay nhứt là luôn dự bị sức lực, tài-liệu, tài chánh, phương thế để yểm trợ công việc đến thành công sau cùng. Đừng quên những suy tính ở bàn giấy nhiều khi rất khác với thực tế. Đó là chưa nói quyết định, lúc hăng hái có thể mất cường độ khi gặp những chướng ngại vật. Còn ác tâm của người đời, sự thay đổi hoàn cảnh nữa. Vậy cần dự bị, đề phòng, kỹ lưỡng.

4. — Tật xấu nghịch đức khôn ngoan.

Người ta lỗi đức khôn ngoan thường bằng hai cách thái quá và khiếm khuyết.

a) *Thái quá* : Tim đủ thứ mưu cơ; tỏ ra có lương tâm gian xảo. Đầu óc hướng hạ, lo các thành công phàm tục. Bôn chôn lo hiện tại, lo tương lai

thuần vật chất mà quên cứu cánh tối hậu của con người.

b) *Khiếm khuyết* : hành động « dục tốc » nên « bất đạt ». Không suy tính mà nói năng, tác động theo tình dục, theo tư ý (*caprice*). Chẳng dự bị phương tiện. Không sắp chương trình, định kế hoạch. Mù quáng để lòng ham muốn nồng nổi lôi kéo.

Tất cả đều là quân thù của đức khôn ngoan.

5.— Cần thiết đức khôn ngoan.

Con người không phải một sức mạnh cuồng loạn vô tri như con tàu chạy không hoa tiêu, không tay lái. Hành

động con người cần đức khôn ngoan điều khiển. Đức cột trụ này bổ ích cho cá nhân cũng như cho sự điều khiển tha nhân.

1) *Cá nhân cần đức khôn ngoan để chiếm đoạt lý tưởng làm người.* Nhờ nó ta khỏi những thất bại, con đẻ của ngu dốt, dục tốc, cầu thả. Dĩ nhiên nhờ khôn ngoan, con người xa lánh các khuyết điểm, và tội lỗi. Nó soi rọi vẻ đẹp của nhân đức, làm lòng người ham mộ hành thiện.

2) *Làm lớn cần đức khôn ngoan như cá cần nước.* Khi đóng vai trò lãnh đạo phải chịu trách nhiệm cho nhiều người về các phương diện vật chất, tinh thần, thiêng liêng. Mà nói trách nhiệm là nói lo liệu, tiên kiến, đề phòng, thích nghi, quyết định thực tiễn, chịu khó v. v... Tất cả đều do đức khôn ngoan cầm lái.

Thiếu nó : người ta té vào tình trạng mù dẫn mù, người ta sẽ đi lạc con đường phận sự, chạm lòng hạ cấp, gây oán thù, làm thương tổn quyền lợi chung, gây nhiều thất bại buồn cười.

6.— Phương thế luyện đức khôn ngoan.

Tiêu cực : 1) Đề phòng các dư luận, những thân kiến có thể ảnh hưởng đến sự suy xét. Coi chừng các tình dục trong đó có ái tình hay làm cho lương tâm bị rối loạn. 2) Rồi khi quyết định tránh sự vướng chặc, nồng nức của tình cảm hảo danh, ham lợi nhất thời. 3) Quyết định phải dứt khoát. Đừng do dự, bối rối, nghu nan. Phải nhớ lựa chọn nào có lợi, đòi hi sinh. Hối tiếc hãy tạm bỏ mọi việc. 4) Khôn ngoan không có nghĩa là trốn tránh. Vì đó gồm như chỉ những mưu cơ do ác tâm nói lên sự ghen hă, bất lương. 5) Sau hết lánh sự thúc đẩy hướng hạ, những xu hướng tìm lạc thú phạm tục. Tất cả làm tâm hồn con người mù quáng con đường dẫn đến toàn phúc, là lý tưởng của nhân loại.

Tích cực : 1) Trầm lặng suy tưởng nhiều. 2) Giữ sự chừng mực. Cân đo lợi hại trước khi nói, làm. 3) Học các gương khôn ngoan của vĩ nhân, thánh nhân. 4) Cầu nguyện Thượng Đế. Theo thánh Ga-cô-bê bí quyết của đức khôn ngoan là : Thanh khiết, bình tâm, lễ độ. Lời khuyên này là minh triết nên áp dụng.

7 — DANH NGÔN

1) Đức khôn ngoan không ít cần thiết cho đời sống cá nhân cũng như đời sống xã hội.

Ad. Tanquerey

2) Tự trí giả bất minh, tự kiến giả bất chương : Tự mình khôn là không sáng, tự mình thấy là không rõ.

Lão-Tử

3) Nhiều người sẽ trở thành khôn hơn nếu họ không tự vọng tượng mình đã khôn rồi.

Sénèque

4) Điều chúng ta biết là một giọt nước, điều chúng ta dốt là đại dương.

Newton

5) Biết ngu là đại khôn, khôn vật là đại ngu.

Waterstone

8 — TỰ ÁM THỊ

Tôi là người trước khi nói năng, hành động luôn tỉnh lặng, suy tính, bàn hỏi, quyết định.

CHƯƠNG IV

ĐỨC LẠC QUAN

*« Giá bạn phải tìm bạn cộng
tác thì bạn hãy chọn trong
những người vừa làm việc
vừa hát, »*

Ghika

I — ĐẠI YẾU

- 1) Họ Nguru bắn chết trâu.
- 2) Đức lạc quan là gì ?
- 3) Tật nghịch đức lạc quan.
- 4) Giá trị của óc lạc quan.
- 5) Luyện đức lạc quan.

1 — Họ Nguru bắn chết trâu.

Sách Tùy Kỳ chép một
chuyện lý thú. Nguru-Hoảng
ngày nọ đi vắng. Em là Nguru
Bật ở nhà. Ông này hay nhậu.

Trong cơn say, Nguru Bật bắn chết con trâu của anh mình, Nguru Hoảng về tới cửa, vợ hốt hoảng chạy ra nói : Minh coi ! chú nó say rượu bắn chết trâu mình rồi. Nguru-Hoảng vui vẻ tự nhiên bảo : « Mả nó cho làm thịt trâu đi. » Ông vào đến nhà trong bà vợ bức tức chạy theo đay đầy nói : « Trâu nhà chết đâu phải chuyện chơi mà cha nó coi thường. Tại chú nó nhậu nhẹt phá hại như vậy mà cha nó không nói gì ». Nguru-Hoảng bình tĩnh bảo : « Tôi biết lắm mà. » Nói xong lấy sách thần nhiên đọc.

Em ruột say rượu. Một điều đáng buồn. Trâu chết. Hai điều đáng buồn. Vợ bất mãn em và mình. Ba điều đáng buồn. Vậy mà Nguru-Hoảng thản nhiên. Không phải ông dằn độn chẳng phải cái hại, chẳng lo sửa cái hại. Nhưng ông lạc quan. Chuyện đâu còn có đó. Nhiều việc trên đời xảy ra như tô nước đổ xuống đất. Nội tâm mình nào động cũng không cứu vãn lại được, còn khổ nữa Nguru-Hoảng thực là gương sáng cho vạn đại về lạc quan.

2 — Đức lạc quan là gì ?

Lạc quan là nhơn đức luân lý giúp ta giữ vững sức khỏe tinh thần khi gặp những trở lực, không nòng nổi hành

động cũng không chán nản đầu hàng khổ cực mà vui vẻ tiến đến thành công trong dè dặt.

a) *Một nhơn đức.* Trong xã hội có thứ người ăn ngày này không biết ngày mai. Họ không vận dụng óc suy nghĩ cho đủ để tiên kiến, phòng bị tương lai. Tánh họ nòng nổi, cười hề hề, không-tế nhị nhận điều phải quấy. Về họ, Khổng-Tử nói : « Nhân vô viễn lự tất hữu cận tru : kẻ không lo xa, ắt có buồn gần ». Tánh của họ là tánh xấu. Nó tố cáo một tâm-hồn nòng cạn. Còn lạc quan hiền như nhơn đức là thấy xa hiền rộng mà không đầu hàng trở-lực, khổ sầu. Họ chẳng để ngoại vật chi phối tâm hồn. Vẫn đối phó với chướng ngại vật, họ bình tĩnh đối phó với nụ cười. Họ sáng suốt và anh-dũng.

b) *Trước những trở lực.* Sức khỏe tinh-thần rất dồi dào trong người lạc-quan. Họ không nòng-nổi chờ nước đến trôn mới nhảy mà lo đề phòng các tai họa về sau. Trên

con đường tiến đến thành công họ luôn vui vẻ, vui vẻ mà vẫn dè dặt. Họ biết lắm đường đời dài, chông gai. Mà bi quan ngại khó thì không đáng mặt con người. Cũng không nên liều lĩnh vì vụt chạc là mẹ đẻ của thất bại. Họ hoạt-động với khẩu hiệu « tin tin phòng phòng »

3. — Tật nghịch đức lạc - quan :

a) Người mang bệnh bi quan là người có tập quán dễ tâm hồn chìm lặn trong đêm dài buồn thảm. Họ thấy đời họ là

một chuỗi rủi. Những cơ năng tinh thần của họ không tin có năng lực để giúp họ thành công. Họ tự cho mình vừa bất tài, vừa vô đức. Họ hay chiêm ngưỡng tương diện kẻ khác mà cho mình sinh vào một ngôi sao xấu, nên mặt mũi xấu xa, ai thấy cũng ghét. Ít khi họ có ý nghĩ bắt tay làm việc gì lớn. Khi phải thi hành một bổn phận nào, rủi thất bại họ ưu sầu, thất vọng.

b) Còn người nông nổi thì trái lại có đầu óc như ống bọng, không lo nghĩ xa. Gặp ai họ cũng xuề xòa cười, xề xòa nói. Có ý nghĩ gì hay, họ bắt tay làm. Đừng nói chuyện lý tưởng, chương trình, chuẩn bị phương thế với họ. Họ cũng là người mau thay đổi ý định. Đang làm công việc gì đó, có ai rủ làm việc khác họ bỏ việc cũ làm liền việc mới. Về sự đời, họ có óc phán đoán rất bừa bãi. Thấy cái gì trái mắt là họ chê. Nghe cái gì hợp là họ khen. Bàn tính công việc gì với họ, người ta được họ đồng ý mau lắm. Mà sớm mai họ đồng ý, chiều họ đổi ý rồi. Đến đâu gặp kẻ già mồm mép, tuyên truyền cho họ điều gì họ nhận là hay thì về nhà họ bắt tay làm ngay. Mà chỉ vài ngày thôi là họ bỏ. Họ là thứ người chuyên môn đả kích thượng cấp, khinh chê hạ cấp. Còn dư luận thì họ nò

lệ lắm. Họ sống theo đà thăng trầm của tiếng đời. Mang tâm hồn cạn xột như vậy, bạn dư biết, họ phải té ngã luôn trên đường đời. Sau cùng chỉ còn lại cho họ một dĩ vãng dẹt bằng thất bại và hối tiếc chua cay.

4 — Giá trị của óc lạc quan

Hai quái tật trên người lạc quan góm như một chứng bệnh lây. Bạn hãy có một quan niệm chân chính về đức

lạc quan. Lạc quan không có nghĩa là có đầu óc trống rỗng vô tư sống qua ngày qua tháng.

Lạc quan không phải là hoang phí cuộc đời trong các cuộc giải trí mà bỏ bê những bổn phận làm người. Lạc quan không phải là gặp ai cũng cười hề hề, ai nói hơn nói thua không biết và tỏ ra con người nòng nôi.

Lạc quan không phải tưởng trên đời ai cũng tốt nên coi ai cũng như tri âm để bàn tâm sự. Lạc quan đây là đưa con tinh thần của bộ óc lạnh mạnh. Người lạc quan biết đời là sũng lệ nhưng không bi quan đầu hàng những thử thách của đời. Họ khi nhu khi cương chuyển bại thành thắng. Đời sống xã hội đối với họ như cạm hương : họ thấy gai để tránh mà cũng thấy hoa để ngắm. Đầu óc họ không chứa những tư tưởng hắc ám. Tâm hồn hướng thượng của họ điều khiển các hoạt động xã hội của họ nên họ không sợ những thất bại làm vì thiện chí. Họ chỉ nghĩ đến lý tưởng và nhắm thành công sau cùng.

Quan niệm đức lạc quan như vậy chắc bạn thấy ích lợi của nó rất rõ rệt.

Không có nó đừng mong làm việc gì có giá trị trong xã hội. Có việc nào khả quan mà khi thi hành khô cực khổ, trở ngại. Hơn người hay không là chỗ nhảy ngang những chướng ngại vật để chụp thành công.

Khi nói chuyện với ông Abraham về sự phá hoại thành Sodoma Thượng đế tỏ ra lạc quan. Người biết dân thành này quá tội lỗi, nhưng vẫn « trả giá » với Abraham. Thượng đế bảo nếu kiếm được 10 người công chính thì tha đốt thành. Mà cũng chẳng có đủ. Mười người thôi mà có thể cứu được cả thành đông như trấu và tràn đầy tội lỗi. Thật Thượng đế là gương sáng của lạc quan. Bọn phạm chúng ta hay làm ra bi đát chuyện cùn cùn, một kết án mười. Ngay mấy trang đầu của lịch sử nhơn loại, Thượng đế đã bảo con người kiếm ăn bằng mồ hôi trên trán. Mồ hôi là điều kiện. Kiếm ăn bằng bữa mà còn phải khổ như vậy huống hồ làm những việc bất hủ. Trong muôn ngàn trở lực từ vật chất đến tinh thần, muốn làm nên sự nghiệp làm sao ? Há miệng chờ sung chắc chắn không rụng. Các vĩ công trên đời đều đổi bằng lạc quan kiên nhẫn.

Đức Giêsu biết quần chúng Do Thái cứng đầu cứng cổ lắm, nhưng Ngài thuyết giáo ôn tồn, dịu ngọt. Thuật giáo dục của Ngài chính thực nặng về tâm phục mà nhẹ về trừng phạt. Ngài cũng biết nhơn loại yếu đuối lắm, song không bị quan và lập tòa giải tội để con người có phương thế canh tân đời mình.

Thời nhà Chu hỗn độn thế nào, luân lý suy đổ đến làm sao ? Khổng-Tử, Lão-Tử mỗi người một đường lối, kẻ nhắm đoàn thể, người nhắm cá nhân lo giúp đời cải thế.

Socrate, Platon không đầu hàng thời đại chỉ biết lo phát triển bên ngoài. Câu « Bạn hãy biết bạn » của Socrate khơi màu cho những nỗ lực đào luyện nội tâm mà về sau Platon tiếp tục cổ vũ.

Christophe Colomb thiếu điều bị quăng xuống biển mới đặt chơn lên Châu Mỹ.

Những vĩ nhân ấy là gương sáng vạn đại về đức lạc quan. Nó là bùa của kẻ thất bại mà không đầu hàng, thấy họa mà không nản chí. Trái lại nỗ lực chiến thắng cho đời lên hương : chuyện bại như vĩ công, nhân họa nhi vi phúc.

5. Luyện đức lạc quan.

A — Phương thế tiêu cực :

1) *Tiêu diệt ưu sầu.* Buồn thảm xâm chiếm tâm hồn làm ta bỏ tẻ liệt mọi hoạt động. Có thể nảy ra những tư tưởng hắc ám về đường luận lý nữa.

2) *Đừng quá lo.* Phải phòng xa, song không bồn chồn lo lắng thời quá. Tin nơi ơn Quan Phòng Kinh Thánh cho biết mỗi sợi tóc trên đầu đều được đếm hết. Và chim chóc ngoài đồng không bao giờ bị chết đói. Ta quý hơn tóc và chim nhiều. Tận lực làm việc rồi tin thần lực, đời sẽ hạnh phúc.

3) *Không chấp nhứt quá.* Giữ tâm hồn độc lập với mọi ảnh hưởng của ngoại vật ; có không biết bao nhiêu bề trái. Nếu để cho lật xấu tha nhân giứt dây, đời ta sẽ phải luôn bất mãn. Tha lỗi người. Bằng lòng những khuyết điểm của kẻ xung quanh bao giờ cũng có lợi hơn chấp nhứt, cau có. Khó tánh chẳng những gây ác cảm mà còn làm ta cô độc.

4) *Không ỷ nhưng.* Ở không thương thương sinh tật xấu và luôn luôn bắt chẵn. Sống mà chán thì các hồn phận cần bản làm người làm cho thể hiện chu toàn.

5) *Không ngả lòng.* Ngoan cố trong lỗi lại còn bậy hơn. Trong thời qua, ta có lỗi làm ? Hãy đánh trên nó một dấu tréo. Hồi tiếc rồi lo làm lại cuộc đời. Đừng để tâm hồn chìm lặn trong đau khổ. Tật đào sâu dĩ vãng làm cho nhược chí, chán đời, tuyệt vọng...

B — Phương thể tích cực. 1) Lo cho có sức khoẻ đầy đủ. Ốm bệnh thường khó có tâm hồn lạc quan. Nhìn ảnh cái chết cứ ám ảnh hoài mong gì đến việc đời.

2) *Luyện ý chí.* Ý chí già giặn giúp ăn chịu đau khổ, dư luận, nghèo túng.

3) *Luyện trí tuệ.* óc sáng suốt giúp ta sâu sắc tìm lý tưởng, đề phòng mưu cơ kẻ nghịch, chuẩn bị những phương thể thành công. Trí phán đoán lành mạnh làm cho ta không sợ nổi tin người mà cũng không bị quan tưởng đời toàn giả dối. Lương trí rất cần cho con người sống phải chăng.

4) *Vui vẻ.* Tạo có luôn trên môi nụ cười. Dù gặp cảnh tang chế, hãy giữ sắc diện bình thản. Nó nói lên một tâm hồn tự chủ, yêu đời.

5) *Tìm những kích thích lạc quan.* Sống chỗ thoáng khí. Ăn đồ dễ tiêu. Tránh rượu mạnh, cà phê đen, trà đậm. Giao du với những người vừa khôn ngoan vừa lạc quan. Đọc thường những gương danh nhân. Lâu lâu du lịch những miền núi cao, biển rộng để đời có những viễn cảnh.

6 — DANH NGÔN

1) Đừng phàn nàn về thời giờ của bạn. Nếu bạn nhận thấy nó xấu thì bạn hãy làm cách nào cho nó hay hơn.

Carlyle

2) Vui tánh là bầu khí tự nhiên của những nhơn đức anh hùng.

G. M. Kempler

3) Tôi ít ưa những cây lệ liễu. Chúng nó không có trái mà chỉ che bóng mờ mà thôi.

G. M. Mermillod

4) Vui tánh không tốn gì hết mà mua được tất cả.

Hébrand

5) Nhân vô viễn lự, tất hữu cận ưu : người không lo xa, ắt có buồn gần.

Khổng-Tử

7 — TỰ ÁM THỊ

Tôi lạc quan mà không nông nổi, vui vẻ mà không xuề xòa.

Lòng tôi là mùa hoa nở để đời tôi là một mùa thành công.

CHƯƠNG V

ĐỨC ANH DŨNG

*« Can đảm là sự sợ bị chiến
thắng : khiếp nhược là sự sợ
cảm nhận. »*

Legouvé

I — ĐẠI YẾU

- 1) Dandolo, 24 tuổi : con người đại dũng
- 2) Định nghĩa đức anh dũng
- 3) Cần thiết của đức anh dũng
- 4) Những hình thức anh dũng
- 5) Phương thế luyện đức anh dũng

1 — Dandolo, 24 tuổi con người đại dũng

Legouvé là một bài thơ rất
điều luyện thuật lại gương
anh dũng của Dandolo. Dan-
dolo, một chàng trai tuấn tú
của thành Venise, được gọi đến Byzance để ký một hiệp
ước. Hoàng đế Byzance trao cho chàng một bản hiệp ước
đã được soạn sẵn để chàng ký. Dandolo đọc kỹ, bỗng giận
dữ, mặt tái ngắt. Chàng nói : Hiệp ước này bôi lọ tên tôi và
quê hương tôi Tôi không ký. Hoàng đế bất mãn. Dandolo
nhìn hiệp ước bằng cặp mắt khinh bỉ. Hoàng đế đem bảo
vật dụ dỗ. Dandolo bấu môi. Đem lý hình. Chàng cười
thản nhiên. Hoàng đế nổi cơn lôi đình nói : Tên khốn nạn.
Nếu ngươi không ký, trăm sẽ cho trói ngươi và cho dùng

sắt nung lửa đỏ đâm vào tròng mắt người. Dandolo làm thính. Người ta đem sắt đỏ rục đến áp vào mí mắt chàng. Chàng làm thính. Máu chảy. Chàng làm thính. Thịt cháy lên khói khét tanh. Chàng làm thính. Khi bị hành hung xong, Dandolo đồng dặc nói : « Quê hương đã được giải cứu ». Và con người đại dũng ấy chỉ có 24 tuổi thôi. Biết hành động của chàng ai mà không thính lặng, trán nhả lại tỏ lòng kính phục ý chí đại dũng của chàng.

2. — Định nghĩa đức đại dũng

Tiếng anh dũng đồng nghĩa tiếng Virtus của La văn hiểu theo nghĩa đặc biệt là cái gì làm cho đàn ông khác đàn bà

tức là tánh cách cường dũng. Anh dũng cũng đồng nghĩa tiếng Courage của Pháp văn. Tiếng này do chữ « cor » của La-văn. Cor là quả tim, cơ quan liên lạc mật thiết với đời sống tình cảm. Courage có nghĩa quả tim chịu đựng dẻo dai những trở ngại cực khổ.

Những giải thích này giúp ta có thể định nghĩa anh dũng là đức luân lý giúp tâm hồn mạnh mẽ, vượt thắng các trở ngại tình cảm tinh thần như sợ hãi, ngã lòng để chiếm đoạt một mục đích lương thiện. Căn cứ vào định nghĩa này ta có những nhận xét sau đây về đức can đảm.

1) *Việc của tâm hồn.* Người can đảm là người vận dụng tinh thần sáng suốt để thấy rõ mục đích cùng phương thế.

2) *Việc của tâm hồn mạnh mẽ.* người anh dũng năng lực của ý chí được khéo điều khiển.

3) *Thi hành những việc khó.* việc khó mà làm nên mới định nghĩa giá trị anh hùng.

4) *Vượt thắng trở lực tình cảm, tinh thần :* Người anh dũng

tự ý lao mình vào việc khó, chế ngự tất giả hãm hay tiết lộ bí mật, trấn áp tánh nhút nhát. Dĩ nhiên họ cũng góm táo bạo, ngã lòng.

5) *Đeo đuổi mục đích lương thiện* : nếu mục đích bất lương thì dù nỗ lực tận dụng ý chí đến đâu cũng không gọi là anh dũng như là không thể gọi là nhơn đức.

3.— Cần thiết của đức anh dũng :

ích lợi của đức anh dũng rất hiển nhiên. Là người ai cũng có tinh đức. Trong tinh đức có những xu hướng xằng xỏ

đẩy con người xa lý tưởng luân lý. Muốn chế ngự bản năng hư hèn, phải anh dũng tự hãm thương xuyên. Đó là chỉ mới nói góc cạnh tiêu cực của việc tu đức. Về mặt tích cực, con người khi tả hành thiện hay thích làm biếng, bần đờ như phế, ngại khó, than thở. Phải có lòng anh dũng can thiệp để nỗ lực liên tục hầu nên người thánh thiện.

Đức anh dũng cần thiết cho các quân thù trong bản thân, vẫn cần thiết cho các công việc bên ngoài. Ở đời lý tưởng của bất cứ ai là phải nên người bản lĩnh. Đê hèn là sống tầm thường, sống như con số không vô danh. Người bản lĩnh không căn cứ vào điều người ta có mà vào điều người ta sống. Yếu tố cấu thành giá trị của họ không phải nhan sắc, chức quyền, tiền của mà là ý chí được trui rèn già dặn, là lương tâm trung trực, là quả tim trong trắng, là lòng hi sinh quảng đại. Mà cho đứng đi đến lý tưởng ấy phải nhờ trước hết cái gì nếu không phải là anh dũng, các sự nghiệp bỏ ích cho. đời tư, sinh lợi cho xã hội đều cần lá bùa anh dũng. Đọc tiểu sử những anh hùng như César, A-lich-sơn đại đế, Nã phá Luân, Nguyễn-Huệ, tiểu sử các thánh nhơn hay các bậc chơn tu như François d'Assise,

Thérèse de l'enfant Jésus, cha Foucault, người ta thấy đức anh dũng cần thiết cho các vị thành công thế nào. Trong cuộc sống thường nhật và muôn mặt, nhờ nó con người chịu đựng những bề trái của xã hội, vượt thắng các đau phiền vì bị hiểu lầm, bị đàn áp vì các cuộc tử biệt, chia ly. Anh dũng ở giữa khiếp nhược và táo bạo. Người khiếp nhược là người không đáng mặt sống, ích kỷ, hại nhân. Người táo bạo khó thành công lâu bền vì hay vấp vào những cái lỗ, những sai lầm do tánh non nớt. Trái với hạng người này, người anh dũng dám xông pha với trở ngại, cảm thấy sợ nhưng chiến thắng sự sợ, can đảm sức mình và sức địch, tiến dè dặt, đề phòng mà vẫn tiến. Thành công sau cùng bền bỉ là phần thưởng riêng của họ.

4. — Những hình thức anh - dũng :

Đức anh dũng khi được thực hiện mang nhiều hình thức khác nhau.

1) *Kiên nhẫn.* Là đức giúp con người chịu đựng các đau khổ phần xác hay phần hồn vì Thượng đế hay vì mục đích lương thiện nào đó. Anh dũng dưới hình thức kiên nhẫn là bữa vạn năng của thành công. Vua Câu Tiễn kiên nhẫn nằm gai nếm mật mà khôi phục sơn hà. Các thánh tử đạo kiên nhẫn mà danh lưu thanh sử. Hầu hết những vĩ công của các vĩ nhân trong mọi lãnh vực khoa học, xã hội đều là con đẻ của kiên nhẫn. Hãy đọc tiểu sử của Pasteur, Newton, Einstein, St. Vincent de Paul, Lyautey, Abraham Lincoln thì biết sự linh thiêng của « Ngón thần » kiên nhẫn.

2) *Bền bỉ.* Cũng do bản chất kiên nhẫn, bền bỉ là đức nhờ đó con người dẻo dai chiến đấu đến giờ chót để thắng các trở lực hầu thu được thành công tối hậu. Mời bắt tay

thi hành công việc gì thường ai cũng hăng hái, lạc quan, gặp dễ dàng. Song trên con đường dài, người ta hay gặp nhiều hoàn cảnh rắc rối, những ác tâm của kẻ trên, người dưới và bè bạn. Đó là chưa nói những giặc của lòng mình như lòng biếng, suy nhược, bi quan, ngã lòng. Tất cả những thứ ấy ồ ạt tấn công tâm hồn nhưt là những tâm hồn cô đơn. Ai không chân chính anh dừng đến bên bờ khó khăn đầu hàng thất bại.

3) *Quảng đại.* Là một hình thức của đức anh dũng giúp ta có tâm hồn rộng rãi, muốn làm những việc lớn, chịu những thiệt thòi do các việc ấy với mục đích phục vụ Thượng đế và nhơn loại. Vài những đặc tính của đức này mà ta phải nhận thấy rõ rệt.

a) *Có tâm hồn rộng rãi.* Người quảng đại nuôi chí lớn Họ không chịu đời sống ứ lì, tầm thường có vẻ ích kỷ của người nhược chí. Đầu óc họ đầy những ý thức thúc đẩy họ hiến thân, chịu khó để nên người đáng phục.

b) *Việc lớn* Hiểu việc lớn là việc đòi nhiều nỗ lực, tài chánh, thời gian, tài đức. Đây không phải là ảo tưởng, con đẻ của tâm hồn siêu thực tế, không lượng sức mình mà cứ say mê lý thuyết và lý thuyết. Đây là việc nói lên tâm hồn xá kỷ, dám chết sống vì tha nhân. Đời họ thờ không phải cái tôi mà đại nghĩa.

c) *Chịu những thiệt thòi.* Người anh dũng nuôi chí lớn thấy trước công việc mình sắp làm khiến mình lao đầu vào những hy-sinh có khi rất gay gắt. Hy sinh đây hiểu là chịu hao tổn sức khỏe, tiền của, tánh mạng nữa. Còn lời ăn tiếng nói của người đời, sự ngạo nghễ thù hại của kẻ nghịch. Trong khi ai nấy sống đời êm ấm hạnh phúc trong gia đình, thì người hy sinh vì chí cả phải cảnh màn trời chiếu đất cùng muôn ngàn đau khổ tâm thần.

d) Mục đích phục vụ Thượng đế và Nhân loại. Người quảng đại hoạt động không phải vì tánh kiêu căng vì óc tham vọng chức quyền, danh tiếng. Theo sách « Gương Giêsu » tất cả đều là phù vân, sẽ qua đi hết chỉ còn lại cái gì phụng sự Thượng đế. Chân lý này lúc lành mạnh, trẻ trung, người ta khó ý thức. Người ta cảm nhận tất cả sự thẩm thía của nó khi chân chồn gối lỏng, nhứt là khi hơi hóp trên tử sàng. Thú vui sâu sắc của người quảng tâm là dù gặp những chua chát thế nào trên đường lý tưởng vẫn bất biến, khi được gia tăng vì họ tranh đấu không phải cho họ, cho hư vinh mà cho những giá trị vĩnh cửu.

Sau hết ta nên biết qua vài tật xấu nghịch cùng đức anh dũng. Người anh dũng rất kỵ các tật nhát đảm, do dự, già hàm, lão xược, bi quan, hớp tớp ngã lòng.

5— Phương thế luyện đức anh-dũng

1) Hãy tận dụng nhân lực và đường quyền thần lực. Sức con người khả quan lắm nhưng có sức trời thì việc gì con người

cũng có thể làm được : « Omnia possum in eo qui me confortat. »

2) Nhận-chân sự-vật cách khách quan. Nhiều khi ta nhát không dám xông pha vào các việc lớn tại trí tưởng tượng mang màu sắc bi quan vẽ cho ta toàn những góc cạnh nguy hại, bất lợi. Phán đoán khách quan trước khi hành động.

3) Không có cách nào luyện đức anh dũng bằng anh dũng. Tức là hãy hành động như mình đã là anh dũng. Lối tự kỷ ám thị này giúp ta tự tin và sau cùng anh dũng thật.

4) Nuốt những quyết định sắt thép. Người anh dũng là người

chí khí. Phan bội Châu : « Đứng cho gan trụ cho bền ». Đó là kinh nhật tụng của tâm hồn bản lĩnh. Trước khi quyết định phải suy nghĩ chín muồi. Một khi quyết định xong thì chết sống cũng theo đuổi điều đã định thực hiện.

6 — DANH NGÔN

1) Trung thần bất sự nhị quân, liệt nữ bất giá nhị gia : Tôi trung không thờ hai chúa, gái đứng không lấy hai chồng.

Vương-Súc

2) Người ta dám làm đủ lỗi lầm khi người ta không còn sợ trời.

R. Bazin

3) Mọi nhân lực đều là anh dũng, vì lẽ đó tiếng khiếp nhược là sự nhục nhã to lớn nhất.

Alain

4) Anh dũng nhất là vì lý tưởng chịu đựng các dư luận, đau khổ nghèo túng trên đường dài tiến đến thành công.

Waterstone

5) Người ta can đảm hay nhất đảm, sợ liều lĩnh như nhau : vậy tại sao không can đảm,

Garçot

7 — SỰ ÁM THỊ

Tôi nhất định không để mình làm con số vô danh trong xã hội mà trở thành người bản lĩnh.

CHƯƠNG VI

ĐỨC TỰ CHỦ

*« Thắng hơn giả hữu lực,
tự thắng giả cường »*

Lão-Tử

I — ĐẠI YẾU

- 1) Bước qua 7 lò lửa
- 2) Đức tự chủ là gì ?
- 3) Sức mạnh tinh dục
- 4) Căn thiết đức tự chủ
- 5) Phương thế luyện đức tự chủ.

1. — Bước qua 7 lò lửa.

Tô Đông - Pha là bạn của
Phật-Ấn, có bảy người thiếp.
Ngày nọ Phật ấn nói chơi với
Tô Đông-phạ : « Bác có nhiều

thiếp xin nhường cho tôi cô thứ bảy đi. » Tô Đông Pha
cười đồng-ý. Về nhà, Tô Đông Pha báo tin ấy cho người
thiếp và tối đến, ông cho xe đưa cô sang nhà Phật-Ấn.
Phật-Ấn tiếp cô cho vào buồng. Ông bước ra đặt bảy cái
lò trước buồng rồi suốt đêm hết bước qua cái này đến
bước qua cái khác. Đến tảng bưng, ông cho đưa cô thiếp
trả lại Tô Đông Pha. Ông này nghe cô thuật lại đầu đuôi
công việc hiểu ý Phật-Ấn cảnh cáo mình là hiểu sắc, còn
ông thì đi trên sắc dục như bước trên bảy lò lửa đỏ.

Đọc câu chuyện này ta cảm phục lòng tự chủ của Phật
Ấn. Ông gặp cơ hội hành ác mà trấn áp bản năng tình
dục. Quả thực ông là người chí khí, biết điều khiển các
thị dục của mình vào bực thầy.

2.— Đức tự chủ là gì? Trí tuệ giúp con người thấy thiện ác. Nhờ tình cảm ta có trớn háng hái ham mê hay chê ghét. Nhưng hai phương thế này không đủ để ta chặn đứng những dục vọng dè hèn, hướng về chân thiện, mỹ, phúc và bắt ta hành động.

Những nhận xét trên soi rọi cho ta thấy bản chất của đức tự chủ là dùng sức mạnh của ý chí kềm hãm con người hạ của ta, tức là trấn áp các tình dục xấu để các tình dục tốt phát triển dễ dàng.

Trong đời sống luân lý, đức tự chủ là chìa khóa cần thiết để nên người thiện mỹ. Trong *Rèn Nhân Cách* trang 161 chúng tôi viết : « Cơ cấu tâm lý của con người gồm hai yếu tố chính, như chúng ta đã biết, là tâm linh hoạt động thượng đẳng và tâm linh hoạt động hạ đẳng. Tâm linh hoạt động thượng đẳng là trí tuệ và ý chí tự do. Tâm linh hoạt hạ đẳng là tính chất gồm những bản chất căn bản như : cảm tính, dục tính, tính hợp đoàn, các khuynh hướng, tính hoạt động v.v... Muốn rèn luyện cả tính ngay một thuần thực để có một nhân cách đáng phục, phải chú trọng sự xây đắp địa vị chính phục của tâm linh hoạt động thượng đẳng trên tâm linh hoạt hạ đẳng. Con người mà ai nấy đều kính trọng, đều có thể vâng lời, là con người không những tự chủ khi tâm linh hoạt hạ đẳng hoành hành mà còn tự khiển, còn dùng tâm trí điều khiển cả guồng máy tâm linh của mình một cách sáng suốt, anh hùng. Người tự khiển coi nhân cách là một lý tưởng, nên cố gắng dùng ý chí chiến thắng sự hung dữ của thú tính để nhân tính được phát triển chu đáo. Họ cảm thấy giá trị mình căn cứ ở chỗ mỗi ngày họ hơn Người, nghĩa là hướng dẫn nếp sống, lời nói, cử chỉ, thái độ hành vi của

minh trên con đường nhân vị ăn khớp theo lý tưởng Người mà tự nhiên đã nêu cho họ.

3— Sức mạnh của tình-dục.

Đối tượng tấn công của đức
tự chủ theo những điều giải
thích trên, là các tình dục
xấu. Ta hãy xét qua về tình

dục trước khi bàn những ích lợi của đức tự chủ trong đời sống luân lý.

a) *Bản chất của tình dục.* Hãy nghe Tanqueray định nghĩa tình dục : « là những cử động mạnh bạo của cảm giác hướng về tài sản khả giác với sự vang dội mạnh nhiều hay ít trên cơ thể ». Định nghĩa này rất đầy đủ ta biết rõ bản chất của tình dục.

1) *Cử động mạnh bạo* : Vì tình dục khác những tình cảm thường ở chỗ có màu sắc náo động, mãnh liệt, ráo riết.

2) *Của cảm giác.* Của cảm giác hay *giác dục* hiểu là tình dục được biết một phần nào về đối tượng của nó nên khi hướng về đó nó trở thành thị dục và có thể mạnh mẽ hay yếu ớt tùy sự hấp dẫn của đối tượng là tài sản khả cảm. Nên nhớ tình dục trong hình thức thị dục khác tâm tình. Trong khi tình dục cuồng bạo, đắm mê, có khi mù quáng thì tâm tình chịu ảnh hưởng của ý chí và trí tuệ có màu sắc tế nhị, bình tĩnh sâu sắc. Hãy so sánh một ái tình tình dục với một ái tình *un amour passion avec un amour sentiment* thì rõ.

3) *Sự vang dội trên cơ thể.* Hồn và xác hoạt động thống nhất nên khi tình dục nổi dậy ảnh hưởng ngay trên cơ thể. Giận run, đỏ mặt hay tái mặt là trường hợp tình dục vang dội trên cơ thể.

b) *Có mấy thứ tình dục ?* Ở Việt-Nam chịu ảnh hưởng triết lý Trung hoa, người ta thường nói con người có thất tình gồm : hỉ, nộ, ái, ố, ai, cụ, dục.

Đúng sự thật thì con người có 11 tình : tất cả đều ra bởi tình ái. Tanquerey trong cuốn *Précis de Théologie ascétique* trung dẫn lời này của Bossuet ; Các tình dục khác của ta đều chỉ do ái tình, nó chất chứa hay kích thích tất cả. Tư tưởng này rất đúng. Ta hãy dựa theo lối phân chia cổ điển của triết học kinh viện về tình dục để giải thích từng thứ như dưới đây ;

A.— Sáu tình dục thuộc tham dục (*appetit concupiscible*).

1) *Ái tình* : *amour*. Tình muốn chiếm hữu người hay vật được thích.

2) *Ối tình* : *haine*. Tình chê tránh tất cả những gì nghịch người hay vật ta yêu.

3) *Ước tình* : *désir*. Tình kiếm đối tượng được yêu mà vắng mặt.

4) *Thoát tình* : *aversion*. Tình tránh cái gì xảy đến.

5) *Hoan tình* : *joie*. Tình thích thú khi hưởng một đối tượng yêu có mặt.

6) *Sầu tình* : *tristesse*. Tình có khi đối tượng yêu mất.

B.— Năm tình dục thuộc nộ tình (*appetit irascible*).

7) *Đám tình* : *audace*. Tình cố gắng chiếm đoạt đối tượng yêu.

8) *Cự tình* : *crainte*. Tình xa lánh các ác cảm thấy khó tránh được.

9) *Vọng tình* : *espérance*. Tình muốn chiếm đối tượng yêu có thể chiếm.

10) *Thất vọng tình* : *désespoir*. Tình có khi đối tượng yêu vô phương chiếm được.

11) *Nộ tình* : *colère*. Tình chống kẻ gây ác.

C.— Quả tim và cảm giác tính. Nếu xét một tác vi nhân

linh *actehumaine* người ta phải nghĩ đến trí tuệ, ý chí và cảm giác tinh. Trí tuệ là cơ quan để biết, ý chí là cơ quan để quyết định, còn cảm giác tinh là cơ quan cảm nhận trạng thái tinh cảm. Thường người ta gán vai trò sử dụng cơ quan này cho quả tim. Tinh cảm khi cường bạo, đam mê, biến thành tình dục.

Sau khi tìm hiểu về tình dục và cảm giác tinh, ta thấy khi một hành vi nhân linh được thực hiện có sự hợp tác của vừa trí tuệ, ý chí vừa tình cảm. Mà bởi bản tính con người không hoàn toàn thiện, nên tình cảm, tình dục có thể xấu và theo kinh nghiệm tình dục hay ngã về đường ác. Vì đó cần huấn luyện cảm giác tinh để có những tình cảm cao thượng, những dục tình tốt.

4. — Cần thiết của đức tự - chủ.

Nếu không kiềm hãm tình dục, nó sẽ gây những ác quả này. 1) *Trí tuệ bị cường hiếp* : Tình dục cường bạo quá

người ta không sáng suốt nhận được thiện ác, thực hư. Chuẩn lý bị tình dục như mây mù, che khuất. Hành động, lời nói, cử chỉ của người nô lệ tình dục do đó đi ngoài hay nghịch lý tưởng luân lý.

2) *Ý chí bị suy nhược* : Sau nhiều lần thất trận trong cuộc giành đối tượng, ý chí bị tình dục xấu làm suy nhược. Nó mất ánh sáng của trí tuệ, giảm nghị lực, sau cùng nhượng bộ tình dục trong các quyết định.

3) *Con người tác động*. Nhiều phen kham đầu dưới nanh vuốt tình dục, con người khi hoạt động mất trầm tĩnh. Người ta không ý thức việc mình làm. Hễ thấy hay, thấy lợi thì vụt làm mà không để ý trong cái hay, cái lợi coi chừng có thể có cái dở cái hại. Người ta tức động

nghĩa là vụt chạc hành động trên bắp gân, chứ không theo ý chí suy nghĩ.

4) *Lương tâm hướng hạ*. Khi người ta sống qua độ bằng tình dục, lương tâm mất đà hướng thượng. Các ý nghĩ cao cả nhường chỗ cho những mơ ước vật chất, phù vân. Cửa ải tinh thần ngày càng nghèo nàn. Sau cùng người ta đi đến chỗ nhảm chán và tuyệt vọng về số phận làm người. Xét bốn ác quả ấy, ta thấy đức tự chủ cần cho tâm hồn như cá cần nước. Vấn đề phải đặt là hướng dẫn tình dục cho nó về nẻo chân, thiện, mỹ, phúc chứ không phải diệt dục. Bao lâu ta còn là người ta còn tình dục. Tình dục từ bản chất không xấu. Nó nằm tận đáy bản tính con người. Dù muốn dù không, hễ còn sống là còn sử dụng nó. Ngay khi ta muốn diệt dục là ta đã dụng một tình dục : ước dục rồi. Ta phải khai thác phương diện tốt đẹp của tình dục bằng cách dùng đức tự chủ. Đức này giúp ta kiềm hãm nó, cho nó được trí tuệ soi sáng và ý chí điều khiển. Con người ở mọi nơi, mọi thời đều có phần hạ. Phần này mạnh như ngựa chùng. Nó theo sát con người suốt đường đời. Non tay ấn thì con người bị nó thúc đẩy làm xấu. Muốn hành thiện phải dùng đức tự chủ cầm cương nó.

5. — Phương thế luyện đức tự-chủ.

1) *Luyện ý chí*. Muốn tự chủ mạnh phải có ý chí gang thép. Ý chí trở thành cường dũng nhờ nêu cho nó những đối

tượng thiện mỹ. Công việc này của trí tuệ. Có thấy cái hay rồi mới muốn : vô tri bất mộ. Nhưng không phải muốn cái thiện một vài lần mà ý chí của tập quán hướng thiện. Phải gia tăng thực tập muốn cho ý chí xin đọc thêm cuốn *Người Chí Khí* cùng tác giả.

Đừng hành động khi tình dục cuồng bạo. Lúc sóng gió tình dục nổi lên, hãy thình lặn. Đừng nói, làm gì hết cho đến khi tâm hồn lấy lại bình tĩnh.

3) *Tạo những tâm tình cao thượng.* Tâm hồn ta lúc nào cũng cần những món ăn riêng, nó là ý tưởng, tâm tình. Nếu không là những ý tưởng cao cả, tâm tình thanh nhã thì các dục tình xấu sẽ ủa vào. Vậy ta nên phát triển những tình tốt đẹp như lòng yêu Thượng đế ; yêu đồng loại, yêu gia đình, yêu khoa học, nghệ thuật, văn học v.v... Kỹ nhất là để tâm hồn phiêu lưu trong tình cảm vu vơ, bất định hay những tư tưởng tâm tình hắc ám, tất cả là thuốc độc của lý tưởng là người.

6 — DANH NGÔN

1) Tôi làm chủ tôi như tôi làm chủ vú trụ.

Corneille.

2) Chỉ có người anh đứng trên mình mới anh đứng trên kẻ khác.

Tisster.

3) Chỉ tin tưởng mình, chỉ nghe lời mình, đó là nguồn sai lầm, khổ nạn phong phú nhất.

Chocarne

4) Đi không trên đường trơn chẳng bám chơn thì té : Trên con đường tình cảm và tình dục, không tự chủ thì tâm hồn đời trụ.

Feurzinger

5) Dục đa thương thân, tài đa lụy thân : muốn nhiều hại tinh thần, của nhiều hại thân.

Lão-Tử

7 — TỰ ÁM THỊ

Tôi cương quyết căm cương mọi tình dục nhất là tình ái và ba tác lụy của tôi.

CHƯƠNG VII

ĐỨC ĐIỀM TÍNH

« Quân tử chi hạnh : tính dĩ tu thân... Phi đàm bạc vô dĩ minh chí ; phi ninh tính vô dĩ trí diễn ; nối của quân tử ; Yên ổn để sửa mình... Không đàm bạc không sáng chí ; không ở yên trí lấy gì cao. »

Chư Cát Vô Hưu

I — ĐẠI YẾU

- 1) Nhỏ từng lông đuôi ngựa
- 2) Đức điềm tĩ. h là gì ?
- 3) Tật nghịch đức điềm tính
- 4) Nguyên nhân khiến mất điềm tính
- 5) Giá trị đức điềm tính
- 6) Phương thế luyện đức điềm tính

1 — Nhỏ từng lông đuôi ngựa.

Sertorius, danh tướng La mã, muốn dạy binh sĩ quá hiếu chiến của mình, đã ra lệnh đem đến hai con ngựa, một

ông lão và một nam thanh. Ông bảo nam thanh có thân hình lực sĩ rút một lần cho sạch lông đuôi con ngựa ốm như ve. Rồi ông khiến ông lão nhỏ từng sợi lông đuôi của con ngựa béo như heo muối thối. Nam thanh hí hục trổ tuốt một lần lông đuôi ngựa ốm mà không được trong khi ông lão lần lần nhỏ sạch lông đuôi ngựa mập. Binh sĩ của Sertorius ngạc nhiên, không biết ông muốn dạy gì. Sertorius nghiêm nghị bảo : Thù của ta giống như ngựa. Muốn

nhỏ hết đuôi ngựa phải nhỏ từ từ muốn thắng địch thì phải đánh dần dần. Nhỏ một lần hay đánh ở ạt đều bị thất bại. Chuyện xưa này chứa bài học điềm tĩnh vô giá. Trong xã hội biết bao nhiêu người vì thiếu đức tánh vàng ngọc này mà chẳng những thất bại việc hiện tại lại còn đắm ra những việc ác ở tương lai khiến đời họ là một chuỗi thất bại.

2 — Đức điềm tĩnh là gì ?

Điềm tĩnh là nhân đức luân lý giúp ta giữ tâm hồn và tướng diện bình thản khi gặp nguy hiểm hay những gì nghịch ý trong đời sống hằng ngày.

a) Là một nhơn đức. — Có người ăn ngày nay không biết ngày mai, lòng bất động trước nguy hiểm xảy ra cho mình hay cho kẻ khác. Kẻ khác nghèo đến trôn, sớm cơm chiều cháo mà cứ ngủ ngày, đi dạo xóm đánh cờ, bàn phiếm, ngâm thơ nữa. Những thái độ đó không phải là nhơn đức mà là tật xấu của kẻ non trí không biết lo xa. Người có đức điềm tĩnh là người tận dụng hai năng lực tinh thần trí tuệ và ý chí để thấy xa, đề tự chủ.

b) Tâm hồn, diện tướng bình thản. — Trước nguy hiểm họ cũng sợ, cũng bối rối, lo âu như bao nhiêu người khác. Nhưng họ dùng trí tuệ cứu xét nỗi khó khăn, coi cái lợi cái hại, tìm những phương thế chiến thắng trở lực, tiến tới thành công. Họ ôn lại dĩ vãng, rút bài học kinh nghiệm. Họ chia việc làm cực khổ hiện tại ra nhiều phần rồi thực hiện từng giai đoạn. Hướng về tương lai, họ không nhắm mắt tiến quàng mà đề phòng cẩn thận.

Một tài năng họ xử dụng không kém nữa là ý chí. Những tình dục nổi lên làm tâm hồn họ nao động, trí tuệ họ mờ mịt đều bị họ dùng ý chí trấn áp thẳng tay. Họ

cường đứng làm chủ, coi lái con thuyền tâm tính của mình. Vì đó từ tâm hồn đến ngoại thân, dù gặp cơn nguy hiểm hay trường hợp bị đat đến đâu họ đều như như bất động.

c) *Nguy hiểm và điều nghịch của tha nhân.*— Nói cho đúng người điềm tỉnh không để ngoại vật có quyền lay động nội tâm hay ngoại thân họ. Họ cũng bị kích thích, bất mãn, bồn chồn như bao nhiêu người khác, song họ lo giải quyết cách khéo léo hơn là um sùm tỏ ra yếu đuối, khiếp sợ hay nói ra giải quyết mà không làm việc gì có hiệu quả khả quan. Bao lâu còn loài người là còn tật xấu. Tật xấu của tha nhân là cái gì khách quan, độc lập với tâm hồn ta. Nếu không điềm tỉnh, ta bực dọc, than trách tật xấu người xung quanh cứ tiếp diễn. Nếu biết điềm tỉnh, ta coi như không có. Lợi được nhiều mà nhứt là lòng ta khỏe và khỏi bị ai ghét.

3 — Tật xấu nghịch đức điềm tỉnh là đa cảm

Trong cuốn *Đức điềm tỉnh* chúng tôi viết : *Người đa cảm là người khi gặp một sự kiện, một*

hiện tượng, một tư tưởng gì thì con người sinh lý và tâm lý xúc cảm náo nhiệt. Trong họ mất cả sự quân bình. Thần kinh căng thẳng, Quả tim đập nhanh. Máu chạy bất hoà. Sắc diện biến đổi. Tay chân có nhiều bắp thịt phai phất run. Tâm trí bồn loạn. Lý trí và ý chí bị dục tình. uy hiếp, lôi kéo, điều khiển. Ý định cấu thành do sức thúc đẩy của bản năng. Lời nói hành động, đều là những xung động. (Đức điềm tỉnh). Trong tác phẩm trên chúng ta đã trình bày những hình thức của chứng đa cảm. Dưới đây chúng tôi toát yếu những điềm chánh.

Người đa cảm là người dễ xúc động, biến dịch, bị kích thích, bộc lộ, chấp nhứt, thương tâm, quá lổ, cầu thả, sốt sắng.

1) *Người đa cảm dễ xúc động.* Gặp một biến cố, một ý tưởng nào là họ xúc động mạnh. Tình dục kéo đến vây hãm tâm hồn họ. Họ nói năng, hành động ngoài sự soi sáng của trí tuệ và sự điều khiển của ý chí.

2) *Người ta đa cảm dễ biến dịch.* Họ đổi tánh như chong chóng đổi chiều. Họ hứa hẹn mà không giữ cũng rất dễ.

3) *Người đa cảm bị kích thích nhút.* Tâm hồn họ nhạy như cánh bướm non. Một biến cố con con có thể làm họ tán loạn tinh thần. Lúc làm việc gì họ hay có tật la ó đình đám. Kết quả nhút nhát khi là núi chyun bụng đẻ ra chuột lắt.

4) *Người đa cảm dễ chấp nhút.* Đối với tha nhân, họ rất khó tánh. Chẳng những họ khó tha lỗi mà còn ưa vạch lá tìm sâu tật xấu của kẻ chung quanh.

6) *Người đa cảm dễ thương tâm.* Thấy ai bị hoạn nạn họ cảm động lắm. Nhưng không phải cảm thương để giúp đỡ mà chỉ thương tâm bằng mối tình lửa rơm rồi thôi.

7) *Người đa cảm dễ quá lố.* Họ ưa phán đoán cái gì cũng tuyệt đối. Lúc mế say công việc gì họ làm sống chết đến khi thất bại mới rên hối hận chớ không biết cân đo trước lợi hại và hành động điềm tĩnh.

8) *Người đa cảm dễ cầu thả.* Đầu óc phán đoán vụt chạc, nên khi hành động họ không làm việc gì cho đến nơi đến chốn. Họ khởi sự, làm lấy có, lấy rồi nếu gặp khó khăn thì « bán đồ nhĩ phế ».

9) *Người đa cảm dễ sốt sắng.* Họ có những tin ngưỡng bông bột mà mau tàn. Đi chùa có thể họ giựt quán quân nhưng khi ham của họ vẫn cho vay ăn lời cất hòng.

4— Nguyên nhân khiến ta mất điềm tĩnh.

Trong Rèn nhân cách bàn về nguyên nhân khiến ta mất điềm tĩnh, chúng tôi trình bày

ra nguyên tắc chính theo Marcelle de Somer.

1) *Nguyên nhân tự nhiên.* Tức là có gia truyền đa cảm mang trong mình bản chất tự nhiên dễ xúc cảm mạnh.

Ai có nguyên nhân này phải dùng tâm linh dục chế ngự tình dục nhiều năm lắm mới có thói quen tự chủ điềm tĩnh.

2) *Nguyên nhân thủ đắc.* Đó là những tập quán. Tập quán của họ tự tập hay do người xung quanh khiến họ mắc.

3) *Nguyên nhân tạm thời.* « Những nguyên nhân tạm thời này có hai thứ, một thứ xảy ra trong một thời gian hay lập đi lập lại và một thứ hiện hình một lúc ngắn rồi thôi » (R.N.C, trang 193).

a) Nguyên nhân loại nhứt có thể chia ra nguyên nhân ngoại lai và nội tại. Nguyên nhân ngoại lai sinh ra bởi nghề nghiệp, tiện nghi kim thời làm cho thần kinh bị kích thích quá mạnh. Nguyên nhân nội tại thường sinh ra bởi đồ ẩm thực như trà, rượu, thuốc lá,

b) Nguyên nhân loại nhì là nguyên nhân nhỏ nhặt xảy ra bất ngờ gia tăng cường độ bị kích thích của ta, khiến ta mất điềm tĩnh. Đang nóng bỏng bị ai chọc ta nóng thêm, la ó.

Sa- éc

May, 2016

5 Giá trị đức điềm tĩnh.

Nếu biết đề phòng các nguyên nhân nói trên và dùng những bí quyết tích cực để luyện đức điềm tĩnh thì nó sẽ gây cho ta những lợi ích khả quan.

1) *Điềm tĩnh đề cao nhân cách.* Epictète, một triết gia thuộc phái khắc kỷ nói : « Không nên sợ nghèo, sợ chết, nên sợ sự sợ hãi. » Chỉ nên sợ sự sợ : người thốt ra lời ấy thật đã vạch rõ chỗ chỉ cực của anh dưng. Ở đời chỉ nên sợ cái sợ thôi nghĩa là không sợ cái gì cả. Đây không phải là thái độ của con người kiêu căng, phách lối, nông nổi, liều lĩnh

hung ác. Vì nếu như vậy thì người ta một phần nào sợ gì chịu thua tình dục rồi. Xét cho cùng lý, thì con người chỉ phải sợ Thượng đế thôi. Mà cái sợ con người đối với Thượng đế là tâm tình sợ căn cứ trên tình yêu mến, vì tình phục chứ không phải là kinh khủng tiêu cực của tội nhân đối với quan tòa hay đoạn đầu đài. Epictète khi thoát ra danh ngôn trên chắc chắn là không nghĩ đến sự kính sợ Thượng đế. Ông theo triết lý khắc kỷ, coi thường đau khổ ưu sầu. Có chết cần rằng chịu chứ không sợ ai, không đầu hàng trở lực. Sau ông, Alfred de Vigny viết : « *Van xin, rên xiết, khóc than tất cả đều bạc nhược như nhau.* » Tinh thần anh dũng theo phái khắc kỷ và Epictète và Vigny là tin đồ có màu sắc kiêu hãnh, tự đắc. Sự khôn ngoan dạy ta thực hiện lời chỉ giáo của ông dè dặt hơn. Ta là tạo vật còn Thượng đế là Tạo hóa : Ta kính sợ người là việc khiếm tốn hợp lý. Còn sự sợ tiêu cực tỏ ra bạc nhược vì tự ty trước sức mạnh, tiền của, chức quyền, hình phạt thì nhưt định không nên có. Nói vậy không có nghĩa là ta khinh rẻ những uy quyền chánh đáng. Ở đây nói thái độ tinh thần của con người thỉnh lặng, dùng niềm tĩnh chế ngự tình dục dù phải lâm vào hiểm nguy đến đâu. Giá có lỗi lầm, giá bị hình phạt nặng nề thì chịu lỗi, sửa lỗi, đền lỗi, rồi lo làm lại cuộc đời chứ sợ thì nhưt định không. Sợ theo triết học làm tình dục xô đẩy ta xa lánh một cái ác khó xa tránh. Như vậy nó là cái gì chủ quan. Một tên tử tù run sợ bên đoạn đầu đài cũng bị đặt trước cái chết như một Socrate niềm tĩnh bên độc dược. Tên tử tù có run lên từng thớ thịt, sự sợ của hắn không thay đổi tử hình của hắn. Lưỡi dao cứ đi qua cổ hắn. Socrate bình tâm coi thường cái chết. Và ai lỗ ai lời hơn, ai can đảm hơn ?

Vậy đối với sự sợ, một tỉnh dục, một cái gì chủ quan không thay đổi được tình thế khách quan, khi tình thế này phải đến, ta nên theo lời khuyên của Epictète là thượng sách. Thái độ chỉ cực điềm tỉnh đó làm cho nhân cách ta phát triển, giá trị con người ta gia tăng. Khi bị sự cảm dỗ cả những lúc lỗi lầm trăm phần trăm, ta hãy biết nhận lỗi phục thiện, sợ Thượng Đế, lo làm tại cuộc đời. Còn đối với tất cả những ai, những gì khác ta không cứng đầu mà nhứt định không để cái sợ nào động tâm hồn. Ta có thể tự đọc mấy câu thơ này của Phan-Khôi để củng cố tinh thần :

Làm sao cũng chẳng làm sao

Dẫu có làm gì cũng chẳng làm chi.

Làm chi cũng chẳng làm chi

Dẫu có thế nào cũng chẳng làm sao.

2) *Điềm tỉnh là bí quyết thành công.* Hầu hết những bậc vĩ nhân trên đời đã để lại những sự nghiệp bất hủ đều là những tâm hồn chỉ cực điềm đạm.

Quân dữ ở ạt tìm bắt Chúa Giêsu giữa đêm tối. Người hỏi : « Qui ông đi tìm ai ». Toán lính trả lời : « Tìm Giêsu Nazarét. » Chúa Giêsu điềm tỉnh chỉ mình nói : « Chính ta đây. » Nếu bạn nói Chúa Giêsu là Thượng Đế giáng trần làm sao ta bắt chước nổi thì còn thiếu gì danh nhân đầu đen máu đỏ như ta : Socrate chậm chậm uống cái chết trong độc dược. Không Tử du thuyết bị vây mà cứ dờn hát. Gandhi gầy yếu mà lãnh đạo phong trào Ấn chống thực dân Anh, điềm tỉnh chịu khổ đến dân Anh là dân nổi tiếng điềm đạm thế giới mà còn thân phục.

Muốn làm nên trên đời ta hãy lấy những gương này làm khuôn vàng thước ngọc.

3. — Diêm tĩnh gây uy tín.

Trong *Rèn Nhân Cách* chúng tôi viết : « Trong những khi sống chung với quần chúng những người diêm đàm nổi

bật lên. Bao kẻ xung quanh họ tưởng rằng choặng thiên hạ để ý tới mình, kính phục, khen-lao mình, thì phải ăn to nói lớn, đa ngôn, lóc chóc. Người diêm đàm có diện tướng lắm lì, ngó cách lạnh lặt sự náo động của kẻ khác, đi đứng thân nhiên, lúc phải nói với sắc mặt lạnh như bàn thạch, với giọng nói êm dịu nhưng cứng rắn, trầm tĩnh mà không lơ đãng. Bao nhiêu cặp mắt đều phải hướng về họ, bao lỗ tai đều phải vảnh lên nghe từng âm thanh của họ. Vào những khi cần giải quyết các vấn đề quan hệ, bao kẻ khác phải xôn xao cãi lại, họ có thái độ trầm tư mặc tưởng, hình như không quan tâm đến ai, nhưng sau cùng ai cũng quan tâm đến họ để cho sự phán quyết có giá trị ». (*Rèn nhân cách* nhà Nhân-Xã trang 188). Họ là hạng người mà thượng cấp giao việc lớn và hạ cấp trông cậy sự che chở.

6. — Phương thể luyện đức diêm tĩnh.

Về mặt tiêu cực ta phải đề phòng các nguyên nhân làm ta mất diêm tĩnh nói trong một số trên. Dưới đây chúng

tôi bàn vài phương thể tích cực. Cũng theo như trong cuốn *Đức diêm tĩnh*, chúng tôi chia các phương thể này ra hai phương diện : tâm thần và thể xác.

A — Phương diện tâm thần.

1) *Độc lập tinh thần.* Quyết định theo đầu óc mình sau khi bàn hỏi suy nghĩ chu đáo.

2) *Tự tin* : Mình không tin mình, ai tin mình ? Đã không tin mình thì tất nhiên sợ thất bại. Làm sao điềm tỉnh ?

3) *Dám lãnh trách nhiệm* : Coi trách nhiệm chính đáng là việc riêng của con người điềm dạm.

4) *Khêm tốn* : Tự biết giá trị của mình và của người.

5) *Cường dướng* : Không hề biết sợ cái gì cả, chỉ sợ cái sợ thôi (Epictète).

6) *Kiểm soát cuộc đời* : Biết nhìn đời bằng cặp mắt của mình mà không để bị ảnh hưởng xấu.

7) *An phận* : Tin vào ơn quan phòng, tận lực nên người về mọi mặt rồi bình tâm sống với cái mình có mà không oán trời, trách người, than số phận.

8) *Ấn chịu đau khổ* : Không tìm khổ, song khổ đến tránh không được thì chịu với nụ cười.

9) *Nhận*. Coi sự phục thù tiểu nhân là việc làm của kẻ còn dã man.

10) *Tánh nết điều hòa* : Sống một mực với bất cứ ai, trong bất cứ hoàn cảnh nào.

11) *Bình tâm* : Không hề để một ngoại vật nào giựt dây tâm hồn mình khiến ta nao động.

12) *Thành thật* : Láo là khiếm nhược.

13) *Sống luân lý* : Quân tử thật là tri hành hợp nhất

14) *Chú ý* : Tâm hồn tản mát là tâm hồn của kẻ nhạt đảm.

15) *Sâu sắc* : Biết thấy cái thiện trong cái ác, cái gi trong cái thực. Già dặn sống.

16) *Yêm tài* : Khoe là bệnh của kẻ yếu tinh thần.

17) *Trung dung* : Quá lỗ là tật của kẻ thiếu khôn ngoan.

18) *Di ân báo oán* : Bạc ơn là bình của phàm nhân. Tri ơn là việc làm của siêu nhân.

19) *Siêu thoát* : Có tâm hồn hướng thượng. Đừng quá bận rộn với những phiền toái vật chất.

20) *Tùy thời* : Không đua nịnh người nhưng tùy cơ ứng biến.

21) *Bác ái* : Trọng tha nhân vì họ là nhân vị.

B— *Phương diện thế xác* :

22) *Điện tướng bình thần* : Vui vẻ nhưng điện tướng luôn nghiêm trang.

23) *Phong độ ôn hòa* : Kỹ lưỡng khi nằm, ngồi, đứng, đi, chạy.

24) *Hàm khẩu* : Cân lời nói như cân vàng.

25) *Thái độ nhã nhặn* : Xử đối mềm mỏng.

26) *Ăn uống vừa phải* : Coi chừng cao lương mỹ vị làm sa luy tâm hồn.

27) *Lễ độ* : Thử lễ với mọi hạng người nhưt là hạng dưới vì giai cấp này rất giàu tự ái bởi tự ty.

28) *Cân nhắc điều bộ* : Đừng đề khí lực tiêu ma vì những điều bộ dư thừa.

29) *Nghiêm trang trước sắc đẹp* : Nhiều thanh kiếm anh hùng bị sét chỉ vì giọt lệ đàn bà.

30) *Nói chuyện bằng cặp mắt* : Nói chuyện bằng lưỡi đã đành. Mà nhiều khi nhất sợ ta không dám ngó kẻ ta bàn chuyện nhưt là khi ta nói : Phải nỗ lực ngó ngay mặt họ để nghe hay nói.

31) *Ăn nói hợp lý* : Theo đúng thời trang hợp lý : Tránh què mùa cũng như tán tiến quá lỗ đến cao bồi, thô lỗ.

2. — DANH NGÔN

1) Bình yên không thể là thình lạng trong hỗn loạn luân lý.

Baudrillard

2) Chỉ có thình lạng mới mạc khải những vực thẳm của đời sống.

M. Zundel

3) Chiếc bánh xấu nhất của chiếc xe bò là chiếc bánh kêu ồm sòm nhất.

Talleyrand

4) Hiểu cho đúng, thình lạng là nguồn phát sinh chiến thắng.

R. Plus

5) Tri mệnh chi nhân, kiến lợi bất động, lâm tử bất oán : người biết mệnh thấy lợi không nao, phải chết không trách,

Tích Hiên

3. — TỰ ÁM THỊ

Vật chắc, hộp tộp đã làm đời tôi đầy hối tiếc. Tôi nhút nhát là người điềm tỉnh dù phải cơn nguy biến đến đâu.

CHƯƠNG VIII

ĐỨC KIÊN NHẪN

*« Người không kiên nhẫn là
chiếc đèn không cháy »*

MUSSET

I — ĐẠI YẾU

- 1) Chuyện rèn lưỡi
- 2) Đức kiên nhẫn là gì ?
- 3) Tại sao phải kiên nhẫn ?
- 4) Phương thế luyện đức kiên nhẫn.

1 — Chuyện rèn lưỡi. Trương nước Sở mất một viên ngọc bích. Người ta nghĩ Trương Nghi lấy. Ông bị tra khảo nặng nề. Lúc thấy Trương Nghi về nhà, vợ hỏi : « Giá anh đổi mài kinh sử, học biện luận, rồi du thuyết thì đâu đến nỗi bị hành hạ vậy. Trương Nghi hả miệng, hỏi vợ : Em coi lưỡi anh còn không ? Vợ nói : Còn. Trương Nghi đáp : Vậy thì được. Từ đó Trương Nghi lo học tập, luyện nghề hùng biện và trở thành nhà du thuyết nổi tiếng vào bậc nhất thời chiến quốc. Một nhà thông thái họ nói : « Thiên tài là một sự kiên nhẫn dài ». Lời này ngoài chút dè dặt tin tưởng ở thần lực, đều trong một trăm trường hợp đúng đến chín mươi chín. Đọc tiểu sử danh nhân, ta thấy hình như không vị nào lập nên sự nghiệp mà không kiên nhẫn.

Trương Nghi là ngôi sao kiên nhẫn ở Đông. Còn bên kia trời Tây Virgile viết Énéide gần 30 năm. Platon đề tựa cuốn République bốn năm lần mới thỏa mãn. Victor Hugo

viết *Les Misérables* bốn mươi năm. Thánh Cam Địa phải mềm như chuối trong bao nhiêu năm mới làm cho ách thực dân Anh lung lay trên đầu cổ dân Ấn. Quả thực kiên nhẫn là lá bùa vạn năng.

2. — Đức kiên nhẫn là gì.

Khi bàn về đức anh dũng chúng tôi có nói phớt qua về kiên nhẫn vì nó là hình thức của đức anh dũng. Vì nó tối quan hệ cho đời người nên chúng tôi muốn xét riêng nó trong bài này.

Có thể định nghĩa kiên nhẫn là đức của người một mực điềm tĩnh, hoan lạc hay chịu các đau khổ, trở lực, hiểu lầm, khó nhọc vì một lý tưởng hay, một hồn phận chính đáng.

Người kiên nhẫn am hiểu rằng việc đời nhiều khi không xảy ra như người ta muốn mà cứ xảy cách khách quan. Họ chế ngự tình cảm, thụ nhận hoàn cảnh đề vừa thích nghi vừa tìm cách chuyển bại thành thắng. Họ coi các thử thách là lò luyện chí khí, là phương thế gia tăng giá trị. Họ thấy nhiều việc ác xảy đến mà không coi là họa cho mình vì họ tìm cách thấy trong ấy cái thiện. Họ chịu cơn khốn nạn với tâm hồn bình an và nhưt là không bao giờ cầu thả những phận sự. Trong người kiên nhẫn có tự thái của một kẻ mà tâm hồn rộng như trời bể. Ở đây phải hiểu kiên nhẫn là một nơn đức. Có nhiều người kiên nhẫn vì bất đắc dĩ không thành công được rồi khum đầu chịu trong sầu buồn, bất mãn. Lắm người khác « giả đại qua ải » vì ham danh, háo lợi. Những hình thức kiên nhẫn không bộc lộ tâm hồn thanh cao. Kiên nhẫn được gọi là nơn đức, khi con người chịu cực khổ vì mục tiêu cao cả và chịu với tâm hồn vui tươi bình tĩnh. Người ta nói ngày xưa có lần Philippe II thức đến nửa đêm, cực nhọc

viết một bức thư quan trọng. Ông bảo thư ký niệm thư lại. Ngủ dậy chấp chôn thay vì lấy hủ keo, viên thư ký lấy bình mực, chế đồ tùm lùm tã-lã trên cái thư. Vua Philippe bình tĩnh nói : « Thôi viết lại ». Trong mấy tiếng này bạn thấy không thấp thoáng bóng một tâm hồn đạo đức cao thượng.

3. — Tại sao phải kiên nhẫn.

Muốn thấy căn yếu của đức
kiên nhẫn, ta hãy biết qua
những ác quả của tánh nóng
giận.

1) *Tướng diện kỳ dị.* Người nóng giận có diện tướng mất bình tĩnh. Mặt họ đỏ phừng hoặc tái lét. Mắt chớp lửa. Môi phều phào. Tim nhảy hồi một như trống báo giặc. Lời nói run run. Dù là người có chức quyền cao, tướng diện Trương Phi, ăn mặc sang trọng thế nào, khi nóng giận coi người của họ coi cũng kỳ dị thấp hèn.

2) *Hành vi gây ác cảm.* Khi tâm hồn bị cơn tới đình chỉ phối, người nóng giận hành động trên bắp gân. Họ bất kể suy nghĩ phải quấy. Nói đúng hơn họ không kịp suy nghĩ. Dục tính điều khiển họ như tay đưa bé đẩy con búp bê. Họ ó. Họ la. Họ chửi. Họ nói tục. Họ nhảy, chạy, vồ ngực, đấm bần. Họ trợn mắt. Họ chống nạnh. Họ nói mĩa mai, nguy biện, bắt nhặt bắt thừa, lên giọng cao kỳ. Người ta thấy những sự đề hèn phát xuất ra từ tâm hồn nổi sóng của họ. Đối với tha nhân, kết quả của hành vi họ là sao ? Có gì lạ là gây ác cảm. Người ta vừa khinh rẻ họ vừa ngán. Chữ ngán hiểu theo nghĩa phải xa tránh vì coi như một vật tởm gớm.

4 — Tai hại cho kẻ khác.

Không gì khổ nạn bằng sống dưới quyền lãnh đạo hay giáo dục của một kẻ nóng tánh.

Họ coi kẻ dưới như một thú vật hy sinh. Họ quát nạt. Họ đánh khảo. Họ ra lệnh vừa la vừa hét. Người ta phải rên xiết dưới ánh lửa của họ. Xét về mặt công ích, thật vô phước cho miền xứ nào bị họ làm lớn. Chánh nghĩa sẽ bị họ làm cho thiên hạ hiểu lầm. Công ích họ phụng sự theo đà tình dục không dây cương của họ. Ai nấy không còn mong ở họ gì hơn là họ cáo chung cho rồi với chức vụ làm lớn của họ.

Các ác quả trên của tánh nóng cộc đủ làm cho ta tin tưởng kiên nhẫn là tối cần cho nhân cách và thành công. Con người trong cơn giận sống những giây phút gọi được là của kẻ điên. Lý trí và ý chí nhường chỗ thú tánh. Bản năng y như con ngựa không cương điều khiển các lời nói, hành vi. Mà như vậy còn gì nhân cách. Và ai trên đời khỏi những cơn giận. Nếu muốn sống ra người, muốn khỏi mất phẩm giá con người, tất phải dùng đức kiên nhẫn để trị tánh nóng.

Còn cho được thành công ít ra phải tế nhị khi xã giao, thận trọng khi hành động, đeo đuổi đến mức cùng công việc đã suy tính, quyết làm và khỏi công. Nếu gặp ai cũng ăn nói như bữa củi thì làm sao đắc nhân tâm để nhờ sự cộng tác. Lúc làm việc mà cầu thả, vụt chặc thì làm sao công việc được tươm tất. Lý tưởng luôn đòi nỗ lực lại bán đồ nhĩ phế thì mong gì đến chuyện thành công.

Vậy như thế định muốn nên người, muốn đắc lực dù muốn dù không phải kiên nhẫn. Người xưa nói : *Bách nhẫn*. Lời này là bùa vạn năng của ta trên suốt đường đời.

4.— Phương thế luyện đức kiên nhẫn.

1) Cầu Thượng — Bọn phạm nhân chửi ai làm nghịch với mình thì bậm hực trả lời lại.

Thượng Đế toàn trí không làm vậy. Từ tạo thiên lập địa đến bây giờ, nhân loại phạm tội chống cự Người biết bao nhiêu lần, Người nhận. Thánh François de Sales nói: « Thượng Đế kiên nhẫn vì Người là đời đời. » Phải. Người nhận. Người đợi đến tận thế mới tính chuyện thưởng phạt. Chúng ta yếu đuối, gần tội lỗi hãy xin Người ban cho ta ơn kiên nhẫn.

2) Dùng tâm linh dục (Pŕychoculture).— Tâm linh dục là khoa giáo dục phần tâm linh của người ta. Nền trí dục làm con người dồi dào kiến thức, thể dục làm con người vai u thịt bắp thì tâm tinh dục tiêu trừ ở tiềm thức con người, tinh chất dã man và những xung động con đẻ của bản năng hướng hạ. Chỉ có khoa tâm linh dục làm cho con người người hơn. Đừng quên thiếu tâm linh dục, người đồ bằng cao, giữ chức to trong xã hội vẫn mê án, láo xược, thô lỗ, nóng cộc, dâm dục, làm phách v.v. như thường.

3) Luyện ý chí.— Trong tâm linh dục, ta quan tâm nhất chí dục. Nói đến chí dục phải nghĩ ngay ba điều này :

1) Muốn cái gì.

2) Muốn thiết chế không phải ước.

3) Cương quyết thì hành.

Có một ý chí trui rèn già dặn như rời tức là có óc kiên nhẫn khả quan.

4) Thực tập đức kiên nhẫn. Sau hết không cách nào luyện đức kiên nhẫn bằng kiên nhẫn. Cứ kiên nhẫn, sao cũng sẽ là người kiên nhẫn. Dưới đây là những thực tập thông thường.

1) *Khi trí tuệ nhận một điều gì phải, hãy, ta đừng tin ta liền.* Hãy nghiền ngẫm điều ấy lại. Phải nhờ tư tưởng đầu tiên cho đến khi các góc cạnh của nó được ta am tường. Đừng quên câu này của Spencer : *Tình cảm điều khiển thế giới.* Mà tình cảm sẽ chuyển thành cái gì để thúc đẩy con người nếu không phải là ý tưởng rồi từ ý tưởng đến hành động. Vậy quan hệ là « rây » ý tưởng cho sạch tình cảm xấu để nó biến thành hành vi tốt.

2) *Cầm cương ba tấc lưỡi.* Đức Thánh Linh dạy ta trước khi nói phải đánh lưỡi 7 lần. Lời này là minh triết. Nếu chịu khó đề ý điều mình nói, ta thấy nhiều khi trong 100 lời có đến tám, chín chục lời thừa, lạc lẽ hay vi hại. Trong trường hợp mất bình tĩnh vì sợ hãi, nóng giận lại càng cần ngón hơn nữa. Tuân Tử nói : « Nhân bất dĩ đa ngôn vi ích, nhân bất dĩ thiện tiếu vi lương : Người đừng coi nhiều lời làm ích, đừng lấy cười nhiều làm hiền ». Danh ngôn này ta lấy làm kinh nhựt tụng để nên người cần ngón.

3) *Chế ngự các hoạt động.* Tất cả những việc nào dù biết trăm phần trăm là thiện là ích lợi cho mình, cho xã hội vẫn phải làm với dè dặt : Đừng cho tình dục xen vào. Giữ mực trung dung : *Virtus in medio stat* (St Thomas).

4) *Trấn áp các xung động vô ích.* Trong con người hay có những xung động làm cho ta cảm xúc mạnh. Yêu, giận, ghét, ghen, làm cho ta ưa già hàm khổ khọt, nhay nhót. Nếu thấy những xung động nào có thể làm ta nói năng, hành động thiếu suy nghĩ, gây tai hoạ thì đàn áp nó. Người mà sống theo các xung động thuần túy là người nô lệ bản năng hoàn toàn. Và đó là người chưa văn minh, văn minh hiểu theo nghĩa được khai hóa thuần thực. Đời của họ sẽ phải nhiều nguy hiểm vì

họ mù quáng, hành động như cái máy, cuồng bạo, u ám sùm mà quáng xiáng, vấp ngã.

5) *Tránh tụt bản tâm sự.* Phải chịu là người tự nhiên ai cũng thích giải thoát tâm hồn lúc nó đau khổ. Người ta kiếm chỗ dựa cho nội tâm, tìm sự êm dịu cho lòng quá ê chề trong đau xót. Mà mỗi lần làm như vậy người ta tưởng bình yên hơn song kỹ thực con người tâm tình bị nghèo nàn thêm. Người ta bị mất khí lực, thấy bạc nhược, mất tự tin. Alfred de Vigny nói : « Chỉ có thỉnh lặng là vĩ đại, tất cả cái gì còn lại là bạc nhược... Lời này đi đôi với đức khiêm tốn sẽ là châm ngôn vàng ngọc cho ta những khi lòng đau khổ.

6) *Đừng rên xiết trong phận sự.* Khi phải lãnh những trách nhiệm vụ chính đáng, gặp trở ngại, ưu sầu, cần ráng chịu. Than thở tình thế cũng không đổi. Nó xảy ra như nó xảy ra chứ đâu có như ta muốn. Lời than thở này nếu không làm tổn khí lực chỉ làm ta khinh rẻ và mất nhiều công đức.

7) *Mỗi ngày làm một việc nhin nhỏ.* Ai nhin được việc nhỏ mới hy vọng được việc lớn. Nhiều khi nóng nảy đánh rơi cái đĩa, ta mất cả cái mâm. Những thành công lớn thường kết bằng chuỗi thành công nhỏ. Nếu có tập quán kiên nhẫn trong các việc mọn, lúc gặp đại sự ta ít thấy ngán đề tranh đấu với trở lực. Người xưa dạy ta « Tiều nhân » quả là tỏ ra đại khôn vậy.

2 — DANH NGÔN

1) Tôi kính phục rằng cuộc đời được dựng lên không phải chỉ để sống mà còn để chiến thắng.

René Bazin

2) Không phải nỗ lực trên bấp gân và từng lúc là bồn phận mà nỗ lực liên tục và đều đều.

Roosevelt

3) Kiên tha lâu dài ờ.

Ngạn ngữ Việt

4) « Tôi sẽ khởi sự lại »... Đó là công thức thông dụng nhất của kiên chí.

J. de Courbertoe

5) Tiêu bất nhẫn tất loạn đại mưu : Không nhẫn việc nhỏ thì loạn mưu to.

Không Tử

3 — TỰ ÁM THỊ

Tôi tin thần lực nhưng không quên rằng tôi không bao giờ làm nên việc gì có giá trị trên đời mà không kiên nhẫn.

CHƯƠNG IX

ĐỨC TỰ TÍN

« *Mình khờ, tin vào lời ai
còn tin mình.* »

Waterstone

1 — ĐẠI YẾU

- 1) Tôi lãnh 2.000 đồng bạc.
- 2) Đức tự tín là gì ?
- 3) Tật nghịch đức tự tín.
- 4) Giá trị đức tự tín.
- 5) Phương thế luyện lòng tự tín.

1 — Tôi lãnh 2 000 đồng bạc.

Ngày xưa ở Anh, có một hỏa
tai khủng khiếp. Những bảo
vật cùng các người lớn được
đời khỏi nhà bị phát hỏa. Chỉ

sót một đứa bé ở trên lầu cao. Bao nhiêu người chữa lửa
chạy lăng xăng, lộn xộn mà không ai dám xông pha giữa
biển lửa để lên cứu đứa bé. Chủ nhà hứa đền 2.000 đồng
bạc cho ai can đảm làm việc anh hùng này. Lửa cứ ngàn
ngút nuốt mấy tầng lầu. Đức giám mục Apehon lấy một
cái mền nhúng nước bọc quanh mình, leo như chớp lên
thang lầu, giựt đứa bé, bế xuống gọn gàng giao cho mẹ nó
và bảo : *Tôi lãnh 2.000 và tôi đặt trên đầu đứa bé.* Thực là một
gương hi sinh, can đảm mà cũng là một gương tự tín.
Không rụt rè như bao nhiêu người nhất khắc, cũng
không liều lĩnh hành động mù quáng, Đức Giám mục
Apehon lượng sức mình có thể thành công, tin mình
phải thành công và ông thành công thật.

Tự tin là nhưn đức luân lý
2 — Đức tự tin là gì ? giúp ta không kiêu căng, liều
 lĩnh nhưng biết rõ năng lực
 của mình, tin mình có thể làm được công việc nào đó và
 cương quyết làm cho được.

1) Là một nhân đức. Người hành động bất kể thiên lực
 hay sự cộng lực của kẻ khác mà chỉ biết có năng lực của
 mình là người quá tự ý. Hành động của họ không phải là
 nhưn đức mà là sự liều lĩnh, thiếu khôn ngoan, có thể rước
 bao nhiêu tai hại. Tự tin là đức tánh của kẻ tận dụng
 nhân lực mà không quên thiên lực và tha lực. Họ suy tính
 trước khi hành động. Khi bắt tay vào việc không tự ty, ý
 lại đến nản lòng, thất bại.

2) Không kiêu căng, liều lĩnh. Không tự ty ý lại, cho người
 tự tin không có nghĩa là kiêu căng liều lĩnh. Có thứ người
 nhất đảm rụt rè như gián ban ngày, không bao giờ có chí
 mao hiểm, nghe việc khó bắt sợ, lúc nào cũng cậy vào
 người mà khinh rẻ mình. Nghịch hẳn lạng người nhất đảm
 là kẻ quá tin cậy mình đến đổi kiêu căng. Họ tưởng có thể
 làm được hết mọi việc mà không phòng trước, giữa sau,
 cứ nhắm mắt làm càng. Cả hai đều là mối ngon của thất
 bại. Người tự tin dám làm với khiêm nhu, dè dặt. Họ
 nhắm lý tưởng hoạch định chương trình đoản kỳ hoặc
 trường kỳ, chuẩn bị những phương thế, đề phòng các trở
 lực, học hỏi kinh nghiệm của mình và của người rồi khi
 cương khi nhu cứ tiến đến thành công.

**3 — Tội nghịch đức
 tự tin.**

Là sự thất bại. Thật ra chừng
 bệnh tình thần này ai cũng có.
 Nhưng ở đây chúng tôi muốn
 nói thứ người tự bản chất

nhất đảm, khinh rẻ năng lực của mình. Không tưởng tượng mình thành công nên không dám làm gì lớn hay giá có làm thì bán đồ nhi phế. Chứng bệnh của họ thật là chứng bệnh đáng sợ. Tâm hồn không tập trung được. Trí tuệ mờ mịt. Ý chí yếu đuối. Thần thất bại ám ảnh đầu óc họ. Ngay từ hồi nhỏ họ sợ ma, sợ bóng tối, sợ người có tướng diện hung dữ, sợ linh trùng. . . .

Đến trường học, họ coi thầy như ông kẹ. Mỗi lần có việc cần muốn nói chuyện với thầy hay đồng bạn lớp họ nghe tim đập mạnh, lưỡi cuốn lại, nói lắp bắp. Thành niên rồi mà ra đường họ cũng mắc cỡ « sợ » người ta nhất là mỗi lần đi ngang công sở hay cơ quan quân sự.

Trong công ăn việc làm, họ bị khổ tâm này là không làm gì hết thì nghèo nàn, bị khinh rẻ, còn bắt tay vào việc sợ thất bại thiên hạ cười. Họ thất bại một phần lớn lại sợ dư luận.

4 - Giá trị của đức tự tín.

Đức tự tín có đối tượng gốc là tấn công sự nguy hiểm này Epictète nói : « chỉ nên sợ cái sợ thôi ». Phải. Không biết

cái sợ mà lo sợ đủ thứ khác thì sau cùng cái sợ điều khiển con người ta. Sợ cái sợ tức là không sợ cái gì hết. Trong « Đức điền tĩnh », chúng tôi đã giải thích tính chất của sự sợ này. Nó không phải thứ sợ vì kính, vì yêu của con người đối với Tạo Hóa. Mà là thứ sợ tiêu cực, vô lý, làm bại hoại tâm thần. Dư luận ta nên để ý mà không sợ. Lời khen không ích gì còn tiếng chê có thể lợi dụng để canh tân đời mình tùy sự khôn ngoan. Chỉ những tâm hồn trống bồng không lý tưởng, suy nhược mới sống theo sự thăng trầm *et vô thái ra* của dư luận. Hình ảnh ông thợ

xay bột trong một chuyện biến ngôn của La Fontaine có đáng thương hại không ? Đời ta mà như lối dẫn lừa của ông ấy thì còn mong gì giá trị ! Dư luận nhiều khi là dấu hiệu của lương tri có thể giúp ta sống thiện. Nhưng sống thiện là bổn phận của ta và sống hay không là do ta. Trong không ít trường hợp dư luận tố cáo sự nhận xét ngoài da của một tâm hồn hỗn tạp, vụt chạc, nặng thành kiến. Lấy nó làm khuôn vàng thước ngọc thì đời ta sẽ đi đến đâu ? Vả lại nhiều khi miệng đời ngửa và vui nói qua loa rồi thôi, nói hờ nghe lỏm, nhờ tưởng tượng, nói rồi ai ở nhà nấy, lo ăn lo làm. Nào có để ý gì đến ai. Những tâm hồn yếu đuối không tự tin, tự lập nơm nớp sợ, nơm nớp hồ nghi ai cũng ngày tới tối nghĩ đến mình, bàn về mình, đem tai họa cho mình.

Con ác thú lo sợ bá láp ấy cho đứng trứ nó phải dùng đức tự tin. Đã mở xê tất sợ dư luận, ta thấy chung qui tại không sáng suốt nhận định tâm lý con người, không sáng suốt chọn lý tưởng để theo và nhứt là không can đảm chế ngự tánh sợ vô lý. Ta đã biết có sợ chừng tai họa đến, nó vẫn đến. Sợ là cái gì chủ quan không thay đổi được đối tượng của nó là khách-thể. Dưới gọng kềm đức tự tin, sự sợ dư luận đàn áp bằng hai cách. Cách thứ nhứt là giả sử tai họa xảy ra. Đã nói khi nó xảy ra, ta có sợ, nó cũng không ngừng lại. Thái độ đối phó hay nhứt là tiếp nó ngay mặt. Nó có hại thể xác ta hay những gì khác mà óc ta không khuất phục nó. Có thể chết oằn oại dưới gươm kẻ thù mà không sợ kẻ thù chớ. Đến chính cái sợ thất bại, người tự tin cũng không có. Thất bại dĩ nhiên là phải lo tránh rồi. Song lo tránh không có nghĩa là sợ. Việc quan hệ là có lý tưởng, sắp

chương trình hoạt động, chuẩn bị phương tiện hiệu là người cộng tác, tài chánh vật liệu, thiện cảm. Đồng thời thấy trước những trở lực để đối phó. Làm xong các việc ấy thì cứ tiến hành công việc, tiến hành với can thận, tùy cơ ứng biến.

Thành công ở đâu ? Nó bao giờ cũng là một thứ mộng và là một lý tưởng. Có điều là mộng có thể thực hiện được chứ không như chiêm bao. Ta cứ nhắm chân thiện mỹ phúc với phương thể lương thiện mà hoạt động. Thành công không được thì thành nhân ý đó của Nguyễn-thái-Học. Mà phải. Nếu không thành công hiểu theo nghĩa thường là có kết quả ngó thấy thì ta không muốn vậy. Còn nếu bên ngoài thất bại ta vẫn có lợi là học những bài học khôn của kinh nghiệm. Người ta nói thất bại là mẹ thành công mà. Và lại có những việc ta và người cho là thất bại mà chính là thành công. Cái chết của Đức Giêsu vừa là thành công huy hoàng trong nhân cách chúa vừa là thành công trong việc cứu chuộc của Người. Máu người đổ ra như hột giống mọc nát để đâm bông trái phân rỗi.

Có khi thành công núp trong thất bại bằng cách gián tiếp. Đó là thất bại gieo mầm thành công cho những công việc kế sau tiếp tục và thành công ngó thấy, rực rỡ. Biết bao người đã chết từ trước cho năm 1789 của Pháp. Biết bao nhà chí sĩ khổ thân trăm bề cho nền Cộng hòa Việt nam.

Xét hai chữ thành bại như vậy, ta thấy bóng sự sợ ẩn khuất. Trăm nghìn nguyên nhân khác của sợ ta hãy dùng đức tự tín chiến thắng như vậy.

Vẫn biết giao chiến với giặc là nguy hiểm. Phải nỗ lực nhiều năm lắm. Nhờ nỗ lực ta tận dụng ý chí và khi trù mưu lập kế, để xây thành công, ta tận dụng

trí tuệ. Hai tài năng này được sử dụng như vậy lúc là đức tự tin phát triển nhân vị của ta, đưa nhân cách ta ngày càng cao, gần lý tưởng luân lý.

5 — Phương thế luyện lòng tự tin.

a) *Hãy hành động như đã tự tin.*

Dùng tự kỷ ám thị tin mình là người tự tin và lúc phải làm công việc gì cứ hành động với tự tin. Tin mình tự tin, hành động như đã quen tự tin, sau cùng tự tin thật.

b) *Luyện óc phán đoán.* Phải có một óc phán đoán đúng đắn để lựa chọn lý tưởng, sắp chương trình, chuẩn bị phương thế tiến hành kế hoạch đối phó địch.

c) *Luyện ý chí đánh thép.* Ý chí giúp ta trấn áp sự sợ, nhút là sợ dư luận và thất bại. Ý chí cung cấp can đảm nhằm nại để ta đi đến mục đích.

d) *Luyện tình cảm cao thượng.* Có tình cảm phong phú mà được lý trí soi sáng, ý chí điều khiển, ta sẽ có lòng yêu mến lý tưởng, hăng hái làm việc, lạc quan chịu khó.

5) *Làm những việc tự tin nhỏ.* Nhờ những việc tự tin nhỏ mà làm được, ta quen với óc tự tin đến gặp việc lớn tự nhiên ít nghe ngại.

6 — DANH NGÔN

1) Đường đi đó, không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông.

Nguyễn-Bá-Học

2) Không thành công cũng thành nhân.

Nguyễn-thái-Học

3) Đó là người mà tôi có thể giao việc lớn ; và họ có ba đức tánh thành công : tin tưởng, yêu mến, hi vọng.

De Vogue

4) Phải có can đảm về điều mình có trước rồi hễ có can đảm về điều mình muốn có.

P. Monier

5) Nghề làm người là tự vượt khỏi không ngừng.

A. Eymieu

7 — TỰ ÁM THỊ

Không kiêu căng liều lĩnh cũng không tự ty rụt rè, tôi là người tự tín.

CHƯƠNG X

ĐỨC TIẾT ĐỘ

*« Đức đa thương thân : muốn
nhiều hạt tâm thân »*

Lão Tử

*« Cho động tự chủ, trước hết
phải làm chủ ống tiêu hóa của
mình »*

R. Laffite

I.— ĐẠI YẾU

- 1) Gương chừa rượu
- 2) Đức tiết độ là gì ?
- 3) Hình thức đức tiết độ.
- 4) Tật nghịch đức tiết độ
- 5) Tại sao cần đức tiết độ ?
- 6) Phương thế luyện đức tiết độ.

1.— Gương chừa rượu.

Vua Thụy Điển Charles XII, ngày nọ trong cơn say túy lúy, cư xử vô lễ với Hoàng thái hậu của ông. Bị xúc phạm nặng, Hoàng thái hậu bất mãn, ưu sầu ở mãi trong phòng tư không buồn ăn uống, giao thiệp. Ngày sau Charles XII tỉnh rượu biết lỗi, tìm đến bà để tạ tội. Ông nói : « Thưa bà : Cháu vừa biết hôm qua cháu vô lễ với bà ; cháu tuyên bố rằng lần uống rượu hôm qua là lần chót của đời cháu. » Charles XII, coi lời hứa này là danh dự, Ông giữ suốt đời. Thực là một gương sáng về đức tiết độ. Giữ chu toàn đức tiết độ có gì quý bằng. Nó tỏ ra con người cao hơn thú

vật ở chỗ chế ngự những dục vọng thấp hèn. Nhưng bởi bản tánh con người là yếu đuối nên sự sa ngã không phải lạ lắm. Cần thiết là nhận lỗi và phục thiện. Charles XII, là tấm gương cho những ai sa đà trong cảnh đời bê tha vì nhan sắc, rượu trà, cờ bạc, nha phiến.

2.— Đức tiết độ là gì? Tiết độ là đức luân lý giúp ta thụ hưởng cách chừng mực những lạc thú lương thiện của ngũ quan nhưt là những lạc thú của vị giác và xúc giác.

1.— Cách chừng mực và lương thiện. Những lạc thú trần gian tự bản chất không xấu. Chỉ khi bị đánh rơi mục đích chính yếu hay bị lạm dụng mới thành bất lương. Vậy ta có quyền hưởng những lạc thú thuộc ngũ quan cách chừng mực hiểu là vừa đủ cho mục đích tốt đẹp của nó được thực hiện. Nói chừng mực là nói chế ngự, tự chủ. Nói mục đích tốt đẹp là hiểu ngầm nó là phương thế. Không nên buông mình mê đắm các lạc thú trần gian và coi chúng là lý tưởng của cuộc đời.

2.— Lạc thú của các vị giác và xúc giác. Nhấn mạnh sự tiết độ về hai thứ lạc thú này vì chính chúng lôi cuốn phần hạ của con người nhưt. Trong bài này chúng ta sẽ xét rộng về sự lạm dụng lạc thú thuộc vị giác là uống rượu say. Vì tính chất quan trọng của đức thanh khiết, ta sẽ bàn riêng sự lạm dụng lạc thú của xúc giác trong một bài sau.

3.— Hình thức đức tiết độ.

1) Nếu xét mặt tự nhiên, thì đức tiết độ là đức giữ mực trung dung khi ta thụ hưởng những tài sản, lạc thú của

cuộc đời vật chất. Người vô tín ngưỡng hay theo một tôn

giáo nào nếu hợp lý tất phải nhận nó cần thiết cho đời sống hạnh phúc vì sự quá độ bao giờ cũng gây khổ nạn.

2) Có thể gọi tiết độ là đức siêu nhiên khi nó mang những hình thức sau đây:

a) *Thanh khiết* : là đức kiêng cử những nhục lạc bất chánh.

b) *Trình khiết* : là đức kiêng cử hoàn toàn các nhục lạc, kể cả những cái được phép hưởng thụ.

c) *Kiêng cử* : là đức hạn chế sự ăn uống cho chừng mực.

d) *Nết na* : là đức giữ ngũ quan cho chính tề hầu tránh những tác vi, ngôn ngữ, cử chỉ, nhìn liếc tỏ ra mất sự đúng đắn của con người.

4. — Tật xấu nghịch tiết độ.

Có thể nói tất cả tật xấu nghịch các đức vừa kể trên là tật xấu nghịch đức tiết độ vì các đức này là hình thức

của nó. Ở đây ta chỉ nhấn mạnh tật mê ăn uống và tật ghiền á phiện.

1) *Mê ăn* : Coi việc ăn là mục đích của đời sống. Chuyên môn tìm các cao lương mỹ vị để ăn đến trình độ làm con người yếu mệt, đau bệnh như một số vua quan, nhà quý phái ở triều La-mã xưa. Sèneque nói : *Người ta không chết mà người ta tự tử*. Sánh Ngạn ngữ nói mạnh hơn : *người ta dùng răng mà đào huyệt cho mình*. Các lời này cảnh cáo đúng quai tật của kẻ ham ăn. Không cần lập lại ai cũng biết con người ăn để sống chứ không phải sống để ăn. Lấy phương thế làm mục đích là phản lý tưởng làm người.

2) *Mê uống* : Mê uống ở đây hiểu là ghiền rượu mạnh. Tật này xấu tự bản chất như tật mê ăn bởi lấy việc uống

lâm lý tưởng của đời sống. Chứng ghiền rượu là tai hoạ kinh khủng cho cá nhân, gia đình và quốc gia.

a) *Hại cá nhân* : Ngày nay không còn ai bàn cãi về cái hại của chứng ghiền rượu trên thể xác và tinh thần con người. Theo Bourceau và Fabry : « Trong 100 người chết vì lao có đến 80 người do ghiền rượu. » Nếu không bị vi trùng Cốc rút rửa thì người nhậu rượu cũng bị hư gan, đau dạ dày, nhức đầu, yếu tim, dĩ nhiên là làm chóng mặt. Lưỡi môi dần dần chai lì khi phải nuốt những mùi vị. Máu lưu thông không điều hòa. Toàn thân như cây bị bủ xẻ, đi đến chỗ kiệt quệ sinh lực. Khi ngã bệnh rất khó cho thuốc. Thuốc trừ điên do nọc chó dại của Pasteur có khi vô hiệu cho người lâu năm ghiền rượu bị nọc chó dại.

Những tai hại thể xác ấy không đáng sợ bằng tai hại tâm thần. Người ghiền rượu trong thời gian say rượu không sử dụng được lý trí và ý chí nên có thể tha hồ làm những việc ác mà khi tỉnh rượu họ rất hối tiếc. Trí huệ của họ rất minh mẫn. Ý chí khó cạn nghị lực. Lương tâm nghèo đức tế nhị. Trí nhớ mờ mịt. Óc tưởng tượng cùng mẫn. Đời sống nội tâm của họ thật khốn nạn.

b) *Hại gia đình*. Laménais nói : *Bạn biết người này uống gì trong cái ly chớp sao trên bàn tay run rẩy vì say túy lúy của họ không ? Họ uống nước mắt, máu huyết, sự sống của vợ con họ.* Thực chí lý. Trong gia đình họ là con sâu rút rỉa cách ghê tởm quỹ tiền bạc hay sức lao động của những thành phần khác. Con cái mang giống máu bệnh hoạn của họ nếu không khật khùng, một mắt, lé xệ, méo mặt, vẹo lưng thì cũng mắc chứng đau gân, đau tim, ốm gầy như con mấm Hạnh phúc gia đình kẻ như là ảo tưởng vì khi từ nhập tâm họ khó tánh, ăn nói như phang củi vào mặt

vợ, dần dần dần chén, chưởi con, rượt đập dầy tở. Đó là chưa nói sự ăn hại mà họ hay bẻ bạn bọm rượu họ rước đến tạo ra cho gia đình nhiều khi ứa nước mắt nhịn đôi. Họ xuềnh xoàng ăn uống nói chuyện tống trào, tam quốc bỏ hết việc làm.

c) *Hại quốc gia.* Nước nào mà không mong hùng mạnh. Quốc gia hùng mạnh cấu thành bằng những óc thông minh, ý chí cường dũng, những quả tim hy sinh, những bàn tay gân guốc để cứu quốc và kiến quốc. Vậy quốc gia hưởng được gì ở kẻ ghiền rượu và con cái; kho ví trùng bá chứng của họ. Đã không làm gì ích quốc dân họ còn gây những gánh tai họa cho nước nhà. Hãy đọc bản thống kê kết quả chứng nhậu rượu mà chúng tôi mượn của Foulquière viết theo F. Rieman dưới đây :

8 — 1908 8 — 1909 9 — 1909

Tội nhân : (rượu bán tự do) (cấm rượu) (bán rượu lại)

Say rượu	1.549	168	1.650
Ám sát, hành hung,			
ngịch chánh quyền	50	21	51
Đạo tặc	412	196	391

(Foulquière. Logique et morale. E.E. — 580
theo Rieman trong Dictionnaire de
sociologie 1, 356, Letourey 1933).

Bạn có thấy khiếp trước những ác quả ấy chưa. Mà đó là số thống kê cách nay trên nửa thế kỷ. Thời này do ảnh hưởng của giặc giả, các phong trào ăn chơi, nếu số thống kê về ác quả của chứng ghiền rượu được làm cho đúng chắc ta thấy bất chóng mặt.

3) *Ghiền á phiện*. Chứng nuốt khói hay đúng hơn nuốt cái chết này gây tai hại cho cá nhân, gia đình, quốc gia cũng giống như tật ghiền rượu. Nó đầu độc thân thể, rút rĩa sinh lực làm cho tâm vóc gầy còm như bộ xương khô. Các năng lực tinh thần bị kiệt lực, mất nhuệ khí hoạt động, nò lẹ các dục tính nhứt là dục tính đòi thỏa mãn xúc giác. Gia đình có kẻ hút là kẻ như mớ hôi, nước mắt của sức lao động phải như vàng đổ sông Ngô. Thờ lạy nạng tiên nâu, người mang tật « *bắn khí* » là vi trùng độc hại gia đình cho tàn bại tài sản. Quốc gia có những công dân ngày tối cà rà, ngồi lền nằm xuống quanh bàn đèn để thả hồn theo khói thì đúng là có những con chiên ghê, những *glá áo tui com chỉ* quanh năm ăn hại xã hội.

Tóm tắt : các lạm dụng kể trên về ăn uống, về á phiện đều tuyệt đối xấu và phải xa lánh triệt để. Còn thuốc lá ? Ngày nay việc hút thuốc lá qua phổ thông. Mỗi phút thế giới đốt hằng triệu bạc ra khói thuốc. Những nơi tôn nghiêm mà nhiều bậc lãnh đạo tôn giáo hay chánh trị hội hiệp thường khó vắng khói thuốc. Chúng tôi muốn nói thuốc lá được dùng như trà bánh, trầu cau khi xã giao. Thế tại sao có nhiều sách đức dục cấm triệt để việc hút thuốc ? Để tránh những lý thuyết suông, những lời khuyên lấy lệ, vô hiệu, ta nên bình tĩnh xét cách phải chăng vấn đề này. Trước hết phải nhận chất nicotine trong thuốc lá là độc, rất độc. Nó kích thích quá mạnh thần kinh. Nó làm nghẹt sự hô hấp. Nó giục trái tim chảy mạnh và không đều. Bao tử có thể bị nhiễm độc khi chứa nước miếng, đồ ăn có dính nó. Không cần hỏi bác sĩ nào, ai muốn biết hiệu quả không tốt của thuốc lá thì hút một điếu rồi

khách quan so sánh tình trạng sức khỏe của mình trước và sau khi hút thì biết. Kết quả nhẹ nhứt là miệng đắng đắng và đầu nặng nặng. Léon Tolstói trong cuốn « Kỷ niệm » đã thuật lại ác quả của thuốc trên thân thể khi ông ốm *ông đổ Thở-nhi-kỳ* và thể đến xuống lỗ không hút nữa. Biết thuốc lá độc mà nó phá được thông dụng ta nghĩ sao. Theo chúng tôi tưởng dưới 25 tuổi thì tuyệt đối không nên hút. Hãy kiêng nó như kiêng rượu mạnh và á phiện. Qua tuổi đó khi xã giao hay trong đời tư hút chút ít để câu chuyện thêm phần hào hứng, để khi làm việc một mình có chút giải trí. Tuy nhiên phải tự chủ kéo chút ít trong thực hành có nghĩa là *khi ít khi nhiều khi nào cũng có*. Và kẻ ghiền thuốc nặng coi chừng ghiền rượu nặng.

5 — Tại sao cần đức tiết độ?

Trong con người có những dục vọng xấu mà dục vọng về thỏa mãn xúc giác ác liệt nhứt. Con người không khác

con vật cho mấy nếu chỉ về thứ dục vọng này. Ai trong chúng ta cũng tự nhiên thích ăn ngon, ăn nhiều. Rồi có tập quán uống món gì như trà, cà phê, rượu thì ai cũng thấy thích uống thứ ngon, uống nhiều. Về đường tình dục, ai mà khỏi bị những cảm dỗ nó gào thét, xô đẩy con người vào nẻo tội. Nhưng con người có lý trí và ý chí. Hai yếu tố này đề cao nhân phẩm. Khi con người dùng lý trí để suy nghĩ, ý chí để quyết định, mà không nô lệ các tình dục xấu là con người hành động với tư cách con người. Trái lại, người vô độ ham ăn, mê uống, hạo dâm, quên mình là nhân vị, hành động, ngang hàng hay dưới cấp bậc thú vật. Vậy có thể nói đức tiết độ bảo vệ nhân phẩm của ta và giúp ta tạo nhân cách.

Cũng nên đề giá trị của đức tiết độ còn căn cứ ở

chỗ nó dọn đường cho các nhơn đức khác phát triển. Năng lực tiết độ là năng lực tự chủ là năng lực đàn áp các dục tính xấu, diệt trừ các quái tật, tạo một thể thuận hợp cho các nhơn đức như tin tưởng, trông cậy, yên mến, khôn ngoan, công bình, anh dũng v. v. ... để phát triển. Cũng không nên quên ích lợi thực tế ngay của tiết độ là tránh cho người ta những bệnh sát nhơn sinh ra bởi ăn uống, truy lạc quá độ. Nếu người vô độ dẽ hết yếu thì người tiết độ thường trường thọ. Đọc tiểu sử Franklin ta thấy ông sống dai mà thường tiết độ lại rất đơn giản. Trước Franklin có biết bao nhiêu thánh nhân, tu rừng ăn châu chấu, mật ong, bánh khoai ma sống đến tám chín chục tuổi. Sau Franklin những Gandhi, Piô XII ăn đơn giản mà thuộc về hạng thọ cao.

6— Phương thế luyện đức tiết độ

1) *Nói gương các thánh nhân.*

Nếu cho gương Đức Giêsu là Thượng đế giáng trần cao cả quá về mặt tiết độ thì ít ra

ta cũng theo được gương những thánh nhân như François d'Assise, Thérèse d'Avilla v. v. ...

2) *Ham làm việc.* Một khi ta có lý tưởng cao đẹp và mải miết làm việc, tự nhiên các việc ăn uống bị coi là phụ thuộc, là phương thế để ta có đủ sức phụng sự lý tưởng. Nên nhớ tiết độ không phải nhất thiết là không ăn uống nhiều, mà là không ăn uống quá độ. Ăn uống bao nhiêu tùy khả năng, tùy cần thiết của ta. Có nhiều trường hợp, ăn uống đầy đủ lại là nhơn đức nữa: hiểu là ăn uống để có đủ sức khỏe thực hiện đức bác ái trong những công tác phục vụ phần rỗi hay cứu tế xã hội.

3) *Luyện chí khí*. Bị quyết định như thế tiết độ cũng như để thực hiện nhiều hơn đức khác là chí khí, tự trấn áp được những thèm khát khi không cần thiết. Muốn ý chí luôn chiến thắng bản năng, nên nhớ điều này: là đừng khi nào hữu ý nhượng bộ sự tấn công của bản năng. Một lần sa ngã, thất bại có thể nhiều lần sa ngã, thất bại khác tiếp theo. Trái lại ý chí chiến thắng được một vài lần, nó có trên, có đủ điều khiển tình dục.

4) *Cứ tiết độ*. Sau hết không phương thế nào luyện đức tiết độ bằng cứ tiết độ. Hãy tin mình là kẻ tiết độ và sống như mình đã tiết độ rồi. Phương pháp tự kỷ ám thị này rất hiệu nghiệm vì nó tạo ra xu hướng để tiết độ và một khi có tập quán tiết độ thì ta tiết độ vững chắc.

6 — DANH NGÔN

1) Ai ăn uống tiết độ thường trường thọ.

Victor Hugo

2) Bạn biết người này uống cái gì trong cái ly chóp chóp trên tay run rẩy của nó không? Nó uống nước mắt, máu huyết và sự sống của vợ con nó.

Laménais

3) Đó là một sự khờ khạo, lãng phí vô ích tiền bạc.
Tôi thề không khi nào hút nữa.

*Léon Tolstol trả lời cho
bạn hỏi ông hút thuốc để chi*

4) Tham tâm hại kỷ, lợi khẩu tổn thân: Lòng tham hại mình, môi mếp hại thân.

Thất công

5) Trước các bữa ăn mà uống những rượu khai vị là mở cửa bao tử bằng chìa khóa giả.

Trousseau

7 — TỰ ÁM THỊ

Tôi tin chắc người xứng danh nghĩa con người là kẻ tiết độ trong khi ăn uống.

CHƯƠNG XI

ĐỨC SẠCH SẼ

*« Mens sana in corpore sano :
Tinh thần lành mạnh trong thể
xác cường tráng. »*

Juvénal

I.— ĐẠI YẾU

- 1) Mỗi ngày George C Marshall làm gì ?
- 2) Giá trị của sạch sẽ.
- 3) Đức sạch sẽ là gì ?
- 4) Sự tự tử.
- 5) Lợi tinh thần của đức sạch sẽ.
- 6) Phương thể luyện đức sạch sẽ hay là bảo tồn sức khỏe.

1.— Mỗi ngày George C Marshall làm gì ?

Bạn có biết nhà tướng nào
lừng danh nhất ở Hoa-kỳ từ
Jackson đến các tướng của
lối 1918 không ? Con cạp điền
nào đã làm cho đại chiến thứ hai chóng kết liễu. Nhả
quân sự nào khét tiếng nhất về giữ kỷ luật trong hàng ngũ
các tổng chỉ huy hành quân của Hoa kỳ. Đó, thưa bạn,
đó là tham mưu trưởng Marshall. Con người bất hủ ấy có
gì cho bạn và chúng tôi noi gương. Có nhiều đặc điểm
lắm. Óc đại đảm. Trí khôn ngoan. Tánh cần mẫn. Mà
điều đáng lưu ý ở đây, thưa bạn, là Marshall, theo
Marshall phu nhân cho biết, rất quý trọng đức sạch sẽ.
Ông rất thích thể thao mà mỗi sáng ông thích tắm hơn.
Không sáng nào ông không uống một ly nước mát. Ông

không chịu được những nơi làm việc kém ánh sáng và không thoáng khí hay bần thiêu. Trong cơ quan, những binh sĩ ăn mặc kém vệ sinh thường bị ông cảnh cáo.

Một người quý trọng đức sạch sẽ như ông, người ta chẳng lạ gì, trên đường đời đã làm bao việc. Lưu danh muôn thuở.

2. — Giá trị của sức khỏe

Chắc không ai hồ nghi về giá trị của sức khỏe, tài sản quý nhất cho mỗi cá nhân trên trần gian này. Dĩ nhiên ở đời

chỉ có bắp thịt, thờ phượng vật chất, lo ăn ngủ, nghỉ, ghép đôi, bài tiết thì bậy. Vì đi sai lý tưởng hướng thượng của con người. Dĩ nhiên theo một lý tưởng tu hành chính đáng, hăm xác để tìm hạnh phúc vĩnh cửu là khôn ngoan. Vì hơn hăm xác, hạnh phúc hiện thế là phù vân còn hạnh phúc thiên quốc thì vĩnh cửu. Nhưng theo nhân sinh quan thông thường, sức khỏe cần thiết cho con người vì mọi mặt nếu con người muốn làm người cho ra người. Đối với cá nhân, sức khỏe cần thiết để những tài năng tinh thần phát triển, hoạt động đặc lực. Bốn phận mưu sinh cho mình và chớ kể mình chịu trách nhiệm đời buộc cá nhân có sức khỏe khả quan. Sự giáo dục con cái, phục vụ non sông, truyền bá chân lý và đạo lý cho đồng loại, tất cả đều lấy sức khỏe làm điều kiện tất yếu. Cứ chung mà nói một người không có sức khỏe đầy đủ thường sống đời khốn nạn, có khi hư hỏng kiếp sống nữa.

Mà hiểu sức khỏe là gì? Hãy hiểu sức khỏe là giàu khí lực. Những người đã man tiền sử hay những kẻ có vai u thịt bắp, dĩ nhiên là những người có sức mạnh. Họ rinh vật nặng trông đáng phục. Nhưng họ làm việc không dẻo dai bằng những thánh nhân hay anh hùng của hơn loại là những bậc giàu khí lực. Hãy tưởng

tượng cuộc du hành thuyết giáo vĩ đại của thánh Bảo-Lộc. Hãy tưởng tượng cuộc mạo hiểm của Christophe Colomb. Hãy tưởng tượng những chiến công của A-lích-Son, cả Nã-phá-Luân, Nguyễn-Huệ. Hãy tưởng tượng những ngày, tháng năm cặm-cui trong phòng thí nghiệm của Pasteur, Einstein, Ông Bà Curie. Sức khoẻ cần sức mạnh lắm nhưng cần thiết là khí lực, là năng lực chịu đựng cực khổ. Mà cơ quan nào phát sinh khí lực trong người. Chính là thần kinh hệ. Dưới đây khi bàn về đức sạch sẽ chúng ta sẽ bàn những phương thể dinh dưỡng thần kinh hệ và những cơ quan cần thiết khác để ta vừa có khí lực vừa có sức mạnh. Chúng làm nên sức khoẻ, cái mà người ta có thể gọi là bùa vạn năng của bất cứ ai muốn làm nên trên đời.

Trước hết chúng tôi xin nói

3. ~ Đức sạch sẽ là gì ?

sơ và khái niệm đức sạch sẽ.

Có người hiểu đức sạch sẽ là

đức khiết bạch. Ở đây chúng tôi dùng đức sạch sẽ không với nghĩa đó và với nghĩa chúng tôi qui định dưới đây.

Chúng tôi hiểu đức sạch sẽ là nhưn đức luân lý giúp con người giữ đúng những luật vệ sinh để phát triển và bảo tồn sức khoẻ hầu thực hiện những nhiệm vụ khắt yếu của con người.

1) Là một nhưn đức. Người tiền sử dơ mình xuống sông tắm. Một người cả đời bất kể lương tâm, đạo lý, xã hội, sống thuần vật chất khi bệnh chạy bác sĩ, cử ăn. Việc làm của các kẻ này thuộc về sự củng cố sức khoẻ đấy ; nhưng không phải là nhân đức sạch sẽ. Người giữ đức sạch sẽ kính trọng thể xác của mình, coi nó là thành phần của nhân vị, là phương thể để đào luyện linh hồn. Những

tác vì vệ sinh của họ thành tập quán nhằm tạo nên sức khoẻ để dùng sức khoẻ xây dựng đời sống tinh thần đạo lý.

2) *Giữ đúng luật vệ sinh.* Mấy tiếng này có nghĩa rộng là tuân thủ những luật tự nhiên hay của người có thẩm quyền để bảo vệ sự sống. Các luật liên hệ đến ăn uống, ngủ nghỉ, tắm rửa, trang sức, thuốc men, cư trú.

3) *Những nhiệm vụ khẩn yếu.* Con người có hai thứ hạnh phúc, hạnh phúc hiện thế và hạnh phúc vĩnh cửu. Sức khoẻ tạo hạnh phúc hiện thế, với những điều kiện lương thiện. Nó còn làm phương thế cho linh hồn tạo hạnh phúc vĩnh cửu. Vì đó có sức khoẻ không phải nhằm sống cuộc đời duy vật hưởng hạ để chết rồi cho là hết chuyện mà để thi hành những bổn phận khẩn thiết thuộc về cá nhân, gia đình, quốc gia, nhân loại, Thượng Đế.

4. — Sự tự tử Bàn về sức khoẻ nói rộng
hơn về sự sống, người ta
hay nghĩ đến vấn đề tự tử.

a) *Tự tử là gì ?* Có hai thứ tự tử : một thứ trực tiếp, một thứ gián tiếp.

1) *Tự tử trực tiếp.* Là tự ý gây cái chết cho mình bất cứ bằng cách nào như uống thuốc độc, nhảy xuống sông, thắt họng.

2) *Tự tử gián tiếp.* Là tự ý làm một việc mà do đó sự chết xảy ra. Chỉ huy một đồn binh, bị bao vây không đầu giặc, bạn giết mình cho đồn sắp đổ. Bạn do đó chết. Tôi là binh sĩ xung phong chạy ào vào họng súng định để cấm cò của mình trên đồn giặc. Tôi bị bắn chết.

b) *Luân lý về tự tử.*

1) *Về tự tử gián tiếp.* Xin bạn nhớ lại nguyên tắc luân lý về tác vì tự ý gián tiếp. Thứ tự tử này có khi cho phép

với điều kiện là người gây ra không nhằm cái chết mà nhằm cái lợi cho xã hội và cái lợi ấy phải có tỷ lệ cân xứng với sinh mạng. Bạn có thể thủ tiêu đồn binh của bạn khi bạn thấy rằng đồn không thể giữ hay cứu được mà chứa nhiều tài liệu quân sự quan hệ cho vận mệnh non sông. Sự xung phong của tôi trước họng súng giặc nếu có thể đem lại sự quyết định ích lợi cho tổ quốc tôi cứ liều chết.

Về tự tử gián tiếp cần khôn ngoan, bình tĩnh.

2) *Tự tử trực tiếp được phép không ?* Ở thời xưa có nhiều triết gia có lập trường nghịch nhau về luân lý của sự tự tử. Epictète thì cho tự tử là nghịch lý trí, tức vô luân. Còn Sénèque đồng ý cho ai cực khổ quá có thể quyền sinh.

Ngày nay những triết gia theo các thuyết duy vật vô thần thì đồng ý với những đồ đệ của Epicure, cho tự tử trực tiếp và hợp lý khi thấy sự sống không còn đem lại hạnh phúc thuần vật chất. Nhưng bình tĩnh mà xét sự tự tử trực tiếp với bộ óc lạnh mạnh và nhằm lý tưởng con người thì ta thấy nó nghịch luân lý. Do đó tự bản chất nó không bao giờ được phép. Dưới đây là vài lý lẽ không được tự tử trực tiếp.

2) *Ta không tự ta sinh ra ở đời.* Triết học dẫn ta từ nguyên nhân này đến nguyên nhân kia sau cùng gặp nguyên nhân khởi thủy là Thượng đế, Đấng sinh ra ta. Một hữu thể như Thượng đế khôn ngoan sinh ra ta và vạn vật loài được, tất cả khôn ngoan đặt cho sự sống ta một mục đích nào đó. Ta có quyền tiêu diệt sự sống ta khiến mục đích ấy bị hỏng đi.

Con người thuộc quyền sở hữu của Thượng đế mà còn thuộc xã hội nữa. Nó mắc ở xã hội bao nhiêu nợ từ

lúc tượng thai. Tự tử vô lý là quỵch số nợ tầy đình ấy cách bất công và bạc ân vậy.

3) Sự mệnh làm người ít ra là thực hiện những bổn phận tốt đẹp như làm chồng, làm vợ, làm cha mẹ. Vậy không nên vì thấy không có hạnh phúc mà trốn các phận sự có liên hệ mật thiết với thân phận làm người.

4) Có người cho tự tử trực tiếp : để tránh sự nhục nhã, mất danh dự. Nhưng đó là đẩy lui vấn đề chứ không giải quyết. Vì khi chết người ta ôm luôn xuống tuyến đài cái nhục nhã và ô danh. Chỉ bằng nỗ lực sống, người ta lo cải thiện cuộc đời thì Thượng đế và loài người sẽ quý mến dành cho phần thưởng và tán dương.

5) Có thể gọi tự tử trực tiếp để tránh đau khổ và khấp nhược. Đau khổ cho tâm hồn cầu thiện là phương thế thắng tiến về tu đức nếu biết khéo lợi dụng. Vẫn biết có trường hợp người ta thấy tự tử trực tiếp là anh hùng vì dám nhận cái khổ của chết. Nhưng giá cứ sống nhận cái khổ của sống, khổ nhiều hơn, chuyển bại thành thắng thì can đảm hơn.

6) Người ta nói kẻ tự tử trực tiếp tìm sự khoái lạc trong cái chết. Trước hết hãy đề ý quan niệm tự vẫn để tìm khoái lạc là coi khoái lạc ích kỷ trọng hơn cái bổn phận và các nhơn đức mà con người phải tập. Còn tìm khoái lạc trong cái chết thì mịt mờ lắm. Không cần dừng quan điểm công giáo hay một tôn giáo hữu thần nào, hãy đứng góc cạnh người vô tín ngưỡng tự nhiên mà xét vấn đề ta thấy có những điểm đáng đề ý này. Chọn cái chết bằng cách tự tử là rước một cái không khoái lạc gì đó. Có chắc trăm phần trăm chết là hết chuyện không. Một Pascal chuẩn bị cho cõi lai sinh với một Các Mác chết liêu phủ mặc may rủi ;

ai khôn hơn, ai lời ai lỗ ? Giá bên kia bỏ cửi cái chột không có gì đáng sợ thì Pascal không lỗ gì lắm. Còn nếu có thì Các Mác chắc nguy. Người tự vận lúc đứt đầu vào vòng dây, ôm chai dầu nóng, cầm đầu xuống sông là làm một cuộc đánh cá liều mà nắm chắc phần rui. Khổ để chết là một rui, mất sự sống là hai rui, gây sâu thẳm cho người thân là ba rui và trong hậu kiếp làm sao trả lời những câu hỏi hắc ám này : Người bởi đâu đến, sinh ra để chi, phạm tội có sao không, có phép tự sát không ? Cách chung những tâm hồn vô tín ngưỡng hay vô thần chính tôn để tự vận hơn người tin tưởng hậu kiếp

Lúc vua Louis XVI bị cầm tù, những kẻ nắm quyền phản tôn giáo cấm ông không được dùng dao nĩa để ăn bữa. Người ta giao một con dao cho anh giúp phòng tù của vua cắt bánh, thật có linh canh gát. Vua Louis bất mãn nói : *Tại sao người ta có đầu óc như thế. Nếu tôi khiếp nhược mà nghĩ đến quyền sinh thì cũng còn tôn giáo ngăn cấm tôi chứ.*

5. — Lợi tinh thần

của đức sạch sẽ.

Đức sạch sẽ có đối tượng chánh là cái lợi thể xác. Nó cũng gây cho ta những lợi tinh thần khả quan.

1) *Rèn luyện ý chí.* Càng nỗ lực sống sạch sẽ, ta quen chịu khó giữ vệ sinh, do đó ý chí ta được trui luyện. Ở dơ là lười biếng, khiếp nhược. Ở sạch là chịu cực, can đảm.

2) *Đề cao nhân cách.* Xác tuy không quý bằng hồn nhưng vẫn là kho báu của ta. Nó là yếu tố cấu thành nhân vị của ta cộng tác với hồn. Ở sạch, ta phát triển nó ; đích thị là ta phát triển nhân cách của ta vậy.

3) *Làm ta hợp xã.* Làm con vật xã hội, ta phải sống chung với muôn người. Sự sạch sẽ khiến ta thành người hợp với đời sống xã hội. Còn ở dơ làm cho kẻ xung quanh gớm ta, khinh ta.

6 — Phương thế luyện đức sạch sẽ

Chúng tôi biết những phương thế luyện đức sạch sẽ là giữ chu toàn luật vệ sinh. Dưới đây là những hình thức vệ

sinh, vệ sinh hiểu theo một nghĩa rộng là những phương thế bảo vệ sinh mệnh, phát huy sức khỏe.

1) *Ăn uống vệ sinh.* Trong cuốn *Cours de Morale*, Jules Payot viết : Chính thần kinh hệ phát sinh kết lực (. . .) Điều kiện tất yếu tiến tới để thần kinh hệ hoạt động đắc lực là nó được tắm trong máu trong sạch phong phú

Bởi vì sự ăn uống mỗi ngày đòi hỏi một máu chúng ta, nên bên phần chúng ta là dùng đồ ẩm thực đơn giản, sạch sẽ, vừa đủ. (Jules Payot, *Cours de Morale*. Armand Colin 35-36). Ba tỉnh từ này, luật vệ sinh đòi buộc. Đơn giản hiểu là tránh những món ăn làm ngon miệng mà khó tiêu. Nên dùng cá và rau đậu hơn là thịt cùng những đồ quá gia vị. Bệnh thường sinh ra bởi vi trùng. Con đường lưu thông nhứt của vi trùng là đồ ăn dơ. Nên dùng nước sạch, nước tím rửa đồ ăn. Những đồ ẩm thực lưu trữ, mốc meo dù ngon cách mấy nên tránh hơn là ăn có thể gây hại thân thể. Còn vừa đủ là sao. Ăn đúng nhu cầu không có nghĩa là ăn ít. Một người ăn nhiều vẫn có thể là người ăn vừa đủ. Dấu hiệu ăn quá sự là ăn vô nghe đến mệt. Người tiết độ không bao giờ ăn quá no mà ăn vừa no.

Người ở thành nhứt là người nữ phần đông có tật giết thời giờ bằng ăn lật vặt. Đến bữa ăn cơm không được, họ than bệnh. Kỳ thực tại tật ham ăn, một tật của người mà 8 thánh kinh nói dùng răng đào huyết cho mình.

Bạn nhớ không nhớ một văn sĩ nào nói dùng rượu khai vị trước khi ăn bữa là mở cửa bao tử bằng thứ chìa khóa giả. Nhận xét này đúng. Nếu cứ kích thích bao tử mãi bằng rượu mạnh thì nó sẽ dần dần bị nhiễm độc sau cùng không đủ sức tiết ra những chất dịch cần thiết cho tiêu hóa.

Rượu ngọt, rượu giải khát dùng vừa đủ, lúc cần thiết thôi. Rượu mạnh, nhứt định cứ. Cà phê, trà, nên dùng với tiết độ. Chuyên uống rượu mạnh, cà phê đen, trà đậm buổi sáng thể điềm tâm là tự đầu độc hiểu là tự tử gián tiếp.

2) *Ngủ nghỉ vệ sinh.* Ngủ nghỉ là hai phương thế giúp thần kinh hệ lấy lại sức lực. Thức khuya dậy sớm quá hay thức đêm trắng cũng như làm việc vô độ không giải trí vừa đủ làm cho thần kinh hệ cùng bao nhiêu cơ quan khác kiệt quệ lần lần. Trí tuệ, ý chí, tình cảm hoạt động nhờ thần kinh hệ mà nếu cơ quan này suy yếu, chúng sẽ mất dần khả năng, bớt tế nhị.

3) *Tắm rửa vệ sinh.* Tắm mà chỉ lo lội ở sông rạch, hồ tắm công cộng để chơi vui nếu không rước bệnh hoạn cũng vô ích. Còn siêng năng dùng nước nóng pha; xà bông tốt để tắm mỗi sáng thì thân thể rất cần. Mỗi chúng ta có hằng triệu lỗ chân lông nhờ đó dưỡng khí vào máu để bổ dưỡng thần kinh hệ và các bộ phận khác của cơ thể. Mà nếu không tắm, mồ hôi quên bụi tạo nên một lớp đất nhớt, trán bít các lỗ chân lông, khiến phổi bị nghẹt đường tiếp nhận dưỡng khí và tổng khứ thần khí.

Thiếu tắm rửa cũng gây tai hại không kém nguy hiểm này là các chân lông bị bít không giải thoát được chất dơ do máu tiết ra : ở mỗi người lớn, trung bình hằng ngày một lít. Máu sẽ xấu đi. Thân thể mà máu xấu là môi của đủ thứ bệnh.

Hằng bộ đội vi trùng của hằng bộ đội bệnh tật rình rập chúng ta từ phía để xâm nhập vào thân thể ta. Jules Payot khuyên ta hãy dùng nước sạch và xà bông tốt để tẩy chay chúng bớt.

Tóc uốn hay bết sao cho hợp vệ sinh. Nếu dùng sáp thường để chải tóc thì đừng quên thường gội vì sáp quên bụi như thầy ma rủ kên kên.

Nước hoa là vật tối cần cho người bị hồi tự nhiên, Ai không bị chứng này dùng vừa đủ. Hít nó thường hại phổi và máu, dĩ nhiên là làm tim nhảy không đều.

Hãy có thói quen rửa tay trước khi ngồi bàn. Kỹ nhất là mấy móng tay. Chúng là ngã ba của vi trùng đấy. Ăn chả giò chẳng hạn mà không rửa tay là đáng khiếp lắm.

Mỗi sáng súc miệng, rửa mặt, mũi, lỗ tai chu đáo. Nghèo cái gì chớ đừng nghèo bàn chải răng, đồ cạo lưỡi. Tập thói quen đi đâu ở đâu thì đem chúng theo. Dùng xà bông tốt, muối bột, than cã đánh răng rất tốt. Bịt răng bằng vàng, bạc là việc bất đắc dĩ và phải khéo giữ cho sạch hơn. Ngoài việc tắm rửa, súc miệng rửa mặt sớm mai, cả ngày thỉnh thoảng dùng khăn nhúng nước nóng lau đầu, chùi mặt, kỹ lỗ tai, bên trong lỗ mũi, lau cổ, thân mình và tay chơn. Triệt để tránh tật ngậm, cắn đồ dùng như bút máy, viết chì. Nhấn móng tay dĩ nhiên là không nên tuyệt đối.

Mỗi sáng uống một ly nước mát hay nước nấu đề ngội. Nó vừa nhuận trường vừa làm thần kinh khỏi bị kích thích.

Tánh tình chịu ảnh hưởng của nó nhiều.

4) *Trang sức vệ sinh.* Quần áo nếu có theo thời trang thì cũng đừng quên giữ chúng sạch bụi đất nhưt là mồ hôi. Những đồ chỉ chải mà không giặt thường là kho tập trung vi trùng. Có những quần áo cần nấu với xà bông tốt mới sạch. Tránh những đồ trang sức làm cản trở máu lưu thông.

5) *Thuốc men vệ sinh.* Không nên bệnh tưởng nghĩa là không chắc bệnh mà cứ đổ vô mình nào sâm nhung, huyết bò. Nhưng bệnh thật thì phải dùng thuốc. Cho dạng dùng thuốc hiệu quả phải chạy đến y sĩ, bác sĩ vừa lành nghề vừa có lương tâm chức nghiệp. Ở thời nào và ở đâu cũng vậy, phải tin thuốc vì được khoa là chuyên môn của họ. Nhưng không nên đại đột tin bất cứ thầy thuốc nào. Tiền bạc mệt nhọc, tinh cảm có thể cho phép người ta làm việc đáng tiếc lắm. Thân thể con người tế nhị hơn máy đồng hồ nhiều. Sửa đồng hồ cần coi máy móc kỹ thì chữa bệnh chắc không thể rờ sơ sơ, gõ cạch cạch là đủ. Coi chừng không phải nhà bào chế nào cũng lương thiện đâu vì đó thuốc có thể không phải là thuốc trăm phần trăm luôn. Không ai sống hai lần cuộc đời nên đừng quá dễ dàng giao phó tính mạng mình cho bất cứ ai gọi là thầy thuốc. Nói vậy không có ý bảo y sĩ, nào cũng giống như thầy lang chữa Lục Vân Tiên. Chúng tôi chỉ muốn nói sự dè dặt, cần thận lo chữa bệnh. Lời khuyên cổ điển phòng bệnh hơn chữa bệnh đừng quên. Khi đau ốm nên nhớ ông bà nói có lý : thuốc hay không bằng cử ăn.

6) *Cư trú vệ sinh.* Vi trùng là quân thù bất cộng đái thiên của thân thể ta. Vì đó nó cần sống chỗ sạch sẽ. Nơi thoáng khí cung cấp cho bộ phổi dưỡng khí là yếu tố lọc máu và bồi bổ thần kinh hệ. Giặc giã, nghèo túng đã dất nhiều gia đình từ cha mẹ con, dâu rể đến cháu chắt co rút

trong những căn nhà bẩn thỉu như chuồng. Sức khỏe của họ rất bị hãm dọa. Tuy nhiên, lành cho sạch rách cho thơm. Chộn khó tổ chức chỗ cư trú sạch sẽ một chút cũng đỡ cho sức khỏe. Các nơi bùn lầy nước đọng hay đông đúc như đũa trong ống : đứng ở. Thường rửa nhà, nấu đồ ngủ dùng những nước khử độc, nhà vệ sinh là việc làm cần thiết cho sức khỏe của mọi người.

7) *Thể dục, thể thao vệ sinh.* Thể dục hiểu nghĩa rộng là sự giáo dục về thân thể. Hiểu như vậy nó gồm cả thể thao, là sự tập luyện theo phương pháp chuyên môn những việc có mục đích vừa giúp thể xác nở nang vừa giúp tinh thần phát triển. Nó gồm cả ăn uống, ngủ nghỉ, thuốc men v.v. Ở đây hiểu thể dục theo một nghĩa hẹp là những tác động thể xác ta tập có phương pháp để giúp thân thể nở nang.

Thể dục khác thể thao ở chỗ là thể thao thường chuyên môn trong khi nó gồm nhiều cách luyện thân thể mà không theo hẳn một cách nào. Mỗi sáng tôi thở, chạy, múa tay, múa chân là tôi làm thể dục. Bạn chuyên chơi túc cầu, bóng rổ, bóng chuyền v.v.. là bạn làm thể thao.

Về thể dục, nếu không làm được nhiều thì đừng quên mỗi sáng cũng như mỗi tối trước khi ngủ thở 20 cái bằng hoành-cách-mặc.

Về thể thao, nên khai thác cái lợi thể chất và tinh thần của nó hơn là vì óc đam mê, tranh đấu mà gây hại cho thân thể. Thể thao về mặt thể xác giúp gân cốt, các bắp thịt phát triển, dẻo dai. Bộ tiêu hóa, bộ hô hấp, cuộc tuần hoàn, của máu nhờ nó làm việc đắc lực hơn. Cơ thể cứng rắn, già dặn, chịu đựng khổ cực, lạnh lợi hơn nhờ thể thao khéo luyện tập.

Cái lợi tinh thần thì nhiều không kém : óc hợp quần, óc đoàn kết, sức kiên nhẫn, tinh thần danh dự, chí quyết định, đức vui tươi.

7. — DANH NGÔN

1) Một ngôi nhà lau rửa sạch, chưng diện đẹp ở trong đó không đi từu quán nữa.

H. Bordeaux

2) Xà bông có một vai trò xã hội : sự ở dơ là điều chia rẽ chúng ta nhứt.

Jules Payot

3) Ở sạch là can đảm, ở dơ là bạc nhược.

Waterstone

4) Mỗi lần bạn bị cám dỗ tự vận hãy tự nói rằng :
« Tôi còn phải làm một việc thiện trước khi chết ».

J. J. Rousseau

5) Bạn có thấy đang vô lễ và gieo vi trùng khi nhờ nước miếng bậy chỗ không.

Feurzinger

Sa- éc
May, 2016

8. — TỰ ÁM THỊ

Tôi coi đức sạch sẽ chẳng những là việc tất yếu cho sức khỏe của tôi mà còn là bổn phận tôi đối với xã hội.

CHƯƠNG XII

ĐỨC KHIẾT BẠCH

« Ở đâu không có đức khiết bạch thì ở đó chỉ có bùn trong mồ mả. »

Lacordaire

I — ĐẠI YẾU

- 1) Chặt một cánh tay.
 - 2) Đức khiết bạch là gì ?
 - 3) Đối tượng đức khiết bạch
 - 4) Giá trị đức khiết bạch.
 - 5) Ác quả của tật dâm ô.
 - 6) Nguyên nhân tạo tật dâm ô.
- Phương pháp luyện đức khiết bạch.

1 — Chặt một cánh tay

Vương Ngung chết, bị táng ở xa nhà. Vợ là Lý Thị đem hài cốt về quê chôn. Trên đường về, trời sập tối, Lý Thị vào một nhà nọ xin trọ. Chủ nhà nghi Lý Thị không cho. Nàng hết lời năn nỉ. Chủ nhà cương quyết cự tuyệt và nắm cánh tay kéo ra khỏi nhà. Lý Thị hối tiếc than : « Ôi ! tôi là đàn bà mà để người ngoài nắm tay. Tôi không vì một cánh tay mà thân phải liên lụy ». Nói xong, nàng chặt một cánh tay. Người xung quanh hay chuyện lạ, đến xem tấp nập. Tin đưa đến quan huyện Khai Phong : ông này tìm thuốc chữa, cho tiền Lý Thị và trừng phạt chủ nhà.

Đọc chuyện này, người thời đại ta chắc cho là Lý Thị nghiêm nghị quá. Nhưng ai cũng phục tâm hồn thanh khiết của nàng. Nó nói lên con người có quả tim cao thượng, nhờ chữ tín và ý chí danh thép.

2.— Đức khiết bạch là gì ?

Tiếng đức khiết bạch chúng
tôi dùng đây đồng nghĩa với
tiếng *đức sạch sẽ* nhiều người
hay dùng để dịch tiếng Pu-

ritas của La văn hay Pureté của Pháp văn. Chúng tôi
hiểu tiếng khiết bạch chứa hai khái niệm thanh khiết
(chasteté) và trinh khiết (virginité). Do đó ta có thể có
ba định nghĩa.

a) Khiết bạch là một hình thức của đức tiết độ giúp
ta tránh những nhục lạc không được phép hay được
phép làm.

b) Thanh khiết là đức khiến ta kiêng cử các nhục
lạc bất lương mà luân lý cấm.

c) Trinh khiết là đức làm cho ta tuyệt đối kiêng cử
các nhục lạc dù là những nhục lạc chính đáng của hôn
nhân.

1) *Khiết bạch*. Nói đến khiết bạch ta phải hiểu rõ ý
nghĩa của nó. Nó có một nghĩa trọng: chỉ tâm hồn kiêng
cử mọi nhục lạc. Người thanh khiết hay trinh khiết đều
được gọi là người khiết bạch.

2) *Thanh khiết*. Người thanh khiết có thể là người có
đôi bạn, đã mất trinh khiết cách lương thiện, hưởng
những nhục lạc chính đáng mà hôn nhân cho phép. Họ
kiêng cử những nhục lạc với bất cứ ai hay cách đơn
độc ở ngoài hôn nhân. Người thanh khiết là người khiết
bạch mà không trinh khiết.

3) *Trinh khiết*. Người trinh khiết là người hoàn toàn
kiêng cử các thứ nhục lạc trong hay ngoài hôn nhân.
Người ta gọi họ là người đồng trinh. Một người trinh
khiết dĩ nhiên là khiết bạch, là thanh khiết.

4) *Đối tượng của khiết bạch*. Chúng tôi căn cứ vào hai
điều thứ 6 và thứ 9 của Thập giáo điều đề bàn về đối
tượng của đức khiết bạch. Đức Khiết bạch cấm :

3. — Đối tượng của đức khiết bạch

1) *Tư tưởng dâm ô.* Những tư tưởng hướng về thú vui xác thịt mà được thưởng thức với hữu ý là nghịch với đức khiết bạch. Sự thưởng thức này thần học gọi là khoái cảm diên tri (delectatio morosa). Tức là nhận thức sự khoái lạc kéo dài bằng tư tưởng về xác thịt. Tư tưởng về xác thịt thì là người ai cũng có nhưng ở đây nhấn mạnh sự hữu ý nghĩ-tưởng về dâm ô để thưởng thức nhục lạc bằng suy tưởng. Điều này tự bản chất nghịch đức khiết bạch mặc dầu chỉ tưởng mà không có ý thể hiện việc dâm.

2) *Ước vọng dâm ô.* Đã có ý tưởng về việc dâm, người ta ước muốn việc dâm, thực hiện việc dâm để hưởng nhục lạc. Ước vọng việc dâm chỉ nghịch đức khiết bạch khi nó là tác vi hữu ý và tự do.

3) *Liếc, nhìn dâm ô.* Liếc nhìn cách hữu ý và tự do việc dâm ô để tìm thú vui xác thịt trong tâm tưởng đã phạm tội chống đức khiết bạch đã đành, mà tự ý liếc nhìn những người, những vật, hình ảnh có thể cám dỗ mình về dâm ô mà theo kinh nghiệm chắc chắn mình tự biết là yếu đuối, dễ sa ngã, sự liếc nhìn đó cũng nghịch đức khiết bạch ít nhiều.

4) *Lời nói và chữ viết dâm ô* đều nghịch đức khiết bạch hết. Những lời nói hiểu là những câu chuyện, diễn văn, bài hát, những lời nói công khai, minh nhiên hay ẩn ý và những chữ viết hiểu là các sách báo khiêu dâm. Kể nói và viết khiêu dâm phạm chính tội dâm và phạm tội làm cho những tâm hồn non nớt hư tổn.

5) *Hành vi dâm ô.* Hiểu hành vi dâm ô là những đã động hay những tác vi gây nhục lạc cách đơn độc hay với

kẻ khác một cách bất chính ngoài hôn nhân. Hành vi dâm ô dĩ nhiên là nghịch đức khiết bạch nhưng trọng tánh của nó tùy thứ tội dâm tùy nơi người ta phạm tội hay tùy người phạm tội.

4 — Giá trị đức khiết bạch

Thần học gọi đức khiết bạch là « đức thiên thần ». Giá trị của nó rất cao vì nhờ nó tâm hồn siêu vượt bản năng tính

dục. Nó làm cho tâm hồn đẹp, tợ hoa huệ, giống các thiên thần và được đẹp lòng Thượng Đế. Người khiết bạch do đó có nhân cách cao cả, đáng phục. Nói về ích lợi nó gây cho con người gia đình và quốc gia, hơn loại thì vô số.

1) *Cho cá nhân.* — Người khiết bạch có nội tâm thanh bình, nếm một niềm vui khó tả mang màu sắc thánh đức. Đức khiết bạch cũng làm họ gia tăng tình yêu đối với Thượng đế và hơn loại. Các linh mục tu sĩ nhờ lòng băng tuyết đã dám hy sinh suốt đời phụng sự Thượng Đế và đồng loại cách bất vi lợi. Cho thế xác con người đức khiết bạch đã gây những ích lợi khả quan. Trong cuốn *Sen giữa lầy* chúng tôi đã trưng nhiều lời tuyên bố của nhiều bác sĩ hữu danh về điểm này mà Giám Mục Tihamer Toth đã sưu tập. Điều đáng đề ý nhất là đức khiết bạch làm sinh lực ta dồi dào để ta có đủ sức khỏe thi hành lý tưởng.

2) *Cho gia đình.* — Vợ chồng thanh khiết, yêu mến nhau ngày càng hơn tin cậy, giúp đỡ nhau tận tình nên gia đình đối với họ là nguồn hạnh phúc. Con cái mà cha mẹ thanh khiết, thường được giáo dục chu toàn.

3) *Cho quốc gia.* — Đức thanh khiết chuẩn bị cho quê hương những thanh niên minh mẫn, kiên chí và tháo vát, để các công việc cứu quốc và kiến quốc đặc lực.

Các công chức mà lòng như sen giữa vũng lầy sẽ thi hành bốn phận với lương tâm nghề nghiệp hơn là kẻ tham ván bán thuyền mê đắm nguyệt hoa. Dĩ nhiên quốc gia sẽ rước được những bàn tay lãnh đạo sáng suốt mà nhà trường được đức khiết bạch điều khiển, cung cấp. Những trang tuần tú này đã hiến nguyên thời xuân không phải để truy lạc mà đổi mài con người về các phương diện thể xác, tinh thần, tâm đức, xã hội.

4) *Cho nhân loại.* — Chính đức khiết bạch đã tạo cho đời bao nhiêu anh hùng và thánh nhân, nhất là thánh nhân. Thánh nhân thì thanh khiết đã đành. Anh hùng có kẻ cũng vấp ngã trên đường tinh nhưng ở đây nói ít ra khi các vị ấy thể hiện lý tưởng của quốc gia, các vị khiết bạch. Sau hết giá trị đức khiết bạch còn ở chỗ nó cao cả, khó giữ. Con người phải chiến đấu ác liệt với bản năng hướng hạ của mình mới sống được khiết bạch.

5) *Ác quả của tật dâm ô.* — Tật dâm ô nghịch luân lý vì nó gieo những hậu quả khốc hại cho cá nhân và xã hội.

A — *Cho cá nhân.* — Người dâm ô có thể xác gãy ốm như ve. Họ là chỗ tập trung của các chứng bệnh nhức nhối, sát hơn như liệt dương, dương mai, lao phổi, yếu tim. Thường họ mất năng lực làm việc vì thân thể nặng như chì, toàn thân mệt mỏi. Họ dễ chết yếu. Về tâm hồn, tật dâm ô cũng gây những ảnh hưởng khốc hại. Nó làm lương tâm mù mịt, khó phân biệt thiện ác, lo hướng hạ, ham vật chất, quên mất đời sống siêu nhiên. Trí tuệ mất ánh sáng tự nhiên nên suy luận ít sáng suốt. Ý chí nhiều lần nhượng bộ bản năng, trở thành bất lực. Họ thấy người do dự, dục tốc hay đổi tánh. Tim của họ cũng chai lì, ích kỷ, không còn năng lực hy sinh hay có những tình cảm cao thượng.

B — Cho xã-hội. — Như trong một số trên ta đã biết nếu khiết bạch gây ích lợi cho xã-hội bao nhiêu thì dâm ô tạo ác quả bấy nhiêu. Trong gia-đình dâm ô gây bất trung tín, mất lòng chung thủy, tạo thói ghen tương, khiến vợ chồng không ngon cơm ngọt canh, xào xào, mắng chửi, đánh đập nhau, có khi sát hại nhau hay ly dị. Nó phá hoại tiền của gia-đình trong những sự tiêu mòn bất công hay bằng sự nhàm chán làm việc. Sự giáo dục con cái, sự chuẩn bị tương lai cho chúng cũng tiêu tan. Dĩ nhiên danh tiếng gia-đình bị chà đạp dưới chơn thiên hạ.

Ở học đường, dâm ô làm nhà giáo mất uy tín, làm việc thiên vị, thiếu lương tâm nghề nghiệp. Tuổi xuân là tuổi phải phụng sự sách đèn, mà dâm ô khiến nam thanh nữ thanh lo theo tiếng gọi con tim, bỏ các bổn phận cần bản làm hại cho tương lai mình cũng như phá hoại hy vọng của cha mẹ và tổ quốc. Trong quốc gia dâm ô tạo ra những ô dâm như lâu xanh, trại lính thiếu kiểm soát. Nó cũng làm cho bao binh sĩ mất khả năng chiến đấu, để thanh kiếm anh hùng bị sét vì giọt lệ mỹ nhân khi lọt vòng mỹ nhân kế. Bực cầm quyền dâm ô sẽ không mong gì làm xong bổn phận cha mẹ dân. Họ mất uy tín. Họ ích kỷ. Họ bóc lột dân chúng để phụng sự cá nhân hay kẻ họ yêu. Vận mệnh quốc-gia họ coi rẻ và quyền lợi quốc dân họ lạm dụng. Họ là sâu dân một nước.

Vậy tự bản chất, tật dâm ô gây nhiều ác quả cho cá nhân cũng như xã-hội.

6 — Nguyên nhân tạo tật dâm ô. Có hai thứ nguyên nhân : Nguyên nhân nội tâm và ngoại tâm.

1) Nguyên nhân nội tâm. — Các nguyên nhân này thường đáng sợ vì chúng phát xuất từ bên trong con người chúng ta.

a) *Vật dục*. Vật dục (concupiscence) là xu hướng về những khoái lạc vật chất như là khoái cảm về thịt. Ta có vật dục vì nguyên tội nó làm bản tánh con người một phần từ hư đốn. Muốn khiết bạch phải chiến thắng vật dục.

b) *Các tật xấu*: Như không tiết độ (mê ăn, mê uống, ghiền rượu, nghiện á phiện), như kiêu ngạo (quá tin tưởng nơi ý chí của mình mà coi rẻ thần lực nên sau cùng bị các tình dục xô mũi, vấp nặng trong hố dâm ô, như lười biếng, lười nhong, nhưng hay mơ tưởng hình ảnh hắc ám) tâm hồn kẻ lười biếng là đất phong, để các giống tật xấu mọc lên.

2. — Nguyên nhân ngoại thân

a) *Giáo dục xấu*. Trong gia-
đình khi con cái còn ấu trĩ,
chưa thành nhen sống chung,
cha mẹ làm việc tính giao hay

cư xử thân mật với nhau gây ở đầu óc non nớt con cái những ấn tượng xấu, chúng bị nhiễm độc và sớm nghĩ về dâm ô.

b) *Thiếu tính giáo dục*. Vì e thẹn, vì dốt nát, vì mắc lo làm ăn, vì thiếu cơ hội, bao nhiêu cha mẹ không khôn ngoan dạy con cái những điều tối cần biết về vấn đề nam nữ. Con cái lớn trong ngu dốt và sau cùng hiểu các việc về tình dục cách sai quấy do bè bạn hay sách báo ít đúng đắn. Đó là chưa nói có nhiều người trong gia-đình có lối chơi kỳ lạ là hay đá động đến chỗ kín của trẻ con hay vô tình bông chướng theo kiểu bông nách. Tất cả theo thời gian kích thích dâm tính của con trẻ và làm cho về sau chúng hay bị những cám dỗ nặng nề dục-tính. Ở trên chúng tôi nói ảnh hưởng xấu do bè bạn là có ý nói những bạn

chơi hay bạn lớp của con cái khi chúng giao thiệp và đến trường. Ở thời này quỷ Satan thành công lắm về dâm dục ở dưới nhiều mái trường. Chúng chiếm hầu hết tâm hồn thiếu thanh niên. Các kẻ này làm quân sư cho nhau và cặp kè nhau tuột xuống hố trụy lạc. Bệnh dịch ấy đang hoành hành mà không ai biết được ngày chấm dứt.

c) *Giao thiệp khả nghi.* Câu « Nam nữ thọ thọ bất thân » đã mất ý nghĩa trong nhiều xã hội. Con cái, học sinh ngày nay tự cho mình phép rất rộng để giao thiệp và coi đó là dân chủ, hợp thời, tự do luyện ái. Nhiều buổi họp mang danh là văn nghệ, là giáo dục kỳ thực sau cùng gây kết quả khốc hại không ngờ. Thanh niên khác phái trà trộn (lừa gần rơm không trầy thì trụa). Những quả tim thêm yêu và được yêu lưu luyện, giao tiếp cách vô lý và vô ích với nhau khi người lớn vắng mặt hay khi người lớn lợi dụng việc xấu để mưu sinh. Các lối trao đổi tâm sự bằng tặng vật, thư từ cũng làm cho lửa dâm bùng bột cháy. Có báo chí tổ chức « Tìm bạn bốn phương » mà thiếu đề phòng vô tình làm ông tơ bà nguyệt thế quỷ dâm dục.

d) *Lưu trú, trọ học thiếu kiểm soát của người đứng đắn.* Nhiều ký túc xá tổ chức bên ngoài sang trọng mà thiếu những giám đốc; giám thị sành giáo dục nên dễ cho tuổi trẻ hay bị chứng đồng tình ái, hay kết nghĩa riêng cách sai quấy, hay phạm những tội dâm cách đơn độc. Còn sự trọ học của nhiều học sinh ở tỉnh lên thành thì đáng thương hại lắm. Họ có thể vừa té vào những nguy hiểm của một số ký túc sinh nói trên, vừa phạm những tội dâm ô với người khác phái bạn học hay kỹ nữ.

e) *Tuồng kịch, xi-nê khêu dâm.* Khởi nói, ai cũng biết ngày nay con người, trong đó nam thanh và nữ thanh bị nhiễm độc rất nặng bởi các tuồng kịch, xi-nê khêu dâm. Không cần bàn những người chủ trương lời các tội bại về luân lý lên sân khấu, màn bạc để lợi dụng bản năng thấp hèn nhút của con người mà làm ăn. Hãy nói ngay những vở tuồng kịch, những phim lãng mạn mà trong đó có những đoạn đượm màu sắc ái tình, nếu không khéo nhấn mạnh phần xây dựng, người ta cũng làm cho khán giả bị gương xấu hơn là học cái hay cái đẹp. Coi chừng tuổi trẻ không thấy được kết cùng đầy luân lý của tuồng kịch phim mà lấy làm khoái trá các chuyện tình gay cấn, lâm ly của những vai làm việc ác. Đó là chưa nói hi viện ngày nay hay bị lạm dụng làm nơi mua bán tình dâm, làm nơi ăn trộm lòng thủy chung, làm nơi lạm dụng bóng tối để chằng những tổn tiền, tổn giờ, tổn sức khỏe mà còn làm những việc tầm thường tồi phong bại tục.

f) *Ăn mặc khêu dâm.* Sự kín đáo theo lương tri cho biết là điều kiện của đức thẹn thường, đức tiết na và là bí quyết làm cho phụ nữ trở nên khả ái. Một số thiếu nữ đánh rơi nó, coi thường nó và lấy sự ăn mặc trống trải làm hãnh diện. Họ quên rằng cho những tâm hồn đứng đắn, thân thể mà ăn mặc quá hở hang hay lòng kiếng trong các thứ vải rây bột chỉ nói lên sự dă man của người tiền sử, sự ô uế hay có thể ô uế của tâm hồn.

g) *Các thanh lâu công khai hay chùng lên.* Các tổ chức « bán thịt đôi cơm ăn » ngày nay nhiều chánh phủ lãnh mạnh đã cấm. Nhưng đừng quên không vì đó mà không còn những thanh lâu chùng lên. Nhiều thiếu nữ vì mỡ côi, nghèo nàn hay vì khờ dại tan tành đời dơ

các tay tù bà đời nay ngọt bùi dụ dỗ. Cũng không ít nam thanh chôn tâm hồn trong tội lỗi vì bị cám dỗ bởi những ổ mua son bán phấn.

h) Khiêu vũ, khiêu dâm. Trong các quyển « Tâm lý bạn gái » và « Tâm lý bạn trai » chúng tôi đã nói khiêu vũ là một nghệ thuật tự nó không xấu. Kinh Thánh đã thuật lại bao nhiêu cuộc khiêu vũ. David thắng Goliath xong, tổ chức cho một số thiếu nữ khiêu vũ từng đám. Trước Hòm Bia Thánh, David cũng khiêu vũ. Sách Judges, XI, 34 thuật chuyện cô gái của Jephté khiêu vũ um sùm với đoàn vũ nữ trước mặt cha mình. Trong gia đình, theo văn minh Âu Mỹ, dưới sự kiểm soát lương thiện của cha mẹ khôn ngoan, sự khiêu vũ cũng không phải là đáng trách.

Nhưng ở đây muốn nói những tổ chức khiêu vũ vừa có mục đích làm tiền vừa làm cho bao tâm hồn hư đốn. Dưới ánh đèn khiêu gọi người ta hăm dọa lòng khiết bạch người ta bán rẻ chữ tín của vợ chồng người ta chuẩn bị những cuộc hành dâm sau giờ khiêu vũ. Dĩ nhiên vũ trường là lò đẻ ra ghen tương, ly dị không ít.

i) Du lịch, tắm biển, cắm trại. Các việc này là con dao hai lưỡi. Cho nhà giáo dục lành mạnh thì hay lắm. Du lịch coi thiên nhiên là sách bách khoa. Tắm biển gia tăng sức khỏe. Đóng trại tập đời sống thực tế. Cả ba thứ còn muôn vàn ích lợi khác. Nhưng có những thứ du lịch, tắm biển, đóng trại làm cho kẻ thanh tịnh mất lòng khiết bạch.

j) Sách báo khiêu dâm. Có cần bàn đến sách báo khiêu dâm không? Xin miễn bàn các tiểu thuyết khiêu dâm, các báo có hình ảnh ô uế. Hãy nói ngay những sách thuốc, sách giáo dục về nam nữ: có nhiều ngòi bút bàn về vấn đề nam nữ cách giòn hót, cách sai quấy. Họ khôn nên

mạnh vào luân lý mà chỉ trình bày suông về bản chất của ái tình, nhục tình. Người đọc dễ bị nhiễm độc với cái hay cần cho đức khiết bạch.

7 — Phương thế luyện đức khiết bạch.

Chúng ta bàn riêng cho hai hạng người : hạng có đôi bạn và hạng độc thân.

A. — Hạng có đôi bạn. Muốn giữ lòng chung thủy với bạn trăm năm, tránh được những sa lầy xác thịt nơi gia đình người có đôi bạn phải có một quan niệm chính đáng về gia đình và hôn nhân toàn bôn phận mà hôn nhân buộc.

1) Một quan niệm chánh đáng về gia đình :

a) *Sáng suốt trao thân đời phận.* Điều phải nghĩ cần thận trước khi kết tóc se tơ với ai là 1) Sức khỏe thể xác. Gia đình khó có hạnh phúc chân chính nếu chồng hay vợ mắc những chứng di truyền, truyền nhiễm. Hôn nhân là trường hợp tác chớ không phải nghiệp chương để người này dùng báo đời người kia. 2) Sức khỏe tinh thần Trong cung thánh gia đình, phải có những đức tánh căn bản này là hiền dịu, thành thực, trung tín, hy sinh, nhẫn nại và bao nhiêu đức tánh khác. Thiếu những điều kiện ấy khó bề có sự thống nhất tâm hồn mà vợ chồng không nên một về đường thiêng liêng, sớm muộn cũng phải lâm vào cảnh « anh đi đường anh, tôi đi đường tôi ».

b) *Tắm lòng chung thủy.* Sự trung tín vợ chồng căn cứ trên tinh thần của phép hôn nhân. Hôn nhân tự bản chất là một giao ước có giá trị vừa do kẻ ký kết nó là vợ chồng vừa do những bổn phận và quyền lợi gồm nên nó. Nó, khác nhiều thứ giao ước về đời người ký kết không được tự ý phá hủy nó. Vợ chồng không ai được bắt buộc kết hôn, mà một khi xe duyên cầm sắt với nhau rồi thì không

buộc tự do cắt đứt dây hôn phối của mình.

Hôn nhân là một giao ước nhưt phu nhưt phụ. Điều này rất hợp lý xét về tâm lý cũng như về quyền lợi vợ chồng hay con cái. Vợ chồng giữ trọn vẹn tình yêu với nhau thì đủ khổ cực, túng thiếu hay lâm hoạn nạn thế nào vẫn có nguồn vui thiêng liêng và dám sống chết với nhau. Nếu một trong hai bên kia xẻ tình chung tự nhiên làm cho bạn mình mất tình yêu toàn vẹn, sinh lòng ghen tương và gia đình có thể xảy ra bao nhiêu việc lỗi thời. Gia đình mà rối rắm như bong bong thì vợ chồng làm sao mưu cầu hạnh phúc cho nhau. Con cái cũng là nạn nhưn đáng thương hại vì khi cha mẹ không thủy chung, sống kẻ nam người bắc chúng phải bị thiếu tình yêu, mất dạy có khi nghèo đói làm than. Dựa vào những lý lẽ này, hôn nhân là giao ước bất khả phân tán. Ly dị là việc không thành vấn đề. Người ta chỉ nghĩ đến quyền lợi mà bàn về ly dị. Vợ bất mãn chồng xin ly dị. Chồng chán vợ, xin ly dị. Chúng tôi có dịp bàn rộng vấn đề này trong cuốn « Đời uyên ương ». Ở đây chúng tôi chỉ nhấn mạnh giao ước hôn phối Thượng đế cũng như quốc gia không buộc vợ chồng ký. Trước khi xây ở uyên ương, họ phải biết mình sắp phải làm một giao ước mà mỗi bên không có quyền phá hủy. Trong giao ước ấy có quyền lợi của họ, mà cũng có quyền lợi của con cái họ. Đó là chưa nói đến những quyền lợi Thượng đế và quốc gia ẩn tàng trong hôn nhân. Cho nên hôn nhân và ly dị là hai khái niệm tự bản chất phản nghịch nhau.

Sau hết đã xét quan niệm chính đáng về gia đình, ta thấy kể ở bậc đời bạn giữ đức thanh khiết trước hết phải kỷ lưỡng khi lập gia đình và một khi vào ngưỡng cửa hôn nhân rồi phải lo chu toàn các bổn phận làm chồng, làm vợ, làm cha mẹ.

2) *Bổn phận vợ chồng.* Về bổn phận vợ chồng, người ta có thể viết thành mấy pho sách. Ở đây ta chỉ bàn về nguyên tắc căn bản của một bổn phận có hệ đến đức khiết bạch là việc chăn gối.

3) *Nguyên tắc chung.* Trong thư gởi người Êphesô đoạn V, thánh Bảo Lộc nói hôn nhân là tượng trưng của sự thống nhất của Đấng Kytô và Giáo hội. Vợ chồng vì đó bị trói buộc bởi một tình yêu thánh thiện có mục đích cao cả.

2) *Mục đích cao cả.*— Một trong những mục đích chính yếu của hôn nhân là sinh con cái. Do đó việc tính giao phải được quan niệm cách lương thiện. Hãy nghe Tan-que rey nói : « Tất cả những gì giúp sự truyền sinh đều chẳng những nên làm mà còn đáng kính nữa ; nhưng tất cả hành vi nào có ý gây trở ngại cho mục đích căn bản này đều là trọng tội bởi vì nó đi ngược ý cùng chính của hôn nhân » (Précis de Théol. ascétique. Desclée — 694). Dĩ nhiên tiết dục vẫn là phương thế giữ gìn sức khỏe, và cũng là bí quyết bảo vệ tình yêu cho vĩnh tồn.

B — *Cho hạng độc thân.*— Người độc thân không bước vào hôn nhân không phải tại chê chán, cũng không phải muốn trốn các trách nhiệm của nó. Họ nhắm cho tình yêu một đối tượng khác là Thượng đế và nhơn loại. Nói vậy không có ý nói rằng kẻ ở bậc vợ chồng không yêu Thượng đế và nhơn loại. Chúng tôi chỉ nói người độc thân đi đến lý tưởng này dễ dàng hơn thôi. Điều này không khó hiểu vì họ khỏi bị những sự phiền toái có tính cách ích kỷ của gia đình buộc trói, nên họ dốc hết tâm hồn vào các việc hi sinh cho Thượng đế và nhơn loại. Một bà phước nuôi bệnh nhân ở bệnh viện chắc chắn tận tình hơn một nữ y tá có đôi bạn mặc dầu nữ y tá này giàu thiện chí.

Xét như trên, ta thấy đi tu, sống độc thân để phụng sự nghĩa cả, chứ không vì thất tình, trốn thế cuộc, sợ trách nhiệm gia đình.

Người độc thân theo quan niệm trên cho rằng giữ vững đức trinh khiết, trước hết phải tăng cường tình yêu đối với Thượng đế và nhân loại. Đã yêu toàn chân, toàn thiện, toàn mỹ, toàn phúc, đã yêu nhân loại là thân thể màu nhiệm của con Thượng đế thì người độc thân không còn tha thiết với những đối tượng yêu phạm tục chóng tàn như mây nổi.

Sau hết có những phương thế mà cả hai bậc đều có thể dùng giữ lòng băng tuyết.

a) *Phương thế siêu nhiên.* — Suy nghĩ sự phù vân của thế xác. Cầu xin ân sủng của Thượng đế là khởi thủy và cứu cánh của vạn loài.

b) *Phương thế tự nhiên.* — 1) Giữ đúng tiết độ. 2) Sống khiêm nhượng: tinh thần lạc hơn nhân lực. 3) Hãm mình; tức hạn chế ngũ quan khi không cần thiết sử dụng. 4) Tận tụy làm việc hốt phận. Chết sống vì lý tưởng. 5) Tránh những dịp làm ta phạm tội nghịch đức khiết bạch: ai tra nguy hiểm sẽ té vào hiểm nguy (Ecc. III — 24. 6) Luyện đức tị hiềm khi xã giao.

8 — DANH NGÔN

1) Lạy Thượng đế xin làm cho con giống thủy tinh để yếm sáng của Người dội qua con.

Kathérine Mansfield

2) Truy lạc là khiếp nhược và thanh khiết là đại đảm.

Garçot

3) Bạn hãy khiết bạch rồi việc thiện tự nhiên sẽ thực hiện trong bạn.

4) Anh hùng đệ nhất trần gian là sống hoàn toàn trình tiết.

Feurzinger

5) Phước cho những tâm hồn khiết bạch vì họ sẽ được thấy Thượng đế.

Chúa Glêsu

9 — TỰ ÁM THỊ

Sống khiết bạch là làm hoa huệ giữa chòm gai sen giữa lầy : Tôi tha thiết yêu đức khiết bạch vì nó đề cao nhân cách tôi.

CHƯƠNG XIII

ĐỨC NẾT NA

« Đức nét na là thành lũy bảo vệ lòng bằng tuyết và yếu tố làm cho một tâm hồn được yên mến. »

Waterstone

I — ĐẠI YẾU

- 1) Đâm đầu xuống sông
- 2) Đức nét na là gì ?
- 3) Cần thiết đức nét na
- 4) Tật nghịch đức nét na
- 5) Hình thức đức nét na
- 6) Phương thế luyện đức nét na.

1. — Đâm đầu xuống sông.

Trên đường đào tỵ và bị vua Sở tập nã giết, Ngũ Tử Tư gặp ở nước Ngô, gần sông Lại Thủy, một người gái dệt vải và để bên cạnh giỏ cơm. Đói mệt lắm, Ngũ Tử Tư xin cơm người gái ăn đỡ lòng. Nàng thưa : Nay tôi đã 30 tuổi, ở với mẹ tôi. Xin ngài đừng xa ra. Cơm của nhà tôi cũng không đủ ăn, xin ngài tìm nơi khác. Ngũ Tử Tư van nài : Cô giúp tôi lúc đói khát là làm nhân chó có gì tai tiếng. Người gái sau khi suy nghĩ hồ nghi Ngũ Tử Tư là người không thường nên cho dùng cơm no. Ăn xong, Ngũ Tử Tư bảo người gái giấu kín chuyện này, đừng cho ai hay. Người gái ưu sầu than : Thiếp từ lâu

sống độc thân, một lòng khiết trinh, không hề bị ô danh. Thế mà nay vì giúp ngài mà bất kể lễ giáo. Thật không gì nhục nhã hơn. Lúc Ngũ Tử Tư cáo biệt lên đường, cô gái đắm đầu xuống sông tự tử.

Ở đây ta không tán thành sự tự vẫn của người con gái ấy. Nhưng ta rất phục đức nét na của nàng. Gặp người khác phái, thoát đầu nàng cư xử đứng đắn. Lời nói cũng chỉ tỏ ra tâm hồn trong sạch, lễ phép, khôn ngoan. Sau vì lòng nhân giúp người, nàng nêu gương nét na sáng lạng cho hậu th^ế.

2. — Đức nét na là gì ? Nếu đứng về mặt động cơ hoạt động là ý chí, thì đức nét na là một hình thức của đức tiết độ. Nó ngăn cản trong con người những hành vi, lời nói, cử chỉ quá lỗ, tỏ ra một tâm hồn phóng túng, không đủ trong sạch.

Người ta cũng có thể nói đức nét na là chị em với đức khiêm tốn. Nhờ nét na, người dù tài đức đến đâu vẫn xử thế, tiếp vật khiêm nhu, nhỏ nhẹ, dịu hiền.

Ta có thể định nghĩa đức nét na là đức làm cho con người cẩn thận giữ lòng bằng tuyết của mình, cân đo từng hành vi lời nói, cử chỉ cho hợp nhân phẩm, địa vị của mình trong đời sống xã giao thường nhật.

1) Là một nhơn đức. Có nhiều thiếu nữ nét na chỉ vì chưa quen giao thiệp, chưa có dịp lả lơi hay chỉ vì sợ tai tiếng hay sợ bề lười của đạo ái tình. Nết na thực hiện như vậy không phải là nhơn đức. Nó chỉ có giá trị tiền cực thôi. Khi có cơ hội xấu, nó bị sụp đổ. Nết na phải phát xuất từ tâm hồn luôn muốn trong sạch. Nó được đức khôn ngoan chỉ cho biết những trường hợp nguy hiểm mà nếu hồ hững nó có thể bị hãm dọa hay

rã tan. Vì đó người có đức nét na có một nếp sống luôn lễ độ, dè dặt phải chăng chớ chẳng phải e thẹn lúc sơ giao rồi hể thâm giao thì lả lơi, sỗ sàng, lỗ bịch.

2) *Cẩn thận giữ lòng bằng tuyệt.* Người nét na biết lòng trong sạch của mình như một bình thủy tinh được bọc giấy kiếng. Bình thủy tinh chẳng những đề phòng đánh rơi mà còn không dám trần trụi trưng ra vì bụi bặm có thể làm nó mất vẻ sáng. Tấm lòng người nét na còn tế nhị muốn ngăn lẫn sắc đẹp của bình thủy tinh. Nó được xây dựng bởi đức khiết bạch và bảo vệ bên ngoài bằng thành lũy của nét na. Đức này theo nó chẳng những không để ai xâm phạm nó mà còn đề phòng cho nó những gì có thể làm có mất thanh danh, dần dần hoen ố.

3) *Cân đo mọi hành vi, lời nói, cử chỉ.* Vì tự trọng và vì quý trọng nhân vị của kẻ khác, người nét na kỹ lưỡng trong mọi việc làm, ngôn ngữ và thái độ của mình. Họ theo sự điều khiển của lương tri đề tùy người, tùy nơi, vui vẻ mà không để ai đi sâu vào nội tâm. Những thân mật vô lý, vô ích họ rất kỵ. Nhờ luôn tập tâm hồn tế nhị, họ có thể tiên đoán được một phần nào ý nghĩa của những câu nói, cái ngó, hành vi, thái độ của kẻ có manh tâm hăm dọa lòng khiết bạch của họ. Người ta phục ở họ đức tự chủ và óc cương quyết khi họ bị bè bạn dụ dỗ trừng giỡn, ăn nhậu kéo cả bè du hí hay làm những gì khác tỏ ra lảng loạn, thô lỗ, mất dạy. Chẳng những tránh các điều khả ố ấy mà người nét na còn tỏ ra con người hiền lương, thanh nhã ít nói, nói năng chừng mực, nhỏ nhẹ, sâu sắc.

3. - Sự cần thiết

của đức nét na

Muốn biết giá trị của đức cao quý này có thể xét về hai

phương diện ; Tạo hoá và con người.

1) *Về phương diện tạo hoá.* Khi Thượng đế sáng tạo con người. Người đã nêu cho con người lý tưởng phải theo là sống trong sạch, sống hợp nhân phẩm. Là người thì ai cũng có nhân vị hiều có xác, hồn, có định mệnh hiện thể vĩnh cửu. Nhưng không phải ai cũng có nhân cách, cao cách tự nhiên. Nhân cách và lý tưởng đẹp con người phải luyện nhân vị của mình để đi đến. Giúp con người đạt mục đích này. Tạo hóa cho con người tự nhiên có tánh thiện thường. Tánh này không phải có màu sắc yếu đuối như rứt rề. Nó làm cho con người dễ đặt, kỷ lưỡng khi xã giao. Nó giữ tâm hồn ta khỏi những tác hại bên ngoài xâm nhập khiến lòng hoen ố.

2) *Về phương diện con người.* Lương tri cho ai là người đều biết tâm hồn thiện kin đạo tự nhiên không được kinh trọng. Những tác vi, lời nói, cử chỉ lỗ lã, tố cáo một nội tâm nếu không tội lỗi thì đang xuống dốc vì bất cần, cầu thả, yếu hèn. Lương tri cũng cho con người tự nhiên ra tiếng tốt vì đó con người cần đức nết na để bảo vệ nhân cách của mình.

Tánh thiện thường cao qui làm nòng cốt cho đức nết na tự nhiên ai cũng có. Song nếu ai không phát triển nó, có thể bị mất dần dần trong khi các cuộc giao thiệp tình dục và dư luận ở ạt tấn công nó. Còn ai bất kể nó, làm nó lệ bản năng nhiều lần ruồng bỏ nó thì nó mất dễ dàng. Nó giống như lương tâm biết cảnh cáo con người mà khi bị đàn áp thời quá phải câm miệng. Căn cứ vào kinh nghiệm ta thấy giá trị đức nết na rõ rệt. Giao tiếp cùng ai mà thấy kẻ ấy tương diện liếng xáo, nói năng lỗ lã, hành động thô bạo, đứng ngồi

vô lễ ta khinh ngay. Dầu người ấy học cao, có chức quyền lớn, ta vẫn không phục họ. Tại đâu ? Tại họ thiếu đức nét na. Tại họ để nội tâm tỏ ra mất dạy. Tại họ chà đạp nhân phẩm của họ như một uế vật.

Trái lại gặp một người trang sức đúng thời trang, hợp lý, có tướng diện điềm tĩnh, nói năng lễ độ, hành động cân đo, có cử chỉ thái độ thanh nhã, ta tự nhiên mến phục dù cho nghịch lý tưởng với ta. Tại sao ? Tại họ có nét na. Họ bảo vệ tâm hồn bằng ngoại thân cư xử đúng lý tưởng làm người. Nhân cách của họ nổi bật.

4 - Tật nghịch đức nét na.

Đó là lối lẳng. Nguyên nhân của quái tật này là tâm hồn thiếu giáo dục. Con người không phải « tính bồn ác »

nhưng không « tánh bồn thiện ».

Là người ai cũng có những xu hướng ác. Nếu không được bài trừ thì mầm ác cứ phát triển, có thể phát triển mau hơn giống thiện và đàn áp giống thiện như cỏ lạt đàn áp mạ lúa. Một người mà bên ngoài lối lẳng chắc chắn bên trong mang bao nhiêu tật xấu. Khía cạnh xấu của nội tâm con người lối lẳng là ý chí suy nhược, lương tâm chai lì, trí tuệ mất sáng suốt.

Tuy bên ngoài họ tỏ ra hung dữ như mặt hầm hừ, ăn to nói lớn, đi đứng đình đám ; nhưng họ không giấu được những lụn bại của ý chí. Người ta thấy họ nô lệ tình dục nhất là tính thịnh nộ. Ý chí của họ mà yếu đuối như vậy lòng băng tuyết của họ rất bị hồ nghi.

Lương tâm của họ cũng không còn tế nhị, khó phân biệt giả trị thiện ác nên lời nói và hành vi của họ thiên về sự ác, sự quả lố. Có khi xuyên qua lối lẳng họ tỏ ra giả

đối, bẻ tha, đã man nỡ. Mà khi xử thế bằng lẽ lối như vậy thì chắc chắn trí tuệ của họ mất nhiều năng lực xét đoán. Họ không phân biệt được sự phải chăng, chẳng biết tùy người, tùy nơi, tùy lúc để gây thiện cảm. Người ta thấy họ như một chiếc thuyền máy mất tay lái. Trước bất cứ ai, họ muốn nói gì thì nói, muốn làm gì thì làm. Nếu khi sống giữa bè bạn mà họ lơ lửng thôi cũng đành. Lúc sơ giao với những kẻ lạ, chưa biết người ra sao, họ cứ đem lời ăn nói cố hữu của họ ra để tiếp...

Ta đừng quên học cao, đậu cấp bằng nhiều cũng như chức quyền lớn không ăn thua gì đến nhân cách cho lắm. Người ta có thể có đủ những điều kiện trên mà vẫn lơ lửng và lơ lửng trong rất kỳ dị nữa.

Sự lơ lửng gây nhiều tai hại đáng khiếp. Trước hết nó dung túng cho thể xác ăn ở phóng dăng. Các tình dục tha hồ gào thét. Lòng khiết bạch dĩ nhiên rất bị hăm dọa. Khi lơ lửng, ngoại thân của họ coi rất chướng mắt. Càng chướng mắt hơn khi họ làm lớn có nhiệm vụ giáo dục hay chỉ huy. Họ là đối tượng chỉ trích cho bao nhiêu cặp mắt, ngọn lưỡi xung quanh. Không mong gì họ được ai tín nhiệm. Bè bạn dần dần xa họ. Không ai dám hợp tác công việc gì với họ.

5 — Hình thức đức nết na.

Đức nết na ta phải áp dụng trong mọi nếp sống Dưới đây ta thử xét nhiều hình thức khác nhau của nó.

1) *Tượng diện nết na.* — Có nhiều nam thanh, nữ thanh ngày nay tưởng cho đáng người ta khen mình là bất thiệp thạo đời, văn minh thì phải có tượng diện liếng thoắng, láng xăn, lộn xộn. Gặp người lạ họ cư xử như đối với

người thân mật. Họ bắt tay chào hỏi tíu tít. Nhìn họ người ta có thể hiểu được phần nào nội tâm của họ không có gì kín đáo và dưới mắt kẻ giàu lương tri họ là kẻ thiếu tư cách. Người nét na không có tường điện lỗ bích như họ. Đức nét na tạo nơi người gìn giữ nó sự trầm tĩnh, nghiêm trang. Trong con người nét na, người ta thấy có cái gì huyền mặc, nó nói lên một nội tâm được gói ghém trong mùi hương nhưn đức. Có thể người nét na, học hành kém, nhỏ tuổi, không chức quyền, nghèo túng nhưng trước mặt kẻ học cao, già cả, làm lớn, sang giàu họ được kính trọng ngăm. Những con người lấc cấc, khỉ khọt, lấu cá gặp họ tự nhiên « ngáu ». Họ lơ lửng một lúc rồi sẽ im lặng, rút lui.

2) *Phong độ nét na.* Người nét na chẳng những kính trọng tâm hồn mà còn kính trọng thân thể của họ. Họ thấy thể xác mình là đền thánh trong đó có Đấng tối cao trú ẩn. Nhờ thân xác mà tâm hồn họ được nhiều đức tánh. Nhờ có quan niệm chính đáng về thân xác như vậy nên khi nằm, ngồi, khi đứng, khi đi, kể cả khi cần chạy; họ vẫn giữ thái độ nghiêm chỉnh. Không ai thúc dục hay làm cách gì mà họ có phong độ mất nét. Người ta còn miễn phục họ ở chỗ họ biết tự chủ thường xuyên nên không hề có những điệu bộ phụ thuộc lỗ bích, bất ngờ. Họ rất kỵ những lối nghèo cò yếm điện, những chống nạnh du côn, những chấp tay sau đít phách lối, những kiểu đứng ngồi lười biếng.

2) *Trang sức nét na.* Chịu ảnh hưởng của bao nhiêu nguyên nhân khiêu dâm như xi nê, tuồng kịch, sách báo thuộc loại đầu độc, thanh niên ngày nay nhứt là thanh nữ coi đức nét na như cỏ rác. Họ ăn mặc từ chỗ hở hang khiêu gợi cách thô bỉ đến chỗ lố lăng trong vài kiếng cách trần trường. Lối ăn mặc đó là quân thù của người

giữ đức nết na. Vì coi trọng thân xác của mình, nhất là vì coi tâm hồn mình như ngọc ngà, người nết na chẳng những tránh các lối phục sức làm cho người ta nghi kỵ lòng khiết bạch của mình, mà còn lo ăn mặc kín đáo, trang nghiêm để kẻ xung quanh thấy xuyên qua thể xác họ vẻ đẹp tâm hồn họ. Cho họ những lối uốn tóc cao bồi, ăn mặc như kếp hát, dùng đồ thô lỗ để tự những cuộc thể thao thiếu kiểm soát, tất cả là sự nhục nhã đổ lên đầu con người nhất là khi họ là phụ nữ. Lương tri bắt họ khôn ngoan, tế nhị lựa chọn ăn mặc sao cho vừa hợp thời vừa bảo vệ vẻ đẹp thù mị của thể xác, vẻ ấy thanh cao của tâm hồn. Nếu họ là một thanh nam, thì họ không có cái gì làm sỉ hổ hạng tu mi cho bằng một người trai, bạn họ mà đầu hót kiêu chần bò bên Mỹ, áo cộc lố quần bó thây. Trong con người trang sức như vậy người ta thấy tất cả sự láu cá, lác cắc, vút vát ba xạo, liếng khể dĩ nhiên mất dạy là gốc. Nếu họ là một thanh nữ thì mỗi lần họ gặp một bạn gái chung diện như bánh ich trần, chụp ảnh trặc nết, họ thấy thương hại cho giới phụ nữ. Trong kẻ ấy họ nhận thấy sự non tri nông nổi, táo bạo liều lĩnh và có thể dễ dàng lẫn xuống hố truy lạc.

4) *Ngũ quan nết na.* Được người nết na giữ cẩn thận nhất là ngũ quan. Tay chân họ không bao giờ có điệu bộ mạnh bạo, thô lỗ. Không bao giờ vô lý mà họ chạm đến thân thể ai. Dĩ nhiên không bao giờ ai vô lý mà chạm đến thân thể họ được. Cặp mắt họ chuyên tránh những gì có thể làm hại lòng bằng tuyết hay cách chung hạ nhân phẩm. Những ảnh, những tiểu thuyết, phim tuồng, quảng cáo có màu sắc lả lơi, thô lỗ họ coi như cùi. Ba tấc lưỡi của họ được kiểm soát chặt chẽ. Họ tránh như vì trùng lao các câu chuyện nguyệt hoa, những tiếng ô uế. Tai họ không

bào giờ để lọt vào những lời nói có thể đầu độc nhân cách của họ. Nước hoả bất đắc dĩ làm họ mới dùng vừa đủ. Họ cho là bạc nhược những khi mũi họ tìm ngửi cách ham mê mùi thơm quá cao tiền hay của kẻ xa xỉ. Những cỗ bàn ngập tràn cao lương mỹ vị làm cho họ ngượng. Trong đời tư họ ăn uống vừa phải để có đủ sức khỏe làm việc. Mê ăn uống đối với họ làm điều con người không khác thú vật bao nhiêu.

Sau hết nói về hình thức nét na, người ta không quên ca tụng kẻ nét na chỗ họ vẫn cần thận nghiêm trang đối với người chỉ thân cũng như trước mặt kẻ xa lạ. Giữ nét na trước mặt kẻ mình chưa quen biết, có lẽ cách chung ai làm cũng được. Nhưng người ta có thói quen ăn ở cầu thả, sống với tất cả bộ mặt thực của mình đối với người trong gia đình, với bạn thân. Người nét na có lối sống đúng đắn một mực. Trong phòng vắng của họ, họ cũng không quên lời khuyên của thánh hiền : quân tử thận kỳ độc.

Có hai thứ phương thế tiêu cực và tích cực.

6. — Phương thế luyện

đức nét na.

— A) Tiêu cực : Tuyệt đối tránh những lối chơi đấm cú

xô đẩy. Các lời nói sỗ sàng, láo : kiêng kỵ như độc dược. Cương quyết tuyệt giao với những bằng hữu trác nết, ăn ở không đúng lý tưởng con người.

— B) Tích cực : Luyện ý chí danh thép. Dùng nó chế ngự tánh ưa dễ dàng, lười biếng, muốn nói năng hành động cầu thả. Tương diện luôn giữ thái độ trầm tĩnh. Cân từng tiếng nói. Đối với bất cứ ai cư xử hiền dịu, chừng mực, đề phòng. Trong đời tư cũng như đối với người thân trong gia đình, người ta hay ăn ở cầu thả.

Nghịch lại ta sống đúng đắn theo địa vị xã hội của ta và nhất là theo lý tưởng làm người. Có thể dùng phương pháp tự kỷ ám thị. Tức là trước khi giao tiếp với ai ta nói : « Tôi là người nết na. Tôi là người nết na. Tôi là người nết na » Nếu kiên nhẫn dùng phương pháp này, nó sẽ đem lại nhiều kết quả khả quan.

7. — DANH NGÒN

1) Đức nét na bảo thủ tâm hồn con người và làm cho nó thêm khả phục, khả ái.

Waterstone

2) Người đàn bà được gia tăng vẻ đẹp kín đáo hơn nếu họ ăn mặc, nói năng, hành động với nét na.

Feurzinger

3) Lối sống trác nét tố cáo một tâm hồn nếu không tội lỗi cũng sẽ xuống dốc đời sống tâm thường.

Guiliense

4) Đâu cấp bằng cao, lớn tuổi, làm lớn, giàu sang đến đâu mà coi rẻ nét na, ăn ở lỗ bịch đều bị miệt thị ngầm.

Nghiêm-thủy-Thạch

5) Những lối ăn mặc cao bồi, trống trải, nó lệ thời trang quá lỗ làm cho người ta hồ nghi lòng khiết bạch của kẻ thi hành chúng.

Thủy Phong.

8. — TỰ ÁM THỊ

Đức nét na là thành lũy bảo vệ tâm hồn. Tôi tha thiết yêu đức nét na và lấy làm hành diện cư xử với bất cứ ai bằng tư cách người nét na.

CHƯƠNG XIV

ĐỨC CẦN KIỆM

« Bạn muốn biết giá trị của tiền bạc không ? Bạn hãy thử đi vay tiền đi rồi biết. »

Franklin

I.— ĐẠI YẾU

- 1) Từ lau nhà mượn đến làm vua xuất bản báo chí Huê kỳ.
- 2) Đức cần kiệm là gì ?
- 3) Tật hà tiện và hoang phí.
- 4) Đây tốt và ông chủ xấu : tiền bạc.
- 5) Giá trị đức cần kiệm.
- 6) Thực hiện đức cần kiệm.

1— Từ lau nhà mượn đến làm vua xuất bản báo chí Huê-kỳ:

Eward Bok sinh trong một gia đình rất nghèo, từ lúc chưa sạch máu đầu ông đã đi ở mượn lau nhà, tử kiến cho một tiệm bánh ngọt. Để giúp

cha mẹ, ông phải chui xuống những cống như chuột để lượm than vụn bị đánh rơi. Thôi ở đợ, ông sưu tầm tem để bán. Buổi mai thứ bảy thì ôm báo đi bán. Về đêm tự học Anh văn vì ông là người Hòa-lan di cư cầu thực bên Mỹ. Có giờ rảnh ông viết báo. Có lúc ông làm sở bưu điện. Bỏ nghề này ông sưu tầm những gương danh nhân, Nhờ giao thiệp với nhiều nhân vật, đời tri thức ông phát

triển nhanh chóng. Năm 26 tuổi ông làm Giám đốc tờ báo *Ladies' Home Journal*. Và trước khi về hưu khoảng ngoài 50 tuổi ông có trong tay hàng triệu mỹ kim. . .

Eward Bok quả là một ngôi sao sáng của đức cần kiệm.

2 — Đức cần kiệm là gì ? Cần kiệm là đức giúp ta khôn ngoan xử dụng, để dành tiền bạc, nỗ lực làm việc, tránh nợ nần, sống đơn giản để khỏi những phiền toái của túi ngật hầu lo những việc cao siêu cho tâm hồn.

1) Là một nhơn đức. Những người bòn tro đãi trấu, rít róng coi tiền bạc như bánh xe, xử đối với kẻ xung quanh vất chày ra nước, những người đó không phải là người có đức cần kiệm. Mà là kẻ hà tiện, mang tật xấu nghịch đức quảng đại. Người cần kiệm dùng trí tuệ xử dụng tiền của khôn ngoan, dùng ý chí kiềm hãm những xu hướng xa hoa, thích sang, hoang phí. Người cần kiệm là người nhẫn nại, siêng năng làm việc.

2) *Khôn ngoan xử dụng, để dành tiền bạc.* Ai cũng tự nhiên ra xài lớn để đời sống thể xác được sung sướng. Người cần kiệm không nô lệ tình dục. Họ chế ngự xu hướng xa hoa. Tiền bạc, họ xử dụng kỷ lưỡng vào những mua sắm tối cần thôi.

Họ biết lo xa cho mình và kẻ thuộc về mình nên không ăn chơi ở lúc dư dật mà để dành phòng khi bệnh hoạn, thất nghiệp hay gặp rủi ro gì.

3) *Nỗ lực làm việc.* Có nhiều người trong xã hội nghèo túng đến đời sống nhờ của thí chỉ tại lười biếng. Người cần kiệm có đức tánh nghịch hẳn tật xấu này là siêng năng. Sức hoạt động bằng chân tay hay tim óc của họ.

Họ dùng vào chỗ sinh lợi cách lương thiện. Lợi lãi hay tiền lương là kết quả như phần thưởng cho công trình của họ. Họ không ngại khó mà cho khó là thử điều kiện để làm nên những việc tốt đẹp, ích lợi cho mình và kẻ khác.

4) *Tránh nợ nần*, Cho người cần kiệm nợ nần là điều đáng sợ và cũng là điều nhục nhã. Người mang nợ làm tâm hồn nặng nề vì lo lắng trả. Nhân vị của họ một phần nào bị chủ nợ che bóng. Tư cách trở thành bất đáng vì sợ chủ nợ hờn trách nên có khi luồn cúi, ăn nói đua nịnh.

5) *Sống đơn giản*. Nó là lý tưởng của những vĩ nhân. Trong mấy mươi năm trên đường dương trần. Đức Giêsu trang sức cũng như ăn uống rất tầm thường, thanh đạm. Người ta nói nhà bác học Einstein đi đâu mặc bộ đồ thô sơ, ngoài giờ làm việc cực khổ thì ôm chiếc vĩ cầm. Còn Gandhi trông cái áo đến cái mặc thì ai cũng phải nhận là tiết độ.

Người cần kiệm theo vết các vị này. Họ vẫn theo thời trang, song theo với lương tri. Ăn mặc chuộng chắc chắn, bổ dưỡng hơn là hào nhoáng, khoe khoang, đắt tiền. Đã thoát được cương tỏa của đời sống phiền toái, người cần kiệm nghe tâm trí nhẹ nhàng. Hạnh phúc của họ căn cứ vào sự trong sạch nội tâm và xây dựng trên sự tìm hiểu về khoa học, đạo lý.

6) *Lo việc cao siêu*, Kể hoang phí hay người hà tiện coi tiền bạc, đời sống vật chất là mục đích. Họ tiêu pha nhiều để sống vinh sang. Thề xác được thờ phượng như một thứ bụt thần. Thời này nhiều người hay mắc tật đó. Người ta lấy làm danh dự chạy đua ăn sung mặc sướng, sắm các tiện nghi. Nhân cách lắm khi bị đánh giá xuyên qua ô-tô, nhà lầu, nhan sắc quần áo nữa.

Còn kẻ hà tiện thì coi tiền bạc chẳng những trọng hơn bản thân mà còn như thờ chúa tể. Họ không dám tiêu dụng nó trong những trường hợp cần thiết. Con người của họ mang quái tật chỉ biết thu mà không biết xuất. Đối với họ tiền bạc không có mùi, hiểu theo nghĩa lời nói của một hoàng đế La-mã họ nói với con. Họ có thể làm mọi thứ việc có khi rất nhọc nhằn để kiếm tiền cho thật nhiều. Tiền đông đẽ dó : họ không dám xài. Suốt đời lụy thân vì kiếm tiền, giữ tiền và mất tiền.

Người cần kiệm đi con đường trung dung. Họ quý trọng tiền bạc mà không nô lệ nó. Mục đích cần kiệm của họ là để đời sống thể xác có đủ điều kiện bảo đảm cho đời sống tinh thần và tâm đức. Con người của họ là con người hường thượng mà không siêu thực tế. Họ biết tôn trọng trật tự của những nhu cầu của từ vật chất đến tinh thần từ thể xác đến linh hồn.

3. — Tật nghịch đức cần kiệm

1) Hoang phí. Trong sách phúc âm có thuật lại chuyện đứa con trai hoang đàng. Cậu là con thứ ba trong một gia đình

giàu có. Không còn muốn tuân phục kỷ luật gia đình, cậu xin cha chia cho gia tài. Của cải cha ban cậu đem hoang phí vào các cuộc ăn chơi bất đáng. Sau một thời gian gia tài tàn rụi, cậu nghèo đến nỗi phải đi ở đợ cho một phú gia nọ và có lần đói quá lấy cháo heo ăn đỡ lòng. Cậu chuyện chưa đựng bài học sâu sắc. Người hoang phí trước hết là người thiếu khôn ngoan. Họ ăn ngày nay không biết có ngày mai. Lời hậu đối với họ là việc xa lạ. Còn nghèo đói họ đợi cho nước đến chân mới nhảy. Đã không sáng suốt tổ chức sự tiêu pha lại còn kém nghị lực, chẳng chống trả nổi những đòi hỏi vô

ích. Họ theo thời trang, nô lệ sở thích nhiều khi có vẻ con nít. Đó là chưa nói những mua sắm nói lên tánh mê ăn đáng khinh bỉ. Làm mỗi ngon cho tình dục, lúc có tiền họ cứ tung ra xài cho đã tay. Đến lúc tiền của hết, họ lâm vào cảnh khốn nạn. Mà chừng đó ăn năn thường quá muộn màng.

b) *Tật hà tiện.* Phần đông ai là trí thức đều biết hài kịch người hà tiện của Molière. Harpagon cho vay ăn lời cắt cổ, trở thành đại phú. Vậy mà ông để cho con trai ông là Cléan nghèo mặt đến nỗi phải đi vay nợ sống và có lần bị chủ nợ bóp cổ. Còn con gái ông là thiếu nữ mà ông cương quyết gả cho một kẻ đầu bạc hai thứ tóc chỉ vì muốn tránh của hồi môn. Cléante với tuổi xuân đầy hy vọng, ông buộc cưới một bà góa gần đi ba chân vì mẹ này giàu. Mướn một tên đầy tớ là Valère, lão xử với cậu ta rất keo kiệt. Lúa cho ngựa ăn đã giao Valère giữ, ông còn ăn cắp bột lại. Ông không quan tâm việc gì hơn là giữ tiền. Mỗi lần nghe chó sủa sau nhà là mặt nhớn nhác, mắt láo liêng, chồm chồm tới coi có phải ăn trộm không. Ngày nợ mất tiền, ông như người mất hồn, la lối, kêu van, tỏ ra con người rất đê tiện. Hầu hết những người hà tiện đều có thứ tâm hồn của Harpagon. Họ không dám tiêu dụng tiền bạc trong những việc chính đáng. Lý tưởng duy nhất của đời họ là tích lũy tài sản, thờ lạy nó, tha thiết yêu nó, sống nghèo khổ vì nó, dùng mọi phương thế bảo tồn, phát triển nó. Cả hai tật, thừa bần, hoang phí và hà tiện đều đối nghịch đức cần kiệm. Ác tính của hoang phí là không khôn ngoan, nghèo nghị lực. Nó làm con người quá nô lệ tình dục rồi trở nên đần độn. Ác tính của hà tiện là coi tiền bạc như mục đích tối hậu của con người trong khi nó chỉ phải là phương thế thôi. Cả hai

đều đưa con người đi đến chỗ lìa xa lý tưởng luân lý là làm tôi bản năng xấu, sống gục trên vật chất phù vân.

4 - Đầy tớ tốt và ông chủ xấu : Tiền bạc

Franklin nói : « *Bạn muốn biết giá trị của tiền bạc không ? Bạn hãy thử đi vay tiền đi rồi biết* ». Lời nói này là ngọc ngà. Người ta

hay khinh rẻ tiền bạc bằng cách nói : óc con buôn ! người ham tiền, yêu nhau thật sao nói đến tiền, tiền tài là phần thô vụn vụn và vụn vụn. Không nên lấy tiền của làm lý tưởng. Song người ta do kinh nghiệm phải nhận rằng tiền bạc rất khó kiếm. Chính thượng đế ngay mấy trang đầu của lịch sử loài người đã cho nhân tố biết phải đổi nó bằng mồ hôi. Lời ấy đúng cho đến chừng nhân loại xuống lỗ hết. Trừ trường hợp thụ hưởng của cho dưới hình thức gia tài hay tặng vật, trừ những « *hoành tài* », cứ chung mà nói, tiền bạc phải đổi bằng lao tâm, lao lực. Xét cho kỹ nếu không có giới siêu nhiên thì phải nhận nó là Chúa Tể của con người, chúa tể hiệu theo nghĩa thuần túy của tiếng. Nó là tượng trưng hóa vật, hóa vật là điều kiện để thể xác sống, thì mới có những hoạt động của trí tuệ, ý chí tình cảm. Thành ra một cách trực tiếp cho thể xác và gián tiếp cho tâm trí, tiền bạc không có không được mặc dầu không nên nô lệ tiền bạc, lấy nó làm lý tưởng và mặc dầu « *con người sống không phải chỉ bởi cơm* ». (Lời Đức Giêsu).

Hồi còn lệ thuộc kinh tế gia đình, ta hay xài lớn, tiêu pha vô ích và « *hết thóc làng đông* » ta cứ tin tưởng nơi sự lo lắng của cha mẹ, ít quan tâm đến giá trị của tiền bạc. Lắm kẻ trở thành ác nhân vì thiếu tiền. Không ít người biến thành tội nhân tại vì có tiền. Người ta đua nhau săn tiền bằng trăm phương ngàn cách. Tiền có ma lực đi

vào mọi giới, len trong các hoạt động của loài người kể cả việc đạo hạnh, chui vào tận đời sống tình cảm, đôi khi làm loạn ái tình, tình huynh đệ, tình mẫu tử hay phụ tử nữa. Còn cách chung nếu không có lý tưởng siêu nhân thì tất cả các hoạt động dù dưới hình thức nào, dù bằng phương thế nào, nhất là phương thế xã giao cáo già, tất cả đều qui về sự kiếm tiền. Có tiền theo phần đông nhưn loại là có tất cả : có tiền mua tiền cũng được mà. Trong cuộc sống chung mà tiền bạc đóng vai trò như vậy, giá trị của nó tất không nhỏ. Khi có nó nhiều hay còn nó chút ít ta không nhận thức được sự khó kiếm của nó. Khi bệnh đau, làm việc hết nổi, tận phương thế, bị mò côi rồi gặp cảnh « tối lửa tắt đèn » mà phải mượn hay vay tiền, lúc ấy mới thấy tiền khó kiếm thế nào. Ta có thể gặp tình trạng chua chát này là nhiều người đối với ta cái gì cũng được hết miễn đừng bàn đến hy sinh nói rõ ra là hứa một cái gì. Cái gì đó là tiền bạc. Người Việt nói : Ở đời giúp lời không ai giúp của, giúp của chớ ai giúp cơm. Tư tưởng này chứa hai phần ba sự thật. Quả thực không phải là vô lý hoàn toàn khi nói ở đời ai nói thương ta mà không hy sinh, không thể hiện ái tình bằng cái gì kiếm soát được bằng ngũ quan mà tiền là một, thì kể như họ « nói xã giao gọi là ở đời ».

Tuy nhiên, nhận tiền bạc có giá trị thực tế đáng đề ý không có nghĩa là làm nô bộc cho nó. Alexandre Dumas con nói nó « là một tên đầy tớ tốt và là một ông chủ xấu ». Khi con người làm chủ bản năng xấu của mình, bắt nó được thỏa mãn theo sự soi sáng của lý trí bằng những phương thế vật chất mà tiền là tượng trưng, thì tiền rất ích lợi. Làm giàu là việc tốt nếu người ta dùng những phương thế lương thiện và không coi là lý tưởng số một của đời mình.

Chính nhờ tiền bạc một phần lớn mà người ta lập gia đình, nuôi dưỡng con cái, lo cho chúng học hành, lập thân. Thi cũng tiền bạc xây dựng các bảo sanh viện, cô nhi viện, chùa chiền, thánh đường. Nhưng khi đánh rơi lý tưởng làm người, để lọt vào nanh vuốt của tiền bạc thì con người có thể phạm bao nhiêu tội ác để kiếm tiền, giữ tiền và tìm lại tiền. Khi tiền làm chủ ai rồi, người ấy mất nhân nghĩa, trở thành ích kỷ, đê hèn.

5. — Giá trị của đức Nếu nhận con người cần thể
kiệm phác xác, yên ổn để làm những việc
tốt đẹp thì phải nhận giá trị
của đức cần kiệm vì nó là bí

quyết giúp con người có tiền bạc. Người xưa nói : « *Đại phú do thiên, tiểu phú do cần* » mà đạo đời tư của những ông vua thép, vua dầu lửa, vua xe hơi hình như đại phú cũng cần nữa.

Không có đức cần kiệm, ta đại đột tiêu pha tiền bạc, ăn chơi ở lỗ, thiếu nợ nần, và sau cùng nghèo túng. Nghèo túng có thể chẳng những « *sinh đạo tặc* » mà còn sinh bao nhiêu tội ác nữa.

Đức cần kiệm làm cho con người tỏ ra tư cách đáng phục. Người ta tự nhiên cho là đẹp thái độ của một người giàu có mà siêng năng làm việc, chỉ mua sắm đồ tối cần, dùng các tiện nghi đơn giản, ăn mặc phải người phải ta. Chính ý chí tỏ ra làm chủ tình dục, chính tâm hồn đứng trên các phần vật chất của người ấy làm cho họ đời họ có chân hạnh phúc.

Cũng nên đề ý sự ăn cần ở kiệm làm cho ta bớt một về những phiền toái của vật chất. Nhờ đó ta dễ siêu thoát, rảnh tâm trí lo những việc có giá trị trườ. ầu.

6. — Thực hiện đức cần kiệm.

1) *Luyện óc khôn ngoan và nghị lực.* Trí tuệ giúp ta thấy tiền bạc chỉ là phương thế phải khéo tìm kiếm nó, xử dụng

nó. Ý chí đàn áp các tật ưa xa hoa, ham mua sắm bậy.

2) *Nỗ lực làm việc.* Làm việc là phương thế lương thiện và hợp lý nhất để có tiền bạc.

3) *Chỉ mua sắm những vật tối cần.* Coi sự mua sắm các vật tổ ra con nít. Coi tánh ham ăn là hạ bộ nhân cách.

4) *Đề dành tiền, lập ngân sách chi tiêu rõ rệt.* Tiền nào chi vào khoản gì đừng dùng hà lạm. Phải đề dành. Không quí còm sau cùng tiền bạc « lòn » đi hết. Mà giàu hay không là có « tiền đề dành » hay không.

5) *Tránh nợ.* Một trong những tai họa đáng sợ nhất của con người là nợ. Làm việc liệu cơm gạo mắm. Tập mua sắm cái gì thì trả tiền mặt. Mượn vật gì của ai lo trả sớm chừng nào hay chừng nấy. Rủi mất hay hư đồ người ta phiền lắm. Có vật ta làm hư kiếm tiền không được thành mang nợ người ta suốt đời.

Chính nợ nần làm cho con nợ mất danh dự, kém nhân cách, sợ chủ nợ, ăn nói « yếu ớt » trước những kẻ cho mình mượn hay vay.

4) Đức cần kiệm giúp ta có tiền của để hành thiện.

5) Muốn thực hiện đức cần kiệm phải khôn ngoan, giàu nghị lực, lo làm việc, đề dành tiền, tránh các thứ nợ.

7 : DANH NGÔN

1) Bần nhi vô siêm, phú nhi vô kiêu : nghèo không nịnh, giàu không kiêu.

Tử cống

2) Tôi đã sinh ra nghèo, đã sống nghèo, tôi cũng muốn chết nghèo.

Đức Piô X

3) Ai không thê sống nghèo không thê tự do.

Dante

4) Phương thế đề đở một trí về tiền bạc là nỗ lực làm việc là tiết kiệm, là tránh mắc nợ.

Feurzinger

5) Đại phú do thiên, tiểu phú do cần.

Cổ nhân

8 – SỰ ÁM THỊ

Tôi tin nhờ cần kiệm tôi sẽ có đời sống dư dật để hành thiện.

CHƯƠNG XV

ĐỨC ĐƠN GIẢN

« Bạn hãy có nghệ thuật đơn giản, cao thượng mà không kiêu căng, dễ thương mà không mộc mạc. »

Boileau

I. — ĐẠI YẾU

Sa- éc

May, 2016

- 1) Đám ma Trang tử.
- 2) Đức đơn giản là gì ?
- 3) Tại sao cần đức đơn giản ?
- 5) Phương thế luyện đức đơn giản.

1. — Đám ma Trang Tử

Khi Trang Tử hấp hối, các môn đệ tụ hội bàn tính dọn đám ma lớn. Trang Tử cho là nghịch lý tưởng đời sống mình. Ông kêu môn đệ nói : Quan quách chôn ta là trời đất, hai vầng nhật nguyệt là hai hòn ngọc bích, tinh tú là bảo thạch, vạn vật là đồ liệt táng. Đám ma ta như vậy là đủ rồi. Câu chuyện này nói lên tinh thần già dặn của Thánh nhân. Đó là tinh thần thoát tục của con người sống ở đời mà không nô lệ những phiền toái của đời. Đức tánh mà người siêu thoát thực hiện để tạo hạnh phúc cho mình là đức đơn giản.

2. — Đức đơn giản là gì ?

Đơn giản là nhưn đức luân lý làm cho tâm hồn ta không tha thiết với những của đời,

làm ta vẫn ham sống. Từ những tư tưởng và lời nói, việc làm đến nếp sống thường nhật đều tỏ ra tinh thần giản dị.

1) *Đơn giản và nhơn đức.* — Có nhiều người vì tánh tình quá nông nổi, sống ngày nay không biết lo ngày mai. Họ thiếu óc khôn ngoan, vụng tổ chức cuộc sống, không biết lo xa nên người ta thấy trong chính bản thân họ, cũng như trong gia đình họ có tất cả cái gì lồi thối, xập xệ, sơ sài. Hạng người này không phải là đơn giản. Sự cầu thả của họ là tật xấu nghịch với đơn giản là đức của Người có đầu óc lão luyện, khôn ngoan, sống kỷ đời sống, chinh phục các dục vọng làm cho tâm hồn sa lụy trong vật chất. Họ sử dụng vật chất như một phương tiện để mưu cầu đời sống tinh thần, tâm đức.

2) *Không tha thiết với đời.* — Người có đức đơn giản am hiểu tánh chất phù vân của cuộc đời. Họ biết đời họ có những viễn tượng tuyệt vời hơn nếp sống nay còn mai mất của thế nhân, họ dự biết dù danh vọng chức quyền, tiền của đến đâu sau cùng trên tử sàng tay trắng cũng hườn tay trắng. Do lẽ đó vì thân xác tạm thời cần vật chất, họ vẫn dùng vật chất các vừa đủ mà không đánh lạc lý-tưởng của con người là tìm vĩnh phúc ở cõi lai sinh. Họ không để các phiền toái của ái tình, của quyền thế, của tài sản, làm tâm hồn họ bận rộn đến nỗi đời họ chỉ biết hướng hạ đề rồi sau cùng chết đi trong tuyệt vọng.

3) *Vẫn ham sống.* Người có đức đơn giản, tuy bên ngoài coi đơn sơ có vẻ không quan tâm đến xã hội, nhưng kỳ thực họ là người ham sống. Trong họ là nguồn sinh lực dồi dào, đượm màu sắc lạc quan mà không hơi hợt, hoạt động mà luôn cẩn thận, hướng xã mà vẫn sâu sắc về tâm.

Trong xã hội có hạng người ngó không xa hơn lỗ mũi của mình. Họ lấy kiếp phù sinh là trường hoạt động duy nhất của con người. Các vật chất ngự trị tâm hồn họ. Người ta thấy họ như con ngựa phi cúp cổ trên vật chất với các dục vọng cuồng nhiệt. Cùng gục đầu dưới nanh vuốt vật chất, họ càng cảm thấy tâm hồn nghèo nàn, trống rỗng, khao khát những cửa ải thánh đức. Có hạng người khác vì thất bại trong tình duyên, trong chức quyền, trong những công việc ác có tính cách thuần vật chất nên chán nản mọi sự, sống mảnh đời thời trong tiêu cực, bi quan, tuyệt vọng và cô đơn.

Hai lối sống của hai hạng người này, có tâm hồn đơn giản rất kiên cố. Họ khác trên ở chỗ làm xong sứ mạng trong cuộc đời hiện thế mà luôn có nội tâm tư đức chắc chắn. Họ không giống hạng dưới vì nếp sống giản dị của họ là việc làm với ý thức, là việc làm nói nên tâm hồn siêu thoát, biết điều khiển dục vọng chứ không phải vì thất chí, lỡ thời bất lực.

4) *Giản dị trong tư tưởng, lời nói, việc làm, nếp sống.* a) Tư tưởng giản dị. Con người, nhất là con người của thời đại quá bận rộn này, thường có xu hướng để tâm hồn lẫn lộn trong những mưu cơ lương thiện để đạt những mục đích lương thiện hay gian manh để mưu cầu thành công. Tìm phương thế lương thiện để đạt những mục đích lương thiện thì hay lắm. Nhưng người đơn giản không để lòng mình chìm lặn trong các tham vọng khả ố, những mưu mô phạm đức công bình và bác ái. Nhất là không bao giờ họ có ý nghĩ gây rắc rối vì hại tha nhân. Tâm hồn của họ được nhuần hòa khí và tình yêu nhưn loại. Họ luôn nghe khó chịu khi có những cuộc cãi lộn phải bị lôi ra tòa án. Họ rất thích

đức công bình nhưng họ muốn cho các công việc lỗi thời được dần xếp trong tinh thần bác ái. Họ rất phục câu, « vô phúc đáo tụng đình » cũng như mấy tiếng « tâm vô tà » của cổ nhân. Lý tưởng của tinh thần họ là luôn sống thiện và rất khổ tâm khi thấy tha nhân đau khổ.

b) *Lời nói giản dị.* Trong cuốn *La vie simple*, Charles Wagner khi bàn về đức tính giản dị của lời nói, đã kích mạnh tật gian xảo. Ông có lý. Tật làm cho lời nói mất tinh thần giản dị là tật lão! Thật ra công bình mà nói ai là người đều lão ít nhiều. Thánh kinh nói mọi người đều lão : *omnis homo mendax*. Ngay mấy trang đầu của lịch sử nhân loại đã thấy chép chuyện bà nhân tổ Eva đã lão, gạt chồng là Adong, khiến ông này ăn trái cấm phản loạn với Thượng đế. Cuộc đời vật chất của con người từ ngày có sự yểm trợ của khoa học, ngày càng phức tạp hơn. Trong cuộc vật lộn để sống hình như con người ngày càng bị cảm dỗ lão xược hơn trong lời nói. Người ta thấy hơn người và được xã hội cho là bất thiệp, thành công, nên thân nữa, ở chỗ khéo bịp bợm. Đầu đầu người ta hình như đều thấy nói được coi là phương thế kiếm tiền chứ không phải là phương thế cảm thông chân lý. Bản năng giả dối của con người lại bị kích thích bởi hoàn cảnh xã hội. Trong trường chính trị, ngoại giao trong kể cả tôn giáo nữa, thành công nhờ lão giỏi, ở báo chương có biết bao nhiêu ngòi bút vì lỗ miệng của mình và gia đình mà điều tra ba chớp ba sáng, loan những tin lão rồi sau một thời gian đình chánh. Tuồng kịch, ngoài mục đích giáo dục, có một lỗ hổng này là nêu lên những nhân vật, những mẫu đời chỉ có trong óc tưởng tượng của kịch gia và sân khấu. Kết quả chắc ăn nhất của kịch, tuồng một phần lớn là các ban ca nhạc kịch làm giàu và khán giả phần đông bị nhiễm độc, mất giờ, tốn của. Hàng loạt tiểu thuyết trình

thâm, tình cảm xã hội gì đó, lung tung, nêu lên cho giới thanh niên nam nữ chưa sạch máu đầu, những lý tưởng ái tình, anh hùng đặc lực chỉ ở trong vòng không tưởng. Ở đài phát thanh thỉnh thoảng nghe kể hai thứ tóc giả làm ấu nhi nói chuyện, mua cười cho thỉnh giả bốn phương. Trong khi họ mưu sinh cách giả dối như vậy không hề có những tâm hồn tế nhị nhận được tâm hồn gương gạo, gò ép, giả dối của họ lộ liễu ra trong tư tưởng những câu nói giả tạo, lối cười miễn cưỡng, tiếng hoan nghênh khách sáo đến những lời giả đò công kích nhau. Tất cả làm cho những thỉnh giả giả dạn nghe ngượng, nghe khó chịu và thương hại cho họ cũng như cho những tâm hồn non nớt nghe họ. Đó là chưa nói những tuyên truyền « dao to búa lớn » những chánh phủ độc tài. Đó là chưa nói những lối ăn nói cấp già của con buôn. Quả thực con người thời đại bị nhiễm độc nặng nề quá bởi hoàn cảnh đầy bịp bợm và bịp bợm.

Còn những tật khác như cầu kỳ khi nói hay viết, như giả hàm trong lúc xã giao. Hết các tật ấy làm cho lời nói mất bản tính giản dị là tính làm cho nó được tin nhiệm và gây ở lòng người sự thiện cảm.

3) *Việc làm, nếp sống giản dị.* Nói đến việc làm và nếp sống giản dị ai mà không nghĩ đến cuộc đời phiến toái của chúng ta ngày nay.

Hãy quan sát thế giới nhỏ của con nít. Người ta cho các cô các cậu trang sức rất phức tạp. Tóc hót cao, hót thấp, ép, uốn. Tóc hót bom bê, tóc kẹp, tóc quần. Áo quần trăm thứ vải, trăm lối cắt : có cả chim cò, đèn lồng, bản đồ trên áo quần và nay cắt rộng mai cắt hẹp. Giày hết bằng da đến bằng mủ, hết bít rồi hở. Đến lối chơi của con nít cũng rất nhiều khô, phiến toái.

Nào súng lục, búp bê, tàu lặn, máy bay, xe tăng, bong bóng. Chán các thứ ấy thì các cậu cô leo lên ngựa cây. Quăng ngựa cây thì họ bắt xe đạp, leo lên đu. Còn việc làm về nếp sống của người lớn thì không sao tả hết sự phiền toái. Các khoa học ngày nay mới thật rừng biển. Ngay trong một ngành vi trùng học, người ta có thể học đến đi ba chân cũng chưa quán thông. Những môn giải trí thì linh tinh đến nỗi biết hết các tên các môn cũng như óc. Hãy tưởng tượng từ lối giải trí ngâm hoa vịnh nguyệt đến những lối giải trí dưới hình thức thể thao trong các thể vận hội ngày nay. Các cụ nhà ta mà thấy ta chạy như bay một mình trên nước hay trên tuyết chắc chóng mặt vì nghĩ đến sự tiến hóa của tinh thần con người.

Trong gia đình nếp sống nhiều khi đến vượt bậc. Từ chỗ nấu củi người ta nghĩ đến lò trấu, nấu than. Chưa thỏa mãn : người ta nấu điện, nấu hơi. Còn trong nhà thì các tiện nghi đua nhau giành chỗ. Đây sa-lông, đó búp-phê. Tủ ly đứng đối với tủ thờ. Còn góc kia thì tủ lạnh. Đi-văng thứ tron thứ chạm. Giường nệm trên cây, trên ruột gà. Các cụ ngày xưa than nực thì ra khỏi nhà hóng gió. Bây giờ con cháu các cụ ngồi trong cảnh « Đà lạt giả » với máy hấp lạnh. Mỗi ngày cuộc sống thay hình đổi dạng khác nhau tùy thị hiếu thời đại. Ra khỏi gia đình, nói đến hoạt động xã hội, người ta phải choáng váng vì sự phức tạp của công việc thời buổi này. Đừng nói chi cái mảng nhện hoạt động chánh trị, hãy nói ngay những tác vi cứu tế xã hội. Hàng lỗ và hàng lỗ tổ chức xã hội quốc gia, quốc tế đua nhau chào đời. Các nhật báo, tuần nguyệt san xuất hiện như năm mùa mưa, nói lên sức hoạt động và nếp sống bề bộn về mọi mặt của thời đại.

Đấy, trong các hoàn cảnh nhiều khê đó, tinh thần giản dị rất bị hám dọa. Con người thì dễ ngã về tình cảm mà đời sống có đủ thứ kích thích tình dục nên không ít kẻ mất hẳn cuộc sinh hoạt nội tâm, sống án phốt ngoài da, chạy theo thị hiếu, thời trang, dư luận. Người có đức đơn giản không kết án bộ mặt mới của xã hội, vẫn tần tiến nhưng không sa lầy trong cạm bẫy của thời đại là các hành vi, lối sống tổn hại đạo lý luân thường. Họ bình tĩnh tránh sa đọa mà nhứt là xúc tích các nhơn đức đề đề cao nhân cách.

5.— Tại sao cần đức đơn giản ?

Muốn nhận thấy sự cần biết của đức đơn giản ta hãy xét theo các phương diện sau đây :

1) *Phương diện tâm đức.* Một

tâm hồn nô lệ các tình dục chạy theo đủ thứ mỗi vật chất, không làm sao siêu thoát, đạo hạnh được. Đức đơn giản con người trấn áp các dục vọng xấu cho nội tâm nhẹ nhàng hướng về những gì phúc thiện mỹ chân. Vả lại tài vật trần gian cần thiết, người ta có thể dùng mà không bị lương tâm trách móc. Nhưng lý tưởng con người không phải bận ba cho đến chết trong vật chất. Vật chất, người ta nhờ đức đơn giản xử dụng để chuẩn bị đời sống an lạc cho mai hậu sau giờ qua cửa chết.

2) *Phương diện sinh lý.* Các phiền toái của cuộc đời hiện tại có thể làm cho ta dần dần kiệt quệ sinh lực. Ngay trong những đồ ẩm thực, người ta thấy bao nhiêu chất sát nhạp. Rồi các công việc quá phức tạp lắm khi làm cho ta mất ăn, mất ngủ, lo rầu, suy tính. Đức đơn giản giúp ta thi hành các bổn phận trong tinh thần bình tĩnh an vui. Nếu đầu óc rắc rối hay khiến ta bị những chứng bệnh về óc, tim, gan, phổi có thể chết yểu, thì đức đơn giản làm cho ta có thần kinh hệ điều hòa và

tránh được các chứng bệnh trên.

3) *Phương diện tinh thần.* Nếu để các hoạt động vật chất quá xâm chiếm tinh thần thì một mặt tinh thần kiệt quệ, mặt khác nó nghèo đói những của ăn đặc biệt của nó là những ý tinh cao đẹp. Đức đơn giản là bí quyết giúp nó đạt mục đích này.

4) *Phương diện xã hội.* Trong cuộc giao tế hằng ngày ai có cặp mắt tế nhị đều nhận thấy những người ăn nói cầu kỳ, có cử chỉ khách sáo, rườm rà thường bị khinh rẻ. Ngày xưa Molière đã lòi tật xấu của các bà thông thái rườm rà ngạo nghễ trên sân khấu. Ngày nay tỏ ra thông thái rườm rà các bà ấy, chắc không mấy ai. Bệnh cư xử thiếu đơn giản thì người thời đại không ít. Bệnh cầu kỳ, khách sáo một phần lớn do thiếu đạo đức nội tâm. Người ta lo giá trị ngoài mặt, danh giá con người ở bộ áo, ô tô, nhà lầu mà không nhận thấy chân giá trị của con người là lương tâm thánh đức. Một khi đã xa lạc lý tưởng cao đẹp này thì người ta chỉ còn biết sống với nhau bằng các công thức xã giao rườm rà chừng nào hay chừng nấy. Trong các cung cách giao thiệp ấy người già dần nhận thấy một tâm hồn trống rỗng, non nớt, nghèo đói về tinh thần. Trái lại ai học hành cao, giàu hơn đức mà ăn nói, hành động giản dị được người sâu sắc nhận là kẻ đáng phục. Các trang sức đơn giản cũng có giá trị xã giao đặc biệt. Dĩ nhiên là không nên tỏ ra cầu thả trong cách hớt hay uốn tóc, không nên què mùa khi dùng quần áo. Nhiều tuổi trẻ ngày nay té vào một thái cực với khuyết điểm này là quá lo về thời trang. Một số nam thanh và nữ thanh không thấy giá trị đức đơn giản, không biết rằng ăn mặc đơn giản tỏ ra giàu lương tri, giàu óc phải chăng, có ý chí gan thép, không nô lệ tình dục, dư luận mà quá say mê các thời trang

trong đó có những thứ làm cho thân thể trông dị hợm, làm cho mất vẻ thanh nhã và nói lên tâm hồn lắc cắc, lầu cẩu, nhẹ dạ, có khi mất dạy nữa.

4 - Phương thế luyện đức đơn giản.

1) *Tiên cực a) Tránh cuộc đời xa hoa.* Cuộc đời quá xa hoa làm tâm trí nghèo nàn, mất nghị lực, khó thu thập những của ăn siêu nhiên.

b) *Khôn ngoan dùng tiền bạc.* Tồi tệ của người đơn giản là óc cọn buôn, tức óc mê tiền. Coi tiền là tên đầy tớ tốt mà không để nó làm ông chủ xấu đối với mình.

c) *Coi thường hư danh.* Người đơn giản nhận chân giá trị của mình, cảm thấy vô tư trước lời khen ngợi của người đời, không chịu nói hay làm điều gì tỏ ra tâm hồn yếu đuối, đi ăn mày lời tán dương mau tan như mây khói của thiên hạ.

d) *Ghét lối xã giao giả dối.* Đơn giản xử với bất cứ ai đều bằng lòng thành thực. Họ không nhiều lời tô tục chuốt hồng câu chuyện để lừa bịp cách dễ hèn. Họ ghét lối xã giao môi mép, kiêu cách bạch lộ những tâm hồn lạm dụng, bạc ân, ba xạo, đều cang.

2) *Tích cực a) Luyện chí.* Nhất định sống theo lương tri, theo đầu óc suy nghĩ chín chắn của mình mà không bạc nhược nó lệ dư luận dễ theo cách vô ý thức các thời trang. Phải tỏ ra bản lĩnh ở chỗ chế ngự tình dục làm cho ta « bọng », không sâu sắc mà chỉ lo làm đẹp lòng kẻ giao tiếp với ta.

b) *Xây dựng đời siêu nhiên.* Người đơn giản là người tỉnh lặng nhất là có tâm hồn súc tích các nhơn đức. Vẫn không quên hạnh phúc thanh cao ở hiện thế nghĩa là vẫn lo sống đường hoàng như bao nhiêu người lương thiện nhưng lúc nào cũng sẵn khoản chuẩn bị hạnh phúc ở cõi lai sinh.

5 — DANH NGÔN

1) Đơn giản là đức tánh tuyệt mỹ của hồn đã được trui rèn già dặn.

Feurzinger

2) nếp sống phiền toái vì ái tình, tiền của, chức quyền làm cho tâm hồn con người kiệt quệ và khó hướng thượng.

Waterstone

3) Phải can đảm lắm, sâu sắc lắm mới ăn nói, hành động, trang sức đơn giản giữa thời đại xa hoa này.

Nhiêm-thanh-Huấn

4) Cầu kỳ diễn lộ tâm hồn non nớt, khách sáo hay mất dạy trong đơn giản nói lên nội tâm hợp lý, an bình, lịch sự già dặn,

Trần-duy-Đức

5) Có gì hạnh phúc bằng được một nội tâm súc tích kiến thức và nhơn đức và được diễn xuất bằng những hành vi phục vụ xã hội.

Nghiêm-xuân-Nhật

6 — TỰ ÁM THỊ

Rất ghét lối sống phiền toái nên từ tư tưởng, lời nói, việc làm đến cách xã giao tôi tỏ ra đơn giản.

CHƯƠNG XVI

ĐỨC SIÊNG NĂNG

« Chỉ có chăm chỉ tạo thành những vĩ nhân, những thánh nhân, những anh hùng và những bậc thiên tài. »

G. M. Dupanloup

I — ĐẠI YẾU

- 1) Pascal 12 tuổi
- 2) Đức siêng năng là gì ?
- 3) Giá trị của lao công
- 4) Yêu lao công
- 5) Cần được hưởng nghiệp
- 6) Lương tâm chức nghiệp là gì ?
- 7) Tật nghịch đức siêng năng
- 8) Phương thế luyện đức siêng năng

1 — Pascal 12 tuổi

Hồi 12 tuổi Pascal là một cậu học sinh nổi tiếng hiếu học.

Cậu say mê toán học đến quên

ăn quên ngủ. Ngày tối cứ vui đùa trong những con số và những hình vẽ. Vì sợ con mệt quá, thân phụ cậu cấm cậu học toán một thời gian. Các sách về môn học này, ông cất giấu hết. Cậu Pascal đành co tay không ? Cậu lên cha đề tiếp tục nghiên cứu toán học mà phi sách toán. Ngày nọ thân phụ cậu gặp cậu cặm cụi viết lại những định tắc hình học đến định đề thứ 32 của Euclide tức là tổng số những góc của một tam giác bằng hai cạnh vuông (droits). Thân

phụ Pascal quá cảm động rút lui êm. Gặp bè bạn ông, ông nói : « Tôi vui đến sa lệ khi tưởng đến Thượng đế đã cho tôi một đứa con như vậy ». Cũng do thiên tài mà nhưt là do nhân tài kết quả của cặm cũi toát mồ hôi, Pascal dần chết non, đã để lại cho loài người một sự nghiệp văn học, toán học, triết học khả quan. Ông là đấng sáng cho những ai muốn dùng lao công để lập thân đắc lực.

2 — Đức siêng năng là gì ?

Siêng năng là nhưn đức luân lý giúp ta chịu khó thi hành những bổn phận mà bản thân gia đình, quốc gia, nhưn loại, Thượng đế bắt buộc.

1) Là một nhưn đức. Cho đặng gọi là nhưn đức, sự siêng năng phải nắm những đối tượng thiện, ăn khớp trực tiếp hay gián tiếp lý tưởng luân lý. Đối tượng nghịch luân lý, sự siêng năng không thể gọi là nhưn đức. Một bà mẹ chịu cực nuôi con, giúp đỡ chồng. Ta nói bà có nhưn đức siêng năng. Một nhà giáo tận tụy dọn bài, giảng bài, sửa bài cho kẻ thu giáo. Ta nói ông có nhưn đức siêng năng. Còn tên ăn cướp chịu cực đêm nào cũng đi đào hầm cạy cửa thiên hạ chắc cũng siêng năng lắm, nhưng là thứ siêng năng ác.

2) Những bổn phận. Chính những bổn phận làm đối tượng qui định tính cách luân lý cho đức siêng năng. Chỉ trong tinh thần thi hành những việc phải làm, người ta tỏ ra được đáng thưởng. Việc phải làm cần được hiểu theo một nghĩa rộng. Có những luật lương tâm bắt buộc, những việc mà uy quyền đạo hay đời bắt buộc. Có những việc ta không thấy rõ bị bắt buộc bởi đâu. Nhưng chúng cần thiết

cho sự thực hiện lý tưởng làm người một cách toàn bích. Những thứ tác vi ấy, xem ra như tự do mà ta tự ý thì hành ta cũng tỏ ra siêng năng. Một bà mẹ được gọi là siêng năng khi theo tiếng lương tâm lo cho con cái ấm no. Người cha cũng được gọi là có lương tâm khi ông mỗi ngày tự ý tập thể dục. Ông nghĩ rằng ông cần có sức khỏe để làm các bổn phận căn bản của ông. Việc tập thể dục xem ra là việc tự do. Nhưng người cha ấy sáng nào cũng thực hiện người ta gọi ông là kẻ siêng năng. Nói tắt, tất cả những việc thiện con người có thể làm được đều là những bổn phận trực tiếp hay gián tiếp đối với lý tưởng làm người nếu ta có một quan niệm chân chính về Thượng đế và con người,

3 — Giá trị của lao-công.

Trước hết ta thử tìm hiểu
lao công có nghĩa gì ?

a) *Chân nghĩa của lao công.* Ở
đây không hiểu cách giản

lược lao công là làm việc toát mồ hôi bằng tay chân. Cũng không chỉ hiểu là sự thể hiện của một sức mạnh nào đó để gây một kết quả. Mà phải hiểu theo một nghĩa có màu sắc nhân vị hơn. Đó là sự hoạt động của con người nhằm một mục đích cho mình và đồng loại. Đừng quan niệm hẹp hòi rằng hề lao công là chỉ hoạt động bằng tay chân đến toát mồ hôi để lãnh lương. Khi hoạt động như vậy, người thợ đầu phải làm như cái máy, ít ra anh cũng vận dụng một phần nào trí tuệ và ý chí chớ. Còn một chủ nhân ông ngồi bàn giấy sắp đặt các công việc trên giấy tờ từ sớm tới trưa, một kỹ sư vẽ họa đồ một ngôi nhà chọc trời : cả hai đều là những người lao công.

Phải hiểu lao công là làm việc có ích lợi. Tồn phí sức

lực, tâm lực vào công việc nào đó có hại cho lý tưởng con người không phải là lao công.

b) *Ích lợi của lao công*, Ai là người có tinh thần lành mạnh mà còn hồ nghi giá trị của lao công đối với cá nhân và xã hội.

1) *Đối với cá nhân a) Lao công để mình và kẻ thuộc về mình sinh sống*. Xét về mặt luân lý, mục đích này tự nó tốt. Ta chẳng những có quyền mà có bổn phận bảo tồn sinh mệnh của ta và của kẻ ta chịu trách nhiệm. Mục đích thiên đó ta nhờ lao công để thể hiện. Có người với lao công mà nhắm lợi lộc là đề hèn. Quan niệm này sai lạc. Thứ lợi ích kỹ được tích trữ mà không dùng, mà được coi như lý tưởng cuộc đời thì đáng trách. Mà ở đây lợi lộc có mục đích cao cả nên nó thiên tự bản chất và đáng khuyến khích. Nó là cái cơ tốt, là yếu tố thúc đẩy người ta siêng năng, Nó bảo đảm cho người ta khỏi những lo âu về đời sống vật chất. Người siêng năng cũng là người khôn ngoan như con kiến biết phòng xa. Vả lại hề có dư của cải, người ta có thể giúp đỡ đồng loại về nhiều phương diện.

b) *Lao công và gây hứng thú*. Ai đã từng làm việc vì thiện chí vì lý tưởng cao cả tất tìm được trong tâm hồn nguồn hứng thú sâu xa. Nó không ở ạt pháp phòng như cái vui của người được nhiều của cải, nó không đam mê nặng nề như cái vui của kẻ lười biếng, hoang phí cuộc đời. Trong nó có cái gì êm đềm, cao cả, siêu thoát, thỏa mãn. Làm sao tả được nỗi lòng lâng lâng như cất cánh của một Christophe Colomb mới đặt bước chân đầu tiên trên châu Mỹ, một Edouard Branly bên máy thu thanh một Eiffel khi nhìn ngọn tháp chọc trời mang tên mình. Phải có tâm hồn tế nhị lắm người ta mới cảm nhận được nỗi hoan lạc mà kết quả việc làm lương thiện cung cấp.

c) *Lao công đề cao nhân cách.* Con người trên đường đi đến lý tưởng vì nhân, phải nỗ lực làm cho mình nên khéo léo đặc lực. Mà chính lao công đã trả lời những đòi hỏi này của con người. Vận dụng tay chơn thường trong nghề nghiệp, ta bỏ được tật chậm chạp gàn gổ, vụng về. Năng xuất của ta cũng gia tăng nhờ ta nỗ lực làm việc. Lúc hoạt động dù bằng tay chơn ta vẫn cần sự can thiệp của trí tuệ, ý chí. Các tài năng này dần dần phát triển làm cho đời sống tinh thần của ta thăng tiến. Sau hết làm việc n' này, ta có tập quán, tròng nghề nghĩa là tự nhiên ta nghe ưa thích bốn phần, không ngại khó, biết xoay trở công việc để thành công.

2) *Đối với xã hội.* Lao công tự bản chất giúp ích cho cá nhân cũng gây ích lợi cho xã hội. Nhờ nó cuộc sống tập thể được dễ dàng hơn. Nó ăn hình trong những tiện nghi : loài người nhờ nó một phần lớn thoát khỏi tình trạng dã man, bán khai túng thiếu, cực khổ.

Lợi ích mà lao công đem lại cho cá nhân hay xã hội bằng cái lợi tinh thần và vật chất. Mà mù dưới hình thức nào, dù bằng tay chân hay trí não, dù là đóng vai trò thuần túy nghiên cứu hoặc dùng sức lực, trí lực thể hiện sự nghiên cứu ấy hoặc làm công việc điều khiển, tất cả đều đề cao giá trị con người, vì khi làm việc con người thăng tính lười biếng bằng ý chí, dùng trí tuệ lo cho hạnh phúc của mình và đồng loại. Các việc này đề cao nhân cách.

4) *Yêu lao công.* Nếu quan niệm lao công như trên, thì nó phải được ta yêu chuộng nếu ta trọng nhân phẩm. Tâm tình này ở thời đại ta vì ảnh hưởng của máy móc, của các phong trào ăn chơi bị tổn thương rất nhiều. Những phát minh khoa học và nhu cầu tăng gia sản xuất

khuyến máy móc giết ở con người rất nhiều vai trò hoạt động. Không nói chỉ hằng triệu người trên thế giới đã bị thất nghiệp vì nhường chỗ sản xuất cho máy móc. Chính những người làm việc với máy móc vẫn còn giữ những chức vụ chuyên môn. Một cơ quan hay một tri năng nào đó của họ được phát triển. Còn nhiều cơ quan, tri năng khác, dù muốn dù không, là tạo cho chúng điều kiện bất lợi, tẻ liệt.

Vì ở không thường quá, vì tinh máy móc sản xuất vừa nhiều vừa tinh vi, con người dần dần quen trong nếp sống lười biếng, đâm ra thích hưởng nhàn nếu không ăn chơi. Tinh yêu lao công còn là bóng lợt lạt trong tâm hồn một số đông con người thời đại. Xét cho kỹ tinh yêu lao công tự bản chất vừa mạnh mẽ không thua bao nhiêu mỗi tinh yên khác. Cao đẹp như ta đã biết vì lao công đem ích lợi tinh thần, vật chất. Còn mạnh mẽ vì nó có thể thu hút suốt cả đời người đeo đuổi nó. Hãy coi Pasteur, Curie, Einstein, Bergson, Pie XII là những người làm việc cho đến hơi thở cuối cùng.

5. — Cần được hướng nghiệp.

Muốn có tinh yêu lao công bền bỉ, muốn những lao công của mình không là đồ bỏ đi và muốn mình ngày một thăng tiến, cần biết chọn nghề xứng hợp với mình. Nghề nghiệp chúng tôi hiểu đây là lao công mà ta thực hiện bền vững để vừa nuôi thân sống vừa làm ích cho cộng đồng nhơn loại. Nghề nghiệp chân chính phải được chuẩn bị thụ huấn trước, phải được thực hiện bền bỉ. Công tác này không phải làm để giải trí, giết thời giờ nhàn rỗi mà được coi như phương thế tất yếu để nuôi sống mình và kẻ thuộc về mình. Công tác đó cũng lối cần cho cuộc sinh hoạt xã hội vì xã hội đòi buộc những xây dựng cần thiết về mọi mặt.

Nghề nghiệp quan hệ cho bất cứ ai nhưng không phải ai cũng hướng nghiệp xứng với khả năng cũng hợp sở thích của mình. Trong gia đình phần đông cha mẹ lo làm ăn, chỉ lo cho con cái về vật chất và tiền học hành rồi đến dựng vợ gả chồng cho chúng. Ở học đường, cứ chung mà nói, chương trình thi quá nặng, người ta không đủ thời giờ hay đúng hơn không thấy cần bàn về nghề nghiệp tổ chức tương đối khá, song đâu phải cha mẹ nào cũng cần thấy cần hướng nghiệp cho con cái, đâu phải gia đình nào cũng dư dật tiền bạc để con cái theo đuổi học nghề. Thành ra, đa số học sinh, sinh viên trước khi ra đời chọn nghề tùy may rủi, cơ hội, hay ham thích nhất thời. Một phút quyết định chọn nghề có ảnh hưởng cho cuộc đời, cho hậu kiếp nữa mà, tội nghiệp thay, nhiều kẻ thì hành cách cầu thả. Tại sao ảnh hưởng suốt đời?

Chọn nghề lầm lạc, chẳng những người ta thi hành nó cách nhàm chán mà còn phải cảnh nghèo khổ. Vì làm sao vui sướng làm một nghề mình không thích? Làm sao đắc lực trong một nghề mà mình không khả năng? Thấy thất bại, người ta đổi nghề. Thời gian tập nghề đã qua, đổi nghề người ta chỉ làm việc liều lĩnh mà rủi chắc hơn là may.

Một nghề được chọn đúng sức lực, trí lực cũng sở thích một người, có thể làm cho người ấy thay đổi đời từ nội tâm đến cách ăn nói, cư xử với xã hội. Lúc chưa vào nghề người ta không dè mình có những nét mặt, những cách cười nói, những cử chỉ nhất là những tâm tình mà nghề tạo nên. Một khi lãnh nhiệm vụ của nghề, người ta nghe có cả một thay đổi từ nội tâm đến ngoại thân.

Ai đã từng có một nghề nghiệp xứng đáng đều cảm

những niềm vui thấm thía khi hành nghề với lương tâm chức nghiệp. Thú vui này căn cứ trên ý thức quý trọng nghề và vai trò giúp ích trong xã hội.

Vì những lý lẽ trên, chọn nghề là việc quan thiết trong đời người.

Những nguyên tắc cần biết để chọn nghề là :

1) *Chọn nghề hợp khả năng.* Để phòng lòng háo danh, hám lợi của gia đình thường hay thúc đẩy con em chọn những chức nghiệp lừng danh mà không để ý đến năng lực, sở thích của con em. Nên nhớ nghề nghiệp phải là phương thế mà ta dùng để chiếm đoạt lý tưởng làm người. Nó phải hợp với ta, ta mới ham đeo đuổi và đắc lực.

1) *Chọn nghề sống được.* Vinh phú quá được thì tốt mà không được no ấm bao giờ cũng tối yếu. Vì đó người thanh niên đừng quá nuôi mộng đẹp, đừng lo treo cao đề rồi sau cùng đổ vỡ vương vương, thân chẳng nên thân thời lỡ thời, mà nghèo nàn khổ sở. Nghèo cực tuy không phải là tội, song có thể ảnh hưởng khốc hại trên đời ta nếu ta không biết lợi dụng nó.

3) *Chuẩn bị vốn học và rèn luyện lương tâm.* Bất cứ nghề nào cũng cần một vốn học và lương tâm cương trực. Có văn hóa khả quan người ta hành nghề sáng suốt, biết tháo vát, tùy cơ ứng biến, cân đo lợi hại. Với những lương tâm cương trực, người ta tôn trọng công bình, bác ái mà không để lợi lộc ám ảnh tâm hồn. Người ta nói không nghề nào xấu, không nghề nào hơn nghề nào. Điều này đúng ở chỗ con người cần làm xong bổn phận hơn là nô lệ chức quyền để kiếm hư danh. Nhưng người ta phải nói thêm không phải nghề nào cũng giúp ta làm người tốt đẹp như nhau. Có những nghề tâm hồn được bảo vệ về

luân lý. Có những nghề lương tâm dễ nhuộm mùi tội lỗi. Một quan tòa, một linh mục hành nghề ít gặp cơ hội nguy hiểm cho tâm hồn hơn những đào kép, kẻ thương mại hay các chiêu đãi viên. Vậy vì sự thành công, sự xây dựng tâm hồn, ta phải chọn nghề bằng cách chuẩn bị vốn học, rèn đức lương tâm. Có hai điều kiện này, ta dễ thể hiện lý tưởng làm người. Đó cũng là điều kiện cần thiết nhất cho các thiếu nữ. Phận gái không hẳn khoan chọn nghề dễ sinh sống như phận trai vì họ tùy địa vị của người chồng tương lai. Như dù chồng thi hành nghề nghiệp nào, họ phải là một người nội trợ tốt, một bà mẹ biết giáo dục con cái. Giáo dục ai được nếu mình ngu dốt, nếu mình sống đời nhơ nhớp.

6 — Lương tâm chức nghiệp.

Người có đức siêng năng là người giàu lương tâm chức nghiệp. Chúng tôi có dịp bàn rộng vấn đề này khi xét về

đức thành thực. Ở đây ta tìm hiểu vài điểm quan hệ thôi.

Có thể nói lương tâm chức nghiệp là lòng tha thiết yêu nghề, và tận tụy hành nghề dù gặp trở lực thế nào.

Tâm tình yêu mến nghề nghiệp này phát xuất từ trí tuệ nhận thức giá trị của nghề, từ ý chí tin nghề là phương thế gây hạnh phúc. Nó gọi cho ta danh dự nền nghề được chu đáo thi hành. Nó trách móc ta nếu ta cầu thả hay gian lận trong bốn phận chức nghiệp.

Nhưng trên đường dài, nghề nghiệp gặp nhiều trở lực, tâm tình yêu nghề nhờ lương tâm bắt ăn chịu đau khổ, tỏ ra luôn trung tín với nghề. Thái độ trung tín này thường xuyên, trở thành tập quán trong ta. Nó khiến ta tự trọng khi làm bất cứ việc gì mà chức nghiệp đòi buộc.

Đĩ nhiên là lương tâm chức nghiệp cần thiết cho giá trị con người. Giá trị con người được cấu thành bởi tình thần bốn phận, sự nỗ lực thể hiện bốn phận và trung tín với bốn phận. Mà lương tâm nghề nghiệp giúp ta thể hiện các công việc ấy. Tất nhiên, nói đến nhân cách ta phải nghĩ đến nó.

Lương tâm chức nghiệp nhằm những việc thuộc phạm vi đức công bình. Bạn có thể tự do bố thí, giúp ai đó một lời khuyên khi người đó không ăn thua gì với bạn. Nếu bạn không làm các điều này không ai hữu lý nói bạn thiếu lương tâm chức nghiệp. Còn chúng tôi là một bác sĩ công, mà lười biếng, cầu thả khi bắt mạch, bỏ bê bệnh nhân, cho thuốc tây vị. Chúng tôi đáng trách vì không có lương tâm chức nghiệp. Có thể bạn lỗi đức bác ái còn chắc chắn chúng tôi phạm phép công bình.

Giữ đúng lương tâm chức nghiệp, người ta có thể thăng tiến về đường luân lý. Nghề nghiệp chiếm suốt đời người các bốn phận ám ảnh tâm não ta cả ngày. Nếu ta chịu khó tuân cứ các huấn lệnh của lương tâm, ta ít gặp những cơ hội xấu khiến ta hư đồn. Đó là chưa nói cái lợi tích cực nó cho ta uy tín, thiện cảm và nhiều người hợp tác.

7 - Tật nghịch đức siêng năng.

Bạn đã biết rồi. Đó là lười biếng. Lười biếng là xu hướng ưa nhàn, hưởng lạc bắt ta cầu thả hay bỏ bê công việc đòi sự cố gắng.

Có người mắc tật lười biếng vì từ thơ ấu không quen làm việc hay vì đau bệnh. Mà đa số lười biếng vì non trí không biết lo cho đời mình, vì bệnh ý chí không chiến thắng nổi tình dục ưa dễ dàng, ở không, hưởng lạc.

Lười biếng là tật xấu vì ác tính của nó căn cứ chỗ nó phản nghịch lại bốn phận căn bản làm người. Người là vật bất toàn, có bao nhiêu năng lực tinh thần phải phát triển, bao nhiêu việc thể xác đòi hỏi, gia đình, quốc gia, nòi loài, Thượng đế bắt buộc. Lười biếng là coi rẻ hết các nhiệm vụ cao cả này.

Lười biếng mang nhiều hình thức. Có kẻ tuyệt đối ở không, lo ăn, nghỉ, ngủ, chơi bời, trốn tất cả phận sự người khác gặp bốn phận thì buồn rầu, làm cách bạc nhược làm lấy có.

Có cần gì nói đến ác quả của tật lười biếng không? Lười biếng là nắm chắc thất bại về mọi mặt. Thân thể gầy ốm, đau bệnh. Các tài năng bị bỏ hoang. Gia đình thiếu ăn thiếu mặc, suy sụp. Chức vụ xã hội bị câu thả, người làm biếng mất uy tín, bị sa thải. Về đường đạo đức, lười biếng làm cho lương tâm nhiễm độc, xa cách Thượng đế, bám vào vật chất, làm mờ cho vật dục và các tật xấu.

8 - Phương thế luyện đức siêng năng.

1) *Phát nhận thức giá trị của lao công.* Nhớ rằng sang hèn giàu nghèo, vua chúa, cùng đinh, tất cả đều phải làm việc và

chỉ phải làm việc mới nên người.

2) *Có ý chí gang thép.* Ai cũng bị cám dỗ lười biếng phải chiến xu hướng này bằng ý chí rèn đức già giặn.

3) *Coi làm việc là danh dự.* Không nhục nhã nào cay độc bằng nhục nhã làm sâu một xã hội. Ta có bốn phận lo cho ta và giúp ích xã hội. Mà ta đánh rơi phận sự này tất ta hạ mình xuống với nhân phẩm, ta không đáng sống.

Người đáng sống là người coi lao công như bạn tri kỷ, và càng làm việc càng thấy nhân cách phát triển.

3) *Tránh những việc cám dỗ lười biếng.* Coi ăn no quá, uống rượu mạnh nhiều, mê ngủ, ngủ nướng, du hí, già hám là thù địch làm giảm nhân cách con người vì thúc giục lười biếng.

9 — DANH NGÔN

1) Nếu bạn ưa đời sống thì đừng hoang phí thời gian ,
đó là vài dệt đời sống.

Franklin

2) Sớm mai khi thức dậy, bạn hãy có liên ý tưởng
này. Tôi thức dậy là để thi hành việc làm người.

Marc Aurèle

3) Nỗi vui lớn nhất trong các thú vui và chỉ là cái
làm khỏi mọi chán nản đó là an nghỉ sau khi làm việc.

Kant

4) Tiết độ và lao công là hai y sĩ lành nghề của con
người : lao công là ăn ngon, tiết độ cấm ăn quá lỗ.

5) Học giả nãi vi quân tử, bất học tắc vi tiểu nhân :
Học mới làm quân tử, không học làm tiểu nhân.

Châu vãn Công

10 — TỰ ÁM THỊ

Lao công đã đổi bề mặt thế giới và xây nền văn minh
nhơn loại. Tôi lấy lao công làm tri kỷ và danh dự của đời
tôi.

CHƯƠNG XVII

ĐỨC THANH BÀN

*« Bàn nhĩ vô siểm, phú nhĩ vô kiêu
nghèo không nịnh, giàu không kiêu. »*

Từ Cống

I — ĐẠI YẾU

- 1) Chuyện Trâu dê vàng
- 2) Đức thanh bàn là gì ?
- 3) Tật hà tiện là gì ?
- 4) Sự cần thiết của đức thanh bàn
- 5) Phương pháp luyện đức thanh bàn.

1. — Chuyện Trâu dê vàng

Tần Huệ Vương muốn đánh nước Thục nhưng vì địa thế bất lợi nên chờ cơ hội tốt để đánh. Biết vua Thục tham lam, Huệ vương cho đức con trâu bằng đá. Trâu được đem đặt ở gần biên giới đất Thục. Huệ vương một mặt cho người đem vàng đồ dưới đuôi trâu, mặt khác phát động dân chúng tuyên truyền trâu dê vàng. Thục Vương nghe trâu dê vàng như mèo gặp mỡ tìm cách san bằng núi, lấp đầy khe từ lâu hiềm trở, cho người đi bắt trâu về. Vua Tần nhân cơ hội tốt, có đường lối tiến quân, cho binh sĩ đánh thắng nước Thục.

Câu chuyện chứa bài học châu ngọc. Ở đời, con người tự nhiên tham tài. Ít ai bằng lòng với cái mình đang có dù đang sống trên nhung lụa. Ở thời đại nào con người

vấn cho tiền là nôm ruột. Vì đó tinh thần thanh bản ít được thực hiện. Những tâm hồn như của Socrate, Diogène, Mãi Thần, Mông Chính là bảo thạch giữa rừng cát. Tiền của dĩ nhiên là cần thiết cho đời sống tinh thần nữa. Song quá ham mê nó, con người trở nên tầm thường, xa đạo lý và khó khỏi những nguy hại.. Do kinh nghiệm, người xưa nói chi lý : « Chim chết vì mê ăn, người chết vì ham của ». Con người muốn tâm hồn siêu thoát, sống trong an lạc, khỏi những phiền toái vật chất, phải trừ nhân đức nhứt là luyện đức thanh bản.

2.— Đức thanh bản là gì ?

Thanh bản là nhân đức luân lý giúp ta dùng tiền của mà đam mê giàu có, thích tinh thần khó khăn và dùng ảnh

nghèo đào luyện tâm hồn thánh đức.

4) *Thanh bản là nhân đức.* Có kẻ nghèo vì chưa ăn trộm chưa dùng mưu cơ lấy của người được. Có kẻ nghèo vì hoang phí, không đủ nuôi lỗ miệng quá tiêu pha. Hạng khác lúc nghèo bất mãn bản thân, xã hội, số mệnh, Thượng đế. Tất cả hình thức nghèo này không phải là thanh bản. Dĩ nhiên không phải là nhân đức. Vì thiếu tính cách nhẫn nại, chịu khó vì lý tưởng cao thượng hay vì tình yêu Thượng đế. Nhân đức thanh bản đòi buộc sự sống nghèo và có tinh thần nghèo để lo tích trữ của cải của đời sống tâm đức.

2) *Có đầu óc khó khăn.* Là người ai cũng có bụng tham. Và « Máu tham hễ thấy hơi đồng thì mê ». Đức thanh bản đàn áp tình dục đam mê này. Nó làm cho người phú hộ, có thể sống nghèo bằng cách tiêu xài tiết kiệm, chỉ dùng những gì tối cần thôi. Nó giúp cho kẻ giàu cũng như người nghèo óc sống đơn giản, dùng tiền của

mà không nỗ lực cũng không khinh rẻ nó. Tiền đối với kẻ thanh bản phải là tên đầy tớ tốt chứ không được làm ông chủ xấu. Người thanh bản không để tâm hồn bầu vào vật chất hầu rảnh rang lo ích lợi tâm đức. Tật xấu mà họ kiêng kỵ nhất là hà tiện.

Hà tiện là triu mển thái quá
3. — Tật hà tiện là gì ? tiền của, nô-lệ nó, không dùng nó phải lẽ và lắm lúc không giúp đỡ kẻ tối cần giúp đỡ. Trong hài kịch « Người biển lận » Molière mô tả con người Harpagon điển hình của tật hà tiện như trong một chương trên ta đã bàn. Người ta thấy tất cả cái gì đề mạt trong kẻ bị hà tiện chi phối. Trong xã hội, biển lận đến cỡ Harpagon thì chắc không mấy người, nhưng ham tiền bạc quá độ tưởng chẳng ít.

Người hà tiện không tin ở ơn quan phòng của Thượng đế. Thượng đế sinh con người tất thương lo cho con người. Ngài chỉ đòi buộc con người cố gắng vừa đủ để ơn của người nhờ đó chuyển đến con người. Đắc tội là kẻ lười biếng chỉ chờ thần lực. Há miệng chờ sung rụng họ làm nghịch thánh ý Thượng đế. Kẻ hà tiện đắc tội với Người cũng không thua anh lười biếng. Họ tin tưởng mình hơn là tin cậy lòng nhân của Đấng tối cao. Họ vô tình coi mình là Đấng quan phòng của mình, thờ lạy tiền của như bụt thần. Đó là chưa nói, trong những say mê kiếm tiền bạc, họ phạm những tội nghịch đức công bình, bác ái vì gian xảo, vì không giúp kẻ cần cùng. Lẽ dĩ nhiên người hà tiện khó cất tâm hồn lên khỏi vật chất. Thánh kinh nói : « kho báu của chúng con ở đâu thì lòng chúng con ở đấy ; ubi thesaurus vestes, ibi et cor vestrum erit » mà kho báu của kẻ hà tiện là của phù vân nên tâm hồn của họ rất xa lạ với các nhơn đức và đời sống siêu nhiên.

Người ta thấy rõ rằng các ác quả của hà tiện :

a) *Coi của tiền là lý tưởng.* Của tiền Tạo hóa ban cho ta như phương thế để ta bảo đảm đời sống vật chất cho bản thân gia đình và khi cần để ta giúp kẻ nghèo khó. Nó không phải là lý tưởng hiền theo nghĩa mục đích tối hậu của con người. Kẻ hà tiện thờ lạy tiền của là đã đánh lộn sông phương thế với mục đích.

b) *Tìm tiền của cách bất lương.* Dùng phương thế lương thiện mà kiếm tiền của đến chỗ thượng phương nó là bậy rồi. Dùng cách bất lương để vơ vét tiền của lại càng trọng tội hơn. Có kẻ bỏ hết những phận sự, quên những quyền lợi kẻ khác coi sức khỏe của mình như rơm để bôn ba làm giàu. Ở thời nguyên tử, có kẻ dốc hết sinh lực vào sự kinh doanh không phải để mưu sinh mà để lợi dụng thế lực của đồng tiền để đầu để cổ kẻ khác.

a) *Xài tiền của cách keo kiệt.* Không nói chi vào tuổi già, có kẻ vì « lo hậu » ham mê tiền của trở thành người bủn xỉn. Ngay hạng người còn xuân trang, khi tiền bạc làm chủ tâm hồn, lắm kẻ lo tích trữ tiền quên tiêu dụng. Mỗi lần phải dùng đến tiền là mỗi lần đứt từng đoạn ruột. Có nhiều vợ chồng bỏ lãng đời sống tứ đức lo tảo tần thu trữ tiền của, ăn cực ăn khổ không dám xài cho đến giờ chết, trên tử sàng tắt hơi với hai bàn tay trắng. Thực đáng thương hại.

Đã xét các tai hại của tật hà tiện ta thấy rõ đức thanh bần cần thiết thế nào.

4.— Sự cần thiết của đức thanh bần.

a) *Phương thế siêu thoát.* Tiền của khi bị ham mê cực độ làm cho tâm trí con người bận rộn, bất an ngày đêm xao xuyến tìm kiếm, lo lắng

giữ nó và khi mất nó rồi, con người lo sầu thảm. Đức thanh bàn cho tâm hồn khỏi những phiền toái đó. Hãy tiêm nhiễm lời này của Đức Giáo Hoàng Piô X: « Tôi đã sinh ra nghèo, đã sống nghèo tôi muốn chết nghèo : Pauper natus sum, pauper vixi, pauper moricupio ».

2) *Đề cao nhân cách.* Có kẻ nghèo túng hay tự ty mặc cảm. Họ cho mình không xứng đáng với kẻ chung quanh. Lý tưởng của họ là làm giàu có để « nên mặt » với đời. Người thanh bàn không vậy. Họ biết mình nghèo nhưng họ thấy nghèo không phải là cái tội. Giá trị con người họ biết căn cứ ở đức hạnh chứ không ở tiền của. Vì đó trong cách xử thế, họ không tự cao mà cũng không tự ty. Khi phải nói chân lý cần thiết với kẻ phú-hộ họ không rút rè cách vô lý, khiếp nhục.

Nhiều nhà giàu có tướng diện gàn dở, ăn nói ngu dốt, xử thế què kệch chỉ vì quá thờ bò vàng. Đức thanh bàn làm cho kẻ giàu có biết cách xử dụng tiền bạc, làm chủ nó chứ không để nó điều khiển. Đức thanh bàn cũng làm cho kẻ có tiền cũng giàu lòng nhân, hay giúp kẻ nghèo khó, ưa tỏ chức từ thiện. Nhờ đó uy-tín của họ ngày một lớn mạnh.

3) *Rèn luyện óc già giặn.* Nghèo mà không cảm nhục, không than thở, cứ cần cù làm việc, tuân ý Đấng quan phòng, đó là cái nghèo lý tưởng. Trong khi đụng chạm với mọi thử thách chưa cay, tâm hồn dần dần được trui luyện già giặn. Con người nội tâm của họ trở nên điềm tĩnh, sâu sắc. Họ là người mà thượng cấp có thể giao việc lớn.

Tóm lại, đức thanh bàn tối cần cho cuộc hướng thượng của tâm hồn. Ta phải nỗ lực rèn luyện nó bằng những phương thể linh nghiệm.

5. — Phương thế luyện đức thanh bản.

1) Lấy vinh phúc làm lý tưởng.

Tin sắc thép rằng tiền của là phù vân, là phương thế để ta chiếm đoạt lý tưởng tối hậu của con người là vinh phúc. Nó lệ nó, nó phản ta và sau cùng trên tử sàng ta bạch thủ còn bạch thủ. . Hãy nhớ danh ngôn này : *Ai ham lời lãi có thể gian mà mất linh hồn nào được ích gì.*

2) *Tích âm đức.* Ngày xưa Ông Công Tư Mã nói để dành vàng sách cho con cháu chưa chắc chúng giữ được, chưa chắc chúng đọc. Ông quyết : *Tính tâm đức ở mình mình chỉ trung di ơi từ tôn trường cửu chi kế : chứa ngầm đức hạnh trong cõi mờ mờ là kế lâu dài để lại con cháu.* Để đức cho con cháu mà nhứt là phải để cho mình. Nếu ai tin mình sống lột vỏ, đời mình không tàn thì thôi. Còn ai tin « *nhân sinh bách tuế ot kỳ* » thì nên lo hậu là khôn nhứt. Khi chết rồi không có cái gì theo ta được trừ tội ác hay công đức. Vì đó lịch sử nhưn loại có nhiều thánh nhân tận tụy sống thanh bản, tu thân luyện đức. Họ để tất cả những gì khác cho Thượng đế lo, họ lo kiếm phần siêu rồi vinh danh của Thượng đế.

3) *Đầy tớ tốt và ông chủ xấu.* Nhớ lại những điều bản ở chương đức đơn giản. Tiền bạc là đầy tớ để ta hành thiện. Không nên cho nó làm chủ tâm hồn ta. Không hoang phí mà cũng không keo kiệt. Trong bài Hường Thượng chúng tôi viết « Dùng tiền bạc với khôn ngoan ». Câu này có thể giúp ta luyện óc thanh bản và làm kim chỉ nam khi dùng tiền của.

4) *Năng bố thí.* Vấn đề chúng tôi sẽ xét rộng trong bài « Đức bác ái » Ở đây ta chỉ đề ý góc cạnh này : là khi bố

thì con người ích kỷ của ta bị tấn công và ta thấy tâm hồn mình cao thượng. Chúng tôi không dám đề cập đến những tâm hồn quá cao cả đã bỏ mọi của đời gia nhập vào các tu viện để sống hoàn toàn thanh bần. Họ là những con người đại dũng. Chúng tôi nói một vài nghĩa cử ai cũng có thể làm được là bố thí. Dĩ nhiên ở thời này có lắm kẻ làm dụng án mày để sống khỏe, làm giàu nữa. Nhưng ta đừng quên dù sao họ cũng là kẻ đáng thương hại. Và lại tác-vi bác ái của ta không làm ta thiệt thời gì lắm mà còn luyện cõi lòng ta thanh cao. Trong khi ta thắng được tật hà tiện, để bố thí, ta thấy một niềm vui lâng lâng và trong cử chỉ của tay ta có gì đẹp không tả được.

6. — DANH NGÔN

1) Bần nhi vô oán than, phú nhi xô kiêu dị : nghèo không oán là khó, giàu không kiêu là dễ.

Khổng-Tử

2) Ai không thể sống nghèo, không thể sống tự do.

Dante

3) Một giấc mộng quảng đại dù đến từ đâu, nó luôn làm cho kẻ mang nó được vĩ đại.

G. Duhamel

5) Phước thay kẻ có tâm hồn nghèo khổ vì thiên quốc sẽ thuộc về họ.

Jésus Christ

6) Nghèo là trường luyện óc già dặn, chí phấn đấu, lòng tế nhị và lương tâm bình an.

Waterstone

7. — TỰ ÁM THỊ

Nếu giàu tôi xài tiền theo tính thần khó khăn. Nếu nghèo tôi cho thanh bản là trường luyện các nhơn đức.

CHƯƠNG XVIII

ĐỨC CÔNG - BÌNH

« Của Xê-xa hãy trả cho Xê-xa, của Thượng đế hãy trả cho Thượng đế ».

Chúa Giêsu

I. — ĐẠI YẾU

- 1) Chặt đầu anh vì công ích.
- 2) Định nghĩa công bình.
- 3) Thứ loại công bình.
- 4) Phạm vi công bình
- 5) Bình đẳng và tương bình.
- 6) Tật nghịch đức công bình.
- 7) Phương thế luyện đức công bình.

**— Chặt đầu anh
vì công ích.**

Timôphan là anh của Timô-lêông. Ông này tánh tình hòa hữn, hiền lành, khiêm tốn bao nhiêu thì ông anh nóng giận, hung ác, hách dịch bấy nhiêu. Timôphan chỉ huy quân sự lúc nào cũng muốn cướp quyền ở Côrintô. Ngày nọ ông dấy nguy. Ông cùng bộ hạ áp đảo chánh quyền địa phương, chém giết dân chúng. Timôlêông đau lòng đến rơi lụy khi thấy anh làm chuyện phi pháp như vậy. Timôphan cứ tiến mạnh trên đường ác. Ông gây oan thù trong mọi giới và ngày càng làm tổn hại công ích. Timôlêông cũng đi với em rể và một bạn tri âm đến

khuyến lơn anh minh cải tà qui chánh. Vô ích : Timôphan đã chẳng nghe còn xử đối thô lỗ, cộc cằn. Timôlêông buồn sầu quá đỗi, lui ra đứng chỗ khuất che mặt khóc. Tình cốt nhục rộn lên trong lòng ông. Timôphan cứ lòng chai dạ đá ăn nói thô lỗ. Thấy cần hạ sát kẻ thù địch của quốc dân, em rể và bạn của Timôlêông giết chết Timôphan.

Thấy Timôphan oằn oại chết, Timôlêông đứt từng đoạn ruột. Ông bỏ chạy trốn. Tình huynh đệ của anh cuồng nhiệt lắm nhưng ông tôn thờ đức công chánh hơn. Ông thấy phải hi sinh mối tình riêng để bảo vệ công ích và phải xử cứng như vậy mới mong trị hao nhiều người nguy loại khác đang làm cho nước nhà điêu đứng.

2. — Định nghĩa công bình.

Tiếng công bình đồng nghĩa với tiếng justice của Pháp văn hay justitia của Latin. Cả hai tiếng sau có căn gốc ở

tiếng jus nghĩa là luật. Nếu hiểu theo một nghĩa rộng và theo nghĩa thánh kinh thì công bình hay công chính là nhưn đức. Người công chính là người thánh.

Ở đây công bình gần nghĩa tiếng luật, được hiểu cách thông thường là nhân đức buộc phải trả lại sở hữu chủ những gì thuộc về họ. Nói cách khác nhân đức công bình khiến ý chí ta kính phục tư sản của tha nhân, không vi phạm cũng như không oa trử cách phi pháp của kẻ khác.

3 — Thứ loại công bình.

1) Nếu hiểu theo nghĩa siêu nhiên thì như chúng tôi đã nói trên, công bình là nhưn đức giúp ta nên thánh thiện.

2) Nếu hiểu theo nghĩa tự nhiên thì công bình được chia :

A. — Công bình cá nhân : tức là công bình buộc mỗi cá nhân tôn-trọng quyền lợi có đo pháp luật của nhau.

B. — Công bình xã hội : tức là công bình buộc tôn trọng quyền lợi của đoàn thể.

Đức công bình xã hội còn được chia ra :

a) Công bình giao hoán (*commutative*) : là đức giúp ta làm chu toàn những bổn phận ta mắc với người đồng loại, đồng bào, trong xã hội ta sống. Nó bắt ta giữ sự công bình về giá cả của các đồ vật đổi chác, mua bán,

b) Công bình phân phối (*distributive*) : là đức buộc kẻ cầm quyền trong xã hội phân chia liêm chính cho từng cá nhân những chức vụ, chức quyền, phần thưởng tùy khả năng, công trạng của họ.

c) Công bình pháp lý (*legal*) : là nhân đức buộc cấp cầm quyền, đồng thời buộc cấp tuân quyền phải trung tín giữ các luật pháp và lo phục vụ quyền lợi xã hội mà mình là phần tử.

d) Công bình báo oán (*indicative*) : là nhân đức buộc người giữ pháp luật phải trừng trị xứng đáng những ai vi phạm pháp luật của xã hội.

Công bình là tôn kính quyền lợi tha nhân. Mà bởi quyền lợi được qui định hoặc bằng pháp luật hoặc bằng giao kết cá nhân nên có hai phạm vi công bình cần thiết.

A — Công bình do pháp luật. Pháp luật ở đây hiểu hoặc pháp luật tự nhiên hoặc pháp luật chánh quyền.

1) Pháp luật cấm không được tiêu diệt sinh mệnh, vi phạm đến một bộ phận nào trong thân thể, hay làm những

công việc gì như đấu gươm, đấu với ác thù có thể làm sinh mạng mình mai một.

2) Công bình nhằm cách riêng những tài sản kẻ khác vì đó pháp luật cấm triệt để ăn cắp, ăn trộm, ăn cướp, oa trù cách phi pháp tài sản của tha nhân. Những sự bóc lột cách bất công sức lao động dưới hình thức nô lệ, thuê mướn đều nghịch phép luật.

3) Danh tiếng được coi là tài sản thiêng liêng cao quý nên lỗi đức công bình những ai nói hành, vu cáo hay làm điều gì mất thanh danh kẻ khác.

A — Công bình giao ước. Giao ước ở đây hiểu là người ta đôi bên dùng lời nói hay văn tự cam kết nhau giữ một hay nhiều điều gì đã được thỏa thuận hứa giữ. Lỗi công bình khi một bên không được đồng ý của bên kia mà phản giao ước. Lỗi nặng hay nhẹ tùy bản chất của điều giao ước trọng hay khinh. Người khôn ngoan không giao ước vội vàng. Họ lựa người lương thiện để giao ước và chỉ giao ước sau khi cân nhắc lợi hại chu đáo. Họ cho giữ đúng giao ước là một danh dự nên chỉ giao ước những gì có thể giữ được. Điều người công bình đề ý nhất giao ước là, thể hiện cách trung thành từng điểm được cam kết. Họ rất đúng sát về thời gian nhất định giữa đôi bên; Chính lương tâm họ buộc họ giữ giao ước hơn là người đã giao ước với họ.

5. — Bình đẳng và tương bình.

Nói đến công bình người ta hay liên tưởng đến hai khái niệm này.

1) Bình đẳng (*égalité*). Bình đẳng đáng đề ý nhất là bình đẳng luân lý tức là tính cách bằng nhau của mọi người hiểu là nhân vị gồm thể xác và linh hồn. Là nhân vị ai cũng bình đẳng trong quyền sinh sống,

lập gia đình, làm việc v.v... Do đó người ta có thể nghĩ đến sự bình đẳng xã hội hiểu theo nghĩa dè dặt khôn ngoan là mọi người đều là công dân trong một nước có những quyền lợi, bổn phận giống nhau với tư cách công dân.

Dĩ nhiên sự bình đẳng tự nhiên là ảo tưởng. Bàn tay có ngón dài ngón ngắn, xã hội có người lớn người nhỏ, mập, ốm, khôn ngoan, ngu dốt, cường dõng, bạc nhược. Sự bình đẳng này ta miễn bàn.

2) *Tương bình (équité)*. Tiếng *équité* của Pháp vẫn hiểu theo nghĩa nguyên ngữ thì đồng nghĩa với *justice* tức công bình. Nhưng những nhà luân lý và những luật hay hiểu hai tiếng này với những ý nghĩa có chút ít khác nhau. Người ta hiểu tương bình là công bình tự nhiên chứ không có công bình pháp lý. Nghĩa là khi nói tương bình người ta nói đến sự giảm khinh tính chất bắt buộc quá gắt gao theo tinh thần pháp lý của luật pháp. Tương bình giúp nhà lập luật cũng như nhà hành luật nghĩ đến những trường hợp đặc biệt mà pháp luật khi thẳng tay áp dụng có thể gây ra những bất công. Chính tương bình làm giảm những bất công này. Aristote được Foulquié trưng dẫn trong *Logique et Morale* (trang 542) gọi công bình là luật sắt còn tương bình là luật chì. Nói cách khác tương bình mang màu sắc bác ái làm dịu bớt sự thẳng thắn của công bình thuần túy.

6. — Tật nghịch đức công bình.

1) *Tham lam ; ăn cắp, ăn trộm gian lận khi mua bán.*

2) *biết người, làm người mang bệnh, nói hành, vu khống.*

3) *Thiên vị khi phân phối những quyền lợi, chức vụ.*

4) *Bất tuân những nhà cầm quyền chính đáng, làm tổn hại công ích, Trốn thuế.*

5) *Lập những luật bất công, phản dân hại nước.*

6) *Có quyền trị dân mà không trừng phạt xứng đáng kẻ phá hoại quyền lợi quốc dân, sát hại vận-mệnh quốc gia.*

7.— Phương thế luyện đức công bình

Tiêu cực : 1) *Tránh những ăn cắp vặt. Nhiều người không nghĩ đến lỗi đức công bình bằng cách ăn trộm, ăn cướp*

vật cao tiền nhưng hay phạm những lỗi gian tham nhỏ. Mà tội nhảm tay nhỏ nhặt này có thể đưa đến những tội lỗi đức công bình lớn. Người Pháp nói chí lý : ai ăn cắp một trứng, sẽ ăn trộm một con bò.

2) *Đừng giả mạo khi mua bán. Bán lậu, bán quá giá, lường thưng trao đấu, thưng mại đồ giả v.v... đều là những cách nghịch công bình.*

3) *Đừng trốn thuế chính đáng. Vay nợ nhiều quá khi cảm thấy không trả nổi là liều lĩnh phạm phép công bình.*

4) *Khi có trách nhiệm giữ tiền bạc, tài sản công cộng, phải kỷ lưỡng làm sổ sách. Đừng có thói quen mượn tiền chung xài việc riêng. Chết bất ngờ có thể gây nhiều bất tiện.*

5) *Gồm như câu tặc nói xấu, vách lá tìm sâu đời tư kẻ khác. Vu khống làm mất thanh danh tha nhân cũng như tiết lộ các bí mật thường khó tránh khỏi bất công.*

Nên nhớ tiền bạc, tài sản, danh tiếng của tha nhân khi vi phạm ta đều thường cân xứng. Điều này nhiều người không biết hay biết mà coi thường.

Tích cực : *Tập lương tâm tế nhị. Ngay từ ấu trĩ lương tâm cần được giáo luyện sao cho rất tinh-tế về sự giữ đức công bình. Về công bằng hãy thử một li đi một dặm : cha mẹ, thầy giáo nên tập con cái, học viên cần-thận*

chỉ cực về sự tôn trọng quyền lợi kẻ khác.

Hãy giữ đức công bình bằng cách giữ đức bác ái. Nghĩa là tôn trọng nhân vị tính trong con người, coi con người là hữu thể tốt đẹp được sáng tạo đặc biệt bởi tạo hóa. Con người có xác hồn và bao nhiêu tài sản liên đới với sự phát triển của xác và hồn. Nên khi tôn trọng chính nhân vị con người tất trọng những gì thuộc quyền sở hữu con người.

. . .

8. — DANH NGÔN

1) Kỹ sở bất dục vật thí ư nhân.

Khổng Tử

2) Sự công bình thối quá thường là bất công.

J. Racine

3) Ai ăn cắp một trứng gà sẽ ăn trộm một con bò.

Ngạn ngữ Pháp

4) Công bình là chân lý được thực hiện.

J. Joubert

5) Phải giữ công bình bằng tinh thần bác ái nhưng giá hành động bất kể bác ái thì nên ít ra nghĩ đến công bình.

Waterstone

9. — TỰ ÁM THỊ

Vì quý mến tha nhân, tôi tôn trọng nhân vị và các quyền lợi của tha nhân như của tôi.

CHƯƠNG XIX

ĐỨC HIẾU THẢO

« Phụ mẫu ái chi, hĩ nhĩ bất vong, phụ mẫu ố chi lão nhĩ bất oán phụ mẫu hữu quá oán nhĩ bất nghịch : cha mẹ yêu mình mà không quên ơn ; cha mẹ ghét mình mà không giận ; cha mẹ lỗi can mà không nghịch. »

Tăng Tử

I.— ĐẠI YẾU

- 1) Chuyện thầy Tăng Sâm.
- 2) Định nghĩa đức hiếu.
- 3) Chân nghĩa của gia đình.
- 4) Bền phận làm con.
- 5) Tật xấu nghịch đức hiếu.
- 6) Phương thế luyện đức hiếu.

— Chuyện thầy Tăng Sâm.

Ngày nọ phở cỗ ruộng dưa Tăng Sâm làm đứt một ít rễ dưa. Thân phụ ông nổi giận đập gậy vào lưng ông. Tăng Sâm đau, chết điếng một lúc mới tỉnh. Khi về nhà, Tăng Sâm đến lạy cha, nói : « Xin cha tha lỗi cho con vì đã có lỗi làm cha đánh đau tay cha » Thưa xong, Tăng Sâm đôn bái cho cha vui và có ý cho cha biết mình không còn đau nữa.

Đức Khổng Tử biết chuyện Tăng Sâm không cho vào

nhà ông. Tăng Sâm buồn, không biết tại sao, mượn bạn hỏi lý do. Đức Khổng Tử đáp : « Xưa Thuấn luôn ở cạnh cha là Cồ Tâu. Cha sai gì thì sẵn, cha giận muốn giết thì lánh xa, cha đánh thì chịu. Vì đó cha không mang tiếng hung ác. Còn Tăng Sâm không biết tránh cơn giận của cha. Giá cha đánh chết là Tăng Sâm làm cơ cho cha mang tội. Tội bất hiếu là trọng nhất ». Tăng Sâm nghe hiểu ý Đức Khổng Tử, nên đến thú tội với Ngài. Chuyện này Nguyễn văn Ngọc về Trần lê Nhân trích trong Thuyết uyển thuật trong Cổ học Tinh Hoa. Chúng tôi thuật phỏng theo. Câu chuyện xưa như sau. Bạn đã thuộc lòng. Nhưng nó chứa bài học thâm thúy về đức hiếu. Ở thời đại tự xưng là tối văn minh, văn minh nguyên tử của chúng ta, hình như có cảnh loạn diễn từ lương tâm đến gia đình, quốc gia nên đức hiếu bị cưỡng hiếp rất nhiều. Ngày nay cha mẹ bớt được kính trọng. Con cái ăn nói hành động với cha mẹ bớt tỏ ra tâm tình quý phục. Đó là chưa nói những trường hợp mà người ta xử tàn tệ với những kẻ sinh đẻ mình.

Có kẻ vì người yêu, vì quyền lợi, vì đẳng cấp của đảng mà ăn nói, hành động đối với cha mẹ bằng cách không còn lễ phải của con người chớ đừng nói con cái. Cần phải có một phong trào giáo dục gia đình giành lại quyền cho đức hiếu, một đức tối cực khả ái, một đức lý tưởng của những tâm hồn sâu sắc, già dặn, biết ơn.

2 — Định nghĩa đức hiếu.

Đức hiếu là đức luân lý giúp ta đối với cha mẹ có những tâm tình kính phục, quý mến, vâng lời, giúp đỡ và tâm tình

ấy được thể hiện trong lời nói, việc làm, cử chỉ, thái độ. Nên đề ý hiếu thảo là việc làm phát xuất từ lương tâm của con người nhận chân công lao sanh thành, dưỡng dục

của song thân. Nó là thái độ tinh thần có màu sắc êm ái, tế nhị, dỗi dào. Nó căn cứ vào một thứ tình ái tuyệt vời cao cả mà người ta gọi là tình phụ tử và mẫu tử. Có thể nói người ta cảm cái tình hiếu thảo mà khó diễn tả nó hay định nghĩa nó. Phải ! Nó thiêng liêng kín đáo, quý trọng như một niềm lo lắng của người cha, như một nét hôn âu yếm của bà mẹ. Tâm tình hiếu thảo kỳ thực đi sát với tình yêu gia đình như hình với bóng. Tình yêu gia đình là mối tình sâu thẳm nhất trong các tình. Bao lâu còn con người là còn tình yêu gia đình. Nhưng tại sao lòng hiếu thảo nhiều khi bị mờ ám. Lòng hiếu thảo lắm lúc bị cưỡng hiếp bởi những công ăn việc làm của con cái khi đủ lòng đủ cánh. Trừ một thiểu số có tâm hồn bội bạc, cách chung con cái luôn tận tâm tận muốn giúp đỡ cha mẹ, cảm thấy nhớ tiếc, sầu đau khi cha mẹ mất. Chúng tôi nói tận tâm tận vì muốn nhấn mạnh tính chất nhân loại của tình hiếu thảo. Chúng tôi cũng muốn nói rõ sau ngày ra khỏi gia đình phần đông con cái bị bận rộn với gia đình của mình, với chức nghiệp, bốn phần riêng, thành ra lòng hiếu thảo dường như bị đóng khuôn trong lý thuyết. Nó lâu lâu mới được thể hiện chút ít trong những món quà, những cuộc thăm viếng.

Tất cả những giải thích trên đây cho ta thấy tình hiếu thảo vẫn có trong nhân tâm ; nhưng có điều là phải có sự giáo luyện, nó mới được thường xuyên thực hành. Muốn củng cố đức hiếu thảo chúng tôi thấy trước tiên người ta phải có một quan niệm chính đáng về gia đình, thấu triệt cái tình thiêng liêng cấu thành căn bản xã hội thánh thiện đó.

Sa-éc

May, 2016

3.— Chấn nghĩa của gia đình.

Ai cũng biết cách đơn sơ gia đình là một tổ chức cấu thành bởi cha mẹ con cái. Ít ra để ý gia đình đối với cá nhân là phương thế giữ tâm hồn thanh bạch, là tổ ấm hạnh phúc. Đối với người trong gia đình là nơi thực hiện những bổn phận cao cả và đối với quốc gia là sự bảo đảm thanh cường.

a) Cho cá nhân gia đình giúp giữa lòng thanh bạch. Hơn hết các tạo vật khác, con người tự nhiên hướng về sự tinh giao. Ái tình và lớp áo của bản năng tình dục bao trùm một phần lớn tâm hồn con người. Một số người nuôi lý tưởng tu hành triệt để đàn áp ái tình. Nhờ giáo lý, lý tưởng căn cứ vào Thượng đế hay vào hạnh phúc mong đợi ở cõi lai sinh, họ dứt khoát với mọi cảm dố xác thịt. Lòng họ thanh bạch. Nhưng kể sống giữa cuộc đời trong cơn lốc của ái tình chỉ nhờ có hôn nhân là phương thế vững chắc nhất để giúp cho trái tim khỏi hư hốt. Hôn nhân buộc vợ chồng bằng những bổn phận, quyền lợi hỗ tương. Nếu trung thành thể diện và thụ hưởng họ có thể dễ thành những sa ngã ngoài hôn nhân. Con cái cũng là dây cương kiềm hãm thú tính của cha mẹ khi các bậc này bị những mối tình bất chánh cám dỗ.

b) Gia đình cách chung là nguồn hạnh phúc. Trừ một số gia đình mà ái tình bị lạm dụng, bị bôi lọ, phải khách quan nhận gia đình là tổ ấm của hạnh phúc. Khởi căn kể hạnh phúc của hai tâm hồn trẻ hòa điệu tình yêu trong lành buổi tiền hôn nhân, lúc trăng mật. Chúng ta hãy nghĩ cái thời thơ ấu vô tư lự mà ta được hưởng cách thơ mộng dưới bóng cha mẹ nơi gia đình. Muốn thấy tất cả sự êm

địu của cảnh hạnh phúc này ta hãy so sánh số phận những người còn đang êm ấm trong gia đình với những kẻ mồ côi ăn ngủ đầu đường xó chợ.

c) *Gia đình cung cấp những phận vụ cao cả.* Tinh túy của luân lý là bốn phận được thực hiện vì lý tưởng tốt đẹp. Mà có mấy lý tưởng nào thiện mỹ bằng hạnh phúc chính đáng của cung thánh gia đình. Vì đó những bốn phận xây đắp có giá trị vô tả. Các bốn phận lại được nung đúc bởi ái tình mà hôn nhân đã thánh hóa. Bạn hãy tưởng tượng bàn tay êm dịu của bà mẹ hiền trao bát cháo cho đứa con một đau liệt trên giường. Ôi đẹp thay bốn phận làm mẹ và tình mẫu tử.

d) *Gia đình củng cố quốc gia.* Ai không biết quốc gia chỉ có khi có gia đình, chỉ có lành mạnh khi gia đình hạnh phúc, hưng thịnh. Chính ở gia đình quốc gia trông đợi những bàn tay tài đức đề cứu quốc, kiến quốc. Chính ở gia đình, quốc gia hy vọng những tận tụy giáo dục cho tầng lớp tuổi xanh ngày mai sẽ tiếp tục các trách vụ cao cả mà những nhà chức trách vì tuổi già, vì sự chết giao phó lại. Cũng chính gia đình là nguồn cung cấp cho quốc gia những tài sản mà nhờ tinh thần tư hữu, nhờ tình ái, tình hy sinh gia đình đã xây dựng.

Tóm lại ngoài ra sự đào luyện cho con người bao nhiêu đức tánh cả nhân hay đối xử tốt đẹp như hy sinh, nhẫn nại v.v... Gia đình cung cấp cho con người bao nhiêu bảo vật tinh thần nữa. Có quan niệm gia đình cách đúng đắn như vậy, người ta mới nhận thấy lòng hiếu thảo là cao cả, siêu thiêng. Nó nói lên sự ràng buộc những tâm hồn xây dựng hạnh phúc là cha mẹ với những tâm hồn thụ hưởng hạnh phúc là con cái. Muốn thực hiện nó còn

cái phải làm xong những bổn phận chuyên biệt của mình đối với cha mẹ lúc còn trong gia đình cũng như lúc ở tự riêng.

4. — Bổn phận làm con

Bổn phận con cái đối với cha mẹ xây dựng trên sứ mệnh sinh thành, giáo dục của cha mẹ khi các vị này thay thế Thượng đế làm việc truyền sinh nòi loại trong phạm vi gia đình. Cha mẹ được Tạo hóa ban quyền cho đời những con người tốt đẹp. Đối với cha mẹ, con cái tự nhiên có những bổn phận căn bản mà dưới đây chúng ta sẽ tìm hiểu. Đó là chưa nói các bổn phận căn bản mà dưới đây chúng ta sẽ tìm hiểu. Đó là chưa nói các bổn phận ấy có đo số nợ công lao sánh tợ biển Đông núi Thái mà coi cái mắc ở cha mẹ.

Nếu phải kể vài bổn phận đại hệ của con cái, người ta kể ngay tình yêu, niềm tôn phục, sự vâng lời, lòng tri ân và sự giúp đỡ.

a) *Tình yêu cha mẹ.* Yêu cha mẹ cách tự nhiên như là yêu mẹ thì cách chung là người ai cũng có. Hãy tưởng tượng một buổi chia ly giữa mẹ và con hay buổi tang ma sau khi chôn mẹ về, Nhưng tình yêu cha mẹ để tự nhiên, nó sẽ bị nằm trong lý thuyết. Ta có bổn phận luyện nó bằng cách thực hiện nó thường xuyên.

b) *Niềm tôn phục.* Tình yêu cha mẹ nên biểu lộ ra bằng tôn phục. Con cái tôn phục cha mẹ vì cha mẹ là đại diện của Thượng đế trong sự sanh thành, dưỡng dục, giáo luyện mình. Những hi sinh bất vị lợi vô bờ bến của cha mẹ cũng là lý do chính đáng khiến con cái tôn phục tâm hồn cao cả của cha mẹ.

c) *Sự vâng lời.* Đức tôn phục chỉ có giá trị khi nó được thực hiện trong đức vâng lời. Cha mẹ có uy quyền cao cả trên con cái. Nhờ uy quyền ấy mà các cuộc giáo dục được bảo đảm. Đối với uy quyền có tính cách thánh thiện ấy,

con cái bị bắt buộc vâng lời. Có thể nói con cái phải vâng lời cha mẹ gần tuyệt đối trừ những khi huấn lệnh của các vị này đi nghịch các luật Thượng đế, lương tâm, chính quyền. Sự vâng lời phải phát xuất tự tấm lòng quảng đại. Tính cách của nó là mau chóng, vui vẻ, thân mật. Không có gì cao đẹp bằng một người con lớn tuổi, có chức quyền cao mà làm thỉnh, vui vẻ khi bị cha mẹ rầy la. Đồng thời cũng không có gì đáng tởm gớm bằng một người con ỷ sống thời tân tiến, học cao làm lớn mà cãi xước, mắng chửi cha mẹ, dầu nói rất hay, rất đúng.

d) Lòng tri ân. Thật động trời, những lời nói, hành vi tỏ ra bội bạc cha mẹ. Có lối nào, bút nào diễn tả được công cù lao của song thân. Vậy mà có biết bao con cái bỏ bê cha mẹ đói rách. Thật đứt ruột khi thấy nhiều bà lão vì thương con, thương cháu, đã làm tới mọi cho con, còn đi làm đầy tớ cho cả một lũ cháu mà còn bị con ruốt binh vợ, binh chồng hiếp mắng, hắt hủi, cho ăn ngủ tồi tệ. Ước gì những lời này của Socrate được rót vào tai họ. Ngày nọ con trai của Socrate phàn nàn với ông về tính xấu của mẹ mình. Socrate nói : « Coi chừng người ta biết được con không kính phục cha mẹ mà khinh bỉ con, không kết bạn với con. Bởi vì nếu họ tưởng con bội bạc với cha mẹ thì họ không một ai tin rằng con có thể nhìn nhận được một việc thiện. »

Một người con thảo phải tỏ lòng tri ân với cha mẹ cách sâu sắc trong nhiều hình thức. Chẳng những phải lo cho cha mẹ ăn mặc, cư trú, nghỉ ngơi chu đáo mà còn lo giúp cha mẹ yên ổn trong tâm hồn, lo cho cha mẹ dễ dàng chuẩn bị về mặt thiêng liêng cho cõi lai sinh. Tập trung tất cả sự lo lắng lúc cha mẹ cô thế, già cả, đau bệnh. Quan hệ nhất là lo cho việc siêu rỗi của các vị

sau khi các vị qua đời. Thiên hạ sẽ coi là quái vật những con cái nào hưởng thụ tài sản của cha mẹ mà bỏ bê cha mẹ bơ vơ nghèo túng buồn rầu. Người đời cũng coi như vật khốn nạn con cái nào lo sống hạnh phúc trên liền của cha mẹ để lại mà không nghĩ gì đến sự hương hỏa, sự cầu hồn cho cha mẹ.

c) *Sự giúp đỡ.* Vaurenargues nói : « Sự bạc ân thông thường nhất là sự bạc ân con cái đối với cha mẹ. » Tư tưởng này đúng gần tuyệt đối. Mười người làm cha mẹ khi cao tuổi là có đến tám chín than con cái ít biết công ơn mình. Nói yêu mến cha mẹ thì con ruột cũng như dâu rể không thiếu gì kẻ nói. Nhưng giúp đỡ cách thiết thực bằng tiền bạc, của cải, lời an ủi thì họa hiếm làm sao. Cha mẹ cần nhất sự giúp đỡ lúc ở trên tử sàng, giúp đỡ về đường thiêng liêng. Tôi nghiệp làm sao một tâm hồn suốt đời lo cho bạn trăm năm, cho con cái, quên ăn quên mặc mà đến giờ chết, chết cô đơn, chết không chút hi vọng gì về vĩnh phúc bên kia thế giới.

5. — Tật xấu nghịch đức hiếu.

Những tật xấu thông thường nghịch đức hiếu thảo là 1) *To*

tiếng cãi lẫy với cha mẹ, nộ nạt khinh rẻ khi thấy cha mẹ nghèo khó, dốt

nát, lười lười. 2) *Bỏ cha mẹ sống dốt rách.* 3) *Hỗ thẹn với bề bạn, với vợ hay chồng với kẻ giàu sang khi cha mẹ quê mùa ăn mặc nghèo khó.* Tất cả những tật xấu ấy chẳng những làm đau lòng cha mẹ cách sâu xa mà hạ thấp nhân phẩm con cái.

6. — Phương thế luyện đức hiếu.

Những nhà tu đức thường chỉ những phương thế căn bản này để luyện đức hiếu.

1) *Luyện tâm tình yên mến cha*

bằng cách suy tưởng đến những công lao trời biển của cha mẹ.

2) Luôn đối với cha mẹ có lòng cung kính. Ăn nói dịu ngọt. Không cãi là cha mẹ dù là cha mẹ lỗi lầm, nóng giận.

3) Thường xuyên giúp đỡ cha mẹ nhất là khi cha mẹ nghèo túng, ốm đau, đau bệnh.

4) Quan tâm phụng sự cha mẹ khi liệt nặng : lo cho cha mẹ về đời thiêng liêng, cầu hồn cho cha mẹ là tổ ra hiếu thảo với cha mẹ.

sau khi các vị qua đời. Thiên hạ sẽ coi là quái vật những con cái nào hưởng thụ tài sản của cha mẹ mà bỏ bê cha mẹ bơ vơ nghèo túng buồn rầu. Người đời cũng coi như vật khốn nạn con cái nào lo sống hạnh phúc trên tiền của cha mẹ để lại mà không nghĩ gì đến sự hương hỏa, sự cầu hồn cho cha mẹ.

c) *Sự giúp đỡ.* Vaurenargues nói : « Sự bạc ân thông thường nhất là sự bạc ân con cái đối với cha mẹ. » Tư tưởng này đúng gần tuyệt đối. Mười người làm cha mẹ khi cao tuổi là có đến tám chín thân con cái ít biết công ơn mình. Nói yêu mến cha mẹ thì con ruột cũng như dầu rề không thiếu gì kẻ nói. Nhưng giúp đỡ cách thiết thực bằng tiền bạc, của cải, lời an ủi thì họa hiếm làm sao. Cha mẹ cần nhất sự giúp đỡ lúc ở trên tử sàng, giúp đỡ về đường thiêng liêng. Tội nghiệp làm sao một tâm hồn suốt đời lo cho bạn trăm năm, cho con cái, quên ăn quên mặc mà đến giờ chết, chết cô đơn, chết không chút hi vọng gì về vĩnh phúc bên kia thế giới.

5. — Tật xấu nghịch đức hiếu.

Những tật xấu thông thường nghịch đức hiếu thảo là 1) *To*

tiếng-cái lầy với cha mẹ, nộ nạt khinh

rề khi thấy cha mẹ nghèo khổ, dốt

nát, lười lảm. 2) *Bỏ cha mẹ sống dốt rách.* 3) *Hỗ thẹn với bè bạn, với*

oạ hay chồng với kẻ-giàu sang khi cha mẹ quê mùa ăn mặc nghèo khổ.

Tất cả những tật xấu ấy chẳng những làm đau lòng cha mẹ cách xa mà hạ thấp nhân phẩm con cái.

6. — Phương thế luyện đức hiếu.

Những nhà tu đức thường chỉ những phương thế căn bản này để luyện đức hiếu.

1) *Luyện tâm tình yên mến cha*

mẹ bằng cách suy tưởng đến những công lao trời biển của cha mẹ.

2) Luôn đối với cha mẹ có lòng cung kính. Ăn nói dịu ngọt. Nhút là cha mẹ dù là cha mẹ lỗi lầm, nóng giận.

3) Thường xuyên giúp đỡ cha mẹ nhút là khi cha mẹ nghèo túng, già cả, đau bệnh.

4) Quan tâm phụng sự cha mẹ khi liệt nạng : lo cho cha mẹ về đường thiêng liêng, cầu hồn cho cha mẹ là tỏ ra hiếu thảo nhút với cha mẹ.

7 — DANH NGÔN

1) Ai bỏ cha mẹ lúc cần thiết, ăn ở lãnh đạm lúc cha mẹ đau khổ, nghèo túng thì tên của kẻ ấy đáng ghi giữa những tên của kẻ sát phụ.

X.

2) Con hãy tôn kính cha mẹ.

Thập giáo điều

3) Tiền của, chức quyền, danh tiếng, nhan sắc khi mất người ta có thể kiếm được nhưng cha hay mẹ khi mất đi lòng người ta rên tuyệt vọng.

Christprolo

4) Khi cha bạn nói, bạn hãy vâng lời mà không trách móc gì hết.

Lamartine

5) Phụ mẫu tại bất diện du, du tất hữu phương: cha mẹ còn diềm chơi xa, chơi phải có nơi.

Không-Tử

8 — TỰ ÁM THỊ

Tôi cảm thấy vô cùng nhục nhã và không xứng đáng nhận phần mỗi khi tôi ở bội bạc với cha mẹ tôi.

CHƯƠNG XX

ĐỨC TUÂN PHỤC

*« Ai không biết tuân phục
đừng mong làm lớn »*

Feurzinger

I — ĐẠI YẾU

- 1) Tiếng « xin vâng »
- 2) Đức tuân phục là gì ?
- 3) Tính cách của đức tuân phục ?
- 4) Chân nghĩa của quan phòng
- 5) Phương thế giữ đức tuân phục

Ngày nọ đức Maria, một thiếu
1.— Tiếng « xin vâng » nữ tuyệt đức, tuyệt mỹ ở
trong phòng vắng. Có một
thiên sứ bỗng hiện đến mách tin Người sẽ thụ thai sinh
con Thượng đế. Đức Maria ngạc nhiên thưa : Làm sao việc
ấy được thành vì tôi đã quyết giữ khiết trinh. Thiên sứ
cho biết đó là ý của Thượng đế và đối với Thượng đế,
không gì mà không thể được. Đức Maria biết là do thánh
ý Thượng đế. Người cung kính, khiêm nhu, tin tưởng,
yêu mến, trông cậy thưa : Xin vâng. Thế là Thiên tử bắt
đầu cưu mang trong Người. Nhờ tiếng vĩ đại « xin vâng »
mà hơn loại được cứu rỗi, mà họ mặt hơn loại được
đổi mới và bao nhiêu công tác vĩ đại thay phiên xuất hiện
dưới bóng mặt trời. Thật đáng ngả đầu khâm phục thay

Đức vâng lời của Mẹ Maria. Người không thâm hiểu học thuyết Ki tô giáo hay người quá nhiễm tinh thần duy vật, cuồng loạn của thời đại, khó ý thức được giá trị của đức tuân phục. Người ta thường chỉ thấy cái thuận hơn cái nghịch mà không thấy trong cái nghịch đôi khi chứa những cái thuận. Tuân phục, người thời đại cho là hành vi nghịch với óc chiến đấu. Ở thời này khi ai móc mình một mắt, bẻ một răng phải móc lại một mắt bẻ lại một răng. Người ta khó hiểu cách xa rộng chân nghĩa và lợi ích của tuân phục khi nó là một đức. Chúng tôi nói đức tuân phục là nói với cố ý vì tuân phục khi là một đức không có nghĩa là khiếm nhược phục tùng, lòn cúi để trục lợi hay vì lý do bất đáng nào. Dưới đây chúng ta thử tìm biết bản chất nó, các tính cách cùng sự cần thiết của nó. Sau đó ta tìm những phương thế đào luyện nó.

2. - Đức tuân phục Tuân phục là nhưn đức luân lý giúp ý chí cá nhân của ta kính phục ý chí của những thượng cấp chính đáng đại diện trực tiếp hay gián tiếp của Thượng đế.

Loại người mà tuân phục Thượng đế là vấn đề đáng lẽ khỏi bàn. Triết học, khoa học, thần học đã cho ta biết con người có do Thượng đế, là con của Người, hưởng bao nhiêu ân huệ của người và có người làm cứu cánh tối hậu. Vâng lời Thượng đế vì đó là việc làm công bình, phải lẽ của con người.

Loại người chẳng những phải vâng lời Thượng đế mà còn phải tuân phục những bậc đại diện chính đáng của Người. Thượng đế muốn cho đời sống mỗi người tốt đẹp nên cho cá nhân có đời sống xã hội. Cho dạng xã hội an

binh hầu giúp đỡ cá nhân phát triển về mọi mặt thể chất tinh thần, tâm đức, xã hội cần uy quyền, cần những bậc lãnh đạo. Các bậc này lãnh uy quyền ở Thượng đế phục vụ người trong xã hội, xã hội là gia đình quốc gia hay tổ chức cộng đồng để tu hành, để công tác xã hội. Nên nhấn mạnh mọi uy quyền đều có do Thượng đế (lời của thánh Phao-lô. Rô-m XIII — 1). Lý tưởng của kẻ làm lớn là phụng sự kẻ dưới chứ không phải lạm dụng kẻ dưới để tìm hạnh phúc ích kỷ. Nếu quan niệm vai trò làm lớn trong xã hội như vậy thì kẻ được điều khiển có bổn phận tuân phục. Nếu không tuân phục là vô tình cản trở sự phát triển của cá nhân, phá rối an bình cần thiết cho hạnh phúc cộng cộng. Vấn đề cần đề đặt chút là phải tuân phục kẻ đại diện chính đáng của Thượng đế. Các bậc đó là ai? Đây là đôi ví dụ. Trong gia đình kẻ đại diện Thượng đế cầm quyền coi sóc là cha mẹ. Trong một quốc gia, kẻ đáng tuân phục là những nhà cầm quyền mà chánh thể gây nhiều công tác vừa bảo vệ vận mệnh quốc gia vừa phục vụ quyền lợi quốc dân.

Nguyên tắc căn bản nên theo là không nên tuân hành những huấn lệnh nghịch luân thường, nghịch Thượng đế. Dĩ nhiên cái gì không thể gìn giữ được thì không có uy quyền nào buộc : *ad impossibile nemo tenetur*.

3. — Tánh cách của đức tuân phục.

a) *Màu sắc đức bác ái. Thánh Phao-lô bảo : « Anh chị em phải vâng lời chủ của anh chị em với lòng kính sợ, đơn sơ như*

vâng lời Chúa Ky-tô. » Tư tưởng này cho ta biết tuân phục phát xuất từ tâm hồn, tâm hồn được nhuần tình yêu thương. Nhờ màu sắc bác ái sự vâng lời biến thành tác vi tích cực, tự ý, cao cả không có vẻ nô lệ, tiêu cực, vi lợi.

lễ Màu sắc phổ biến. Phải tuân phục tất cả các kẻ cầm quyền chính đáng khi họ ra lệnh chính đáng.

Ngoài hai đặc tính trên, đức vâng lời gương mẫu còn được thi hành mau chóng, vui vẻ, nhẫn nại, bền bỉ và tỵ mỵ.

4. - Cần thiết của đức tuân phục.

Không ai không biết đức tuân phục cần thiết tự bản chất của nó vì nó lệ thuộc đức công bình, một đức bất buộc bất cứ ai đều phải sống hợp công lý. Hãy nhấn mạnh ích lợi thực tiễn của nó. Làm sao gia đình làm xong các bổn phận giáo dục, tạo hạnh phúc, làm sao quốc gia an bình, mưu ấm no cho toàn dân nếu con cái chống cự với cha mẹ, nếu công dân cứ nguy loạn với chánh phủ. Khỏi cần nói ai cũng biết không tổ chức nào muốn tìm ích lợi cho con người mà không cần đức tuân phục.

Thánh Aucutinh còn gọi nó là mẹ và là kẻ giữ gìn các nhơn đức khác : *Obédientia in creaturâ rationali mater quodammodo est custosque virtutum* (De civit. Die 1 — XIV — C. 12). Đó là chưa nói đức tuân phục còn tạo trong nhơn tâm sự an lạc siêu nhiên. Người bình yên chính là người sống đúng các luật chính đáng. Trong các tu viện tổ chức đúng tinh thần chân giáo, đức tuân phục còn làm cho hết các tâm tính, lời nói, tác vi của con người vâng lời trở thành công đức đáng được Thượng đế thưởng.

Tóm lại đức tuân phục có giá trị cao cả và tự bản chất cần thiết cho bất cứ xã hội hay tổ chức nào muốn đem lại an bình, hay hạnh phúc cho con người. Tiếc thay ngày nay trong gia đình cũng như học đường, đức cao quý này bị chà đạp thậm tệ quá. Người ta hiểu lầm hai chữ

tự do, người ta non nớt, tự kiêu nên khinh rẻ các bậc đại diện chính đáng của Thượng đế là cha mẹ, là các nhà giáo lành nghề. Ước mong dưới hiên gia đình và học hiệu đức tuân phục được trả lại đúng địa vị xứng đáng của nó.

4 — Chân nghĩa của quan phòng.

Có một chân lý cao siêu mà nhiều người vì non tinh thần chân giáo, vì quá nhiễm mùi trần tục ít nhận thấy là tất cả

những việc gì xảy ra trên trần gian này, kể cả những sự dữ, trừ ác ý của tội lỗi, đều do Thượng đế. Thượng đế lo cho các tạo vật hơn chính tạo vật lo cho mình, hay lo cho mình không nổi. Thế mà con người hay có xu hướng quá tự tin, bất kể tầm mắt làm chủ, làm cha hay lo cho tôi tớ, con cái của Thượng đế. Nếu ai thấu triệt lẽ thâm sâu của việc thiên phòng và thi hành triệt để đức tuân phục thì người ấy sẽ biết an phận, sống trong hân hoan, trong hòa bình nội tâm và rất đáng yêu mến, đáng thưởng trước mặt Thượng đế.

5 — Phương thế luyện đức tuân phục.

1) *Hãy tìm biết những gương sáng về đức tuân-phục, Đức Maria tuân-phục ý Thượng-đế để thụ thai làm mẹ Đấng Cứu-*

Thế. Đấng Cứu-Thế tuân phục Thượng đế nhận chén đắng chuộc tội loài người. Thanh Phê-rô tuân-phục bỏ lưới lại, được nhiều cá. Thánh Phao-lô tuân-phục lệnh cảnh cáo Đức Giêsu, thống hối lỗi lầm, trở thành đại-thánh truyền giáo. Còn bao nhiêu gương tuân-phục trong lịch sử giáo-hội chân chính, nhất là trong các tu viện.

2) *Luyện đức yêu mến.* Thánh Catherine nói về đức tuân phục : « Nó êm dịu, vinh-hiến làm sao, nó tàng trữ trong mình các nhơn-đức. Nó được cư mang và sinh sản bởi đức bác ái » Lời này minh triết. Người giàu lòng nhân là người tuân phục dễ dàng.

3) *Đừng kiêu căng, quá tự tin đến thành tự cao tự đại.* Người già dặn và khiêm nhu thích tuân-phục ý của kẻ hữu quyền chính đáng và cho đó là hành-động khôn-ngoa.

• • •

6 — DANH NGÔN

1) Thuận thiên giả tồn, nghịch thiên giả vong : Thuận trời thì còn, nghịch trời thì mất.

Mạnh-Tử

2) Không uy quyền nào mà không do Thượng-đế.

Thánh Bào Lộc

3) Làm lớn phải khôn ngoan khi ra lệnh. Làm nhỏ phải bác ái khi vâng lời.

Feurztger

4) Nếu người ta phải vâng lời bề trên thì không có chút gì tại họ khôn ngoan, nhân hậu hay có đức tính nào khác Thượng đế ban mà chỉ tại vì họ là đại diện của Thượng đế.

St. Ignace

5) Người ta được tất cả điều mình muốn khi người ta muốn điều Thượng đế muốn.

Hoàng-tử Ghika

7 — TỰ ÁM THỊ

Tôi làm người thích sáng kiến ; nhưng thích tuân phục hơn, vì tuân phục là một bổn phận chính đáng.

CHƯƠNG XXI

ĐỨC CẦN MẬT

*« Ngón thả oán giả tự họa đã :
lời nói mang oán là tự mình,
gây họa đó »*

Sách Tố Thư

I — ĐẠI YẾU

- 1) Trọng danh dự và sanh mạng người
- 2) Đức cần mật là gì
- 3) Tật đa ngôn
- 4) Giá trị của cần mật
- 5) Thực hiện đức cần mật

1 — Trọng danh dự và Một thi hào Ý danh lừng bốn
sinh mạng người. bề, ông Le Tasse, tác giả cuốn
« Thành Giêrusalem được

cứu vãn » có thời bị bao
nhiều quân thù ganh tị âm mưu oán hại. Người ta loan tin
xấu về ông. Các lời lăng mạ, vu khống, mỉa mai đổ về
ông như mưa bắc cổ ý cho ông ở tù. Có người thân tín
cho ông biết tên đầu sỏ của bọn vu cáo ông đã phạm một
tội nhục nhã tày trời và yêu cầu ông phở biến điều ấy ra
để trả đũa. Le Tasse nghiêm trang trả lời : « Tôi không
muốn làm mất danh dự và sinh mệnh của người ta. Tôi
chỉ muốn bài trừ ở họ ý muốn hành ác thôi : đó là sự
phục thù độc nhất của tôi ». Cũng thời ba tác lười, mà có

ngón gieo nọc độc, có ngón tỏ ra nhân đức cao thượng của con người cần mật.

Cần mật là nhưn đức luân lý

2— Đức cần mật là gì? giúp ta làm chủ ba tác lười để biết thính lặng, để giữ những bí mật quan trọng và để tránh những cuộc nói hành, vu cáo thiên hạ.

1) Là một nhưn đức. Có người trong xã-hội làm li, thính lặng ý như đất cục. Họ không nói gì tới ai, dĩ nhiên là không tiết lộ bí mật hay nói hành, vu khống ai. Thử người tự nhiên tốt. Nhưng sự cần mật của họ không phải là nhưn đức. Nó không thành một tập quán cần cứ trên nền tảng thiện và nhắm mục đích cao cả. Họ cần mật có lẽ tại chưa tới lúc họ già hàm, theo lẽo.

Người có đức cần mật ý thức giá-trị của đức cần mật. Họ nhận chân giá-trị của thính lặng. Họ dùng ý chỉ kiềm hãm xu hướng đa ngôn để giữ bí mật, để tránh những lời nói xấu, lảng mạ tha nhân. Và họ nỗ lực như vậy tại vì họ qui mền nhân-vị của kẻ khác đồng thời tuân thủ đức công bình. Sở dĩ cần mật vì họ biết dùng ba tác lười mà gieo nọc độc trong lời nói là chạm quyền lợi tha nhân hiểu là mất thanh danh, gây ác cảm của họ.

2) Là chủ ba tác lười. Người cần mật là người ý thức nhất lời nói này của Zundel : « Chỉ có thính mới mạc khải được những vực thẳm của đời sống ». Trong cuộc đời có biết bao của quý trở thành vô ích cho kẻ thiếu óc trầm tư. Hầu hết những bậc siêu quần bậc chúng của loài người, đều là những tâm-hồn thính lặng. Đức Giêsu giảng đạo thánh có 3 năm mà thính lặng chuẩn bị 30 năm. Rồi 3 năm truyền giáo. Người hay tìm cảnh đồi, núi, sông,

hồ, rừng thâm tịch mặc đề cầu nguyện, suy xét về cuộc đời. Thích Ca Mâu Ni tìm đạo trong rừng và ngồi dưới gốc Bồ đề lâu ngày. Pascal rất thích cuộc đời ở trong buồng riêng. Cuộc đời náo động vì chiến sự của Nã Phá Luân không cản được những giây phút trầm ngâm của ông ở bàn viết hay trên ghế bành. Đức Piô XII hay đi dạo một mình lâu giờ ở hoa viên của Ngài đề cầu nguyện và suy nghĩ. Tại sao trầm lặng được coi như vàng ngọc vậy. Vì nhờ nó tâm-hồn lắng xuống, thoát khỏi sự chi phối của tình cảm, tình dục và để suy tư. Người cần mật tôn thờ thinh lặng, khai thác những lợi ích của nó, dùng nó như lá bùa thiêng để giữ bác ái, công bình trong lời nói.

3) *Giữ những bí mật quan trọng.* Người cần mật là người coi như một danh dự, một bổn phận sự gìn giữ những bí mật tự nhiên, bí mật ủy thác và bí mật cam kết công khai.

a) *Bí mật tự nhiên* là những sự thật tự bản chất được buộc giữ kín để khỏi gây tai họa cho kẻ khác. Người ta không có quyền vì vui miệng nói ra cho đây đó biết tình cờ mình gặp ông kia bà nọ chôn một lọ vàng ở đâu đó.

b) *Bí mật ủy thác* là thứ những sự thật kẻ khác cho ta biết mà mình nhiên hay mặc nhiên muốn ta giữ kín. Thường là những bí mật ta biết được nhờ lòng kẻ khác tin cần nơi ta. Một bác-sĩ không có quyền nói lung tung về bệnh tình của thân chủ mình nếu thân chủ ngại về một hay nhiều thứ bệnh nào đó. Một linh-mục dĩ nhiên là tuyệt đối không được hở môi về tâm sự mà con linh-hồn bàn với mình trong tòa giải tội.

c) *Còn bí mật cam kết công khai* ? Đó là thứ sự thật mà ta biết được và công khai hứa giữ kín. Ban tổ chức

một việc gì đó. Bạn cho chúng tôi và nhiều đồng chí khác biết và một khi chúng tôi công khai cam kết với bạn giữ bí mật công việc thì chúng tôi không có quyền trống miệng.

Người có đức cần mật biết rõ bản chất ba thứ bí mật này. Và cho sự tiết lộ chúng là sự nhục nhã vì vi phạm vừa đức bác ái vừa đức công bình.

4) *Tránh nói hành, vu cáo.* Nói hành là giả hàm nói về tật xấu, khuyết điểm của kẻ khác khi không cần thiết.

Còn vu cáo là bịa đặt điều xấu cho kẻ khác làm mất danh dự và thanh danh của họ.

Người nói hành thường không lão xược như kẻ vu cáo. Đặc biệt là họ nói về những việc xấu có thiệt, nói về lòng ganh tị, oán thù kiêu căng. Dĩ nhiên họ không hề sự thật nguyên vẹn. Họ xuyên tạc bằng cách giả giảm chút ít, liệu sao cho thiên hạ cùng họ ghét kẻ có tật xấu. Có khi họ cũng bàn về tánh tốt của kẻ họ nói hành. Song bàn để làm cho tật xấu nổi bật lên cách cay độc. Kết quả của lời nói hành là gieo hiềm lăm, in tri xấu cùng bao nhiêu oán thù xảy ra.

Còn hậu quả khốc hại của vu cáo? Vì lão xược bịa đặt những tội lỗi, khuyết điểm kẻ khác không có, người vu cáo làm cho kẻ khác bị nghi kỵ, mang tiếng xấu từ cá nhân đến gia-đình. Ác độc là thường người vu cáo khéo giả hình, giả mồm mép, có uy thế nên làm cho điều xấu bịa đặt được dễ tin, mau phổ biến.

Nói hành, vu cáo, người cần mật kiêu kỳ đã đành mà thừa mết họ cũng khinh mết.

Người thừa mết là người ganh tị, oán thù hay vì quyền lợi nào đó có khi vì nhẹ dạ, nói hoặc viết thư nặc danh thừa mết hành vi xấu, bất hợp pháp của kẻ khác.

Thừa mết như vậy có thể làm một địa-vị sụp đổ, một đời sống tiêu tan. Danh dự nọn nhân dĩ nhiên là đi đời nhà ma.

Sự thừa mết thường là vu cáo có nghĩa là lão xược. Nó thường xảy ra trong những tổ-chức giáo dục hay hãng xưởng công tư luôn luôn nó làm việc làm khiếp nhục. Kẻ nghe lời chỉ chọc hay thợ nặc danh thừa mết thường cũng không cao thượng gì. Tóm lại người cần mật thích trầm mặc, giữ bí mật, tránh những việc nói hành, vu cáo, thừa mết lỗi bác ái và công bình.

III.— Tật đa ngôn — Tật nghịch từ bản chất với đức cần-mật là đa ngôn.

Đa ngôn là quái tật của người không làm chủ được ngọn lưỡi, nói liên miện bất cứ điều gì cho bất cứ ai vào bất cứ lúc nào nếu họ muốn. Nếu trong xã-hội người ích kỷ nhiều như trâu xay thì người đa ngôn nhiều như cỏ cú. Họ đủ cách tráo trở lời nói khi quả quyết lúc phủ nhận, hết đặt điều kiện rồi ra lệnh, mình đánh xong tự mình đỡ. Nghe họ nói chuyện người ta bất mết.

Nguyên nhân của tật đa ngôn thường là kém trí khôn, nghèo lương trí, thiếu nghị lực và đa cảm. Trí khôn và lương trí không đầy đủ nên người già hàm không biết lựa điều phải nói, lựa người để nói và lựa lúc, lựa cách để nói.

Trường họ là người đa cảm dĩ nhiên là giàu tình dục mà ý chí lại suy nhược nên họ làm mỗi ngọn cho tật già hàm. Hễ muốn nói là họ nói.. Họ không đủ can đảm để hãm khẩu. Người xưa nói: Thủ khẩu như bình, phòng ý như thành (Châu Tử). Họ không làm gì am hiểu được giá trị của danh ngôn này. Đề tài họ nói thì vô số. Họ khoe khoang tài ba, đức tánh, vận may, thành công, ân huệ của mình.

Họ hồi tin tức, tọc mạch tìm biết đời tư ông này bà kia. Thỉnh thoảng họ than mệt, rên thân thể sao nhức mỏi. Rồi họ khen ngợi, đua nịnh, mĩa mai. Mà tai hại nhất là họ tiết lộ những bí mật họ biết và hay nói hành vu cáo.

Không tưởng tượng được những kết quả khốc hại do tật già hàm của họ. Tâm hồn họ luôn nao động như cồn dậy sóng. Gương mặt họ có vẻ hốt hoảng, bại lộ sự hường ngoại và tổ cáo nội tâm trống rỗng. Những tin tức họ loan ra thường là tổ cáo những điều nghe lóm, bị xuyên tạc đủ điều. Bị phản đối, họ chính chánh. Họ cũng là người chuyên môn đi đôi chối vì tật làm đồn xóc, chuyện đầu này đem nói thêm bớt đầu kia. Có ai còn dám nói điều quan hệ với họ. Lại gần họ người ta sợ « tai vách mạch rừng ». Thiệt họ là hạng người sống trong xã hội cách tủi hổ. Mà rất tiếc là họ không chịu mình bị khinh rẻ hay cho sự khinh rẻ của kẻ khác là oan là bất công đối với họ. Nói họ quấy là họ chồm chồm tới cãi, nói giọng cộc cằn và trả đũa như thác đổ. Sau cùng đâu có ai thương giúp cho ý kiến gì hay. Họ đi mù trong đêm tối tật xấu già hàm, lối kiếp sống cô đơn, bị bạc đãi suốt đường đời mà vẫn tự đắc cách đại dột.

IV — Giá trị của đức cần mẫn

Ta hãy xét trước ích lợi cách chung của thính lặng.

Thính lặng tự bản chất là tĩnh. Cái gì tĩnh thì có thể

làm điều kiện cho an bình, sửa chữa, thiết lập, sáng tạo. Luật này ta thể hiện trong nhiều lãnh vực. Trong thiên nhiên, từ dưới lòng đất thính lặng hột giống nảy mầm, mọt mặng chui lên, mộng dừa nhô ra khỏi vỏ dừa.

Một hòn máu được thành tế bào, thành thai trong cung lòng yên tĩnh của bà mẹ chờ ngày ra đời.

Thuốc chó dại, bom nguyên tử trước khi được truyền bá bốn biển được quăng xuống đất Phù tang đã có thời âm thầm chuẩn bị trong phòng vắng của Pasteur, của Curie.

Những quyền Kinh-Thánh, Gương Giêsu, Tam-quốc-chí, Tứ-thư, Ngũ-kinh, Organon, Novumorganum, Wester. Hải kịch Thánh, Hamlet, Le Cid, Andromaque, Truyện Kiều, Giờ thứ hai mươi lăm, Bác sĩ Zivago cùng bao nhiêu văn-nghệ phẩm bất hủ của nhân loại đều là con đẻ của tỉnh-lặng.

Trong tỉnh lặng, những tế bào mệt mỏi của toàn thân nhứt là bộ óc được lấy lại sinh lực.

Trong tỉnh lặng, những tình dục xấu bị chặn đứng, lắng-xuống.

Trong tỉnh lặng, những ý tưởng hay, tình cảm đẹp từ dưới hàm kín tiềm thức nhô đầu lên bình diện ý thức.

Trong tỉnh lặng những mây mù của thù oán, ham lợi, mê dâm, gian kế, nhường chỗ cho lương tri, lương tâm làm-việc. Người ta thấy rõ thiện ác, hư thực.

Đức-cần-mật xây dựng trên nền tảng tỉnh lặng gây cho ta những-ích lợi khả quan xét về cá nhân cũng như xã-hội.

1) Xét về cá nhân. Người cần mật bình yên trong tâm hồn. Đầu óc sáng suốt, chế ngự các tình dục, có những, tình ý cao cả, sâu sắc. Ý chí lớn mạnh có thể quyết định sắt thép lúc cần. Não tưởng tượng phong phú mà lạnh mạnh. Tri nhớ dính đóng. Lương tri cùng lương tâm tế nhị.

Gương mặt cùng tướng tá người cần mật điềm đạm, bạch-lộ-sự-sâu-thẳm, sáng suốt của tâm hồn. Ở họ không có những cử chỉ, điệu bộ hay nét dư thừa, rối rít, linh-quynh-tổ-cáo lương tâm lo âu và tình dục náo động.

Lời-nói của họ cần đo phải quấy, vừa đủ. Giọng nói êm dịu tỏ ra tâm hồn tự chủ.

Nhờ kiểm-soát kỹ lời nói, hành-vi, người cần mật tránh được những lời thôi, phiền toái hay xảy ra do tật đa ngôn.

2) *Xét về xã-hội.* Người sống chung với kẻ cần mật có lợi là khỏi sợ tật đâm thọc, tiết lộ bí mật. Cái lợi tích cực là được người cần mật giúp ý kiến, bàn chuyện tâm sự. Những việc lớn mưu ích cho xã-hội có người cần mật đảm trách thì bao nhiêu người khác yên tâm. Bề bạn làm việc với người cần mật yên trí là được kẻ kín miệng, giàu mưu kế, biết phòng nguy, lo công việc cách sâu sắc nghĩa là không um sùm mà đắc lực.

Một chỗ nào có đông người bàn chuyện mà có mặt người cần mật thì mọi người đều chú ý họ. Người ta nói với họ kỹ lưỡng, không dám bừa bãi, giấu hót.. Lời họ nói ra có ma lực khiến kẻ khác nghe.

Sau hết ta nhớ giá-trị đức cần mật căn cứ trên hai đức xã-hội căn bản là bác ái và công bình. Người vị tha, ăn ở ngay thẳng được tha nhân quý mến thể nào thì kẻ cần mật cũng được trọng phục như vậy,

V — Thực hiện đức cần mật

Dưới đây là những phương thể có thể giúp ta luyện tập đức cần mật.

1) *Thỉnh lặng nội tâm.* Tạo trong tâm hồn một sa mạc. Thứ yên tĩnh đây không phải là thứ bệnh khó khăn của người non trí, ngu dần lười biếng, tiên cực. Mà là yên tĩnh tích cực, xây dựng, sáng tạo ! Muốn có chắc chắn thỉnh lặng nội tâm hãy diệt trừ sự sợ. Dù phải gập cái gì, mất thanh danh, tù tội, chết chóc, sợ đều vô ích. Lo sống thiện lo phục vụ lý

trường, lo điều chỉnh gì không hay là đủ. Đừng quên *quản tử thân đẳng đẳng, tiểu nhân trường thất thất* : (*quản tử phảng lừng lừng, tiểu nhân dài áy náy*).

2) *Giương mặt điềm tĩnh*. Không nghiêm trang sai mùa, cũng không có bộ mặt thiên sâu địa thâm. Nhưng không để ngoại giới ảnh hưởng tâm hồn khiến gương mặt đổi thay sắc thái bất ngờ. Không để mặt lão liêng. Không vô ý lác qua lác lại. Không hất càm cách vô ích.

3) *Hãm khẩu*. Quan hệ nhất là hãm khẩu. Không hề cho ra khỏi miệng lời nào mà mình không muốn. Dĩ nhiên là đã cân đo lợi hại của nó rồi. Có nhiều chân lý không tiện nói mà cũng có nhiều chân lý không được quyền nói. Đừng quên điều đó đã đành mà còn chế ngự ngọn lưỡi khi thêm nói những điều nói ra không hại ai. Làm nhỏ than phiền thế cuộc, chỉ trích người trên thường không có lợi bằng mình tự sống tốt, lo xây dựng và chuẩn bị tài đức cho ngày mai.

Làm lớn đừng nói xấu kẻ dưới này cho kẻ dưới kia nghe. Ra lệnh nói nghiêm trang, kỷ lưỡng vừa tỏ ra có quyền vừa đặc nhân tâm. Không hề nói giễu cợt sai mùa làm cho nhân cách bị hãm dọa và những lệnh của mình giảm hiệu lực.

Đối với kẻ thù, thỉnh lặng là diệu kế. Nếu không nói tốt cách thành thực về họ được thì đề phòng sự té rơi vào chỗ tiểu nhân như họ bằng những lời trả đũa đề mặt. Ở đời, cho những tâm hồn sâu sắc, sự khen chê không nghĩa lý gì. Quản chúng Do Thái ngày chúa nhật rước Đức Giêsu vào Giêrusalem thì ngày thứ sáu cũng quản chúng đó la ó lên án tử Ngài. Chuyện gì cũng có cái cùng của nó. Lo

chuẩn bị một cứu cánh trong chân thiện mỹ phúc là thượng sách.

4) *Luyện lòng bác ái.* Tình căn bản nhất của con người là tình đồng loại. Ta là người với nhau trước rồi mới là chồng là vợ, là cha là mẹ, là bằng hữu, đồng nghiệp, đồng chí... Ta là nhân vị muốn mọi người kính yêu ta. Thiện hạ ai cũng muốn như ta. Vì đó yêu người là bổn phận của xe cộng đồng nhân loại. Một khi yêu người, ta đâu có ý nghĩ tiết lộ những bí mật của kẻ khác hay nói hành vu cáo mất thanh danh, sinh mệnh người.

5) *Luyện lòng công bình.* Ai cũng có quyền tư hữu. Tài sản cao quý nhất của con người là thanh danh. Không cần mật để lọt lời nào phá hoại thanh danh người ta là ta phạm trọng tội về công bình.

6) *Tránh những dịp làm ta trởng mệnh.* Có những người hay hối. Họ hối vì tọc mạch những tin tức về tật xấu, tội lỗi kẻ khác. Có những người ăn no rồi nói hành. Tránh hết các hạng này.

6. — DANH NGÔN

1) Thủ khẩu như bình, phòng ý như thành Thị phi chỉ vị đa khai khẩu. Giữ miệng như bình, giữ ý như thành. Phải quấy chỉ vì mở miệng nhiều.

Châu Tử

2) Tin rằng một lời nói hành nhỏ không thể hại, đó là tin rằng một tia lửa không thể phát hỏa.

Vaussenargues

3) Xét cho đúng, thỉnh lặng là nguồn phát sinh chiến thắng.

R. Plus

4) Phải nhận lời nói xấu, nói độc. Nó có thể làm tan một cuộc đời vì mất thanh danh. Nó tràn lan mau như lửa đốt rừng. Nó hại thâm sâu.

Waterstone

5) Tất cả khốn nạn của con người đều do con người không thể ở yên trong buồng.

Pascal

7. — TỰ ÁM THỊ

Càng đa ngôn, càng khổ tâm, khổ thân.

Tôi là người câm, lời nói như người ta cần vàng.

CHƯƠNG XXII

ĐỨC TRUNG TÍN

*« Nhân nhi hậu tín như xa
hữu luân : Người mà có tín
như xe có bánh. »*

Lão Tử

I — ĐẠI YẾU

- 1) Không nhận thóc vua Tử Dương
- 2) Đức trung tín là gì ?
- 3) Lòng bội bạc
- 4) Giá trị của đức trung tín
- 5) Thực hiện đức trung tín

1. — Không nhận thóc vua Tử Dương.

Trong triều đại vua Tử Dương có Liệt-Tử người thông minh giàu đại chí mà nghèo khổ. Kẻ xung quanh có người biết giá trị của Liệt-Tử đến tận Tử-Dương : « Liệt-Tử học cao mà nghèo mạt đến không có gì để ăn. Nếu vua không giúp đỡ thì tỏ ra vua không trọng người tài ». Tử-Dương muốn chiêu dụ Liệt-Tử bảo người xe lừa đến cho, Liệt-Tử tiếp sứ giả, xá dài rồi từ khước. Khi sứ giả về, vợ Liệt-Tử bực tức vỗ ngực nói : « Thường vợ con quân tử được sung sướng mà vợ con của chàng đói rách. Vua cho lúa mà chàng không nhận nghĩa là sao ? » Liệt-Tử thản nhiên cười rồi nói : « Có người nói ta đói vua mới biết để cho lúa. Rồi đây khi bắt tội ta vua cũng nghe

lời thiên hạ. Tôi không nhận lúa vì sợ đó. Hòn nứa ân huệ vua, khi vua hữu sự, không chết sống thì tỏ ra mình bất nghĩa. Còn nếu chết cho kẻ tàn bạo thì nghĩa với nhân gì. »

Chuyện này trong Liệt-Tử cho ta thấy tiết tháo của bậc quân tử mà cũng đề cao gương người trung tín cách khôn ngoan. Liệt-Tử là người dám chết sống vì chính nghĩa. Một khi đã thụ ân ai phục vụ ai thì mạng sống không tiếc. Còn người vô đạo, của phi nghĩa ông tuyệt đối không nhận.

Trung tín là nhưn đức luân lý của người sáng suốt và can đảm giữ vững lời hứa phục vụ của mình đối với một lý tưởng hay một người xứng đáng.

1) Một nhưn đức. Trung tín là một nhưn đức khi nó là hình thức của đức nhân nại, một đức giúp ta chiến thắng những trở lực để làm công việc gì có ích cho mình và cho người. Nó phải là một thái độ tinh thần trọng nhưn nghĩa, trọng danh dự được kéo dài và biến thành tập quán. Vì có một người trong một thời gian nào đó vì lợi lộc chịu cực cho một chủ nghĩa hay một người, trong thời gian ấy, chưa chắc gọi là người trung tín.

2) Đức trung tín chân chính cần sự sáng suốt. Giá trị của nó nằm ở chỗ nhận chân một chủ nghĩa cao đẹp, một người xứng đáng. Nếu thiếu sáng suốt thì là mê tín chứ không phải trung tín. Trong lịch sử loài người có biết bao nhiêu người vì mê tín, chết sống cho một tà giáo, một bạo thuyết để làm những tội ác tày trời.

Dùng trí tuệ mình mãi nhận thấy đối tượng xứng đáng để phục vụ. Nhưng trên đường dài tranh đấu, có biết bao

chông gai. Phải có ý chí rèn đức cứng rắn mới vượt qua mọi trở lực gây ngã lòng, sâu thẳm, đầu hàng, bội bạc. Người trung tín gương mẫu, nói tắt là người thông minh vừa gan mật.

3) *Giữ vững lời hứa*. Trung tín trước hết là người tự trọng, thờ danh dự của mình. Không hứa phụng sự cho chủ nghĩa, một tôn giáo một cá nhân nào thì thôi mà, một khi hứa là đổ máu cũng không phẫn. Lời hứa buông ra, người trung tín cho là một cái gì phát xuất tự nhân vị của mình. Họ hân hạnh chịu trách nhiệm về nó. Ngày xưa Régulus bị quân thù ở Carthage cầm tù. Ông hứa về điều đình với nghị viện La-mã trả lại cho Carthage một số tù binh cao cấp, bằng không ông sẽ đích thân trở lại ở tù. Công việc điều đình không xong. Ông có thể ở lại quê nhà, về vui sống với vợ con. Nhưng ý chí anh hùng không cho ông như vậy. Ông đến báo cho nghị viện biết ông đã hứa với quân địch và phải giữ tư cách của một nhà tướng La-mã. Ông trở lại Carthage và biết trước mình sẽ chịu chết với bao hình phạt cực kỳ khốn nạn.

Regulus là một người trung tín. Có thể sự trung tín không nhằm một đối tượng vật chất ích lợi mà cần phải nó bảo vệ một giá trị tinh thần. Tức là danh dự trong lời hứa mình nhiên hay mặc nhiên,

4) *Một lý tưởng hay một người xứng đáng*. Lòng trung tín được thực hiện dưới nhiều hình thức. Chết vì vua vì nước như Phan-thanh-Giản, Võ-Tánh là trung tín. Đổ máu vì tôn giáo là chân chính như Á thánh Phan-văn-Minh cũng là trung tín. Oằn oại dưới lưỡi dao oan nghiệt của ác nhân và chết vì tấm lòng trinh khiết như Mari Goretti cũng là trung tín.

Cần thiết cho lòng trung tín có giá trị là hy sinh vì lý

do tốt đẹp. Lý do đó có thể là một chủ nghĩa chánh trị, tôn giáo, giáo dục có thể là một cá nhân tài đức cả đời tận tụy hoạt động cho công ích.

3 - Lòng bội bạc.

Bàn về đức trung tín, tự nhiên ta nghĩ đến tật xấu đối nghịch nó là bội bạc. Bội bạc là tâm tình phản nghịch của kẻ coi thường lời hứa của mình, trở mặt với kẻ mình đã chịu ân sâu, bỏ đi chánh nghĩa mình đang thờ.

Cứ chung mà nói, trong đời sống thường nhật, sự bạc ân xảy ra vô số. Cổ nhân quả có lý khi nói : « Thi ân mặc niệm, thụ ân mặc vong ». Ai cũng cho mình là quan trọng, muốn làm trung tâm điểm của vạn loài nên khi làm một việc gì có ích cho ai, luôn muốn cho kẻ ấy ghi nhớ thiên thu. Thiếu gì người cao tuổi có kinh nghiệm về cuộc đời lắm, mà vẫn non nớt hao của tốn công để làm ơn chỉ vì muốn tên tuổi được đăng báo, được chánh quyền hay giáo quyền tuyên dương công đức.

Một trong những tâm tình chua cay nhất của con người là tâm tình bức tức khi bị bội bạc. Người ta nghe tim đau nhói từng thớ thịt những lúc một mình ôn lại các hi sinh công khai hay thầm kín đã làm cho kẻ mình thích mến mà bị lãng quên. Một người vợ có thể dùng giọng nước làm mờ khâm liệm đời hoa của mình, khi bị người chồng tham ván bán thuyền bội bạc, người mà mình đã giao phó cả hồn xác và nhiều năm lận lộn tảo tần lo lắng cho từ tinh thần đến vật chất. Rồi có gì khổ sở cho một bà mẹ bằng khi về già, sau lúc làm mọi hết con, rẽ dàu đến lũ cháu, mà bị con cháu bỏ đói rách, cô đơn, sầu buồn trong đau bệnh.

Kẻ làm ơn nhớ ơn như vậy. Còn kẻ lãnh ơn thì sao ?

Hay quên lắm. Có khi họ không có ác tâm nhưng tự nhiên coi ân mình lãnh không có gì lắm, nhất là sau thời gian lâu. Cái tâm tình nồng nhiệt biết ơn lúc thụ ân lắng xuống. Các việc dồn dập đến làm cho tâm trí xao lãng không còn nhớ thương đến nghĩa cử của kẻ giúp mình. Nhưng có thứ người đặc tội hơn đăm có ý nghĩ coi ân mình hưởng là do may rủi, là của dư thừa, là vật không ban cho mình thì cho kẻ khác, là do bản phận phải cho của kẻ thi ân. Còn vấn đề ân càng cao oán càng thâm nữa. Người ta có thể lấy bạc tình mà trả nghĩa nhân cách không ngưng nghịu. Đức Giêsu mấy năm trời thương yêu, lo lắng, huấn luyện Giu Đã. Sau cùng Giu Đã dùng cái hôn là dấu hiệu của tình yêu để ra hiệu báo cho quân thù của đảng Cứu thế bắt giết người. Mà đâu phải là Giu Đã biết làm vậy. Loài người đối với tạo hóa, con cái đối với cha mẹ, môn sinh đối với thầy, bầy tôi đối với vua, bằng hữu đối với nhau, con nợ đối với chủ cho mượn tiền ; trong các giới ta đều thấy có lòng bạc ân. Nói bản tính con người bạc ơn không phải là nói quá.

Tánh bội bạc là con đẻ của ý chí suy nhược và lương tri tê liệt. Vì nghèo nghị lực mà người ta không giữ được sự quyết định nhớ ơn lúc lãnh ơn. Vì không biết phải quấy mà người ta hoặc quên ân hoặc lấy ân trả oán. Do nguyên nhân nào, bạc ân cũng là hành vi tố cáo tâm địa khiếp nhược, dè hèn.

4 — Giá-trị của đức trung tín

Nếu bội bạc hạ nhân-vị con người xuống thế nào thì trung tín đề cao nhân-vị con người thế ấy. Nó là bông hoa

trở ra bởi tâm hồn ý thức giá-trị làm người của mình. Khi trung-tín, người ta phải xử dụng những của báu trong

còn người như trí tuệ, ý chí, tình cảm. Trí tuệ đã chỉ cho con người ta thấy đối tượng phải phục vụ. Ý chí cùng tình cảm cung cấp tình yêu, lòng hăng hái và cách riêng, ý chí giúp chịu đựng đau khổ để giữ vững lời hứa buổi ban đầu. Đức trung tín tự bản chất tốt đẹp là do đó.

Xét về mặt cá nhân hay xã-hội, ta thấy trung-tín sinh nhiều kết quả khả quan.

1) Cho cá nhân. a) Trung tín làm cho con người trở nên khả thực và khả ái. Ai không phục người dám chết sống vì danh dự của lời hứa. Ai không mền kẻ hy-sinh cho mình.

b) Trung tín gieo ở kẻ xung quanh, nhất là với kẻ mình phục vụ niềm tình tưởng, uy tín và thiện cảm sâu xa.

2) Cho xã-hội. a) Những công cuộc kiến thiết hay phá hoại cần thiết trong xã-hội, người ta đặc biệt cầu mong ủy thác nơi những bậc trung tín. Khi non sông nghiêng ngả cần những tâm hồn chịu đựng gian truân, xả kỷ vì dân vì nước (quốc loạn thức thần trung).

b) Biết bao công trình kiến thiết hoặc công khai, hoặc âm thầm đem lại vừa lợi ích vừa vinh quang cho non loại đều do những đấng trung tín.

Christophe Colomb với Châu Mỹ, Gutenberg với máy in, Branly với vô tuyến điện, Pasteur với thuốc ngừa chó dại, Bác-sĩ Kock với vi-trùng lao v. v...

c) Còn những kẻ sư tình thần cũng là những bậc trung tín với lý tưởng tìm hạnh phúc cho non loại. Các vị như: Thích-ca, Khổng Tử, Socrate, Aristote, Thomas d'Aquin, Vincent de Paul là những tâm hồn suốt đời lao khổ, hy-sinh đời tư, đeo đuổi lý tưởng, xây dựng cho loài người tài sản tinh thần bất hủ. Honoré nói những ngôi sao màn bạc là những

ngôi sao xẹt. Ta có thể nói các vị là những minh tinh bất diệt của loài người.

Sau hết ta nên nhớ lòng trung tín quý báu không chỉ căn cứ ở những việc hi sinh anh hùng công khai, to lớn, mà còn và nhất là căn cứ ở những hy sinh nho nhỏ, thường xuyên. Tâm hồn đại dũng là nếu đau khổ từng hớp mà uống cho tới tận của lý phận sự đầy tận tột. Vì lẽ đó đáng ngả đầu khâm phục những con người góp công xây dựng nhưn loại bằng cách trung tín với bốn phận thường nhật. Họ không có dịp tử đạo, lấy da ngựa bọc thây nhưng nỗ lực thi hành bốn phận một tạo vật đối với tạo hóa, một bà mẹ đối với con cái, một nhà giáo dục đối với môn đồ, một bác-sĩ đối với bệnh nhân. Chính những đau khổ nho nhỏ mới là những thù địch đáng sợ. Chúng như sâu mọt rút rỉa con người. Thế mà các bậc trên bước qua cách dửng dưng. Họ cùng tất cả những tâm hồn trung nghĩa khác cho loài người đốt hương tôn kính qua không gian và thời gian.

5. — Thực hiện đức trung-tín.

Sa-éc
May, 2016

1) Muốn có đức trung tín trước phải có ý chí gang thép. Buổi đầu khi biết một chủ nghĩa đẹp, quen một người đáng phục,

ai cũng ham phụng sự, muốn phục vụ. Nhưng rồi một tháng, một năm, cả đời, người ta gặp bao nhiêu trở lực. Phải suy nghĩ lợi hại chu đáo rồi quyết định. Một khi quyết định thì phải sống chết trung tín.

3) Đề phòng óc háo lợi. Đề dành tiền bạc là huyết mạch. Nhưng danh dự và nhân nghĩa phải hơn. Không có gì đề mặt bằng « còn tiền còn bạc còn đệ tử, hết tiền hết bạc hết ông tôi », Chữ thủy chung là mũi triêu của tâm hồn cao thượng. Ân-Tử có bà vợ già, xấu, Vua Cảnh-Công muốn gả cho ông

một con gái trẻ đẹp, nói : Vợ khanh già xấu quá. Quả nhân muốn khanh cưới con gái quả nhân xuân xanh, diễm lệ về làm hầu. An-Tử bất mãn tâu : « Vợ tôi ngày xưa trẻ đẹp đã sống với tôi mong về già, xấu như tôi nâng đỡ. Nay vua bảo vậy tôi thật cảm ơn, nhưng không hề dám bội bạc mà mất lòng chung thủy. » Thật là gương vạn đại về lòng trung nghĩa.

3) *Coi chừng bị thọc gậy bánh xe.* Người ta thường bất trung với nhau vì nhẹ dạ tin những lời đâm thọc của tiểu nhân. Coi chừng hững những âm mưu ly gián và tách vạt chạc của kẻ khác. Có người ganh tỵ, muốn phá hoại công việc của ai thì tổ chức gây hoang mang trong nội bộ kẻ ấy, làm cho các thành phần nghi kỵ nhau. Có kẻ khác vì thiện chí tỏ ra lo lắng cho ai đó bằng cách cho kẻ ấy biết thượng cấp hay hạ cấp đối với kẻ ấy không đáng phục, đáng tin, có hại. Loại người có kẻ ác và có kẻ ba chóp ba sáng lắm. Chuyện đâu còn có đó. Hãy *ráy* cái mà người ta gọi là « tiếng đồn ». Trăm nghìn điều tra hư thực. Đừng để quân thù giật dây rồi sau hối hận. Sự vô ý của loài người nhiều khi ngoài sức tưởng tượng của ta. Chớ không khi nào sửa lỗi không đâu. Người ta mới định chánh lại vụ mặt trời xoay quanh trái đất đây chớ hững bao nhiêu thế kỷ trước người ta đã nghĩ khác. Nếu non nót nghe theo lời thọc gậy bánh xe, người ta có thể trong phút chốc làm tan đổ thân tình hay công nghiệp xây dựng trong nhiều năm.

4) *Tại vấn đề danh dự.* Lắm khi người ta có đủ lý do để bất trung như nghèo nàn, cực khổ, bị xử tệ nhưng còn lý do quan hệ nhứt không cho phép sự bội bạc là danh dự. Người trọng danh dự không tưởng tượng được sự rút lời. Nói như con vật nào đó liếm nước là việc làm của kẻ bạc

nhược. Corneille nói : « Mọi người can đảm đều là người hứa chắc. » Can đảm là sử dụng ý chí, là biết kính trọng nhân vị của mình.

5) *Chuyên bại thành thắng.* Áp dụng đức trung tín trong mọi nếp sống của cuộc đời là việc khó. Cái gì mới mẻ thì ai cũng háng làm vì ham thích, cuồng nhiệt. Nhưng ngày có mai rồi có chiều, bên những cái hấp dẫn người ta thấy những điều bất chẻ chán.

Ông chồng thấy bà vợ mười mấy năm sau ngày cưới sao tâm thương quá. Bà vợ chịu không nổi ông chồng hai thứ tóc mỗi ngày lú ra một tật xấu. Bằng hữu khi tiền bạc và người khác phải chen vào xử với nhau chỉ tình khó lắm. Đó là chưa nói trường hợp người thắng chức cao và bạn ở tù : người ta dễ quên nhau...

Làm sao giữ lòng trung tín khi quá chẻ chán. Dĩ nhiên là không nên mù quáng đeo đuổi một điều lầm lạc thành mê tín. Cho nên vấn đề là sáng suốt lựa chọn buổi đầu. Tận dụng óc suy nghĩ và lương tri. Một khi đã ký lưỡng cân đo lợi hại rồi mà quyết định đeo đuổi ý định thì đi đến cùng. Đấng Cứu-Thế nói : cầm cây đừng ngó lại sau lưng. Lời này là khuôn vàng thước ngọc, đề ta dùng gây lại cho tâm hồn đang đi xuống nghị lực nhồi lên. Không phải tại vì mừng có rệp rồi đem đốt mừng. Phải biết chuyên bại thành thắng. Có khi nhờ bại mà đại thắng nữa. Trong lãnh vực tình cảm sự cởi mở, cảm thông, thành thực xây dựng nhau nhiều khi đưa đến tình yêu nồng nhiệt, lòng tin cần sắt đá.

6. — DANH NGÔN.

1) Nhân vi vô tín bất tri kỳ khả giả : người mà không trung tín, không biết sao là phải.

Khổng-Tử

2) Kê dĩ đứơc nhất nhĩn ngôi sao thì đừng trở lại.

L. de Vinci

4) Tôi tin rằng nếu người ta luôn luôn nhìn lên trời thì sau cùng người ta sẽ có cánh...

Flaubert

4) Dám chết dám sống cho một lý tưởng, một chủ nghĩa, một người đại chí, trong bốn phẩm nhân không mấy ai : Phải là bản lĩnh coi thường sinh mệnh, gia đình, tài sản và vinh sang.

Feuzinger

5) Lòng bạc ẩn của loài người vô bờ bến.

Waterstone

7. — TỰ ÁM THỊ

Bội bạc thì tiền nhân nào cũng biết làm. Tôi thờ chữ tín như một thần tượng.

CHƯƠNG XXIII

ĐỨC THÀNH THỰC

« Con hãy có nói có, không nói không ».

Chúa Giêsu

Tư vô tà : Lòng không cong.

Kinh Thi

ĐẠI YẾU

- 1) Chịu lỗi
- 2) Đức thành thực là gì ?
- 3) Sự cần thiết của đức thành thực
- 4) Tật láo
- 5) Phương thế luyện đức thành thực.

1 — Chịu lỗi

Bà Bá Tước Longueville, chị của Condé, có lần xin vua Louis XIV một ấn huệ. Nhà

vua không cho. Bà bất mãn nói xấu nhà vua. Louis XIV nghe được than phiền với ông Condé. Ông này khuyên chị chối lỗi đi cho xong chuyện. Bà Longueville nổi giận nói : Em muốn chị sửa chữa lỗi này bằng phạm lỗi khác to hơn sao ? Kể đã thưa ta là lỗi rồi nhưng ta được phép làm cho họ bị coi là kẻ cáo gian vì họ không có. Sau cùng bà đến nhà vua chận thành xin lỗi và được nhà vua hài lòng tha thứ. Mấy chiến công hiển hách của Condé đều bị lu mờ bên lời nói dửng cạm của Bà Longueville. gương của Bà là gương vạn đại phất là

cho thời buổi được gọi là nguyên tử này một thời mà Tiền là mục đích và lão là phương thế.

2 — Đức thành thực là gì ?

Thành thực là đức của người can đảm nhìn nhận hay nói sự thật khi cần thiết mà không tìm cách dối gạt người.

1) Là đức của người can đảm. Cứ chung mà nói, người ta lão hay sống giả hình vì sợ. Sợ hình phạt, sợ mất quyền lợi, sợ lời ăn tiếng nói, sợ trách nhiệm v. v... Người dám coi thường những thứ này để nói chân lý dĩ nhiên là người có ý chí gang thép, là người bản lĩnh.

Nhìn nhận, nói sự thật khi cần thiết. Chân lý thì xét cho kỹ, ai cũng ưa. Chân lý tự bản chất hấp dẫn. Nhưng trong đời sống xã-hội có nhiều lý-do không tiện nói ra. Người thành thực không có xuyên tạc sự thật song không nói một sự thật nào đó để tránh những hậu quả tai hại. Vì sự tế nhị này, người thành thực phải khôn ngoan trong lời nói. Tức là họ phải khéo tùy nơi, tùy lúc, tùy ngày việc mà nói chân lý. Lời khuyên này của C. Demavet là châm ngôn của họ : « Thành thực không phải là nói tất cả điều người ta tưởng mà đừng nói gì nghịch điều mình tưởng ». Lời nói biểu lộ sự thật mà sự thinh lặng cũng có thể mạc khải sự thật. Nguyên tắc nó phải theo giống như của lời nói chân lý.

3) Dối mình, gạt người, Người thành thực là người rất « hợp lý » với mình. Họ không tưởng một đằng nói một nẻo. Đã không dối mình họ cũng không gạt người vì họ cho đó là khờ dại, là bạc nhược. Fénelon nói về họ : « Người lương thiện là người chỉ dùng lời nói cho tư tưởng, chỉ dùng tư tưởng cho chân lý và nhận đức ».

Hãy đề ý những lợi ích của sự thành thực, người ta sẽ thấy nó cần cho cá nhân cũng như cho xã hội.

3.— Sự cần thiết của đức thành thực

1) Cho cá nhân a) *Thành thực phát huy nhân cách.* Nhân cách con người được phát triển nhờ anh dũng. Vì khi ai dám mình là mình, người ấy mới đáng là người hiền theo chân nghĩa của tiếng. Mà lão làm cho sự sợ hãi trọng hơn. Ý chí mất nghị lực. Bản lĩnh tiêu tan.

b) *Thành thực tạo bình yên tâm hồn.* Trong « Le livre de mes fils, Paul Doumer có chỗ nói người lão « làm cho đời sống mình nên khó khăn, phiền toái, mệt nhọc. » Lời này chí lý. Người lão, khi lão đã phản động lương tâm nên lương tâm cắn rứt. Nói không đúng sự thật, sợ sự thật lộ dạng ra thì mình bị khinh rẻ nếu không bị tai hại nào đó do pháp luật hay tư nhân. Người sợ như vậy, tất nhiên tâm hồn là một biển ba đào. Còn trái lại, kẻ thành thực, đơn sơ từ từ tưởng đến lời nói, hành động. Thấy cần nói, họ nói. Nói rồi thôi, họ giữ lời, không sợ hậu quả, không lo che đậy, không tìm cách từ chối cách đề mặt.

c) *Thành thực gây uy tín.* Lúc sinh tiền, trong trường chánh trị, có lần Thánh Cam-địa nói với thực dân Anh rằng lời hứa của Ông bằng mấy hiệp ước. Ghét Ông như chó ghẻ nhưng quân thù Cam-địa phải nhận Ông là một bản lĩnh. Còn đa số dân Ấn thờ Ông trong tâm hồn cho đến tận thế. Nhờ đâu Ông có uy tín siêu quần như vậy ? Nhờ lòng thành thực.

Người xử thế bằng lòng thành thực tự nhiên được kẻ xung quanh tin cậy. Tin tức nào do họ cho biết kẻ khác không bao giờ nghi nan. Nhiều kẻ có điều khổ tâm tìm đến

họ để bạn tâm sự.

1) Thành thực là khôn. Có người ở đời tưởng khôn là đa mưu, lão giả gạt người hay. Họ hãnh diện về một vài thành công của họ. Nhưng kinh nghiệm cho ta biết không ai gạt nhiều người mà gạt luôn được. Sau cùng mạnh tâm cũng bị khám phá. Sự thành công của họ do đó rất mỏng manh. Trái lại, người thành thực cho ăn ngay nói thật là khôn. Họ suy nghĩ rằng con người tự nhiên ưa sự thật, do đó thích người thành thực. Họ cũng biết rằng sự đời phức tạp thường quá tầm hiểu của con người. Nếu giả dối gây ác quả, làm sao để phòng. Một lần mất tín nhiệm, có thể cả đời bị in trí xấu rồi làm sao làm nên việc gì khả quan được.

2) Cho xã hội. Trong cuộc sống quần đoàn, cái làm cho người ta yên tâm bản tính, thì hành công việc với nhau là lòng tin tưởng nhau. Loài người trọng lý trí lắm nhưng đa số không xử với nhau bằng lý trí khi phải tin nhau. Hễ nghe nói là người ta tin. Những câu nói lại thường là câu quả quyết suông, không chứng cứ. Người ta có thể nghi kẻ lạ, nghi hơn nữa kẻ thù. Chớ kẻ quen, người được thiện cảm miễn đừng nói gì quá lỗ thường được, tin tưởng. Với lòng tin tưởng tự nhiên đó đa số người trong xã hội tin tưởng kẻ thành thực. Lời họ nói ra khiến kẻ xung quanh không chút hoài nghi, với lòng thành và có thể đem phổ biến. Họ đã bảo đảm cho xã hội một niềm tin tưởng, điều kiện tối cần cho cảnh sống quần đoàn được yên trí.

Đó là chưa nói những cái lợi mà do lòng thành họ đem đến cho xã hội như những kiến thức về văn hóa, về y được, về võ nghệ, về cách làm ăn,

4 — Tật lão.

Bàn về đức thành thực người ta không thể quên tật nghịch nó là lão. Thường người định

nghĩa lão là có ý nói nghịch điều mình tưởng đề lương gạt. Trong một chương trên ta đã xét tai hại của lão. Ở đây ta bàn vài quan niệm về tật lão.

Xét về ác tính của tật lão, có nhiều chủ trương khác nhau.

Thời xưa Augustin và sau ông có Kant cho rằng lão xấu tự bản chất vì nó xuyên tạc sự thật. Không bao giờ được lão. Lão là hạ bệ nhân phẩm của mình.

Chủ trương này có điểm hay là làm cho người ta dễ ý rằng nói lão chơi, lão trong việc nhẹ sau cùng người ta nói lão trong vấn đề quan hệ. Nhưng bảo lão xấu tự bản chất thì không đúng hẳn. Sự lão xấu ở chỗ lương gạt tha nhân, gây tai hại cho họ.

Có kẻ cho rằng khi ai hỏi sự thật thì nên nói hàm hồ một lời hai ba nghĩa để che sự thật. Chủ trương này cũng sai vì dù sao nói kiểu đó cũng có ý gạt và như vậy chính tông là lão.

Nhưng bảo lão xấu tuyệt đối và phải tránh hoàn toàn thì trong thực tế chủ trương này có thể làm cho người ta lỗi đức cần thật là phan phui những bí mật cho kẻ khác biết.

Gần đây có những nhà luật học như Grotius chẳng hạn cho rằng lão xấu vì hại quyền biết sự thật của kẻ khác, mà không coi là hại cá nhân người lão. Xét dưới góc cạnh luật thì chỉ nghĩ đến đức công bình nên coi lão chỉ xấu khi hai kẻ khác. Song người ta có thể đứng quan điểm luân lý để coi lão xấu vì người lão tự hạ và lỗi đức bác ái với tha nhân khi họ cần thiết chân lý.

Về mặt thực hành ta nên theo những nguyên tắc này. Là tùy thứ quyền biết sự thật mà sự lão vi phạm, người ta có thể xuyên tạc sự thật. Có những quyền nghiêm trọng như cha có quyền biết về con, thủ lãnh có quyền biết về hạ cấp. Trong những trường hợp này sự thật tuyệt đối không được vi phạm.

Có thứ quyền biết sự thật rộng hơn như con biết về sức khỏe của mẹ, vợ biết về bệnh tình của chồng. Trong những quyền rộng, sự thật có thể tùy tiện được xuyên tạc để nhằm một quyền lợi lớn hơn. Bác sĩ không cho người con đang hấp hối biết mẹ của kẻ ấy sắp chết hay ngược lại cố ý tránh hai cái tang một lượt.

Còn ác quả của tật lão thì ai cũng phải nhận là vô số.

Người lão tự chà đạp nhân vị của mình. Họ làm cho tha nhân coi thường nếu không phải là bất mãn tinh thần xử thế của họ. Người ta cũng không chịu được thái độ khinh người của họ khi họ lão. Họ tưởng lão là qua mặt được mà không để giấu đầu lòi đuôi. Sau cùng ai cũng gớm họ như cùi.

Lão có khi làm cho con người dua nịnh, khi tráo trở lời nói để bom thóp, khi thay đổi giọng để vuốt ve. Không ít người lão tự bản chất, nên hể hở miệng là lão. Có khi họ không ác ý hại ai, mà tại tự nhiên không nói như mình tưởng và nói bằng muôn ngàn hình thức. Không có gì khổ cực cho bằng sống chung với những người ấy. Chẳng biết làm sao tin họ. Có lúc họ nói sự thật lắm mà sự thật ra bởi miệng họ cùng với muôn vạn lời lão thành vàng thau lẫn lộn.

Thường kẻ lão lại già hám. Họ gạt rồi tía lia đánh chính, rồi đẩy đẩy chối, rồi khóc nữa. Biết bao ông chồng

tội nghiệp, phải mất tình yêu, tiền của, có khi sạt nghiệp nữa chỉ vì quá tin bà vợ giả dối tự bản chất, lão có dòng, lão có nghề thuật, lão trong mọi việc.

Trong xã-hội bạn có lẽ gặp một hạng người lão chẳng những có dòng, mà lão có miễn xứ. Không biết tại sao. họ tự nhiên giả dối. Họ đây có thể là những bậc chân tu nữa, mà vẫn xử với thiên hạ không chân thành. Có khi họ không có ý gạt ai, ghét lão lắm, dạy đức thành thực nữa mà sao đâu trong cặp mắt, trên gương mặt, ở nét cười, xuyên qua lời nói, điệu bộ của họ có cái gì không thực. Người tế nhị biết được, sợ họ. Mặt ngoài họ xã giao đường mật lắm, nói tia lia, bầm xá, thừa dạ, rút rề. Mà sống lâu và sống chung với họ bạn mới biết họ giả dối. Chúng tôi lại thấy trong hạng người giả dối ấy hai quái tật này là trốn trách nhiệm và rít róng coi tiền bạc như bánh xe.

Thứ người đó ở chung với nhau thì được vì tình huống đức công bình được thực hiện giữa hai kẻ gian tham. Nhưng sống với kẻ trầm tĩnh, chân thành thì sớm muộn họ cũng chia tay vì mất tin nhiệm và bất mãn.

5 - Phương thế luyện đức thành thực.

1) *Luyện tinh thần can đảm.* Dám mình là mình. Đừng vì sợ mất quyền lợi, danh tiếng, trừng phạt mà lão xược tỏ ra yếu đuối.

2) *Luyện óc tự trọng.* Lão làm cho kẻ khác coi người lão như rơm rác.

3) *Yêu chân lý.* Danh dự của con người là bệnh vực

vực chân lý. Lương tâm là tòa án kinh khủng cho kẻ tự ý xuyên tạc sự thật để gây tai hại cho tha nhân.

4) *Nói ít*. Đa ngôn quá nhiều khi vô tình người ta không đủ thành thực mà không hay. Đó là chưa nói trường hợp nói dối, muốn khỏi mất mặt nên láo để thoát.

6 — DANH NGÔN

1) Thành thực không phải là nói tất cả điều người ta tưởng mà đừng nói gì nghịch điều người ta tưởng.

C. Demaet

2) Một tấm lòng thành thực gần với chân lý hơn là một đầu óc phong phú hơn hết.

H. Bordeaux

3) Kẻ nói láo chẳng những làm cho mình đáng khinh mà còn tạo cho mình đời sống khó khăn, phiền toái, mệt nhọc.

Paul Doumer

4) Người lương thiện là người chỉ dùng lời nói cho tư tưởng, chỉ dùng tư tưởng cho chân lý và nhân đạo.

Fénelon

5) Giả hình trong cách sống cũng như láo xược là làm tổn hại nhân cách và gây nghi kỵ, ác cảm.

Waterstone

7 — TỰ ÁM THỊ

Giả dối : láo xược hay giả hình là bạc nhược. Tôi lấy làm băn khoăn những khi nói sự thật mà cảm.

CHƯƠNG XXIV

ĐỨC BÁC ÁI

*« Giới nhân mạng thì tha phỉ
glót khẩu mạng đùm tha đoãn ;
Rắn mắt đừng nhìn sự quấy
người khác, rắn miệng đừng
bàn điều kếm tha nhân. »*

Từ-Hư Nguyễn-Quân

I - ĐẠI YẾU

- 1) Người té giếng
- 4) Định nghĩa đức bác ái
- 3) Hình thức bác ái
- 4) Bác ái là bản phận tối yếu của mỗi người.
- 5) Giá trị luân lý của đức bác ái.
- 6) Thực hiện đức bác ái.

1. -- Người té giếng.

Trên đường chạy loạn, Hoa Hâm cùng đoàn tùy tùng gặp một người lạ cũng chạy loạn năn nỉ xin gia nhập đoàn. Các tùy viên đồng ý. Chỉ có Hoa Hâm nói : Ta có mấy người, hiểm nguy, may mắn, sướng khổ, sống chết đùm bọc lấy nhau. Bây giờ thêm một người nữa, liệu khi hữu sự có lo cho người ta chu toàn không. Các tùy viên năn nỉ Hoa Hâm để người lạ đi chung cho kỳ được. Hoa-Hâm sau cũng thuận ý. Cả đoàn tiếp tục đi. Đi được xa xa, người lạ bỗng rơi xuống giếng. Đoàn tùy tùng sợ trách nhiệm và cực khổ bỏ đi,

Hoa-Hâm bất mãn nói : Đã nhận người ta cùng đi, lúc người ta lâm nạn, bỏ người ta sao đành. Ông liền ra lệnh cho các tùy viên vớt người lạ lên, tìm cách cứu chữa cho lành. Nhưng nguy quá, người lạ bị ngập nước, mệt lả và tắt thở. Hoa-Hâm tận tụy cùng đoàn tùy tùng an táng người lạ với lòng tiếc thương và chu toàn.

Hoa-Hâm thật nêu gương sáng lạng về bác ái cách khôn ngoan. Bọn tùy tùng vì e ngại mà nhận người lạ cùng đi cho êm chuyện. Hoa-Hâm dè dặt vì sợ không đủ khả năng bảo toàn cho người lạ lúc nguy hiểm. Khi kẻ này té dưới giếng, chính những người năn nỉ xin cho anh đi, lại bỏ anh tắt thở? Hoa-Hâm là quân tử, lấy lòng cao thượng xử với người. Ông lo vớt người lạ, cứu chữa, mai táng với lòng bác ái cao cả.

2 — Định nghĩa đức bác ái

Bác ái là đức giúp ta tha thứ lỗi lầm của tha nhân, thương yêu mọi người như bản thân và muốn hạnh phúc cho mọi người.

1) Là một nhơn đức thuộc thần. Có kẻ tự nhiên giàu lòng nhân, xử với ai cũng bằng thiện cảm, không hay làm điều ác cho ai. Thử người đó có lòng bác ái tinh cảm (charité sentiment). Tâm tình yêu người này có thể khi thì bằng bột như lửa rơm khi tàn lụi tùy người có nó hăng hái hay nản lòng. Có hạng người khác cũng yêu người, giúp kẻ khó bằng hàng tâm hàng sản nhưng chỉ thương người cách vị tình đồng loại vậy thôi. Lòng kiêm ái của họ gọi là ái nhân (philantropic) đơn giản-

Những hình thức bác ái này vẫn tốt nhưng không thể gọi là nhơn đức. Bác ái là một nhơn đức khi nó được thi

hành thành tập quán trong tinh thần thể hiện tình yêu đối với Thượng đế bằng tình yêu nhưn loại. Tình yêu này được thúc đẩy bởi ý chí. Dĩ nhiên là tình cảm đóng vai trò không phải không quan trọng lúc ta tự nhiên có thiện cảm cũng như lúc ta chế chán oán ghét. Đức bác ái bắt ta thương kẻ mến ta mà còn qui chuộng kẻ thù địch ta. Không thi hành bác ái theo tinh thần này thì sự vị tha (altruisme) người ta hay nói và sự yêu người bằng tình cảm (charité sentiment) hay sự ái nhân (philantropie) không vững chắc, bền bỉ, có thể gọi được là không hồn. Người ta hoặc yêu nhau vì xã giao, lịch sự hoặc vì lý do tâm thương cho đó điều khiển. Thi một đồng bạc cho người ăn mày để kẻ này đừng quấy rầy. Cho bà lão ăn xin gần nhà một trăm bạc vì mình vừa mới trúng số. Làm lờn đứng giữa nhiều nhân viên hạ cấp, có kẻ đến ăn xin, cho năm đồng để tỏ ra lòng quảng đại. Tất cả những hình thức yêu người này có giá trị rất bấp bênh, thiếu nền tảng, dễ tiêu trầm trong lòng người.

2) *Tha thứ lỗi lầm tha nhân*; Về mặt tiêu cực đức bác ái buộc ta tha thứ khuyết điểm, tội lỗi của kẻ khác làm cho ta. Tinh thần khoan dung này rất cao cả. Nó tự nhiên không có trong người và cũng không được những triết gia ngoài chân giáo đề cập. Loài người phải học nó trong học thuyết của Đức Giêsu là Đấng dạy ta « yêu kẻ thù như bản thân », là Đấng trên thập ác ngưỡng đầu lên Thượng đế cầu nguyện cho các quân dữ giết mình : « Xin cha tha cho họ, vì họ lầm chẳng biết ».

Tự nhiên con người thích trả đũa kẻ làm ác cho mình. Thù tính cũng thúc giục con người thấy trong báo oán một thứ danh dự đề mặt. Vả lại đừng quan điểm tâm lý

mà xét ta phải nhận ai cũng có lòng tự ái. Nhịn người là điều khó làm, là quá lắm rồi. Lại còn tha lỗi nữa thì thật phải có tâm hồn siêu thoát lắm mới có thể làm được.

3) *Thương yêu mọi người.* Theo tinh thần bác ái, ta chẳng những phải thương kẻ ta quen biết, thân thích, làm lợi cho ta, mà còn phải yêu hết mọi người dù là kẻ không làm lợi gì cho ta hay thù hại ta. Điều này cao cả quá. Marc Aurèle dạy đừng báo thù để cho người bị hại không thấy kẻ ác như người gây thù. Không báo thù cũng khó lắm rồi, còn đức Giêsu dạy yêu mến kẻ thù như bản thân thì thực siêu việt, đại dũng.

4) *Muốn hạnh phúc cho mọi người.* Tinh yêu đại đồng đó không phải là thứ lý thuyết suông mà nó dựa vào ý chí luôn nỗ lực tìm hạnh phúc cho thiên hạ. Về góc cạnh này thuyết bác ái của Đức Giêsu vượt xa hơn đức từ bi của Thích Ca mâu ni hay chủ nghĩa kiêm ái của Mặc-Tử. Hai hình thức sau yêu người cao cả lắm nhưng không gặt gao bắt buộc người ta phải nỗ lực triển miên tìm hạnh phúc cách hữu hiệu, bằng việc làm hữu ích cho đồng loại kẻ cả kẻ thù hại mình.

Hạnh phúc mà người giữ đức bác ái nỗ lực tìm cho đồng loại là hạnh phúc hiện thế và vĩnh cửu. Hạnh phúc hiện thế là những sung sướng lương thiện trong đời sống vật chất. Hạnh phúc vĩnh cửu là thứ hạnh phúc bất diệt con người được thưởng sau khi thể hiện chu tất lý tưởng làm người. Hạnh phúc này dĩ nhiên có giá trị hơn hạnh phúc hiện thế vì cuộc đời thì phù vân, con người không sống lột vỏ, lại có trách nhiệm về thân phận của mình đối với đồng loại và Đấng tối cao. Thành ra một khi làm người cho đáng người rồi và được hạnh phúc vĩnh viễn thì con người hoàn toàn thỏa mãn những khát vọng thâm sâu của mình.

3 — Hình thức đức bác ái.

Trong khi được thực hiện đức bác ái có nhiều hình thức mà dưới đây là những cái chánh.

1) *Bác ái tư biệt.* Là bác ái mà mỗi cá nhân độc lập thực hành tùy lòng vàng của mình. Từ trước đầu thế kỷ 20, hầu hết những việc giúp đỡ kẻ khổ côi, nghèo túng, đau bệnh, già cả, tật nguyền đều do cá nhân đảm trách. Trong thế kỷ này, đức bác ái được những tổ chức tôn giáo hay quốc gia thực hiện cách đại qui mô.

2) *Bác ái công cộng.* Là bác ái được tổ chức bằng hợp tác của nhiều người dưới điều khiển của quốc gia hay tôn giáo.

Bác ái tư biệt bị khuyết điểm chỗ cá nhân thường giàu thiện chí mà kém tài chánh.

Bác ái công cộng dồi dào tài chánh nhưng vì là việc công nên hay có những kẻ làm vì đồng lương thiếu lương tâm chức nghiệp.

Những khuyết điểm vừa nói nếu được bổ túc đức bác ái sẽ được thể hiện vừa sâu rộng vừa chu toàn trong mọi giai cấp xã hội,

Khi thi hành đức bác ái tư biệt, người ta đừng quên những điều quan trọng này. Ta phải sống công bình. Có kẻ cho vay án lờn cắt cổ, xử tệ bạc với người ở, mua bán lương thương tráo đấu mà vẫn thường bố thí. Việc làm của họ là cử động vô hồn. Cũng nên khôn ngoan khi bố thí. Có nhiều người lười biếng, gian xảo, lấy ăn xin làm một nghề để sống và để tội lỗi. Những hạng người này làm nhục dân tộc trước mặt người ngoại quốc. Chánh quyền có bổn phận bài trừ tật xấu của họ. Về mặt thực hành, cá nhân khôn ngoan lựa người để bố thí nhưng không nên tỏ ra

kiêu hãnh coi trọng tiền bạc quá mà nhiều khi lầm lẫn làm đau lòng những kẻ ăn xin cô bản thật. Thái độ khốn ngoan là tránh kẻ đi xin mà ta biết họ có ý lạm dụng hơn là vì nghèo đói. Còn khi bị họ xin ngay mặt rồi, có tiền mà không cho tuy không lỗi đức bác ái nhưng coi cũng kỳ. Chánh phủ có bổn phận giúp họ thoát khỏi tình trạng yếu hèn chỉ mong vào sự giúp đỡ trực tiếp của tha nhân mà không tin vào thực lực mưu sinh của mình. Còn cá nhân thì nên nghĩ dù sao họ cũng là kẻ xấu số. Ta, trong những trường hợp không tránh được, vẫn cứ cho. Thật ra làm vậy ta cũng không lỗ lã gì mà nhân cách còn được nổi bật. Nói về bổn phận của chánh phủ trong bác ái công cộng, ta đừng quên có những bố thí to tát nhiều khi không lợi bằng dùng tiền đó tổ chức những nơi có thể bảo đảm kẻ khốn nạn vững vàng hơn. Thay vì chữa kết quả người ta chữa nguyên nhân. Thay vì chỉ lo cung cấp mãi làm hao tổn bao nhiêu tiền của nhân dân cực khổ đóng góp không biết đến đời nào mới hết, người ta tổ chức ngừa bệnh, nuôi kẻ tàn phế, nơi dưỡng lão, cô nhi viện, trại hướng nghiệp, cuộc khai thác đồn điền v.v... Làm vậy chánh phủ trừ được bao nhiêu tật nhược chí, lười biếng, ỷ lại, tự ty, bất công và nhiều tội lỗi do các tật này sinh ra giữa lớp người ăn xin kéo lũ lượt từng đàn từ thành thị đến thôn quê.

3) *Bác ái nâng đỡ*. Ngoài hai hình thức trên, bác ái còn hình thức mà những nhà luân lý gọi là nâng đỡ. Tức là thứ bác ái thực hiện ngay cho kẻ đang xấu số : trợ tiếp người đau bệnh kẻ mồ côi, bực giả cả. Thứ bác ái này hay được cá nhân thực hành và thường được chánh phủ thể hiện đại quy mô. Nó cũng cần thiết để vết thương nhân loại bớt đau khổ nhưng cần hơn là thứ bác ái đề phòng.

4) *Bác ái để phòng*, Là thấy xa để tổ chức việc phước thiện cách nào bớt được dần dần tình trạng ăn xin. Nó làm cho con người hãnh diện tiêu dụng kết quả do lao công của mình. Thử bác ái thường chỉ có hiệu quả khả quan khi chánh phủ đảm nhiệm thi hành.

4. — **Bác ái là bốn phận tối yếu của mọi người**

Nếu không say sưa tổ chức một xã hội loài người mà ai cũng ăn chờ ở lỗ, sang phú suốt đời mà có óc thực tế đơn sơ, người ta phải nhận rằng vấn đề con người nghèo khổ là vấn đề, không dám nói là đời đời, nhưng hình như bao lâu còn loài người là nó còn phải đặt ra. Không biết thời Nghiêu Thuấn ra sao, không biết hoàng kim thời đại mà nhiều sách âu tây bàn, mà nhiều triết gia ước muốn cho loài người đã và sẽ ra sao ? Song thời đại chúng ta có nhiều đòi hỏi đức bác ái lắm. Và nếu loài người còn có kẻ ác, còn bệnh tật, còn giặc giã, thì vấn đề xin ăn vẫn còn theo sát cảnh loài người. Jules Payot gọi sự tất yếu của đức bác ái là « sự tất yếu đời đời ». Đó đây có biết bao kẻ cầm điếu, mù lòa, điên khùng, biết bao con nít bị bỏ rơi, con trẻ mồ côi, lang thang kiếm ăn, tội lỗi, biết bao người già cả cô thế, biết bao người sa cơ nghèo đói vì giặc giã, di cư, biết bao người bệnh đau vì quá nghiện rượu, thờ tiền nần, buôn son, bán phấn, biết bao gia đình cha mẹ thất nghiệp mà con cái đông như chuột lủ. Đó là chưa nói những tâm hồn bị đàn áp chẳng những thêm cơ cực mà còn thêm khát tự do, chân lý. Thưa bạn tiếng kêu Bác ái vang khắp mọi nơi. Cần bác ái nhưng tại sao ? Đây là những lý lẽ chánh.

1) *Nền tảng của sự cần thiết này là loài người có chung một*

mục đích. Mục đích đó là hạnh phúc lương thiện, không phải là hạnh phúc cá nhân mạnh ai nấy kiếm. Mà chính là hạnh phúc của nhơn loại. Nếu ta không cung cấp được chính hạnh phúc hiểu là sự sung sướng ít ra ta phải có những lời khuyên, những lời an ủi, những phương thể giúp đồng loại tiến đến hạnh phúc. Sự bắt buộc bác ái này nói lên lý lẽ tồn tại của đời sống tập thể trong xã hội loài người. Nếu không có nó con người có thể như thú vật khi cần thì sống chung không cần thì ly tán.

2) *Thượng đế là Tào hóa của mỗi cá nhân và là cha chung của xã hội.* Nếu ta biết ơn Ngài ta phải mến Ngài. Tình mến thực tế nhất là hi sinh bằng cách giúp đỡ con cái của Ngài. Khi giúp một đồng loại là ta giúp hay nói đúng hơn tỏ lòng tri ân với Thượng đế. Tình thân tương ái tương trợ này đã được Đức Giêsu chỉ dạy chu đáo trong Phúc âm thư Thánh Gioan. Đấng Cứu thế nói : *« Ai yêu anh em mình, người ấy ở trong ánh sáng... Mà ai ghét anh em mình phải ở trong bóng tối... Ai ghét anh em mình người ấy là kẻ sát nhân... Hết các con yêu nhau, các con hãy yêu nhau vì tình yêu do Thượng Đế mà ai bác ái là sinh ra bởi Thượng Đế và biết Thượng Đế... Ai yêu Thượng đế thì ghét anh em mình. Vả lại nhơn loại đã được Đấng cứu thế làm nên một thân thể máu nhiệm mà người là đầu nối với Thượng đế. Nên vì tình huynh đệ chi thể ta phải yêu nhau, giúp đỡ nhau mọi mặt trong tinh thần thống nhất đại đồng.*

5.— Giá trị luân lý của đức bác ái

1) *Có người đã kịch đức bác ái là một tác vi gây tai hại cho cá nhân, dân tộc Theo họ nó dưỡng những người lười*

biếng, nhậu nhẹt, nhược chí, trụy lạc. Tất cả đều là

những kẻ ăn hại xã hội và sinh sản những con cháu sâu mọt nòi giống. Phải tiêu diệt tầng lớp bần nhân ung nhọt của xã hội loài người ấy để xây dựng một xã hội lý tưởng gồm những dân tộc lý tưởng. P. Foulquié trong cuốn *Logique et Morale* ở trang 556—557 có trích mấy lời này của Nietzsche, triết gia Đức chủ trương triết lý sức mạnh và là người thù số một của giai cấp xấu số: *Đức vị tha công giáo là gì nếu không phải là sự ích kỷ tập thể của kẻ yếu. Sự thật ở đâu?*

Bình tĩnh mà nói, những người đả kích đức bác ái có lý một phần chỗ này là dân tộc phải nỗ lực cho ngày nên cường tráng, xã hội có bốn phận giúp các vết thương của nó là kẻ cô bần ngày càng bớt. Rồi từ chỗ hợp lý ấy người ta kết luận lầm lạc rằng đức bác ái phá hoại. Khi mà xã hội lý tưởng chưa được thiết lập, có bao nhiêu kẻ cô bần khốn nạn: bỏ người ta chết trong đói rách sao? Họ cũng là người, là nhân vị chịu bao nhiêu trách nhiệm đối với đồng loại và Thượng Đế. Các bệnh tật, các tình trạng khốn nạn của cá nhân có phần tại di truyền do lỗi cá nhân, nhưng có phần không nhỏ do xã hội thiếu tổ chức và gồm nhiều ác nhân chứ. Xã hội bỏ bê, đào thải họ là bất công. Sự tuyển lựa dân tộc không được dùng cách sát hại cá nhân làm phương thế. Giá trị cá nhân xét về định mệnh làm người phải được tôn trọng trước xã hội. Có cá nhân rồi mới có xã hội. Người ta không được phép hành ác để gây kết quả thiện bằng cách tàn sát cá nhân xấu để lập xã hội tốt.

Vẫn biết, như trên ta đã xét, có không ít kẻ lạm dụng lòng tốt thiên hạ để sống lười biếng bằng của thí. Nhưng đó không phải là lý vững chắc để bài trừ đức bác ái cần thiết cho bao kẻ nghèo túng thật. Người ta đừng quên nữa rằng dù bố thí lắm, kẻ bác ái cũng không thiệt

thời gì mà trong trường hợp nào cũng được dịp tiêu diệt tánh ích kỷ, luyện lòng nhân đạo và phát huy nhân cách.

Đức bác ái bị đả kích nhưng lại là phương thế làm cho xã hội tốt đẹp cách thực tế. Vì nhờ những lòng vàng góp lại mà mọc lên những nhà thương điên, những trại hủi, những cô nhi viện v.v... làm cho một quốc gia bớt kẻ điên, cùi, du côn, trộm cướp. Người được đau khổ khi được giúp làm cho kẻ sâu sắc thấy rằng loài người ăn ở với nhau kiểu người với người chứ không còn dã man như thú vật là chết ai nấy chịu, là dù ngập ngập cũng phải tranh đấu để sống.

a) Có người chủ trương phải đẩy mạnh đức bác ái thành đức công bình. Trong sách chúng tôi đã dẫn trên. Foulquier trích Charles Gide : « Chúng tôi muốn không phải đức bác ái mà đức công bình ». Theo ông này và những người chủ trương bác ái phải là công bình thì các tình trạng khốn nạn của những người xấu số đều do xã-hội chịu trách nhiệm.

Phải có những phân tách tế nhị. Có những điều xấu tại xã-hội thiếu tổ chức mà cũng có những ung nhọt do cá nhân làm ra. Dĩ nhiên là xã-hội có bổn phận giúp cá nhân thoát khỏi hoàn cảnh khốn nạn. Nhưng căn cứ vào lẽ đó mà bổn phận sự đức bác ái phải thi hành như phận sự công bình là quá khích. Vẫn biết bác ái có bị buộc thực hiện như công bình nhưng nó không phải là công bình. Công bình căn cứ ở chỗ tương đồng giữa cái cung cấp và cái nhận lãnh. Còn bác ái dựa trên các cung cấp nặng hơn cái nhận lãnh. Hơn nữa công bình nhắm rõ kẻ nào ta thiếu, thiếu bao nhiêu. Trái lại đối tượng của bác ái là không giới hạn, mịt mù. Tóm tắt bác ái không phải coi như đức công bình mặc dầu người ta không được phép cầu thả nó mà khỏi mang lỗi với đồng loại.

6 — Thực hiện đức bác ái.

Đã biết những nguyên tắc của bác ái, ta cần xét cách áp dụng nó trong đời sống hằng ngày. Người bác ái chân

chính là người sâu sắc. Họ hiểu rõ câu : « Bồ thí kẻ nghèo là cho Trời vay ». Nói đến đức bác ái là họ nghĩ ngay đến nền tảng của nó cũng như của luân lý là Thượng đế. Nếu không nghĩ đến nền tảng này người ta sẽ không thi hành đức bác ái bền bỉ. Nếu hết hăng hái, nếu không ai đùm ngó, người ta có thể không còn lòng bác ái. Vả lại, nếu không kính trọng nhân vị con người, nhận ở con người những trách nhiệm cao cả và thấy ở đó hình ảnh của tạo hóa thì tưởng không nên bác ái làm gì cho tốn công, tốn của, tốn sinh lực, thời giờ. Nhiều người vì thiếu tin ngưỡng mà trở thành vô nhân đạo vì đó. Nên hãy nói đến bác ái phải nghĩ ngay Thượng đế. Chỉ có đức bác ái thực hiện vì Thượng đế mới tận tụy, bền bỉ, bất vị lợi. Dưới đây ta sẽ tìm biết những điều mà người bác ái phải tránh và khai làm để thực hiện chu toàn đức bác ái.

A. — Việc nghịch đức bác ái.

1) *In trí xấu* : Tức là tưởng tượng tha nhân là bất tài, tội lỗi mãi và đã có lần thất bại, vấp phạm luật pháp nào đó.

2) *Hờn ghen xấu* : Là vô lý mà tưởng kẻ khác làm việc xấu hại mình hay hại ai.

3) *Ước vọng xấu* : Muốn cho kẻ nọ người kia thất bại, nghèo nàn, bị giáng chức, bị ghen ghét, bị đau bệnh, chết chóc.

4) *Nói hành* : Bươi móc tật xấu có thật hay bịa đặt của người xung quanh để bòn tặn lòng họ vắng mặt cho vui

miệng hay có ý giao tiếng xấu.

5) *Vu cáo*. Tưởng tượng ra những lỗi lầm của ai để tố cáo kẻ ấy trước dư luận hay pháp lý.

6) *Nói xấu đời tư trên báo*. Lỗi các chi tiết về đời tư của kẻ phạm pháp để mĩa mai mặt sát đến quá tộ.

7) *Nói chua cay*. Trong cuộc sống chung, lựa lời lớn lối nói để hạ kẻ khác. Nói móc lờ. Nói xiềng xéo. Nói xa gần. Nói đánh đầu. Nói nặng, nhẹ v.v...

8) *Cắt lộn* : Đấu khẩu to tiếng bằng những lời lẽ thiếu nhã nhặn cố ý tỏ mình tài ba hơn tìm chân lý.

9) *Thừa mết* : Khiếp nhược đi tâu với thượng cấp lỗi lầm kẻ khác khi không cần thiết để mua ân huệ.

10) *Gieo bất hòa* : Tạo những hiểu lầm, gây thù oán, đâm thọc đen trắng giữa kẻ đồng nghiệp, đồng niên, đồng song v.v...

11) *Tranh đấu bất hợp pháp* : Cạnh tranh công việc làm ăn hay công việc gì đó bằng những phương thế bất lương.

12) *Ganh tài đức* : Tiếu tâm ghét người vì thấy người hơn mình về tài đức.

13) *Ghét người cách tự nhiên* : Thiếu thiện cảm tự nhiên với ai nên lánh mặt họ.

14) *Làm gương xấu* : Bằng lời nói, việc làm, lối sống bất đáng khiến kẻ yếu tinh thần sa chân vào tội lỗi.

15) *Churột mắng, đánh đập, giết người* : Là làm mất mặt, hại thanh danh, chạm tự ái kẻ khác bằng lời nói thô tục và vi phạm đến thân thể người ta bằng võ lực.

B — Việc bác ái phải làm.

1) *Nhịn tội xấu tha nhân* : Nhân vô thập toàn. Người xưa nói chí lý.

Ai cũng có tật xấu ít nhiều. Phải bằng lòng trước tật xấu của kẻ khác, mới chịu nổi đời sống xã hội và không làm kẻ khác phật ý.

2) *Tha lỗi* : Chẳng những tha những lỗi đã thú mà phải xóa những lời ngoan cố.

3) *Giao hòa* : Lúc nào cũng sẵn sàng bắt tay thân thiện lại với kẻ oán thù mình.

4) *Lo giúp người* : Khi giúp, giúp với lòng quảng đại như đại dương. Giúp mà không cần trả lại. Cứ tin chắc đa số loài người bạc ân. Mong người ta trả ơn phải bị thất vọng. Vả lại ta bác ái vì nguyên nhân cao cả mà.

5) *An ủi, khuyến khích* : Cũng cố tinh thần kẻ đau khổ, thất vọng.

6) *Dám chết vì tha nhân*. Khi cần thiết dám hi sinh mạng sống để cứu sinh mệnh kẻ khác dù là kẻ thù.

7. — DANH NGÔN

1) Ai quên hạnh phúc tư biệt của mình tìm hạnh phúc của kẻ khác, sẽ được tìm hạnh phúc thừa thái.

H. Bordeaux

2) Một trong những tác vi bác ái tốt đẹp nhất là khuyến khích tha nhân.

P. Wilberforce

3) Làm cho người ta tốt hơn, đó là phương thế độc nhất làm cho họ hạnh phúc.

Ampère

4) Kỳ sở bất dục vật thi ư nhân.

Khổng-Tử

5) Hãy yêu tha nhân và kẻ thù nghịch như mình vậy.

Đức Giêsu

8. — TỰ ÁM THI

Lý tưởng của đời tôi là làm cho đồng loại được hạnh phúc tùy những khả năng của tôi.

CHƯƠNG XXV

ĐỨC THU TÂM

*« Lương đại phúc diệt ấ, cơ
thâm họa diệt thâm. Vĩ vi
phúc thâm mạc vi họa lớn :
Lương lớn phúc cũng lớn,
mưu sâu họa cũng sâu. Cần
làm phúc trước, đừng gây
họa trước. »*

Sách Cảnh Hồng

I — ĐẠI YẾU

- 1) Jean le Bon ở tù
- 2) Đức thu tâm là gì ?
- 3) Tật ích kỷ
- 4) Giá trị đức thu tâm
- 5) Thực hiện đức thu tâm

Ngày xưa Jean le Bon hứa với người Anh sẽ trả một số tiền và trước khi trả ông để các

1. — Jean le Bon ở tù. con lại Anh-quốc làm của tin. Một trong các con ông nhớ gia đình, quê hương nên tàu thoát Chính ông tự do trở lại nước Anh ở tù và nói : « Nếu lòng thành và thiện tín bị loại trừ ra khỏi trái đất thì chúng phải còn lại trong tâm hồn của các vua chúa ». Việc làm can đảm của Jean le Bon giống dũng cừ của Régulus ở La mã. Nó nêu cao danh dự trong lời nói. Nó có ma lực làm cho ai nấy kẻ cả quân thù phải kính phục, mến yêu.

Thu tâm là đức giúp ta xử thế cách nào cho kẻ khác vừa mến vừa phục ta một cách chính đáng và bền bỉ.

2. — Đức thu tâm là gì ?

1) Là một nhơn đức. Những kinh nghiệm chua chát trong cuộc đời cho ta biết rằng quạo quọ, ăn nói như dúi đục chấm nước mắm, nạt mắng, mỉa mai, trào phúng luôn gây thù, làm cho người ta cò độc và thất bại. Vì những kinh nghiệm đó có kẻ vì ích kỷ, vì vụ lợi, có một lối xử thế cáo già : bên ngoài ngọt như mía lùi, luồn cúi, bom thóp, nhịn thua, bên trong thù oán, khinh nhạo thế nào cũng được, miễn sao có tiền nhiều, được quyền chức to, ăn huệ lớn thôi. Lối xử thế của hạng người này không những chẳng phải là nhơn đức mà còn phản nhơn đức, còn là sự dè mạt nhứt của con người.

Người có đức thu tâm không hành động như vậy. Tự thâm tâm họ yêu người, muốn cư xử cho đẹp lòng người, chân thành cậy nhờ người giúp khi cần thiết. Luôn luôn lấy chân thành và vị tha làm kim chỉ nam, họ nỗ lực tránh những tật xấu hay làm phật lòng kẻ khác, đồng thời luyện những đức căn bản có thể chinh phục được lòng thiên hạ.

2) Vừa mến vừa phục. Trong xã hội, có những người được thương mà bị coi là tầm thường, không được trọng phục từ nhan sắc, tài ba, đức tánh đến công trạng. Sự thương đó nếu không phải là thứ thương hại thì là thương lạm dụng. Người này thương người kia vì thấy kẻ ấy xấu xí, đau bệnh, nghèo nàn, bị ăn hiếp. Có kẻ khác thương một ai đó vì thấy kẻ này dễ sai, dễ lạm dụng. Nhưng hình thức thương này có phần không xấu song không phải là đức người thu tâm đòi hỏi.

Trong xã hội có không ít kẻ được phục là đa tài nhưng

bị ghét. Họ xuất chúng về khả năng tinh thần, song họ thiếu những đức tánh như khiêm tốn, nhân nại, hiền dịu hay đức nào đó có thể hấp dẫn được lòng kẻ khác. Được phục như vậy người có đức thu tâm cũng không ham. Nhờ những đức tánh quan yếu, nhờ đào luyện bản lĩnh, họ vừa được mến mà không bị khinh, vừa được phục mà không bị ghét. Người ta gọi họ là thứ người khéo xử thế.

3) Một cách chính đáng bên bi. Thiện cảm mà họ thu nhận ở kẻ khác là thứ thiện cảm phát xuất tự tâm hồn lành mạnh nên bên bi. Nói vậy để cho hay có những thực tế không tránh được này. Là không làm sao cho ta được mọi người trong xã hội vừa mến vừa phục. Dĩ nhiên kẻ không biết ta thì không mến phục ta đã đành. Cũng dĩ nhiên kẻ tại ta ăn ở bất đáng mà người ta ghét ta. Không bàn những trường hợp đó. Nói ngay những trường hợp mà ta nỗ lực cư xử thành thật cùng với bao nhiêu đức tánh khác mà vẫn bị oán ghét, khinh rẻ. Điều này ta đừng ngạc nhiên. Trong loài người có kẻ ác, hiền lành, lãnh đạm, tây vị, tự ái quá lớn v.v... Thượng đế hóa nhân như Đức Giêsu kia mà còn bị kẻ đồng thời giết và đến ngày nay không ít, kẻ coi là thất bại. Vì nhân như Thích Ca, Khổng Tử, Gandhi đâu phải đều được ai cũng vừa thương vừa phục.

Mà ở đời vấn đề là hành thiện hiền là lo nên người và giúp kẻ khác nên người chứ không phải mua lòng người với bất cứ giá nào. Có thứ người ta vẫn thương họ nhưng phải bài trừ tật xấu của họ. Có hạng người khác ta không nên làm cho họ thương bằng cách lo nên giống họ. Người thu tâm chọn thứ thiện cảm của người xứng đáng tức là kẻ già dặn, biết phải quấy, học hay chưa đỗ. Thiện cảm ở thứ người này bên bi.

3 — Tật ích kỷ.

Làm cho người xung quanh
ghét có nhiều nguyên nhân.
Song nguyên nhân đáng đề ý

nhất là tật ích kỷ. Nó là tập quán xấu của người quá tôn trọng mình, chỉ biết phục vụ mình, hẹp hòi sống với cá nhân mà bất kể quyền lợi của tha nhân.

Tật ích kỷ có nhiều hình thức.

Khi người ta kính trọng mình cách sai lầm và quá lỗ người ta tự ái mù quáng. Giá có ai nói hay làm điều gì chạm tự ái của họ thì họ trả đũa. Sự trả đũa này tất nhiên gây ác cảm.

Vì coi mình quá quan trọng ta muốn thiên hạ chú ý đến ta. Ta thêm khát lời khen. Cho rằng có lời khen ta khoe khoang, ta cướp lời kẻ khác để quảng cáo mình. Ta gây ác cảm.

Coi tha-nhân-giới là cỏ rác, ta thấy cái tội của mình là lý tưởng. Quyền lợi của bất cứ ai ta đặt dưới quyền lợi của ta. Ta chỉ biết lo cho mình mà kẻ khác dù phải nguy hiểm đến đâu ta vẫn coi thường, lạnh nhạt. Thiên hạ ghét ta.

Còn nhiều hình thức nữa lắm của tánh ích kỷ. Tất cả làm cho kẻ thì hành nó trở thành vật tởm gớm trong xã hội.

4 — Giá trị của đức thu tâm.

1) Đã hơn một lần chúng tôi viết ;
Bất cứ ai đều là con vật xã
hội tự nhiên có óc hướng xã
nhưng không phải ai cũng xử
thế hợp xã.

a) Ai cũng có óc hướng xã. Chúng tôi được ở một căn phòng đủ tiện nghi, đủ cao lương mỹ vị, đủ đồ giải trí, đủ sách để đọc nhưng chúng tôi không được giao thiệp với ai hết

Chúng tôi chịu nổi không ? Không. Tự nhiên chúng tôi muốn gặp một đồng loại để bàn chuyện, xin giúp đỡ. Con người chúng tôi thấy cần sống với tha nhân. Xu hướng thấy cần đó chúng tôi gọi là óc hướng xã.

Khi sáng tạo nên người đàn ông thứ nhất, Thượng Đế nói không tiện để cho ông ở một mình và người dựng cho ông một người đàn bà làm bạn. Xã-hội đầu tiên ra đời. Trên trường kỷ lịch-sử đi từ dã man bán khai, đến văn minh, con người thấy cần lẫn nhau đã hợp đoàn thành bộ lạc, làng xóm, quốc-gia. Những tổ chức ngoại giao hay những tổ chức quốc-lệ cũng nói lên tinh thần hướng xã của con người.

Nhưng hướng xã không có nghĩa là tự nhiên ở đời được tha nhân miễn phục nghĩa là hợp xã. Phải được giáo dục hay tự giáo dục để trừ diệt các nét xấu làm cho kẻ khác ghét như kiêu căng, láo xược, mê ăn, nóng nảy, phách lối, hà tiện, dâm-ô, đa ngôn, gian xảo v. v... Còn phải có những đức tánh mua lòng người ta nữa, như hiền dịu, nhân nhĩn, hy sinh v. v...

Con người có thiện căn mà cũng có ác căn. Mà kinh nghiệm cho biết cái ác phát triển mạnh và nhanh hơn cái thiện. Nếu bỏ hoang thiện tính thì có thể ác tính lấn át như cỏ lác mọc trùm trên lúa đất dạn *sống* vậy. Theo đà phát triển sinh lý, thú tính lớn mạnh trong con người. Con người nào khi chưa được giáo dục cũng đều dã man, giống như người tiền sử. Lối xử thế bị nhiều tật xấu đeo nặng làm cho con người « nhảm » trong guồng máy xã-hội. Chính tâm linh dục (*psychoculture*) là nền giáo dục tâm tánh con người làm cho nó « tron » (*polite*) và nhờ được tha nhân qui mến. Trong tâm linh dục, mục tiêu phải đạt trước hết để nên

người hợp xã và đức thu tâm.

Đức thu tâm có hai tác dụng. Nó giải thoát con người khỏi tình trạng nô lệ tình dục xấu, giúp đi từ mọi rợ đến thuần phục. Nó giúp con người chinh phục tha nhân giới nghĩa là gieo thiện cảm, gây bầu khí hợp tác, xây dựng thành công cho mình và cho người. Đừng nói chỉ những mục đích cao thượng. Hãy nói ngay cái lợi lương thiện, cho đáng có bất cứ ai đều phải biết thu tâm. Một em bé khát sữa cứ khóc thì cũng được bú nhưng không chắc được luôn. Nhưng giả em biết cười ngoan ngoan, lấy tay quờ trên mặt mẹ, và khi khá lớn em biết kêu mẹ cách âu yếm, ôm mẹ hun thì chẳng những được bú mà còn được bánh kẹo và được hôn hít nữa. Không phải chỉ ruồi mới ưa ngọt. Đi xe đi tàu ta ưa bố thí cho ai? Cho kẻ cô bản xin xỏ bằng giọng khiêm nhu, mềm mỏng êm dịu. Ta nghe tiếc tiếc khi phải bố thí cho một anh ăn mày vênh vênh tự đắc, ăn nói cộc cằn. Vô lớp vì sợ chúng bực cười, vì không quen nói trước công chúng, ta đứng lên hỏi điều gì đó, làm câu không xuôi, nói lỡ giọng tỏ ra vô lễ: Giáo sư bất mãn, cho ta là vô lễ lù khù. Nếu không cắt nghĩa thì ông chỉ nói qua loa vài câu gì đó thôi. Tri thức như giáo sư mà còn vậy huống hồ bao nhiêu kẻ khác chỉ biết có mình chực bỡ ngỡ với ta mà không biết thu tâm thì sao?

2 Đức thu tâm quan hệ quá cho bất cứ ai trên đời kể cả kẻ toàn quyền bạo ác nhất mà chúng ta lại ít được tập trong gia đình cũng như ở học đường.

Thấy ta cứng cỏi, hỗn xược, cha mẹ rầy sớ sủa gì đó. Công việc làm ăn khiến phần đông các vị lo cho chúng ta ăn mặc hơn là luyện chúng ta về tâm tánh.

Còn ở trường ta mắc lo học thi. Đức dục học càng

hiều có thể thi rớt vì không còn giờ học mấy môn chánh. Mà rớt thi khốn nạn : cha, mẹ rầy, lối xóm khinh, thất nghiệp, nghèo túng. Nền giáo dục gia đình cách chung làm cho chúng ta nên con vật béo tốt, nền giáo dục chủ trí của học đường cách chung tạo cho ta thành những người có đầu đầy chữ, nặng, cấp bằng.

Ra đời ai có cấp bằng thì chiếm những chức quyền cao, hưởng lương lớn. Còn đại đa số kẻ khác phải vật lộn với cuộc sống, phiền toái để mua mỗi thành công bằng ít lắm là trăm thất bại.

Rồi thời đại này tiền bạc nhiều khi được thế Thượng đế nên bất đắc dĩ ta thấy đạo đức không có lợi, đắc nhân tâm thành thật quá bị thiệt thòi. Phải gian dối mới làm lớn, làm giàu, mới được cái mà người ta gọi là thành công. Nên bây giờ đó, thế giới, ngoài ra một số người bị lặn hụp trong lò Satan, còn lại phải chứng kiến không biết bao nhiêu cảnh sụp đổ về tinh thần, tâm đức. Không nên bi quan vì ta phải nỗ lực, phải biết chuyển bại thành thắng. Song phải nhận rằng xưa kia Nietzsche tuyên bố Thiên Chúa đã chết, phong trào vô thần hỏ hét nổi lên, tất cả không độc hại cho loài người hằng ngày nay có một phong trào gồm đạo lý. Tuyên bố Thiên Chúa chết, dùng ngòi bút, diễn đàn áp sát Thiên Chúa, rồi sau cùng Thiên Chúa vẫn còn là kẻ thù của Người lục tục tiêu vong khốn nạn. Còn tự lòng mà rầm rộ liên kết nhau trốn con đường dẫn về Người thì rất nguy. Nếu người ta không thương Thượng đế thì ít ra cũng thương mình bằng cách đi con đường tự nhiên đến hạnh phúc thật. Đó đây hằng ngày người ta nghe tòa án kêu sao có nhiều án mạng, ly dị, bác sĩ kêu sao nhiều thứ bệnh do đương mai

làm phát sinh, linh-mục kêu sao người ta truy lạc quá, nhà giáo kêu sao học sinh ăn nói tay đôi với mình, cha mẹ kêu sao con cái tự do luyến ái, quần chúng kêu sao giặc giã, loạn lạc, cướp bóc, hãm hiếp.

Có gì lạ đâu. Đó là những kết quả ác của những nguyên nhân ác mà nguyên nhân to nhất là thiếu giáo dục về đạo hạnh. Thánh nhân làm việc thua ác nhân thì phạm nhân khổ.

3) Đó. Trong bầu không khí nheo nhóc khổ đó của hiện tại, con người khó xử thế lương thiện, ưa tử tế giả dối dễ trục lợi. Nếu muốn cứu vãn tình thế nguy cơ, phải trị ngay cơn bệnh là óc duy vật, duy vật vô thần hay duy vật hữu thần mà ý lực chỉ huy nhân sinh là vật lộn nhau để sống trưởng giả trong nhan sắc, tiền bạc, bàn ăn, chức quyền, rạp hát, tiệm nhảy v.v...

Thế lại óc duy vật là óc hướng thượng. Nghĩa là con người không cần thả sự tìm kiếm hạnh-phúc hiện thế nhưng luôn chuẩn bị hạnh phúc vĩnh cửu. Nhân sinh quan ấy phải được rèn đúc từ trong gia đình học đường đến khi con người ra trường đời

Về mặt siêu nhiên phải có quan niệm nhân chính về tạo hóa, về thân phận con người, về cứu cánh của vũ trụ và nhơn loại

Về mặt xử thế, phải trọng nhân nghĩa hơn tiền của mặc dầu tiền của cần thiết cho con người về nhiều phương diện. Có tinh-thần vị tha trong cuộc xã-giao. Tử tế đối với tha nhân trước hết là trọng nhân vị của tha nhân chứ không phải có ý lạm dụng. Người thời đại đã bị lạc quá xa tinh thần nhân nghĩa. Đức thu tâm cần được giáo luyện, phổ biến. Con người cần thực tập đức căn-bản

này trong gia đình, học đường đến trường đời. Có vậy cuộc xã giao hàng ngày mới khỏi bị bọng về mặt luân lý và đời sống có đôi phần hương vị.

5. — Thực hiện đức thu tâm.

Đã biết giá trị của đức thu tâm, ta hãy xét vài bí quyết luyện nó. Trong Rèn Nhân

Cách, chúng tôi đã bàn rộng hai thứ bí quyết tiêu cực và tích cực. Ở đây chúng tôi toát yếu vài điểm chánh.

A. — Bí quyết tiêu cực :

1) *Đừng già dốt.* Gạt người đồ lạm dụng không sớm thì muộn cũng bị lột mặt nạ. Ăn ngay ở thật không biết mọi tật mọi lành không nhưng chắc được yên tâm và nhiều người quý mến.

2) *Đừng chỉ trích.* Chỉ trích nhiều khi dấu hiệu của ác tâm, non trí, vụt chạc. Lo xây dựng thường có lợi cho mình và xã hội hơn phá hoại.

3) *Đừng tỏ ra mình thông thái « rôm ».* Không ai ưa kẻ kiêu căng mà ai cũng thích người khiêm nhường. Núi này cao có núi nọ cao hơn. Sự hiểu biết của ta là giọt nước trong đại dương thôi.

4) *Đừng cầu tha bên ngoài.* Quá nô lệ thời trang tổ cáo tâm hồn non nớt. Mà ăn mặc lỗi thời quá tỏ ra con người không tự trọng. Mình không trọng mình thì mong gì ai trọng mình.

5) *Đừng cãi ọat.* Cãi lộn thường phá hoại thân tình. Tâm phục người hơn là lý phục.

6) *Đừng chỉ nhớ có mình.* Câu chuyện mà có tiếng tôi, chúng tôi nhiều quá làm kẻ nghe chán. Nói về người : nói hạnh phúc, thành công của người, ai mà không thích.

7) *Đừng nhỏ mọn* Những cỗi lòng đóng kín và bất nhậy, bắt thừa sau cùng bị cô-độc

8) *Đừng « xố » quá.* Ngoài đời ác tâm nhiều như trấu. Phải xử thế bằng cách tin tin, phòng phòng. Nồng nổi quá : tai họa đến thoát không kịp.

9) *Đừng xử bị người ta.* Ai cũng ham phục thù vì ai cũng giàu tự ái. Con chó hiền đến đâu dồn vào kẹt đánh quá cũng táp. Không nên sánh người với chó. Nhưng chắc chắn người bị xử bị quá thường trả đũa.

10) *Đừng đời lánh như chong chóng đời chiều.* Phải canh tân cuộc sống, song đừng đời lánh phi lý tổ ra nông nổi và nghèo nghị lực. Người ta tự nhiên ưa kẻ cương quyết và giữ lời nói như đinh đóng. Hãy nghe Rochefaucauld : « Giữa những người danh dự, lời nói là một khế ước ».

11) *Đừng có giọng kẻ cả.* Không ai chịu mất mặt. Mỗi người đều coi là tiêu vũ trụ rất thềm sự tôn kính. Trả lời đòi hỏi bằng lời khiêm tốn là đặc nhân tâm.

12) *Đừng kích thích tính tự ái người ta.* Có nhiều trường hợp kẻ khác lỗi, ta làm thỉnh họ sợ, lo sửa và mến ta. Ta dẫn thúc, rầy la quá, họ có cảm tưởng phụ đã đến tội đủ có thể « trả lời » với ta lên mặt hay oán thù ta.

13) *Đừng vụng xài ba tấc lưỡi.* Luyện thuật nói chuyện và thuật nói trước công chúng. Lý phục và tâm phục là phương thế gieo chân lý và cảm tình.

14) *Đừng có quạu.* Người vui tính tự nhiên hấp dẫn kẻ khác. Minh quạu với người cũng có thể quạu lại với mình.

15) *Đừng ích kỷ.* Ở đời mà cứ rút vào vỏ cứng cá nhân thì cô độc. Cô độc khi hữu sự làm sao ? Ở đời ai không lúc nguy, lúc cần kẻ khác ?

16) *Đừng lánh đạm.* Ai cũng nghe sung sướng khi được

kẻ khác quan tâm. Ai chẳng đói khát lời an ủi, lời khuyến khích, lời khen ngợi, lời vắn an. Hãy cởi mở tâm hồn, hiến cho tha nhân những món ăn tinh thần ấy.

17) *Đừng vô lễ.* Người nào cũng có lúc vô lễ nhưng không bao giờ chịu ai vô lễ với mình. Tại sao? Tại ai cũng cho mình là quan trọng. Vô lễ là coi rẻ, tất chạm tự ái người ta. Và người ta ghét.

18) *Đừng phách lối.* Làm thầy đời sai mùa là non tri, chuốc họa mà còn bị mọi người tránh xa.

B — Bí quyết tích cực.

1) *Phải thành thực.* Cho tiền nhân : ở đời đa mưu đa kế là khôn. Cho quân tử : ở đời thành thực là khôn.

2) *Phải hiền dịu.* Hiền dịu từ lời nói đến việc làm cử chỉ, thái độ. Ai không thích bạn hiền.

3) *Phải nói chuyện hay.* Ba tấc lưỡi khéo xử dụng là phương thế gieo chân lý, an ủi người đau khổ, xây hi vọng cho người chiến bại.

4) *Phải vui vẻ.* Luôn có nụ cười trên môi.

5) *Phải thành thật chú trọng kẻ khác.* Quên cái tội của mình khi xã giao để hỏi thăm, giúp đỡ tha nhân.

6) *Phải bền bỉ.* Suy tính trước rồi hễ hứa và hoạt động.

7) *Phải có óc trách nhiệm.* Không kiểm trách nhiệm mà khi nó đến dám rước nó bằng nụ cười. Đừng mãi chịu sào cho kẻ thuộc về mình mà không đổ cho kẻ dưới hay nói « Bị, Tại v.

8) *Phải khiêm tốn.* Nhận giá trị của mình để tự tin. Nhưng luôn ăn nói nhỏ nhẹ, có cử chỉ mềm mỏng với bất cứ ai.

9) *Phải cần ngôn.* Cần từng lời nói. Giữ các bí mật tự nhiên, ủy thác và cam kết công khai. Chỉ nói khi cần nói

vào hơi cần nói, cho người cần nghe thôi.

10) *Phật bác ái*. Thương người thì người thương lại. Nên thường bố thí.

11) *Phật tự trọng*. Ăn nói, trang sức, tiếp khách, đi đứng đúng đắn.

12) *Phật sống thanh khiết*. Hoa sen giữa lầy rất khả ái và khả phục.

6 — DANH NGÔN

1) Ai cũng có óc hướng xã nhưng không phải ai cũng hợp xã. Muốn hợp xã phải luyện thuật xử thế mà thu tâm là ruộng cày.

Waterstone

2) Người mà chúng ta nói lão hơn hết đó là chúng ta.

Proust

3) Kỹ sở bất dục vật thi ư nhân.

Khổng-Tử

4) Không có cái gì lôi cuốn ít cho bằng quảng đại nửa chừng.

R. Rlus

5) Nếu không biết quạn với người, không quan tâm tới người thì người cũng quạn với ta và không quan tâm tới ta.

Feurzinger

7 — TỰ ÁM THỊ

Tôi là con vật xã-hội, tự nhiên hướng xã mà không tự nhiên hợp xã. Vì đó tôi phải trở nên người thu tâm nếu tôi muốn thành công và hạnh phúc.

CHƯƠNG XXVI

ĐỨC LỄ ĐỘ

« Thượng vô lễ vô dĩ xử hạ, hạ vô lễ vô dĩ đối thượng : Người trên vô lễ không sao khiến kẻ dưới, kẻ dưới vô lễ không sao đối với người trên ».

Án Tử

I — ĐẠI YẾU

- 1 — Vua không bỏ rượu thần xin tự vẫn
- 2 — Đức lễ độ là gì?
- 3 — Tại sao cần đức lễ độ
- 4 — Thực hiện đức lễ độ
- 5 — Phương thế luyện đức lễ độ.

1. — Vua không bỏ rượu thần xin tự vẫn

Vua nước Tề là Cảnh Công hay say rượu, cầu thả việc triều chính. Một trung thần là Huyền Chương muốn vua

bỏ rượu nói thẳng : Bệ hạ luôn say rượu, hạ thần xin bệ hạ bỏ rượu. Nếu bệ hạ không nghe thần xin tự tử ».

Bỗng có Án Tử cũng là bậc trung thành nổi tiếng, vào yết kiến Cảnh Công. Nhà vua đem câu chuyện trên trình bày cho Án Tử. Án Tử lạnh trí vừa muốn sửa lỗi Cảnh Công vừa làm cho ông này đẹp lòng nên tâu : « Quả thực có phước cho Huyền Chương. Ông may gặp bệ hạ chớ gặp Kiệt, Trụ đã bỏ mạng rồi,

Cảnh Công nghe thấu ý, bỏ rượu.

Bạn thấy không ? Cũng thời lời nói của hai trung thần mà một lời vô hiệu, một lời hữu hiệu. Huyền-Chương tốt bụng lắm. Tuy không đến nỗi vô lễ cảnh cáo vua Tề nhưng chẳng nắm đến chỗ tế nhị của đức lễ độ nên Huyền Chương không thuyết phục được vua Tề. Đã không thuyết phục được lại còn có thể chết như Ân Tử nói : chết vì sự hung ác của người bị sửa lỗi chạm tự ái.

Trái lại Ân-Tử khéo dùng ba tác lưởi, vẫn nói sự thật đề ích quốc lợi dân, nhưng không làm phật ý nhà vua và làm cho nhà vua tỉnh ngộ.

Lễ độ là nhân đức luân lý

2. — Đức lễ độ là gì ? giúp ta trong cuộc xã giao với bất cứ ai chẳng những không làm phật ý tha nhân mà còn làm cho họ hài lòng.

1) *Một nhân đức.* Gọi lễ độ là một nhân đức khi nó lấy lòng bác ái làm nền tảng. Có nhiều người lễ độ lắm, nhưng cách lịch sự của họ không phải là nhân đức. Họ giả mồm mép rót lời đường mật vào kẻ họ giao tiếp. Họ chào hỏi tía lía, đãi tiệc mai tiệc chiều. Họ mời mọc miếng ngon vật lạ. Bề ngoài họ lịch-sự lắm đấy nhưng lịch-sự để tỏ ra mình hơn người., đi lạm dụng điều gì đó. Họ là thứ người ngoài mặt nam mô trong bụng một bồ dao găm. Nếu khi thấy bất lợi, có lý do gì thù nghịch họ sẽ trở mặt cư xử vô lễ ngay. Người lịch sự chân chính khác kẻ này ở chỗ mang trong tâm hồn đức bác ái. Họ thấy trong kẻ khác giá trị của nhân vị và định mệnh cao cả. Giá trị này tự bản chất đáng kính trọng. Kẻ khác cần sự kính trọng cũng như họ cần kẻ khác tôn phục. Thiện cảm hay ác

cảm chủ quan không thay đổi được bản chất giá trị tinh thần đó. Nhờ quan niệm con người như vậy kể lịch sự tự nhiên quý mến tha nhân và xã giao với ai chẳng những không dám làm kẻ ấy phật lòng mà còn nỗ lực làm cho họ quý mến. Họ xã giao không bồi quá, cũng không lỗ quá. Đối với người thân hay người thù, họ cư xử chừng mực đúng những lối sống mà xã hội đòi buộc.

2) *Không làm phật ý mà còn làm hài lòng.* Đức lễ độ đòi hai phần tiêu cực và tích cực. Người lễ độ không nói năng, hành động hay có thái độ chạm tự ái kẻ khác. Họ còn quên mình đi, chịu thiệt thòi cách nào đó để làm cho kẻ giao tiếp với họ vui lòng, có thiện cảm với họ. Trong một buổi ăn người lịch sự chẳng những không lựa miếng ngon ăn một mình, nói cười như pháo nổ làm khách khó chịu mà còn vui vẻ bung món này, kẻ món nọ mời khách với lòng thành thật. Sa- éc

May, 2016

Ta cần đức lễ độ vì những lý do dưới đây.

3 — Tại sao cần

đức lễ độ ?

1) *Đề thi hành đức bác ái.* Bác ái là bổn phận của bất cứ ai.

Điều này ta biết rõ khi xét về đức bác ái. Mà bác ái không có nghĩa là nói ngoài môi mấp yêu người. Phải diễn lộ mối tình cao thượng ấy ra. Phương thế linh diệu nhất để tỏ lòng vị tha là lịch sự. Khi lịch sự ta làm cho kẻ khác lịch sự một phần nào. Họ cảm thấy sự tiếp vật của họ an ủi đời đời họ. Họ thấy có kẻ thông cảm với cái tối huyền nhiệm của họ và nhất là họ thấy cá nhân họ được đề cao.

2) *Tỏ ra có nhân cách.* Ta hãy có tật kỳ này : là trong thâm tâm, ai trong chúng ta cũng muốn sống xứng nhân phẩm

Cũng không ai không ham thien hạ nhân mình có nhân cách. Nhưng xử đối tử tế với kẻ khác bằng những lễ lới của lễ độ thì tự nhiên ta lười biếng, không muốn làm. Tánh xấu này phải được tiêu diệt.

Ta nên nhớ người không lịch sự là người có tâm hồn còn tính chất dã man, què mùa. Người Pháp dùng tiếng « impoli » để chỉ họ. Mà impoli xét nghĩa gốc là cái gì chưa được đẽo gọt cho trơn, còn góc cạnh, còn nhám. Ta hãy tưởng tượng một người ăn mặc không đúng thời trang quần ống cao ống thấp, áo hở nút, lên bàn ăn như con nít giựt giàn, chào hỏi ai như nạt đầy tớ, cướp lời kẻ bàn luận với mình để tía lĩa khoe tài đức, tài sản, vợ con của mình. Trong con người ấy bạn thấy không có tất cả sự « không văn minh » chút nào. Bên ngoài của họ nổi lên nội tâm mất dạy, còn « góc cạnh » chưa « thị thành » của họ ». Trong Pháp văn có tiếng urbanité là tính cách thị thành nghịch với tiếng rusticité là tính cách nông thôn, đồng nghĩa với tiếng Politesse là lịch sự. Tính cách này nghịch hẳn tâm tánh họ. Họ làm cho người ta khi giao tiếp với họ có dịp sống lại một phần nào thời ăn lông ở lỗ của nhơn loại.

Trái lại người lịch sự có lối sống « thành thị » hơn. Nói vậy không cố ý hể ở quê là vô lễ, ở thành là luôn lịch sự. Tiếng thành thị ở đây chỉ hiểu với nghĩa lịch sự, bất thiệp thái. Trong khi cư xử bằng những phép lịch sự người lễ độ tỏ ra cho đồng loại nhận thấy mình vừa là người vừa làm người nghĩa là mình đã được giáo luyện chu đáo về tâm hồn, thoát khỏi ách nô lệ của bản năng xấu. Sống hợp lý tri đề cao nhân cách của mình. Có thể

nói cây thước đo trình độ tiến hóa của một dân tộc, nếp văn minh của con người là lễ độ.

3. — Để cuộc xã giao được êm dịu. Bác sĩ Alexis Carrel nói lễ độ « có ích như dầu trong máy » Nhận xét này chí lý. Ai cũng có tự ái, cũng có những tham

vọng. Các tự ái và tham vọng dễ chạm nhau gây ác cảm, oán thù, chia rẽ nếu không có lễ độ chế ngự chúng. Đời sống xã hội nếu muốn được êm dịu, gây hạnh phúc cho cá nhân, phải có đầu nhót lịch sự. Mỗi cá nhân thường nhin một chút người ta mới có thể sống chung với nhau. Ai muốn được vậy mà cư xử một mình một chợ thì nếu xã hội không tan rã, nó sẽ là nơi người ta đem các lời nói, lối làm đã man ra để sát phạt nhau cách ốc nhục. Trái lại ở đâu có mặt người lịch sự, ở đó người ta cảm thấy đời tốt đẹp, thích sống hơn. Qua một chỗ hẹp, một thanh niên nhường bước cho một bậc lão thành. Trên xe buýt một đàn ông chẳng những không hút thuốc xông ngợp một bà có bông con mà còn nhường chỗ cho bà ấy ngồi. Trên bàn ăn một bạn có nụ cười bưng đĩa đồ ngon mời bạn mình. Người bạn ngả đầu nói « cảm ơn » Ta đi guốc rũi vấp vào chơn người kế bên. Ta xin lỗi. Người ấy đáp : Thưa không có chi. Tất cả, thưa bạn, các lối xử thế trên làm cho cuộc đời bị gọi là sùng lệ này có phần an ủi vì người ta yên mến nhau nghĩa là còn lý do sống chung nhau.

4) *Đề xây thành công.* Không ai không nhìn nhận choặng thành công, hi quyết lĩnh diệu vào bậc nhứt là gieo thiện cảm. Mà có gì để gây thiện cảm bằng lịch sự. Trong « Rèn Nhân Cách » chúng tôi trình bày kỹ vấn đề này. Ta thử đọc : « Bạn có muốn một bí quyết thần hiệu để

gây ác cảm không ? Đây : vô lễ. Jérôme Coignard nói : Con người là một con khỉ và sự tiến phát của nó là nhốt nó vào chuồng ». Bạn coi cái mà người văn minh gọi là lịch sự như cỏ rác. Bạn sống như những người của thời loài người còn ăn lông ở lỗ. Trong xã hội có lối chào hỏi riêng, có cách ăn mặc, nói chuyện, ngồi bàn, đãi tiệc, tiếp tân riêng. Bạn bất chấp tất cả những thông lệ ấy. Gặp ai chưa kịp kể ấy chào hỏi, bạn vỗ vai, nói tía lía. Quần áo của bạn, bạn không may theo thời trang mà may với kiểu quá lạ. Rồi lại dùng không kể gì sạch sẽ. Thấy đồ phục sức của bạn, người ta có cảm tưởng thấy đồ chùi mâm, lau ghế ở những hiệu ăn khách chú. Khi nói chuyện nếu không ngậm cảm đề tỏ ra lú khù thì bạn cướp lời kẻ khác và nói như thác. Lúc ngồi bàn với kẻ khác, bạn không nhường nhịn, ăn kêu chách chách phun xương tứ phía, húp canh xúp nghe rột rẹt và ợ liên miên. Tiếp đãi những khách lịch sự mà bạn coi họ như thất giáo, bạc đãi họ, lãnh đạm với họ và dọn các thực phẩm không theo một thứ tự nào hợp lý cả. Trong khi cần rước khách, bạn cũng vụng về. Khách vô nhà hai ba tiếng đồng hồ mà bạn không chỉ nhà tắm, nhà tiêu, không mời thay đổi quần áo, giày, không « thí » cho một ly nước... Đứng trong xã hội nếu bạn ăn ở như vậy chắc chắn sẽ có nhiều kẻ thù». (H.X.V. Rèn Nhân Cách trang 342-343). Gây thù mà làm sao thành công. Tâm lý loài người phần lớn là tâm lý vụ lợi. Hãy nói ngay ta. Ta tự nhiên muốn kẻ khác quý trọng mình, lễ phép trả lời những nhu cầu của mình. Ai làm y như vậy ta thích. Mà ta thích ai thì ta cũng muốn giúp đỡ người đó. Người đó có thể nhà ta cộng tác để mưu thành công. Ta vậy. Thiên hạ cổ kim đều vậy. Người lễ độ tự nhiên khả ái. Người lễ độ tự nhiên có uy tín. Người lễ độ tự nhiên -đời

cuốn tha nhân. Khả ái, uy tín, hấp dẫn là ba yếu tố quyết định một phần lớn bất cứ thành công lương thiện nào.

5) *Đề có bạn thân.* Theo Kinh thánh có được một bạn tốt là có kho vàng. Ai ở đời muốn mưu việc lớn đều nhận tình tâm giao là bạn thiết. Nhưng thứ bông hoa khó trồng này chỉ có thể lớn lên giữa những tâm hồn đức độ và lễ độ. Nhờ đạo hạnh người ta yêu nhau thật và nhờ lịch sự người ta cư xử với nhau đẹp lòng. Tình tâm giao ngày càng vững chắc. Nhờ khí hậu lễ độ người ta thân mật bàn tâm sự với nhau, tính việc lớn với nhau, trao đổi quan niệm cùng nhau cách tri thức và êm dịu,

6) *Tăng cường ý chí.* Ai đã từng lịch sự đã biết mỗi lần tránh điều gì hay phải làm điều gì cho tha nhân không bất mãn, được hài lòng là mỗi lần mình nghe cực, chịu khó. Mà theo tánh tự nhiên ai không ngại khó. Một tâm hồn cố gắng chế ngự tình dục xấu lắm mới lịch sự dễ dàng. Ý chí mà được nuôi dưỡng luôn bằng những cố gắng như vậy tất dần dần đánh thép. Nó là bùa vạn năng của ai muốn làm nên trên đời.

4. — Thực hiện đức lễ độ

Chúng tôi nhấn mạnh ở đây không bàn lễ độ của kẻ giả hình dùng đường mặt của môi mép để mê hoặc kẻ

non tri hầu lạm dụng, gây ích lợi riêng cho mình. Thứ người bịp bợm này trong thời đại mà tiền bạc có chỗ được coi như Thượng Đế, ở lên lời trong mọi giai cấp. Tật giả dối có thể là bệnh của cá nhân hay gia-đình có thể là bệnh của miền xứ nữa. Nó cũng có thể là bệnh ở ngay trong căn tạng của người đạo hạnh, người muốn thành thực. Điều này lạ. Kẻ lịch sự để gạt người kiếm lợi là đáng kết án rồi. Có kẻ rất tốt bụng, không muốn

gạt ai, sống đời luân lý thành thật đạo hạnh lắm. Nhưng trong lời ăn, lối mặc, lối đi đứng, nói năng, hành động của họ có cái gì lịch sự lắm, đặc nhân tâm ra vẻ lắm, mà cũng giả dối lắm. Người giàu lương tri và tế nhị khổ chịu với lối xử trí của họ và « nghe mệt » cho những cố gắng bấp bới đời của họ. Ở đây chúng tôi không bàn thứ lịch sự con buôn đó. Nó là thứ lịch sự theo thông lệ dễ bề ngoài khỏi bị ai trách. Người cao thượng cũng như kẻ đề mặt, ai cũng làm được. Chúng tôi muốn bàn sự thực hiện lịch sự căn cứ trên bác ái. Nói rộng, lịch sự phải hiểu là tư cách làm người. Foulquié định nghĩa « tư cách là ăn ở xứng hợp lý tưởng luân lý ». Định nghĩa này chí lý. Người có tư cách hay lễ độ ý thức chân giá trị của cá nhân mình và chân giá trị của tha nhân. Chân giá trị đó không dựa trên chức quyền, tiền của, sức mạnh mà căn cứ trên trí tuệ ý chí, tình cảm cao thượng. Người có tư cách hay lễ độ là người nỗ lực thực hiện lý tưởng con người tức là nhân cách, bằng tự chủ. Họ không để tâm hồn hay ngoại thân sống phóng túng trong gọng kềm của tình dục. Họ chế ngự những gì tổn thương nhân phẩm của mình và của kẻ khác. Họ nỗ lực dẫn tánh ưa dễ, ngại khó để làm gì khiến nhân cách phát triển trong họ và trong tha nhân.

Cả hai việc ý thức nhân phẩm và làm chủ tình dục là những tác-vi căn bản của đời sống luân lý. Vì đó người có lễ độ hay tư cách chính thực là người đạo hạnh. Họ cũng giữ đúng những lễ lối xử thế bên ngoài mà xã-hội đòi buộc. Nhưng họ không « ngừng » ở đó để thành một cái máy hay một người giả hình. Họ đi sâu hơn tức là đề ý thực hiện đức bác ái.

Đó thừa hạn khi cư xử lịch sự, ta phải cư xử trong

tinh thần đó. Nếu làm nghịch lại, sự lễ độ sau cùng chỉ đem lại cho ta sự nghi kỵ, bị khinh rẻ bị xa tránh. Có người nói quá thân nhau cần gì lễ độ. Điều này phải dè dặt. Vẫn biết giữa người thân nhau quá mà ra vẻ khách sáo, chào hỏi, mời mọc, xin lỗi phải, nói năng hành động lằng xằng quá coi kỳ. Nó làm giảm thân tình nữa. Tuy nhiên coi chừng ngạn ngữ này của người pháp đôi khi có ý nghĩa : « Sự quá thân sinh ra sự khinh dễ ». Phải cao thượng lắm, khi ở chung với nhau, người ta mới có thể tha thứ cho nhau những khuyết điểm. Những tâm hồn cao thượng đâu phải dễ có. Thành ra thân mật mà thiếu dè dặt dễ đi đến chỗ như đánh đá, nói chơi, hò hét thường làm cho người ta sân si nhau, bất mãn nhau. Nhiều lần giận nhau coi chừng không khó chia tay nhau khi bát nước tự ái quá đầy.

5. — Phương thế luyện

đức lễ độ.

Ta chỉ xét vài phương thế chánh.

1) *Tự kỷ ám thị.* Trong đời sống tu đức, phương thế này có

thể gọi là phương thế « dứt đầu cũng lợt ». Hãy cứ lễ độ tin tưởng mình là lễ độ, luôn bảo mình phải lễ độ, sau cùng người ta thành lễ độ thật. Có thể phương thế này rất quan hệ vì chỉ biết lễ độ là cần chưa chắc người ta cư xử lịch sự. Có biết bao người học cao mà mê ăn, hẹn không đúng giờ, có biết bao kẻ làm lớn mà nói láo, thô lỗ, trào phúng sái mùa, mỉa mai. Quả thực học thực và đức độ nhiều khi không « để huê » với nhau cho lắm.

2) *Nuôi lý tưởng làm người và bác ái.* Lễ độ với kẻ khác chỉ là sự thể hiện ý thức muốn làm người cho ra người và đức bác ái đối với đồng loại thôi. Giá trị của các khuôn phép hay công thức lịch sự xây giá trị trên nguyên tắc đó. Nếu không vậy, lễ độ có nghĩa là coi thiên hạ khờ

hơn mình, là đường mặt giết ruồi, là vượt ve đề trực lợi, là giả hàm đề qua đường, là tổn giờ đề gây ác cảm.

3) *Chế ngự tình dục.* Tình dục của ta tự nhiên hướng về sự dễ dàng, sự sung sướng ích kỷ. Mà lễ độ là phục vụ tha nhân. Vậy cho dạng lễ độ ta phải làm chủ tình dục của mình để làm đẹp lòng kẻ khác. Điều này khó. Khi gặp vận may, có lợi, được tin vui, khỏe trong mình, ta lịch sự dễ dàng lắm, nhưng khi lòng ta nghe nặng mệt, gặp những cảnh chiều thu, ta không còn dễ dàng tiếp giao kẻ khác với lịch sự đâu. Phải can đảm lắm mới trọng đãi người được.

4) *Chế ngự ngũ quan.* Ta hay lỗi đức lễ độ, bán rẻ tư cách bằng ngũ quan. Việc riêng của người ta, ta ngó. Ai viết gì ta ghé mắt nhìn. Thơ của ai không biết, hễ bắt gặp, liệu mở không ai thấy, thì ta không từ. Những khuyết điểm của kẻ xung quanh ta nhìn lom lom khiến người ta ngượng. Nhiều khi ta ý quyền làm lớn cai trị hay giáo dục để mất vào những việc tư riêng của cá nhân, gia đình mà xét đúng lý ở ngoài quyền hạn của ta. Gặp bè bạn đọc sách báo hay làm những việc gì riêng tư ta coi lên. Đi ngang phòng tư thiên hạ, ta ngó vào cách tọc mạch. Lên bàn ăn, ta không coi nổi coi hương. Hết ăn món cao lương ta uống vật mắc tiền. Cách ta ăn, nói lên con người vật chạp, hớp tớp, đam mê. Không kính trên nhường dưới ta ăn một mình một chợ.

Ta mất lễ độ nhiều nhất trong lời nói. Kẻ dưới đối với người trên thường rất giàu tự ái và tự ty. Thế mà khi họ chào ta, ta làm ngơ không chào lại hay tỏ vẻ kiêu hãnh. Đối với cha mẹ nhiều khi ta tưởng mình tân tiến, học cao, lanh lợi nên hễ cha mẹ nói ra điều gì nghịch ý ta cãi xướt tỏ vẻ khôn con. Thầy giáo lỡ lầm, ta hống hách mỉa mai, chỉ trích. Trưa tối hai bên phố người ta ăn nghỉ, to tiếng

la ồn, nhậu rượu, uống trà gào thét như giữa chốn rừng hoang. Ý chỗ thân ta nói chơi, nói móc lò, nói hồn bằng những lời cao ráo. Ta hay hỏi những chuyện làm kẻ khác ngại trả lời.

Nhiều câu chuyện tư riêng, trong lãnh vực làm ăn hay tình ái của kẻ khác ta lóng tai nghe. Có khi không có ý nghe, ta đứng gần phòng tư của kẻ bàn chuyện riêng, không muốn nhiều người biết.

Chỗ cần sự tỉnh lặng, nghiêm trang, trước người lớn tuổi hay quyền chức, ta không kỹ lưỡng, nháy mũi để vô tình hay hữu ý gây ồn ào, làm người ta gờm.

Ta hãy dùng tay chân làm chứng cử động chương mắt tỏ ra tâm hồn thô bạo. Ta xô đẩy, thoi đá, đấm cú. Ta nháy nhót, đá đập. Tất cả làm người xung quanh cho ta là người mất dạy.

Nỗ lực tránh hết những khuyết điểm trên và những khuyết điểm khác giống như vậy là ta đã tiến sâu vào lễ độ.

. . .

6 - DANH NGÔN

1) Quân tử hữu dũng nhi vô lễ vi loạn, tiểu nhân hữu dũng nhi vô lễ vi đạo : Quân tử mạnh mà vô lễ thì loạn, tiểu nhân mạnh mà vô lễ thì ăn trộm.

Không-Tử

2) Lịch sự là trong cuộc giao tiếp với kẻ khác sống cách nào đúng và chạm họ mà làm họ đẹp lòng.

P. Foulquié

3) Lịch sự làm hiện lộ con người ra bên ngoài cũng như họ phải sống bên trong.

La Bruyère

4) Đức lịch sự thực hiện chu đáo là dấu hiệu của một tâm hồn chân chính văn minh và là dấu nhót cho guồng máy xã giao được êm dịu,

Waterstone

5) Lịch sự là bông hoa của nhơn loại và ai không lịch sự đủ thì không người đủ.

Joseph Joubert

7 - TỰ ÁM THỊ

Tôi thấy con người tôi « người » hơn mỗi lần tôi xử đối lịch sự với bất cứ ai.

CHƯƠNG XXVII

ĐỨC TẾ NHỊ

« Có thể nói một lời nói êm dịu, một cái liếc, một cái chớp mắt, một nét nhăn trên trán, một cử động của tay hay không có cái gì cả, chỉ thỉnh thoảng thôi, nói lên điều cần nói cách hùng biện gấp trăm những luận thuyết tràng giang đại hải ».

Waterstone

I.— ĐẠI YẾU

- 1— Cụt một tay
- 2— Đức tế nhị là gì ?
- 3— Tật nghịch đức tế nhị
- 4— Ích lợi của đức tế nhị
- 6— Phương thức luyện đức tế nhị

1 Cụt một tay.

Ngày nọ Tử Hoa Tử yết kiến Ngụy vương là Chiêu Hy, thấy vua lo sầu, hỏi : Tâu bệ hạ nếu bây giờ các nước đồng ý đặt ra câu này để trước mặt bệ hạ : « Tay trái gồm thân thiên hạ thì cụt tay mặt, tay mặt gồm thân thiên hạ thì cụt tay trái » bệ hạ có làm theo không ?

Chiêu Hy nghe ngờ ngác đáp : « Vậy thì trăm gồm thân thiên hạ làm gì ? ».

Tử Hoa Tử đắc ý tâu : Bệ hạ nói đúng. Thì ra tay ta trọng hơn thiên hạ. Dĩ nhiên thân ta trọng gấp mấy tay. Nó tất phải được trọng biết bao nữa. Hàn quốc sánh với thiên hạ có nghĩa gì. Địa điểm mà bệ hạ định chiếm so với nước Hàn cũng không đáng kể chi. Vậy sao vì một chút đất mà bệ hạ phải ưu sầu ăn ngủ không được ?

Nguy vương nghe thẩm ý nói : « Ta chưa từng được ai cho những lời chỉ bảo hữu ý như vậy ». Bạn thấy không đức tế nhị nổi bật trong câu chuyện này của Trang Tử ?

Tử Hoa Tử muốn nói chuyện quan trọng. Nói thẳng, nói cách thô cộc : đó là việc làm của kẻ nông nổi. Không dám nói, nói giọng a dua đó là việc làm của kẻ khiếp nhược. Quân tử như Tử Hoa Tử không làm, ông có tâm hồn tế nhị, biết trọng lòng tự ái tha nhân, trọng mà vẫn nói chân lý, những chân lý cần nói. Ông thuyết phục thành công.

2 — Đức tế nhị là gì ? Tế nhị là đức luân lý của người có tâm hồn già dặn, sống kỹ đời sống, cân đo từng tình ý, lời nói việc làm, cử chỉ và khéo tùy người, tùy việc, tùy nơi lúc để xử thế bất thiệp, để mưu thành công.

1) *Tế nhị là một môn đức.* Trong xã hội, ta thấy có những người vụt chạc khi phán đoán, có bộ mặt vụt vất có lối ăn nói nông cạn, thái độ rườm rà. Ta cũng gặp thứ người nghịch lại là hay ưu tư, chật hẹp khi phán đoán, xét nét từng khuyết điểm của kẻ khác quá giàu tự ái, nhạy cảm đến nỗi tưởng ai cũng ghét mình và họ không mấy thích ai. Cả hai hạng người này đều lỗi đức tế nhị : hạng trên là hạng người xộp, hạng dưới là hạng người xét nét. Hạng trên thì bị khinh bỉ còn hạng dưới bị xa tránh. Đức tế

nhị căn cứ trên đức bác ái, nên người tế nhị khoan dung với tha nhân nhưng nhứt định không để cho thiên hạ « ăn qua » mình mà mình không biết.

2) *Đức của tâm hồn già dặn.* Người non nớt thường là người có đầu óc trẻ, trẻ hiểu theo nghĩa nông nổi, biết một mà không biết mười. Có thể một kẻ đầu hai thứ tóc, gần xuống lỗ vẫn có óc ấu trĩ. Tâm hồn nông cạn không thể, hay nói đúng hơn, không chịu thấy cái thuận trong cái nghịch, không biết ngu một tắc để khôn một dặm, không biết phòng xa, ngó bốn bên để tiến. Họ là hạng người ham cái vĩ đề rồi mất cái mầm. Người tế nhị coi tánh của họ như quân thù bất cộng đái thiên. Trước khi nói, làm, đức tế nhị bắt họ suy nghĩ chu đáo, cân đo lợi hại. Họ kiêng kỵ dục tốc, cầu thả vì đó, đời họ tránh được nhiều hối tiếc.

3) *Cân đo tình ý, lời nói, việc làm, cử chỉ.* Đó là công việc chính yếu của người tế nhị. Họ không để trí tuệ bị tình dục công bầm. Ý chí được họ lợi dụng tấn công các xung động, các cảm xúc các tập quán xấu. Tâm hồn họ chỉ tiếp nhận những tình cảm cao thượng, những tư tưởng lành mạnh. Những tình ý này được diễn lộ trong lời nói hợp lúc, hợp nơi, hợp người. Ba tắc lưỡi của họ được cầm cương theo sự chỉ huy của ý chí mà trí tuệ soi sáng. Người ta nói họ là kẻ cân lời nói như cân vàng và lời nói là bí quyết họ khéo dùng để thủ tâm. Đến việc làm và cử chỉ, họ lại gấp trăm lần thận trọng. Chương trình được họ hoạch định tỷ mỉ. Các phương tiện họ chuẩn bị chu đáo cũng như các trở ngại họ có đủ biện pháp đề phòng.

4) *Con người bất thiệp thành công.* Bí quyết để bất thiệp và thành công và kỹ lưỡng xử dụng lời nói, khôn ngoan hành

động. Mà người tế nhị có đủ những điều kiện này. Như trên đã biết, họ cân đo tính ý, ngẫm nghĩ, hành vi. Nhờ đó, họ tránh được những quá lỗ, sai lạc, thường là những nguyên nhân làm kẻ xung quanh ghét và cũng là những duyên do gây thất bại.

3) *Tật nghịch đức tế nhị.* Trước khi bàn sự cần thiết của đức tế nhị, ta thử xét sơ tật nghịch nó mà người ta hay gọi là tánh nông nổi.

a) *Người nông nổi nghèo đời sống nội tâm.* Họ tự nhiên và không có thói quen suy nghĩ sâu xa. Đầu óc họ như đặc lại trước những vấn đề cần nhiều tư tưởng, nghiên cứu mọi mặt. Những ý lạ, ý độc đáo ít đến với họ. Có kẻ trong mang tật bất chước, những lối suy luận cũ rích của người mà kẻ ấy thần phục. Đó là nói cuộc sinh hoạt trí tuệ của họ, còn vấn đề nghị lực thì thôi: Họ thường là kẻ bạc nhược. Trong họ là sức mạnh của tình dục. Ý chí bị cưỡng hiếp. Họ dục tốc rồi đổi ý, rồi ao ước (ao ước chứ không phải muốn) rồi đổi ý nữa. Xét kỹ đời sống tinh thần của họ, người ta thấy họ thiếu thính lặng trong tâm hồn. Thính lặng không có dĩ nhiên các ý tưởng lành mạnh sâu sắc cũng khó phát sinh. Họ ưa hoạt động với xã hội hơn sống một mình.

b) *Náo động hơn là hoạt động hữu hiệu.* Người có đầu óc xộp xộp như vông, thích giao tiếp với đông người, ưa làm những việc cần sức mạnh của tay chơn. Nhưng bởi non tinh thần, nên họ là một bạo lực, có khi là cuồng lực, làm việc ít suy trước tính sau. Thành thử, như thuyền mất lái trên biển sóng. Họ là thứ người náo động hơn là người đắc lực. Thay vì tiến đến giàu sang, mưu ích cho mình hay cho kẻ thuộc về mình, họ mất vốn, gây nợ, phá sản, nản lòng.

c) *Tướng diện, ngôn ngữ, cử bộ nói lên lòng trống rỗng.*

Cho kẻ sành tâm lý thực dụng, người nông nổi hiện lộ một con người có tướng diện « xộp ». Điều này khó diễn tả. Có cái gì trong cặp mắt họ, trên vành môi lúc họ đang nói, trong nụ cười của họ làm cho họ không giấu được sự nông cạn về tâm chí của mình. Nhất là khi họ nói năng, ra điệu bộ như múa tay, múa chơn cũng như khi họ đi đứng. Trong tất cả những thứ ấy, có cái gì lụp chụp, hộp tộp, vụt chạc, cầu thả, quá lố, lố bịch có khi táo xược nữa.

d) Lối phục sức tổ cáo con người non trí. Khi bị ám ảnh bởi tinh thần đạo đức giả, họ ăn mặc quề mùa, nghịch thời trang. Tướng diện của họ vì đó trở nên kỳ dị. Khi nô lệ những thay đổi chớp nhoáng của thời trang họ ăn mặc mới mẻ đến quá lố. Bất kể lương tri, họ ăn mặc hay hót tóc, uốn tóc theo những kiểu làm cho ngoại thân họ ra vẻ quá lạ. Tội nghiệp là họ không nhận được sự quái lạ ấy và cho là hợp lý, là hơn người.

4 — Cần thiết của đức tế nhị.

Bất cứ ai cũng cần đức tế nhị nhưng không phải ai cũng nhận thức tính chất cần thiết của nó. Điều này không lạ gì

Cho dạng nhận thức tế nhị thì phải tế nhị đã. Mà con người phần đông có xu hướng trốn đời sống nội tâm, ưa nhận xét ăn phốt ngoài da, làm nô lệ dục vọng, khum đầu dưới áp lực của dư luận, của in trí, của lời đua nịnh. Vì những lẽ đó, đức tế nhị được nhận là quý báu bởi kẻ nào sâu sắc thôi. Ta thử đào sâu tâm hồn coi tại sao cần phải tế nhị nếu muốn nên người có giá trị.

2) Phát tế nhị mới có tư tưởng sâu sắc, tình cảm cao thượng. Kiểm điểm sự sinh hoạt tâm linh, ta thấy những ý cao, những tình đẹp hay bị che khuất bởi những tư tưởng hắc ám, những dục tình xấu. Tế nhị là ta trấn tĩnh tâm

hồn, coi ý nào phải, quấy, tính nào xấu đẹp. Tiêu chuẩn ta nhắm là chân lý, là lương tri, là lý tưởng của con người. Ta không hấp tấp chọn quàng các tính ý khi cơn lốc tình dục, thành kiến, dư luận nào động trong tâm hồn ta.

2) *Phải tế nhị mới nên người bất thiệp.* Có nhiều người chưa lường gạt ta nhưng khi nói chuyện với ta họ nói mâu thuẫn, họ đại ngôn, họ thiếu thành thực trong lời nói, trong cái liếc, cái chớp mắt hay trong cử chỉ nào đó, ta có thể đoán được người ấy thuộc dòng giống cáo già: sớm muộn họ cũng lường gạt ta. Một người thuộc thượng cấp muốn thôi tiếp ta, họ coi đồng hồ, sửa cà vạt, trở mình, lấy giấy tờ riêng để coi. Ta phải lo rút lui ngay.

Một nét gương, một nụ cười gương trên gương mặt kẻ nói chuyện với ta báo cho ta biết họ bị chạm tự ái, mắc cỡ. Ta phải « đổi lèo » cho câu chuyện sang vấn đề khác.

Báo tin người con bị một xe cán chết cho một bà mẹ hấp hối trên tử sàng ta phải báo cách nào cho đừng sau thời gian ta báo bà mẹ chết giấc hay qui tiên luôn.

Trong xã hội nhiều người nông cạn ưa những câu chuyện qua đường. Nhưng không ít người ghét tánh « ba xạo », gồm các chuyện tầm phào, thích những câu chuyện cần đào sâu tâm hồn.

Cho đăng thành công hết các câu chuyện trên, như định phải nhờ đức tế nhị. Nên nhớ tế nhị trong câu chuyện có khi không cần nói nhiều hay hoạt bát. Lắm lúc người ta không nói gì hết, chỉ ngó nhau thôi, chỉ từ, thưa vâng, mà đã nói rất nhiều. Không có gì thú vị cho bằng được đàm thoại với một người tế nhị : Họ là kẻ bất thiệp vào bực thầy.

5. — Phương pháp luyện đức tế nhị.

Có hai thứ phương thế : tiêu cực và tích cực.

A) Tiêu cực. a) *Tránh tật dục* tức. Dục tức thường bắt đặt :

người xưa đã nói chí lý. Chế ngự các dục vọng, thành kiến, dư luận, in trí, phán đoán.

b) *Đừng đa ngôn*. Đa ngôn đa quá : người xưa nói chí lý nữa. Lúc nói nhiều ta kiểm soát tư tưởng, tâm tình không kịp nên ta dễ lổi lầm, dễ chạm tự ái kẻ khác, hay bị lường gạt

c) *Không có cử chỉ hổp lổp*, Sự vụt chạc, liếng thoảng bán rẽ nhân cách.

B) Tích cực. a) *Cương quyết thình lặng*. Thình lặng trong tâm hồn cũng như ngoại thân. Càng thình lặng càng giàu khí lực, càng dễ trầm tư càng ạn nói ít sai lầm, có uy tín. càng hành động đắc lực.

b) *Tập suy luận*. Học trong luận lý học hành thức, những cách suy luận để diễn lộ tư tưởng mạch lạc, chắc chắn.

c) *Ấn nói phát chứng*. Tránh tất cả quyết, phán đoán tuyệt đối. Nói điều gì nói với dè dặt, rào đón kín đáo trước sau.

d) *Nghiên cứu tâm lý học và diện tướng học*. Hai môn này có thể giúp ta hiểu tâm hồn và diện tướng của kẻ giao tiếp với ta một phần nào để ta tùy người, tùy khi, tùy nơi mà xử đối.

đ) *Đọc những gương danh nhân*. Khi kẻ cầm quyền và kẻ thù bắt hại Chúa Giêsu, lăm lức ai hỏi điều gì người làm thình. Ôi sự thình lặng tế nhị. Khi hỏi người có phải con Thượng đế không. Người không thình lặng nữa mà cũng

không đa ngôn. Người chỉ nói : Phải. Ồi lời nói tế nhị : Người là bầy giảm cho muôn người đức tế nhị vậy.

g) *Học tế nhị ở những người đồng thời*; Thường tìm những bậc lão thành, già kinh nghiệm. Ta thấy họ ít nói mà nói như đinh đóng, nói như muốn tạc trong tâm hồn. Hãy học ở họ sự trầm tĩnh tế nhị cần thiết để ta tránh các thất bại gây bởi tuổi trẻ chưa từng trải việc đời.

6 — DANH NGÔN

- 1) Không nên khinh mặt nhưng phải biết coi thường.

Ngạn ngữ Pháp

- 2) Tự căng giả bất thường : Tự khoe là chẳng giỏi.

Lão Tử

- 3) Những ngày mà chúng ta sống là bi thảm và hệ trọng. Chúng ta đừng dùng chúng với những tâm hồn tầm thường.

Cono

- 4) Tế nhị là đức kỷ lượng trong tư tưởng ước vọng, ngôn ngữ, việc làm, cử chỉ và thái độ.

Feurzinger

- 5) Qua diễn bất nạp lý, lý hạ bất chính quan : Ở ruộng dưa chẳng xỏ giày, dưới cây mận không sửa nón.

Thái Công

7 — TỰ ÁM THỊ

Tôi biết người quá xét nét không có bạn, nhưng tôi vẫn tin kẻ quá « xộp » hay gây ác cảm, dễ thất bại. Trong cuộc xã giao tôi là người tế nhị.

CHƯƠNG XXVIII

ĐỨC KHIÊM TỐN

*Một tác vi khiêm tốn vô giá trị
hơn cả khoa học của loài người.*

Thánh Tê-rê-sa

*Di-nhiên vật giả cường : xử
với người cách khiêm là anh
dũng.*

Sách Cảnh Hoàng Lục

ĐẠI YẾU

- 1) Cây sên và cây sậy
- 2) Đức khiêm tốn là gì ?
- 3) Tật ngịch đức khiêm tốn
- 4) Ác tính của kêu ngạo
- 5) Cần thiết khiêm tốn
- 6) Phương thế luyện đức khiêm tốn.

1. — Cây sên và cây sậy.

Đề ca tụng đức khiêm tốn và
đả kích tật kiêu căng. La Fon-
taine viết chuyện biến ngôn
lý thú : Chuyện cây sên và

cây sậy. Ngày nọ sên ra về thấy đời nói với sậy : Chú mày
có lý mà trách trời đất lắm. Một con chim non, một làn
gió cũng có thể làm chú mày mọp đầu. Còn coi đầu tao
đây, y như núi Caucase, chặn ánh sáng mặt trời đã chưa
thỏa mãn lại đấu lực với cuồng phong. Bão tố tao coi là
làn gió heo may. Giá chú mày mọc dưới nách tao thì thân
phận đầu đều nổi long đong : Mà khổ quá ! Mày cứ mọc

những miền đưa lưng cho gió. Tao thấy trời đất coi bộ bất công đối với chú mày. Sậy khiêm nhu đáp : Bác giàu lòng nhân, thường nghĩ đến số kiếp cháu. Nhưng thôi ! Bác đừng bận tâm lắm. Cháu cũng không sợ gió bao nhiêu. Cháu mọc đầu nhưng thân không gãy. Từ lâu đối đầu với phong ba, bác vững như tròng. Nhưng đề coi sau cùng ra sao. Sậy vừa dứt lời cuồng phong đầu từ nam bắc nổi dậy khéo đến kinh hoàng như địa chấn. Sên đứng thí gan. Sậy nằm rạp. Gió gào thét, cuồng bạo khất khe đến đổi thổi tróc góc sên, một cổ thụ mà đầu chọc trời còn rể thọt âm phủ.

Trong xã hội có biết bao người như cây sên. Họ ỷ sức khỏe, tiền tài, thế lực. Sau cùng vấp ngã, họ là trò cười cho muôn thuở. Chung qui tại họ thiếu đức khiêm nhu, một đức cột trụ của tòa nhà luân lý.

2 — Đức khiêm tốn là gì ?

Khiêm tốn là đức luân lý khiến ta tự biết giá trị của mình không cậy mình đề quên mất thần lực, khinh rẻ kẻ

khác và làm ta ước muốn sống hèn hạ trước mặt người đời.

1) *Khiêm tốn là nhưn đức* Ai non tính thần không thể hiểu được chân giá trị của khiêm tốn. Họ cho là tính cách của kẻ yếu đuối, đầu hàng khó khăn, thiếu bản lĩnh và tư cách làm người. Kỳ thực khiêm tốn hiểu là nhưn đức không có nghĩa là tự ty, bạc nhược, khuất phục trở ngại và chà đạp nhân cách. Trái lại nó là tính cách của con người công bình và khôn ngoan.

2) *Biết rõ chân giá trị mình.* Người khiêm tốn trước hết là người công bình, họ biết rõ tất cả những gì họ có tự bản chất không thuộc về họ. Họ đâu cho mình quyền ra đời

cũng như đầu thoát khỏi tử thần. Tất cả của họ từ tài ba, đức hạnh đến những tiền của, chức quyền, họ tin chắc là Tạo hóa ban cho họ. Vì quyết tin như vậy, họ có không bất công coi mình là nguyên chủ của hồn xác mà nhìn nhận quyền sở hữu tối thượng của Thượng Đế. Và lại, nhờ khiêm tốn họ ưa chân lý. Bằng cách nội quan họ nhận thấy chân giá trị của họ. Họ biết tài đức họ đến đâu, họ có tật xấu nào, chỗ bất lực nào. Người khiêm tốn quả thực là người khôn ngoan vì họ thi hành câu của Socrate *Bạn hãy biết bạn*. Họ biết mình để học hay chữa đỡ. Biết mình họ dư hiểu là một điều kiện để thành công về chiến sự như một nhà binh pháp Trung hoa đã nói nhưng nó còn là phương thế để tự hoàn thiện về đường tâm đức. Họ tự trị để khéo giữ thế thủ khi xã giao, khi đụng chạm với đời. Trong cuộc vật lộn sống, họ tránh được nhiều vấp ngã mà kẻ kiêu căng thường bị như cơm bữa.

3) *Không quá tự ái đến khinh mình*. Người kiêu căng coi mình là trung tâm điểm của vũ trụ, siêu vượt mọi kẻ trong mọi lãnh vực. Họ thêm khát lời khen. Họ ăn to nói lớn. Họ không chịu nổi lời chê của tha nhân. Họ khó tánh, quạo quọ, khinh người. Tất cả những điều này của kẻ kiêu căng đều nghịch bản tánh người khiêm tốn. Đức khiêm tốn làm cho họ tự trọng mà không tự đại, quý mến mình mà vẫn bác ái. Họ tự coi là tạo vật đầu phục Tạo hóa về mọi mặt và coi đồng loại là những tạo vật anh em có chung một nguyên thủy và một cứu cánh.

4) *Muốn sống hèn hạ trước mặt người đời*. Đây là đặc tánh cao cả nhất của người khiêm tốn. Họ vẫn tự trọng như ta đã biết. Họ nuôi lý tưởng làm người xứng đáng dĩ nhiên rất trọng nhân cách của mình. Nhưng vì có con mắt siêu phàm họ thấy dù họ tài đức đến đâu, trước mặt

Đấng toàn năng họ vẫn là con số không. Họ lấy làm hãnh diện nhận mình là tro bụi đối với sự vĩ đại của Tạo hóa. Họ cũng am hiểu nữa rằng óc phán đoán của người đời thường bị ám ảnh bởi thành kiến, vật dục, dư luận, nên chú trọng bề ngoài, hay sai lạc. Dù được người thế ca tụng đến đâu họ vẫn thấy thiếu. Miệng phàm càng tán dương họ, họ càng thấy nhục nhã. Họ không làm điều gì nghịch nhân cách, nhưng lấy làm thích được mắt thế nhân coi là hèn mạt. Họ anh dũng siêu phàm là đó. Người mê vật chất, quá tin nhân lực, không thể lãnh hội được thái độ xử thế của những người chân chánh khiêm tốn. Một Vincent de Paul, một Thérèse de l'enfant Jésus, thế nhân có kẻ cho là hèn mạt. Nhưng kỳ thực đó là những tâm hồn vì khiêm nhu mà rất cao cả trước mặt đấng phán xét hơn loại căn cứ vào thực tâm và thực đức.

3. -- **Tật nghịch đức khiêm tốn.**

Bạn dư biết tật nào rồi. Đó là kiêu hãnh. Nó khiến con người yêu chuộng mình thái quá, lấy mình làm tối hệ, cho mình là khởi thủy và cứu cánh của mình đến nỗi coi tha nhân không giá trị gì. Tâm tính đó ta đã hiểu, là tâm tính bất công, khờ dại. Ngày xưa Lucifer từ địa vị thiên thần mà vì có thứ tâm tính đó phải bị thương để phạt thành *trùm* quỷ. Hai nhân tố của ta là Adong, Evà cũng những kẻ xây tháp Ba Bêl để chống thủy lực cũng tại vì kiêu hãnh mà bị Thượng đế trừng phạt nặng nề.

Do kiêu hãnh, con người có hàng lối tật xấu khác.

a) *Tham vọng.* Là thứ tâm tính yêu chuộng thái quá danh vọng chức quyền. Lòng tham vọng này xô đẩy con người trong mọi lãnh vực. Tôn giáo, trí thức, chính trị.

Nó không để con người ở yên. Khi chưa được quyền thế, con người cực nhọc tìm, được rồi khổ tâm cũng có, rồi mất thì đau đớn tiếc than.

b) Ham hư danh. Là tâm tính ước muốn thiên hạ ưa thích cách quá đáng. Nó bắt ta cực khổ nỗ lực dư luận, sống theo con mắt người đời. Có khi vì nó ta làm những việc hết sức trẻ con để ăn may lời khen của kẻ xung quanh. Quan sát xã hội, ta thấy nhiều người mất bao nhiêu thời giờ, tiền của, sức khỏe chỉ vì thèm khát sự ưa chuộng, tán dương của thiên hạ. Mà lòng người thì mau thay đổi, có thể mai khen, chiều chửi nên họ phải luôn khổ tâm.

c) Cao vọng. Đây là thứ tham vọng ở trong trình độ cao đẳng. Nó bắt con người mơ ước làm bao nhiêu việc vĩ đại ngoài năng lực của mình để gọi là « cầu danh bất cầu lợi ». Người ta thiếu tự tri, tưởng mình là đa tài, đa đức, khả năng siêu quần. Tật này cũng hay gieo trong tâm địa con người mầm tự đắc đến mù quáng. Về đường luân lý, họ bất cần ai dẫn đạo. Về đường thiêng liêng họ ưa làm những việc đức hạnh cao cả để có tiếng là thánh nhân. Về đường trí thức, họ tự gán cho mình những việc tinh thần phiền toái, khó khăn. Nói tắt họ không lượng khả năng của mình coi tới bực nào mà chỉ ham danh nên thường muốn ôm trời.

d) Khoe khoang. Người kiêu căng là người quảng cáo cho thiên hạ biết họ có tài đức, quyền thế, giàu sang. Họ muốn muôn cặp mắt đều chú ý nhìn từng lời nói, cử chỉ, thái độ của họ. Chúng ta thường gặp những kẻ khi nói, khi đi, khi đứng hay làm « điệu » để gây sự chú ý và ăn may lời khen.

c) *Giá hình*. Molière đã lôi tất này lên sân khấu để sửa chữa bằng cách ngạo nghệ. Con người Tartuffe là con người điển hình. Ở thời nào cũng có thứ người giả hình ấy. Họ muốn lóa mắt thiên hạ bằng lối sống giả đạo hạnh của mình. Người ta thấy họ có diện tượng « chu chu chăm chăm » hiền lương như chiên mà lòng dạ ác độc khinh người. Chúa Giêsu đã kích nặng đồng giống của họ là Pharisai. Chúa mắng bọn này là rắn độc, là mả tố vôi. Người mình nói họ miệng nam mô mà bụng một bồ dao găm.

4. — Ác tính của kiêu ngạo

Tất kiêu ngạo xấu tự bản chất. Theo Thánh Tôma, nó khiến con người cướp quyền sở hữu của Thượng đế, nhận

xét này chỉ lý. Người kiêu hãnh hành động phi Thượng đế, nhằm quyền lợi ích kỷ bất kể thần lực, chạy theo các hạnh phúc vật chất, quên Thượng đế là cứu cánh. Kiêu ngạo còn xấu ở chỗ nó là mẹ bao nhiêu quái tật. Về đường thiêng liêng nó ngăn trở ân sủng, nó ly cách tâm hồn ta với thượng đế. Về mặt luân lý, nó phá hoại các mầm móng nhưn đức đối kỷ cũng như đối xã. Trong lãnh vực văn hóa, người càng kiêu hãnh càng ngu dốt. Có bao giờ nước mưa đọng vững trên đất khô. Cũng thế ấy có ai muốn chỉ giáo những con người tự cho mình « biết hết ». Trên đường xã giao kẻ kiêu căng bị mọi hạng người xa lánh. Bởi lẽ là người kiêu căng gặp ai cũng ngạo nghệ, trào phúng và lên mặt thầy đời.

5. — Giá trị của đức khiêm tốn

1) Nó là nền tảng các nhưn đức. Tanquerey nói : « Nếu nó không phải là mẹ các nhưn đức thì ít ra là vú nuôi chúng ».

Ta có tự nhận mình yếu đuối mới nhờ Thượng đế tăng cường dũng lực. Có chớ mình ngu dốt mới tìm hiểu, học hỏi người kinh nghiệm.. Mà đó là khôn ngoan. Còn đức công bình thì hàm súc đức khiêm tốn vì khiêm tốn là chân giá trị của mình, nhu nhận quyền lực Tạo hóa và giá trị kẻ khác. Đức tiết độ đòi buộc lòng khiêm tốn mới dễ được thực hiện. Người muốn cứ ăn mà cứ quá tin năng lực chịu ăn của mình, để cao lương mỹ vị gần miệng thì sớm muộn cũng ăn, có thể ăn quá độ nữa.

Với ngàn ấy ví dụ, ta có thể nói khiêm tốn là đức có giá trị cao cả vì nó làm cho tòa nhà luân lý con người vững chắc.

6 — Phương thế luyện đức khiêm tốn

Thánh Bê-nê-đi-tô có vạch 12 trình độ khiêm nhường để các tu sĩ của Ngài thực hành tu luyện tâm hồn. Ta có thể dùng những lời chỉ giáo của thánh nhân để dùng như bí quyết luyện nhưn đức vàng ngọc này.

1) *Sợ Thượng Đế.* Nhận Người là tối vĩ đại còn ta là hèn vô.

2) *Tuân phục Thượng đế.* Trong đời sống hằng ngày vẫn nỗ lực hoạt động nhưng luôn luôn tuân ý Người vì Người là Đấng quan phòng lo cho ta hơn cả ta lo cho ta.

3) *Tuân phục Thượng cấp.* Ở đây hiểu là cha mẹ, nhà giáo, những nhà cầm quyền đạo, đời chính thức. Vì tình yêu Thượng đế mà ta quý mến, tuân phục họ để quyền lợi của ta và công ích được phát triển.

4) *Tuân phục, nhẫn nại.* Là kiên tâm chịu khó tùy những quyết định của những ý chí đại diện Thượng đế.

5) *Thá lồi.* Đối với những bề trên chính đáng, ta chân

thành chịu lỗi khi phạm lỗi. Ngạn ngữ pháp nói : « Một lỗi thú nhận đã được tha phân nữa.

6) *Làm oặc hèn* : Trừ những việc ác, dù làm lớn đến đâu ta có thể làm những việc nhỏ nhất tỏ ra ta bình dân và có một tâm hồn đơn sơ khả ái.

7) *Nhận mình là hèn dốt*. Bạn còn nhớ danh ngôn này của « *tái khôn* » Đông phương : Thông minh duệ trí thủ chi dĩ ngu. Thái độ đó một mặt trấn áp tánh kiêu ngạo, mặt khác gieo thiện cảm, uy tín. Không thánh Tiên sĩ nào của Chân giáo mà không khiêm tốn.

8) *Tránh tật kỳ dị*. Trong xã hội, có nhiều kẻ ăn nói hay hành động tỏ ra kỳ dị để gây chú ý. Người khiêm tốn gồm các lời nói, tác vi kỳ dị. Họ sống bình thường theo lương tri.

9) *Thình lặng*. Trong « *Thuật nói chuyện* » tôi nói chúng ta nhiều lúc giả hăm vì muốn khoe khoang, muốn quảng cáo tài đức của mình. Tật này là sâu một của khiêm tốn. Người khiêm tốn chỉ nói điều cần nói, cho kẻ cần nghe vào lúc cần nói thôi. Họ không tự ty đâu nhưng không dè dặt cân đo tư tưởng của mình và không bao giờ nô lệ tật đa ngôn.

10) *Cẩn thận cười*. Cười sai mùa, cười lả lơi. Cười phảo nồ. Cười gượng. Cười nhây. Cười vô lễ. Cười hóm hỉnh. Cười hả hê vân vân. Tất cả đều là thù địch của người khiêm tốn. Họ kỵ ư tư, không xử với kẻ giao tiếp với mình bằng bộ mặt thiên sầu địa thảm. Họ rất vui tươi. Nhưng cái cười của họ nói lên lòng thánh thiện, hân hoan. Họ cẩn thận từng nét cười để gieo thiện cảm và hy vọng cho nhân tâm.

11) *Cẩn thận nói*. Ở trên bạn biết người khiêm tốn ưa thình lặng. Còn đến lúc họ nói thì sao. Họ tránh các lời

nói đĩnh đạc, quá lối, kiêu cách, trịnh trọng, ra giọng thầy đời. Người ta thấy trong lời nói của họ tất cả sự khôn ngoan từ tư tưởng đến hình thức.

12) *Cần thận phong độ.* Từ lối nằm, ngồi, đứng đi đến các cách xây trở thân mình, người khiêm tốn vừa tránh sự yếu điệu bạc nhược vừa đề phòng sự lả lơi, sơ sài.

Về phương diện thực hiện đức khiêm tốn, ta đề ý khiêm tốn thật là khiêm tốn từ thâm tâm rồi đến ngoại thân. Chỉ khiêm tốn bên ngoài là giả hình. Đức khiêm tốn cũng cho ta nhìn nhận các tài đức của ta. Có điều là ta không tự cho mình là sở hữu chủ tối thượng của chúng. Có kẻ làm tưởng hể khiêm tốn thì luôn yếm tài, ỉn đức Không. Ai khiêm tốn bằng Chúa Giêsu mà Người vẫn khiêm tốn nói « *hãy học cùng ta là Đấng hiền lành và khiêm tốn trong lòng* ».

7 — DANH NGÔN

1) Bạn hãy biết bạn.

Socrate

2) Đầu óc anh đúng nhất là đầu óc biết rõ nhất sự yếu đuối của mình.

Lamennais

3) Quyết định ngu dốt nhiều sự vật là khởi sự thông thái.

F. Brunetière

4) Thông thái nhiều làm cho con người khám phá sự ngu vô bờ bến của mình.

Young

5) Quân tử năng nhu nhi bất nhược, năng cường nhi bất cương, như thủy chi thính dã : người quân tử làm được mềm mà không yếu, làm được mạnh mà không cứng, tánh như nước.

Lão Tử

8 — TỰ ÁM THỊ

Tôi tha thiết yêu đức khiêm tốn vì nhờ nó tâm hồn tôi sẽ trở nhiều bông hoa nhưn đức khác.

CHƯƠNG XXIX

ĐỨC HIỀN DỊU

Sa- éc
May, 2016

« Tôi đã sống nhiều và khi tôi tự hỏi cái gì giúp cho đời tôi nhiều nhất, tôi tự nói : Đó là lòng hiền từ ».

G. Doumergue

I — ĐẠI YẾU

- 1) Ai dùng gươm phải khôn vì gươm
- 2) Định nghĩa đức hiền dịu
- 3) Giá trị đức hiền dịu
- 4) Tật nghịch đức hiền dịu
- 5) Phương thế luyện đức hiền dịu.

1 — Ai dùng gươm phải khôn vì gươm.

Lúc Chúa Giêsu cầu nguyện ở vườn Giết-sê-ma-ni, quân dữ đến bắt Người. Trong bọn gian ác có kẻ tên là

Malchus bị môn đệ niên trưởng của Người là Phêrô dùng gươm chặt đứt một tai. Đức Giêsu trách Phêrô : Ai dùng gươm phải khôn vì gươm. Rồi cũng chính đêm Người bị bắt, Phêrô vì non gan chối Người ba lần. Người dùng cái nhìn âu yếm, hiền dịu cảnh cáo lòng bất trung của Phêrô. Người chỉ nhìn thôi nhưng cái nhìn phát xuất lòng hiền từ của Người khiến Phêrô khóc sụt sùi một đê hồi lỗi. Phêrô về sau làm đại thánh.

Thái độ của Đức Giêsu là thái độ gương mẫu cho loài người về mặt xử thế. Bên Đông cũng nhận chân giá trị của đức hiền dụ, Bảo Tử nói : Nhu thắng cương, nhược thắng cường.

Dưới đây ta thử cứu xét bản chất, giá trị đức hiền dụ cùng những phương thế luyện tập nó.

2. — Đức hiền dụ là gì ?

Hiền dụ là một hình thức
đưa bác ái giúp ta chế ngự
lòng hung ác, tánh nóng nảy
để xử đối hiền dụ với người

xấu tánh cũng như đối với kẻ tử tế với ta.

1) Là một nhân đức. Hiền dụ không có nghĩa là bạc nhược, nhát đảm, dẫu hàng khi bị tha nhân ăn hiếp, lấn lướt. Mà là vì thương người, kính trọng nhân vị kẻ đồng loại nên chế ngự tánh hung dữ để xử đối êm dịu xứng đáng kiểu cách án ở giữa người và người. Nếu không có lòng kiềm ái, người ta không thể cư xử hiền dụ cách thành thật. Có thể người ta giả bộ hiền dụ để gọi là « giả đại qua ái » rồi sau trả thù. Trong nhiều trường hợp thiếu lòng nhân người ta vẫn hiền dụ mà hiền dụ vì bất lực, ngu xuẩn, không bản lĩnh. Người hiền dụ chân chính đủ năng lực trả thù bằng mọi phương thế. Nhưng dù phải dùng biện pháp cứng như pháp lý võ lực, họ vẫn có thái độ thanh nhã tỏ ra tâm hồn vị tha, cao thượng. Những người thiếu sâu sắc tưởng hễ ai hung bạo móc của mình một con mắt, bẻ của mình một chiếc răng thì phải hung bạo móc mắt bẻ răng của kẻ ấy lại. Họ quên rằng hành động như vậy là họ chỉ thêm cho đời những kẻ tiểu nhân. Khi cần bảo vệ đức công bình, người hiền dụ vẫn xử mạnh song cái mạnh của họ không cộc cằn. Tánh của họ như

nước. Nước chảy êm êm mà gây sức mạnh kinh khiếp. Lão Tử nói về họ rất chí lý : nhu nhi bất nhược, cương như bất cang : mềm mà không yếu, mạnh mà không cứng.

2) *Chế ngự lòng hung ác.* Con người có phần thượng gồm những ý tưởng, ước vọng, tâm tình cao thượng mà cũng có phần hạ gồm những ý tưởng, ước vọng, tâm tình hắc ám. Trong phần hạ những tâm tình làm ta giống thú vật nhứt là tâm tình giận dữ. Khi cuồng nộ, ta bị thú tánh chỉ huy. Con người ta hành động với tất cả tính chất dã man của nó. Ta tư tưởng, quyết định, hoạt động, nói năng theo những xung động nổi lên như địa chấn của tinh dục hung ác. Tâm lý học cho ta biết người thịnh độ biến đổi tương diện, có tâm hồn nao loạn và kinh nghiệm cũng cho ta biết giận là một hình thức điên cuồng. Trong thời gian bị tánh nóng nảy chỉ huy ta không còn đủ tự do xử dụng trí tuệ, ý chí. Vì đó khi nổi lôi đình ta có thể làm hay nói bao nhiêu việc, bao nhiêu điều mà sau đó khi lòng lắng xuống ta hối hận thiên thu. Đức hiền dụ giúp ta tránh được những cơn cuồng nộ và các hối hận này. Nó là hình thức của đức bác ái mà hoạt động bằng động cơ đức tự chủ. Nó nhận quyền ưu tiên của ý chí và trí tuệ. Cũng như thiên hạ, người hiền dụ vẫn có lúc nóng nảy, song họ dùng ý chí đàn áp tánh hung bạo và nhờ lý trí chỉ cho phải xử đối cách nào. Phải nhận người hiền dụ là người đại đảm và khôn ngoan. Vì nếu không anh dũng làm chủ mình họ làm sao ngăn nổi cơn lốc của tánh nóng cộc, làm sao sáng suốt hành động, nói năng hợp tình hợp lý để mưu thành công. Cũng có thể nói người hiền dụ là người thật văn minh, văn minh là hiền đã thoát khỏi tình trạng dã man, trở nên thuần thực, sống đúng nhân phẩm. Theo Gustave le Bon,

con người dù thuộc dân tộc nào ở bất cứ thời nào nếu không dùng ý chí đàn áp sự hung ác trong mình đều còn dã man, dù đang mang hình thức, « văn minh ». Thật vậy. Con người thời tiền sử, cũng như con người thời nay mới sinh ra chưa được giáo dục đều mang trong mình ít nhiều mầm giống dã man. Mầm giống này là năng lực hung hạ của thú tánh trong con người. Nếu không bị những kinh nghiệm chua chát trong cuộc sống hay nhờ giáo dục chặn đứng lại, năng lực ấy cứ tiếp tục hoành hành trong tiềm thức con người. Nói theo kiểu Freud, nó ngủ thiềm thiếp trong ta. Lúc nào nó cũng chực chờ lên mặt giục ta làm xằng nếu có cơ hội thuận tiện. Các cơ hội thuận tiện thường là những nguyên nhân khiến ta nóng giận. Người hiền dụ thật biết rõ năng lực của thú tánh, nên trấn áp nó. Tính chất dã man tàn lụn trong họ nhường chỗ cho lòng nhân êm ái.

3) *Chịu đựng tật xấu của tha nhân.* Kẻ nóng giận thường thường là người nhạy cảm trước những khuyết điểm của người xung quanh. Họ chịu không nổi, tỏ ra bức dọc khi ai làm hay nói nghịch ý họ. Các lỗi lầm, của họ, họ không nghĩ đến, nhưng họ rất khó tánh với sự yếu đuối của tha nhân. Có khi họ vạch lá tìm sâu các tật xấu của kẻ khác để chỉ trích nữa. Dĩ nhiên nội tâm họ luôn xao động; họ nghe đau khổ. Điều này không lạ vì ai trong xã hội mà thập toàn. Bao lâu còn con người là còn khuyết điểm. Người hiền dụ am hiểu chân lý này. Họ thương hại bản chất con người nên luôn tha thứ lỗi lầm của tha nhân. Họ xử thế như vậy vừa có ý gây thiện cảm để đắc lực, để đời sống xã hội được dễ chịu mà vừa tạo cho mình hạnh phúc tâm hồn. Người nóng nảy bôn chôn oán trời, trách người, bức tức, buông lời bất mãn vừa gây thù vừa mệt. Mà tật xấu của

xã hội vẫn không giảm. Còn kẻ hiền dụ bình tâm, không để tất xấu thiên hạ « giứt dây » tâm hồn mình. Họ đề dành nghị lực phục vụ lý tưởng mà không bận tâm chi về bệnh ngàn đời của nhân loại là khuyết điểm.

4) Xê với bất cứ ai bằng lòng nhân. Điểm này làm cho người hiền dụ chân chính khác hẳn kẻ gia hình, nịnh bợ, lòn cuối. Đối với kẻ ăn ở bất đáng cũng như người trọng đãi họ, họ điều tỏ ra con người giàu đức bác ái. Người ta thấy trong họ tất cả sự êm ái, nó gây ở họ sự khả ái và khả phục khó tả. Họ không bạc nhược luôn cúi người quyền thế để giả vờ hiền lành với kẻ yếu để lạm dụng. Lý do làm họ có thái độ hiền lương của bậc quân tử là nhân vị trong con người tha nhân. Họ giữ đúng lời minh triết này của Đấng cứu thế : « Các con hãy yên người như mình vậy ».

4 — Giá trị đức hiền dụ.

Tại sao đức hiền dụ có giá trị ? Vì nó gây cho ta những ích lợi cao cả này.

1) Tạo sự bình an tâm hồn. Khi ta ăn ở hiền dụ, tự nhiên lòng ta không có những ý tưởng hắc ám, những ước muốn thù hại của tiểu nhân, tất cả là những nguyên nhân làm cho lòng người bận rộn, buồn khổ. Bossuet còn gọi hiền dụ là « dấu hiệu chân chính của sự vô tội. » Tâm hồn nào bình yên, thú vị bằng tâm hồn vô tội ?

2) Có tinh thần thẳng tiến. Khi lỗi lầm, nếu nóng nảy, ta sẽ bực tức, trách mình nặng, đâm ra ưu sầu rồi nản lòng bị quan bỏ hết mọi việc. Còn nếu ta hiền dụ lợi dụng lỗi để rút kinh nghiệm tu chỉnh dĩ vãng, chuẩn bị tương lai : đời ta sẽ ngày càng thẳng tiến tốt đẹp.

3) Là *bí quyết thu tâm*. Trong « Rèn nhân cách », chúng tôi bàn rộng vấn đề này. Ta thử đọc một đoạn: « Bất kỳ ai, dù kẻ học rộng hay quê mùa dốt nát, một khi có lập trường nào thường khư khư giữ lấy không muốn kẻ khác cho mình là lầm. Có người dám nóng cộc, hi sinh cả tình bạn, tình cốt nhục, quyền lợi bảo tồn tư tưởng của mình nữa ? Gặp những kẻ ấy, bạn xằng được không ? Lửa đang cháy, muốn trừ nó, bạn đem thêm lửa lại à ? Dĩ nhiên bạn phải dùng nước, nghĩa là án nói mềm mỏng, tâm phục họ hơn là lý phục. Chúng tôi đồng ý với bạn rằng cần làm cho kẻ khác hành động theo lẽ phải, dù họ có ghét mình mặc kệ, chớ không khiến họ hành động vì cảm tình sợ e không dẻo dai. Nhưng bạn đừng quên chân lý này là con người ưa sự thật mà không ưa thấy kẻ khác đem lý lẽ cho mình biết rằng mình lầm, rằng mình phải theo lý lẽ của kẻ khác. Bạn không nhớ trong khoảng đời qua của bạn, có biết bao nhiêu cuộc bàn cãi sôi nổi, trong đó bạn có lý lắm, đối phương của bạn lầm trăm phần trăm mà họ vẫn cãi « gân » với bạn, vẫn cho mình là có lý và cho bạn lầm to. Có lẽ kinh nghiệm đã cho bạn thấy rằng mình cần hợp lý, nhưng nếu chỉ ý tài lý luận của mình đem những lối biện luận đổ vào đầu đối phương, sau cùng chỉ làm cho họ ghét mình và mình mệt thôi, chớ không thuyết phục được họ. Muốn làm cho họ nghe theo mình, phải tấn công trái tim hơn là bộ óc của họ nghĩa là phải dùng sự êm dịu, coi họ như bạn thân. Khi họ thấy mình coi họ như bạn thân rồi mình nói lý gì họ cũng dễ chịu » (H.X.V. Rèn Nhân Cách, 399-400).

Luật xử thế này chẳng những ta phải dùng đối với kẻ ngoan cố như trên mà còn phải dùng đối với bất cứ ai.

Cứ chung mà nói, người ta ưa kẻ hiền. Trong hiền có cái gì hấp dẫn làm cho người tín nhiệm, có thể làm tâm sự.

4 - Tật nghịch đức hiền diu.

Là tật nóng cục. Tật này rất phổ thông bởi lẽ là người ai cũng tình dục phần nộ. Trong một số trên, ta biết nó là con đẻ

của thú tính. Tính chất ác của nó ở chỗ làm cho con người nó lệ bản năng, bị trói buộc trong tình trạng dã man, hạ thấp nhân phẩm của mình. Phải nhiều năm từng trải cuộc đời, phải dùng tâm linh dục (psychoculture) chu đáo, người ta mới có thói quen dần tánh nóng. Dầu vậy, nếu không khéo tự chủ, đôi khi người lâu năm luyện đức hiền diu vẫn thịnh nộ, nói năng xằng xốc. Còn nói chi bọn phàm chúng ta: cơn thịnh nộ tha hồ dầy xéo. Tánh chúng ta như lông con nhím, như lò so: dễ bị kích thích, thấy nghịch ý là nổi lời đing. Ai cũng biết tật nóng này gây bao nhiêu tai hại cho con người về mặt cá nhân, gia đình và xã hội.

1) *Tai hại cá nhân.* Nội tâm người nóng giận nào động, các ý hắc ám, các tình đề hèn nổi lên như vũ bão. Mất hẳn trong họ sự bình an. Họ bối rối, bức rức, đau khổ. Ngoài thân của người nổi cơn « tâm bành » rất kỳ dị. Mặt vút vút. Trán nhún. Mắt nảy lửa. Mặt đỏ phừng. Miệng phều phào. Môi lắp bắp. Tay múa. Chơn nhảy. Đó là chưa nói họ ó ré, la lối, chưởi tục, nói ngang, cũng chưa nói, họ chống nạnh, tỏ ra phách lối đánh lộn như du côn. Kết quả của cơn giận cho họ ra sao? Bận thân xa họ. Định thù tìm cách báo oán. Người xung quanh kêu họ tầm thường. Người trên không dám giao cho họ việc lớn. Hạ cấp coi họ không đáng phục lắm. Bất cứ ai biết tánh họ, lúc giao

tiếp với họ đều đề phòng. Trên đường đời dĩ nhiên họ gặp « rủi » nhiều hơn « may ». Vì nóng nảy, họ không biết kiên nhẫn nên lắm công việc họ phải bị hỏng. Có khi một công trình xây trong nhiều năm, họ gặp chuyện phật ý, bỏ như việc con con. Họ cứ khởi sự lại suốt đường đời các việc tùy sở thích nhất thời. Họ thành công được không? Ngạn ngữ Pháp : « Đá lăn mãi không đóng rong ». Ta có thể nói người nóng nảy, luôn đổi ý là mồi của thất bại.

5. Phương pháp luyện đức hiền dụ.

Dưới đây là vài bí quyết có thể giúp ta trở nên người hiền dụ.

!) *Đọc gương danh nhân.* Hầu hết những vĩ nhân của loài người đều là những bậc kiên nhẫn hiều là những tâm hồn hiền dụ. Đời họ là gương sáng cho ta. Nhưng không gương sáng cho ta. Nhưng không gương nào sánh kịp Chúa Giêsu. Cá nhân của Người, đời sống của Người là khuôn vàng thước ngọc cho ta. Đối với quần chúng tội lỗi, Đức Giêsu rao giảng phút âm bằng giọng êm ái, nhẫn nại. Không bao giờ người quát mắng, mỉa mai, oán trách quần chúng. Một tội nhân thê lương hạ đẳng xã hội đời ném đá như Madalenna, người tiếp bằng lòng người cha khoan từ vô bờ bến. Đối với con trẻ là tuổi bị chê là khờ dại, người đón rước như hiền phụ âu yếm. Suốt ba năm truyền giáo người chịu đựng sự dốt nát, sự non kinh nghiệm, bao nhiêu tật xấu của 12 môn đệ mà phần đông là thứ người ít học thức, hay nóng nảy, non đức tin. Chính Người đã dạy cho các vị ấy giáo lý vô tiền khoáng hậu này : Hãy đưa má trái cho kẻ đánh chúng con má phải. Rồi khi bị vấy bắt cách dã man. Người cư xử như một chiên con. Rồi trước khi băng hà trên thập ác, sau khi bị quân thù hành hung đủ điều, Người ngửa mặt lên trời Thượng Đế cho kẻ hại Người : « Lạy cha xin tha cho chúng vì chúng lầm chẳng

biết ». Quả thực, gương đức Giêsu là gương số một cho thế nhân về hiền dụ.

2) *Những việc tiêu cực và tích cực.* Bắt chước Đức Giêsu, ta có hai việc phải làm : tiêu cực và tích cực.

a) *Tiêu cực.* Tránh những ý tưởng vụt chập, những tâm tình sôi nổi. Coi như thù địch những nét mặt vụt vất, những trợn mắt, bậm môi, la ó, chóng nạnh. Các tiếng xồn xồn, thô kệch phải góm như cùi. Những cuộc cãi vã, đấu lý, tranh tài vô ích, phải tránh xa.

b) *Tích cực.* Yêu người vì người là hình ảnh của Thượng Đế, là thành phần của đại gia đình nhân loại. Giữ tâm hồn luôn yên lặng như tờ. Gương mặt được nét hiền lương. Nụ cười luôn nở trên đôi môi cũng như mỗi lời nói như mật rót. Các cử chỉ, điệu bộ lúc nào cũng êm dịu nói lên những tâm hồn « khôn ngoan như rắn nhưng hiền lành tựa bò cừu ». Sau hết là rèn ý chí. Chiếc chìa khóa linh diệu nhất để hiền lương là ý chí được trui rèn già giặn. Chính ý chí giúp ta trấn áp tánh nóng giận, giữ tâm hồn bình an và cư xử với kẻ khác bằng lòng nhân.

6. — DANH NGÒN

1) Phải nhân từ quá một chút để nhân từ vừa đủ.

Marlaux

2) Nhân từ giả thọt, hung bạo giả vong.

Thất Công

3) Tôi không biết sự siêu vượt nào hơn là lòng nhân.

Beethoven

4) Hiền dịu là dấu hiệu của văn minh, nóng cộc là tàn tích của dã man,

Waterstone

5) Con người ngã đầu trước tài ba, người ta chỉ bái quỳ trước lòng nhân thôi.

Gannod

7. — TỰ ÁM THỊ

Tôi là người tối kỵ tánh nóng cộc, hiền dịu như bò cừu khôn như rắn là lý tưởng tu đức của đời tôi.

CHƯƠNG XXX

ĐỨC ÁI QUỐC

« Trung thần bất phạ tử, phạ tử bất trung thần : Tôt trung không sợ chết, sợ chết không phải tốt trung. »

Báo-Phác-Tử

I . ĐẠI YẾU

- 1) Vài câu « Nhứt ngôn hưng quốc, nhứt ngôn táng quốc. »
- 2) Đức ái quốc là gì ?
- 3) Khái niệm về quốc gia
- 4) Khái niệm về quê hương
- 5) Hình thức ái quốc
- 6) Luyện đức ái quốc.
- 7) Danh ngôn

1 – Vài câu « Nhứt ngôn hưng quốc, nhứt ngôn táng quốc »

Đọc việt sử ta thấy ông cha ta đã xây đắp mảnh sơn hà gấm vóc Việt-Nam bằng sông máu núi xương. Bị nhiều phen nô lệ, còn kém mở mang

nhưng Việt-Nam về mặt tranh đấu là một dân tộc kiêu hùng. Những trang sử vẻ vang làm bằng chứng hùng biện nói lên óc chuộng tự do, tinh thần bất khuất chí tiến thủ lòng ái quốc của con cháu tiên rồng. Ta chỉ thử coi lại vài

gương anh dũng của đời Trần đề nung ngọn lửa mến yêu nói giống.

a) Lần thứ nhứt quân Mông-cổ dữ như lang sói, mạnh như vũ bão tấn công ồ ạt Việt-nam. Chiếm Thăng long thành, thấy ba sứ thần của mình bị trói giam, quân Mông-cổ hầm hầm như ác thú chặt đầu sạch nam phụ lão ấu của thành. Trần triều hay tin lo âu như mất hồn. Trần Thái Công hội Trần nhứt Hiệu, bảy giờ làm Thái úy, liệu thế nào. Ông này cầm sào viết trên mặt nước : « Nhập Tống » ngụ ý khuyên vua bỏ nước đào tẩu. Trần-thái-Công tham vấn ý kiến Thái sư Trần-Thủ-Độ, vị lão thần ngoài lục tuần cương quyết gằn từng tiếng nói : « Đầu tôi chưa rơi xuống đất thì xin bệ hạ đừng lo ».

b) Mặt trận Lạng-sơn đã thất, Hưng-đạo-Vương rút quân về Bái tân để tiến ra Vạn-kiếp. Trần-nhân-Tông thấy thế giặc ác tợ cuồng hồ, dân chúng chết như kiến bị thui, khuyên Hưng-đạo-Vương đầu hàng. Là một danh tướng đầy bản lĩnh, đã từng vào ra trận mạc hơn cơm bữa, uy dũng nói : « Nếu Bệ hạ muốn hàng, xin hãy chém đầu tôi trước đã ».

c) Thất trận Tha mạc, Trần-binh-Trọng bị quân vây bắt, nhốt tù. Ông là danh tướng tánh tình cương nghị, nhứt quyết giữ vững tiết tháo. Trong đề lao, ông tuyệt thực. Thoát Hoan muốn lợi dụng binh tài của ông, dụ dỗ ông và hỏi ông có muốn làm Vương đất Bắc không? Lời nói như gươm đao phóng vào mặt Thoát Hoan, ông hét : « Tao thà làm quỷ nước Nam, chứ không thèm làm vương đất Bắc ».

Đọc mấy lời danh thép trên ai là người Việt mà không thấy lòng lâng lâng yêu nước và trọng phục nghĩa khí của những vị tuấn kiệt nước nhà.

Để có tâm hồn yêu mến non sông, theo vết những tiền bối anh dũng, dưới đây chúng ta sẽ xét thế nào là ái quốc, quốc gia là gì, quê hương là chi và sau khi tìm hiểu những hình thức ái quốc ta bàn vài bí quyết luyện đức cao cả này.

2 — Đức ái quốc là gì ? Ái quốc là đức luân lý giúp ta có tâm tình yêu mến tổ quốc cách tha thiết, lúc nào cũng nỗ lực phụng sự cho thái thanh vinh quang ở thời bình và lo bảo vệ nó buổi bình đao.

1) *Ái quốc là nhân đức.* Tổ quốc được coi như người mẹ và các công dân là con cái. Nếu tâm tình yêu mến, kính phục, giúp đỡ cha mẹ được gọi là đức hiếu thảo thì tâm tình yêu mến kính phục, giúp đỡ tổ quốc cũng được gọi y như vậy. Tuy tổ quốc không sinh sản chúng ta như cha mẹ nhưng biết bao nhiêu tài sản vật chất, tinh thần ta có đều do tổ quốc. Điều này trong một số dưới, ta sẽ bàn kỹ.

2) *Tâm tình yêu tổ quốc.* Yêu tổ quốc tuy có căn cứ vào lý trí nhưng theo thực tế phải chịu là việc của tình cảm. Thứ tâm tình này trong sạch cao cả, quý báu như tình con đối với cha mẹ, như hận tốt đối với tri ân của mình. Người ta vẫn cảm nó cách sâu xa mà khó định nghĩa hay diễn lộ nó. Foulquié khi viết về tinh thần ái quốc có trưng danh ngôn này của Montaigne nói về La Boétie để chỉ vạch tính cách huyền bí của lòng yêu quê hương: « Bởi vì anh là anh mà tôi là tôi » : « Quả thực khó trả lời khi ai hỏi ta tại sao ta trứ mến quê cha đất tổ. Nói lý thì cũng có như vì nhờ nó mà ta sống, trên nó ta có nhiều kỷ niệm vân vân và vân vân. Nhưng có một cái gì siêu màu ta khó diễn tả ra chu tất. Cái gì đó thuộc bản chất người của ta.

Ta là người Việt Nam cũng như ta là con người. Ta có

thể nhập tịch ở một quốc gia nào khác, làm công dân một nước khác nhưng không vì đó mà ta thôi là người Việt Nam, và cũng vì đó ta vẫn triu mến quê hương Việt Nam. Tâm tình triu mến này được yểm trợ bởi những tâm tình hoặc hãnh diện hoặc đau khổ. Khi ta nghĩ đến những trang sử vẻ vang hay những trang sử nô lệ của con sông ta.

3) *Nỗ lực phụng sự quốc gia*. Yêu tổ quốc không có nghĩa là chỉ nói yêu ngoài miệng hay chỉ có những tâm tình thích mến thuần túy. Quan trọng là phụng sự. Phải nỗ lực thực hiện những bổn phận thường nhật mà địa vị mình bắt buộc là ta chân thành yêu nước. Lúc thanh bình, ta lo cho tổ quốc thái thanh bằng các việc kiến quốc. Khi sơn hà nguy biến, nghĩa vụ cứu quốc là nghĩa vụ của toàn dân.

Nói đến ái quốc hay yêu quê hương thường người ta có những tâm tình quyến luyến hơi giống nhau. Tuy nhiên có vài tiêu dị ta cần đề ý. Cho dạng nhân thấy dễ dàng những tiêu dị này ta thử tìm hiểu hai khái niệm ái quốc và quê hương.

3 — Khái niệm về ái quốc

Có hai yếu tố cấu thành cái mà người ta gọi là quốc gia : yếu tố vật chất và yếu tố tinh thần.

1 *Yếu tố vật chất*. Hiểu là lãnh thổ của chủng tộc hay nói đúng hơn là dân tộc. Cho dạng lập thành quốc gia người ta phải có một địa dư độc lập để cư trú, làm ăn. Trên địa dư ấy những người phải có chung một nguồn nòi giống. Nhưng trên trường ký lịch sử, loài người vì cuộc trà trộn do giặc giã, do di cư cầu thực v.v... những chủng tộc không còn tính chất thuần túy. Thực tế là ta thấy trong một quốc gia ngày nay có nhiều chủng tộc lai căn làm nên cái mà người ta gọi là dân tộc. Trong yếu tố vật chất, điều kiện sau chót này không phải là điều kiện

hoàn toàn tất yếu. Tuy nhiên về vật chất, mỗi dân tộc có những bản sắc đặc biệt chịu ảnh hưởng nặng nề bởi những yếu tố tinh thần mà chúng ta xét dưới đây.

2) *Yếu tố tinh thần.* Ernest Renan khi bàn về quốc gia, hạ bút: « Một quốc gia là một linh hồn, một nguyên tắc thiêng liêng. Nói cho đúng có hai điều hợp nhất cấu thành linh hồn và nguyên tắc thiêng liêng này, một ở trong dĩ vãng, một ở trong tương lai. Cái này có chung di sản kỷ niệm phong phú. Cái kia là sự ưng thuận hiện thời, sự ước muốn sống chung, ý chí tiếp tục đề cao giá trị gia tài mà người ta cổ chung » (Qu' est ce qu' une nation Diễn văn E. Renan đọc ở Sorbonne ngày 11-3-1882) ». Các tư tưởng này rất chí lý. Quốc gia cấu thành bởi những yếu tố tinh thần quan trọng là một dĩ vãng chung đầy kỷ niệm, một tâm chí hiện tại luôn muốn tiến thủ và một nguồn hi vọng bao la hướng về tương lai.

a) *Di sản đầy kỷ niệm.* Nó gồm cả một thời qua khi nhục nhã, hiên vinh, khi hoan lạc, đau khổ và nhất là vết hằn sinh cứu quốc và kiến quốc của ông cha. Điều đáng đề ý nữa là ông để lại cái tinh thần đồng nhất hoặc về tôn giáo phong tục, hoặc về văn hóa, ngôn ngữ.

b) *Tâm chí tiến thủ.* Những người thừa hưởng di sản quý hóa ấy phải tiếp tục làm cho nó ngày một phong phú, tốt đẹp luôn.

c) *Nguồn hy vọng ở tương lai.* Toàn dân nhất trí cộng lực xây đắp nền thống nhất xứ sở, dời mài óc tự do dân tộc để trên bản đồ quốc tế, quốc gia được luôn vinh quang.

4 — Khái niệm về quê hương.

Tiếng Pháp có từ ngữ Patrie phát xuất bởi từ ngữ Patrius của La-văn, Patrius có nghĩa là thuộc về người cha. Ta dịch

Patrie là quê hương, quê cha đất tổ hay nơi chôn nhau cắt rún. Quê hương cũng cấu thành bởi hai chữ yếu tố vật chất và tinh thần như quốc gia. Nhưng trong khái niệm quê hương, người ta hay nghĩ đến gia đình, đến một miền xứ nhứt định mà nơi đó người ta đã được sinh ra, trưởng thành với bao nhiêu kỷ niệm êm đềm. Nơi quê hương người ta có những tình cảm yêu mến thấm thía, siêu thiêng. Người ta nghĩ đến công của tiền nhân, mồ mả ông bà, cha mẹ. Mất quê hương người ta đau xót tận tâm hồn, tuyệt vọng như mất cha mẹ. Còn « về phương diện quốc gia, mất một tỉnh có thể bù lại một tỉnh khác bằng hay lớn hơn » (Foulquié, Logique et Morale trg 665).

Vậy căn cứ vào những nhận xét trên, ta có thể thấy được vài tiêu dị giữa lòng ái quốc và lòng mến quê hương.

Trong tình yêu quê hương nặng nề tình cảm, chú trọng đến các kỷ niệm gọi niềm lưu luyến, nhằm đức hy sinh bảo tồn nơi chôn nhau cắt rún. Khi quê hương bị mất người ta thấy không lãnh thổ nào thế lại được. Người ta đau xót, nỗ lực tranh dành lại cho kỳ được quê cha đã mất.

Còn óc ái quốc nặng nề đường tinh thần nghĩa là nó thúc đẩy người ta làm cho bản đồ quốc gia ngày càng rộng, làm cho dân chúng có đời sống ấm no dưới chế độ chánh trị lý tưởng nào đó.

Tuy có những tiêu dị căn cứ vào tâm lý này, ta đừng quên hai quan niệm ái quốc và yêu quê hương bổ túc nhau. Trong bài này chúng ta gọi chung cả hai là đức ái quốc. Đức này vừa dựa trên tinh thần vừa dựa trên tình cảm làm cho ta yêu mến non sông sâu sắc bằng cách lo phát triển cho nó về mặt vật chất, tinh thần và tâm đức.

5. — Hình thức ái quốc

Ái quốc có nhiều hình thức, ta cần nhận chân để khỏi té vào lối yêu nước sai lầm.

1) *Ái quốc môi mép.* Người ái quốc môi mép hay bàn phiếm về chánh trị, ưa đả kích chánh quyền, tuyên bố ngoại xâm. Nhưng tất cả điều họ nói chỉ là lý thuyết, có khi do tật già hàm trống trải hơn là do tâm hồn yêu mến nước nhà cách chân thật.

2) *Ái quốc mưu sinh.* Người ái quốc mưu sinh là người coi việc làm cha mẹ dân như một nghề để mưu sinh cho mình và nuôi vợ con. Họ cũng lo vận mệnh quốc gia vậy nhưng họ lo cho quyền lợi gia đình họ hơn. Nếu khi giông mưa người ta khó tìm tắc xi thề nào thì lúc son hà nguy biến quốc dân khó tin tưởng nơi họ thề ấy. Họ cũng bàn chánh nghĩa, cũng hô hào quyền lợi dân tộc nhưng có cơ hội bán nước để cầu vinh, vì phú thì họ không ngần ngại làm con trung hiếu của thù người như Lê-chiêu-Thống.

3) *Ái quốc bài ngoại.* Đây là thứ ái quốc của người yêu dân tộc sâu sắc không, không biết nhưng tự nhiên ghét ngoại nhân, tất cả những gì của ngoại quốc. Họ có tinh thần dân tộc mù quáng, thích chế độ bế môn tỏa cảng và tinh làm cho dân tộc lạc hậu. Ngoại xâm thì nhứt định phải thù oán rồi. Nhưng những gì hay đẹp về tôn giáo, văn hóa, phong tục của nước ngoài ta phải nhận và phải thân thái để nước nhà ngày một vẻ vang với các hữu bang chớ.

4) *Ái quốc tình cảm.* Thứ ái quốc này căn cứ vào tình yêu quê hương mà không đề ý đến sự phát triển nó. Người ái quốc theo tình cảm chỉ yêu dân tộc bằng mỗi tình thân tủy. Họ không sáng suốt thấy những đòi hỏi cần thiết của nước nhà để lao mình vào các phận-vụ ích quốc

lợi dân. Thứ ái quốc này là họ hàng với ái quốc môi mép. Cả hai đều vô ích cho xứ sở.

5) *Ái quốc chân chính*. Tính ái quốc chân chính là một nhân đức. Nó căn cứ trên lòng hiếu thảo đối với ông cha và dựa vào đức bác ái đối với đồng bào. Đức ái quốc làm cho tâm hồn nên cao cả vì nó không khiến người dân coi ái quốc là mục đích tối hậu của đời sống mà coi là phương thế để hướng đồng bào đi từ hạnh phúc trần gian đến vĩnh phúc sau giờ chết. Dĩ nhiên đức ái quốc đánh tan được gốc rễ lòng ích kỷ chật hẹp hay buộc trói con người trong quyền lợi bản thân, gia đình. Nó đưa con người ra khỏi biển hy sinh. Thời bình người ái quốc lo cải tiến dân tộc. Thời loạn họ lo bảo vệ quốc dân khỏi nanh vuốt ngoại xâm hay những đồng bào theo tà thuyết gieo rắc đối rách trong quần chúng.

Hy sinh vì tổ quốc đó đó là một bổn phận tuyệt vời tốt đẹp. Khi thể diện tinh thần hy sinh, người ái quốc một mặt lo cho nước nhà giàu có, dân chúng ấm no, có binh hùng tướng mạnh, mặt khác lo bảo tồn tinh thần dân tộc, phát triển di sản tinh thần của ông cha, cho du nhập từ ngoại bang những tinh hoa của nền văn hóa hơn loại.

Làm công việc này, người ái quốc vừa đề cao nhân cách của mình vừa tỏ lòng tri ân với các bậc tiền bối cũng như làm xong bổn phận mình đối với đồng bào đang sống với mình.

Chúng ta đã biết ái quốc không phải là tình cảm thuần túy. Nó cần những việc làm hữu ích cho vận mệnh quốc gia và quyền lợi quốc dân. Vậy muốn trở thành người ái quốc chân chính phải có óc hy

6. — Luyện đức ái-Quốc

sinh. Khi sơn hà cần đến ta phải biết coi rõ quyền lợi tư mà lo quyền lợi của tổ quốc.

Thân phụ của Pasteur về chiều ưa đọc lịch sử nước Pháp để thưởng thức những gương anh dũng của dân tộc ông. Người dân Việt nên theo gương luyện lòng ái quốc của ông : là năng đọc sách lịch sử nước nhà. Trong đó ta gặp biết bao bài học có thể gia tăng nơi ta lòng yêu đất nước.

Sau hết yêu nước cách thực tế nhất là lo làm những công dân tốt đẹp, những công dân chu toàn các bổn phận bằng ngày. Làm công dân tốt đẹp hẳn là làm những người chẳng những biết tuân pháp luật của chánh phủ mà còn tự đào luyện về thể xác, tinh thần tâm đức, xã giao. Người dân nên cẩn thận và tin ngưỡng. Tránh các hình thức mê tín hay các tà thuyết là dấu hiệu của công dân văn minh. Ở thời này mấy tiếng tự do, dân chủ quá phổ thông, nhưng óc tự do và óc dân chủ chân chính còn hi hữu. Người tự do nhất, dân chủ nhất là người trước hết làm chủ lấy mình, tức là điều khiển các tình dục của mình để hướng chúng về chân, thiện, mỹ, phúc.

Còn chu toàn các bổn phận phải hiểu theo nghĩa ái quốc thực tế. Chúng tôi muốn nói tình ái quốc thì có lẽ công dân nào cũng có nhưng lo cho nước nhà khỏi những tà thuyết, khỏi nô lệ tinh thần, vật chất với ngoại bang thì không phải công dân nào cũng lo đâu. Câu « Nhiều kẻ không ai đóng cửa chùa » rất có ý nghĩa về việc phụng sự quốc gia. Người ta than trách vận mệnh điêu đứng của nước nhà hơn là lo giải cứu nó. Vậy cần thiết từ cấp lãnh đạo cho tới hàng lệ thứ phái « chính danh » tức là phải làm chu toàn trách vụ mà địa vị mình đòi buộc. Có vậy non sông mới tiến bộ cách hữu hiệu.

7 - DANH NGÔN

1) Chết cho tổ quốc là êm dịu và đẹp đẽ.

Platon

2) Nghinh phủ việt nhi cảm giá", cứ định hoạch nhi tân ngôn thử chí vị trung thần : Đón búa rìu mà dám can. giữ vạc chảo mà nói hết lời đó gọi là tôi trung.

Bảo-phác-Tử

3) Những ai chết cho quê hương có quyền được quần chúng đến phần mộ mình cầu rỗi.

Victor Hugo

4) Ba tấc lưới nào gươm nào súng, nhà cầm quyền trong gió đã gai ghê. Một ngôi lông vừa trống vừa chiêng của dân chủ treo đèn thêm sáng chói.

Phan-bội-Châu tế Phan-châu-Trình

5) Yêu nước là học tập, là trung tín với bạn trăm năm, là giáo dục con cái về mọi mặt, là sống đường hoàng là nỗ lực làm việc, là dám đổ máu cho nòi giống khi cần thiết.

Feurzinger

8 - TỰ ÁM THỊ

Tôi yêu nước tôi bằng cách thi hành chu đáo các bổn phận thường nhật mà chức nghiệp tôi đòi buộc.

BẠT

Sa-éc
May, 2016

« Tri nhưn giả trí, tự trí giả minh »

Lão Tử

Thưa bạn ! Tôi đoán trên gương mặt bạn có vẻ thăm mệt. Cách bàn chuyện nát óc lại chia ra nào gương danh nhân, định nghĩa hình thức, sự hệ trọng, thứ loại. Rồi danh ngôn, tự ám thị nữa. Thật chi ly phiền toái. Tôi ái ngại nhiều. Tôi cầu mong một vài tư tưởng bạn đã đọc qua hơ ắm được tâm hồn bạn giữa thời đại thường bị trách cô quạnh vi duy vật và truy lạc này. Một chút ích lợi đó có lẽ bù lại được phần nào công phu cùng thiện chí của bạn. Biền đời quá trơ giông tố. Nói kiểu Charler Péguy là có *những thực tế chưa cay*. Tôi với bạn đã hay sẽ qua những thoi mộng dưới hiên gia đình, trên ghế học đường. Có những kẻ ác, ác thật Pascal nói vậy ; những kẻ ấy đang rình ta. Tôi không dám nói như J. P. Sartre trong Huis-Clos, tha nhân là địa ngục của ta đâu. Bã ra đời mang thân phận người, dùng đời để sống người thì phải rước lấy bông hường cùng gai nhọn của nó. Nhưng khổn nỗi là nhiều phen ta non nớt không nhận cô gai nhọn. Gai nhọn thọc vào xương ta, ta bất mãn, hối hận, dè dặt một lúc rồi nông nổi nữa. Ta thiếu cái mà bà Dale Carnegie gọi là óc giả giận. Viết cuốn này tôi muốn bạn luyện tinh thần đó. Tức tinh thần sống sáng suốt anh dũng, tế nhị, sống kỹ, rất kỹ cuộc đời. Vẫn yêu đời, ham sống, cao tuổi mà lòng như trai tráng, nhưng *Tin tin phòng phòng* đối (tiếng của Trương Vĩnh Ký) với bất cứ ai, trong bất cứ hoàn cảnh nào. Không phải ta gieo ngờ vực để rước ác cảm.

Tôi muốn nói sống đời sống nghiêm. Lòng đời nghiêm, sứ mệnh làm người của ta nghiêm : ta không thể chơi chơi giỡn giỡn được trong khoảng thời gian mà ta chuẩn bị cho kiếp đời đời. Phải hưởng tận cùng những ngày vô tư của tuổi thơ mộng thời xuân vui như những ngày tết mà trong bụng đừng quên ai cũng có lúc ngáp ngáp trên tử sàng. Khiếp nhứt là lúc đó. Tôi và bạn lời hay lỗ kiếp sống của mình, một phần lớn do ta chuẩn bị nhiều hay ít cho nó. Đang mạnh khỏe, giàu có, lớn quyền, trẻ đẹp, thông minh, nghe nói điều đó, cách chung, người nếu không ghét thì cũng chẳng ai ưa. Trong con người, có vật dục (Concupiscentia) mà. Ngoài quân thù nội tâm ấy lại còn thế giới khách quan và quỷ dữ nữa. Thực khốn nạn kiếp dân sinh. Khốn nạn còn được đặt trong tình trạng hữu phúc (nhớ lại Félix culpa) miễn con người cố gắng. Thích Ca kia mà còn khải ngời dưới gốc Bồ Đề. Thượng Đế giáng trần như Chúa Giêsu kia mà còn cứu nhân loại bằng tử nạn. Huống hồ tôi và bạn, Vậy đời ta phải xây dựng bằng Nỗ Lực, luôn trì chí hướng thượng và đó cũng là nghệ Thuật Sống Dừng, phải không bạn ?

HOÀNG-XUÂN-VIỆT

MỤC LỤC

Tia sáng
Tạ

Sa- éc
May, 2016

TRANG

PHẦN NHỨT

Nhân đức khái luận

CHƯƠNG I — Nhân đức với lý tưởng làm người 14

- 1 — Khoa học Thiện : câu chuyện Socrate và Xénophon.
- 2 — Là người và làm người.
- 3 — Vai trò của đức dục.
- 4 — Dọn đất lương tâm.
- 5 — Gieo giống nhân đức.
- 6 — Danh ngôn.
- 7 — Tự ám thị.

CHƯƠNG II.— Nhân đức là gì ?

21

- 1 — Lời trời của thánh François d'Assise.
- 2 — Định nghĩa nhân đức.
- 3 — Thứ loại nhân đức.
- 4 — Sự gia giảm hay tiêu trầm của nhân đức.
- 5 — Công nghiệp.
- 6 — Tinh thần đất vị lợi
- 7 — Anh hùng.
- 8 — Trọ lành.
- 9 — Thánh.
- 10 — Cần thiết của nhân đức.
- 11 — Danh ngôn.
- 12 — Tự ám thị.

PHẦN HAI

Nhân đức thực tập (1) Đối kỷ

CHƯƠNG III. — Đức khôn ngoan.

29

- 1 — Chuyện cú mèo và chim gáy.
- 2 — Định nghĩa đức khôn ngoan.
- 3 — Bản chất đức khôn ngoan.
- 4 — Tật xấu nghịch đức khôn ngoan.
- 5 — Cần thiết của đức khôn ngoan.
- 5 — Phương thể luyện đức không ngoan.
- 7 — Danh ngôn.
- 8 — Tự ám thị.

CHƯƠNG IV. — Đức khôn ngoan.

36

- 1 — Họ Ngưu bắn chết trâu.
- 2 — Đức lạc quan là gì ?
- 3 — Tật nghịch đức lạc quan.
- 4 — Giá trị của óc lạc quan.
- 5 — Luyện đức lạc quan.
- 6 — Danh ngôn.
- 7 — Tự ám thị.

CHƯƠNG V. — Đức anh dũng.

44

- 1 — Dandolo, 24 tuổi : con người đại dũng.
- 2 — Định nghĩa đức anh dũng.
- 3 — Cần thiết của đức anh dũng.
- 4 — Những hình thức anh dũng.
- 5 — Phương thể luyện đức anh dũng.
- 6 — Danh ngôn.
- 7 — Tự ám thị.

CHƯƠNG VI. Đức tự chủ

51

- 1 — Bước qua bảy lò lửa.
- 2 — Đức tự chủ là gì ?
- 3 — Sức mạnh của tinh đức.
- 4 — Cần thiết đức tự chủ.
- 5 — Phương thể luyện đức tự chủ.
- 6 — Danh ngôn.
- 7 — Tự ám thị.

CHƯƠNG VII — Đức diêm tính.

59

- 1 — Nhỏ từng lông đuôi ngựa.
- 2 — Đức diêm tính là gì ?
- 3 — Tật nghịch đức diêm tính.
- 4 — Nguyên nhân khiến mất diêm tính.
- 5 — Giá trị đức diêm tính.
- 6 — Phương thể luyện đức diêm tính.
- 7 — Danh ngôn.
- 8 — Tự ám thị.

CHƯƠNG VIII.— Đức kiên nhẫn.

70

- 1 — Chuyện rên lưỡi.
- 2 — Đức kiên nhẫn là gì ?
- 3 — Tại sao phải kiên nhẫn ?
- 4 — Phương thể luyện đức kiên nhẫn.
- 5 — Danh ngôn.
- 6 — Tự ám thị.

CHƯƠNG IX.— Đức tự tin.

78

- 1 — Tôi lãnh 2.000 đồng bạc.
- 2 — Đức tự tin là gì ?
- 3 — Tật nghịch đức tự tin.
- 4 — Giá trị đức tự tin.
- 5 — Phương thể luyện lòng tự tin.
- 6 — Danh ngôn.
- 7 — Tự ám thị.

CHƯƠNG X. — Đức tiết độ.

85

- 1 — Gương chùa rượu.
- 2 — Đức tiết độ là gì ?
- 3 — Hình thức đức tiết độ.
- 4 — Tật nghịch đức tiết độ.
- 5 — Tại sao cần đức tiết độ ?
- 6 — Phương thể luyện đức tiết độ.
- 7 — Danh ngôn.
- 8 — Tự ám thị.

CHƯƠNG XI. — Đức sạch sẽ.

95

- 1 — Mỗi ngày George c. Marshall làm gì ?
- 2 — Giá trị của sức khỏe.
- 3 — Đức sạch sẽ là gì ?
- 4 — Sự tự tử.
- 5 — Lợi tinh thần của đức sạch sẽ.
- 6 — Phương thể luyện đức sạch sẽ và bảo tồn sức khỏe.
- 7 — Danh ngôn.
- 8 — Tự ám thị.

CHƯƠNG XII. — Đức khiết bạch.

108

- 1 — Chặt một cánh tay.
- 2 — Đức khiết bạch là gì ?
- 3 — Đối tượng của đức khiết bạch.
- 4 — Giá trị của đức khiết bạch.
- 5 — Ác quả của tật dâm ô.
- 6 — Nguyên nhân tạo tật dâm ô.
- 7 — Phương thể luyện đức khiết bạch.
- 8 — Danh ngôn.
- 9 — Tự ám thị.

CHƯƠNG XIII — Đức nét na.

123

- 1 — Đắm đầu xuống sông.
- 2 — Đức nét na là gì ?
- 3 — Cần thiết của đức nét na.
- 4 — Tật nghịch đức nét na.
- 5 — Hình thức đức nét na.
- 6 — Phương thể luyện đức nét na.
- 7 — Danh ngôn.
- 8 — Tự ám thị.

CHƯƠNG XIV. — Đức cần kiệm.

134

- 1 — Từ lâu nhà nước đến làm vua xuất bản báo chí Huệ kỳ.
- 2 — Đức cần kiệm là gì ?
- 3 — Tật hà tiện và hoang phí.
- 4 — Đây tốt tốt và ông chủ xấu : tiền bạc
- 5 — Giá trị đức cần kiệm.
- 6 — Thực hiện đức cần kiệm.
- 7 — Danh ngôn.
- 8 — Tự ám thị.

CHƯƠNG XV. — Đức đơn giản.

144

- 1 — Đám ma Trang Tử.
- 2 — Đức đơn giản là gì ?
- 3 — Tại sao cần đức đơn giản ?
- 4 — Phương thể luyện đức đơn giản.
- 5 — Danh ngôn.
- 6 — Tự ám thị

CHƯƠNG XVI. — Đức siêng năng.

154

- 1 — Pascal 12 tuổi.
- 2 — Đức siêng năng là gì ?
- 3 — Giá trị của lao công ?
- 4 — Yêu lao công.
- 5 — Cần được hưởng nghiệp.
- 6 — Lương tâm chức nghiệp là gì ?
- 7 — Tật nghịch đức siêng năng.
- 8 — Phương thể luyện đức siêng năng.
- 9 — Danh ngôn.
- 10 — Tự ám thị.

CHƯƠNG XVII Đức thanh bản.

167

- 1 — Chuyện trâu đẻ vàng.
- 2 — Đức thanh bản là gì ?
- 3 — Tật hà tiện là gì ?
- 4 — Cần thiết của đức thanh bản.
- 5 — Phương pháp luyện đức thanh bản.
- 6 — Danh ngôn.
- 7 — Tự ám thị.

2 (Đối tha)**CHƯƠNG XVIII — Đức công bình.**

175

- 1 — Chặt đầu anh vì công ích.
- 2 — Định nghĩa đức công bình.
- 3 — Thứ loại công bình.
- 4 — Phạm vi công bình.
- 5 — Bình đẳng và tương bình.
- 6 — Tật nghịch đức công bình.
- 7 — Phương thế luyện đức công bình.
- 8 — Danh ngôn.
- 9 — Tự ám thị

CHƯƠNG XIX. — Đức hiếu thảo.

183

- 1 — Chuyện thầy Tăng Sâm.
- 2 — Định nghĩa đức hiếu.
- 3 — Chân nghĩa của gia đình.
- 4 — Bồn phận làm con.
- 5 — Tật xấu nghịch đức hiếu.
- 6 — Phương thế luyện đức hiếu.
- 7 — Danh ngôn.
- 8 — Tự ám thị.

CHƯƠNG XX. — Đức tuân phục

193

- 1 — Tiếng « Xin vâng ».
- 2 — Đức tuân phục là gì ?
- 3 — Tính cách của đức tuân phục.
- 4 — Chân nghĩa của quan phòng.
- 5 — Phương thế giữ đức tuân phục.
- 6 — Danh ngôn.
- 7 — Tự ám thị.

CHƯƠNG XXI Đức cần mật.

200

- 1 — Trọng danh dự và sanh mạng người.
- 2 — Đức cần mật là gì ?
- 3 — Tật đa ngôn.
- 4 — Giá trị của đức cần mật.
- 5 — Thực hiện đức cần mật.
- 6 — Danh ngôn.
- 7 — Tự ám thị.

CHƯƠNG XXII. — Đức trung tín.

211

- 1 — Không nhận thóc của Tứ Vương.
- 2 — Đức trung tín là gì ?
- 3 — Lòng hội bạc.
- 4 — Giá trị của đức trung tín.
- 6 — Danh ngôn.
- 7 — Tự ám thị.

CHƯƠNG XXIII. — Đức thành thực.

221

- 1 — Chịu lỗi.
- 2 — Đức thành thực là gì ?
- 3 — Cần thiết của đức thành thực.
- 4 — Tật láo.
- 5 — Phương thế luyện đức thành thực.
- 6 — Danh ngôn.
- 7 — Tự ám thị.

CHƯƠNG XXIV. - Đức bác ái 230

- 1 — Người tế giềng.
- 2 — Định nghĩa đức bác ái.
- 3 — Hình thức đức bác ái.
- 4 — Bác ái là bốn phần tối yếu của mỗi người.
- 5 — Giá trị luân lý của đức bác ái.
- 6 — Thực hiện đức bác ái.
- 7 — Danh ngôn.
- 8 — Tự ám thị.

CHƯƠNG XXI — Đức thu tâm. 244

- 1 — Jean le Bon ở tù.
- 2 — Đức thu tâm là gì ?
- 3 — Tật ích kỷ.
- 4 — Giá trị đức thu tâm.
- 5 — Thực hiện đức thu tâm.
- 6 — Danh ngôn.
- 7 — Tự ám thị.

CHƯƠNG XXVI — Đức lễ độ. 257

- 1 — Vua không bỏ rượu thần xin tự vắn.
- 2 — Đức lễ độ là gì ?
- 3 — Tại sao cần đức lễ độ.
- 4 — Thực hiện đức lễ độ.
- 5 — Phương thế luyện đức lễ độ.
- 6 — Danh ngôn.
- 7 — Tự ám thị.

CHƯƠNG XXVII. — Đức tế nhị 269

- 1 — Cụt một tay.
- 2 — Đức tế nhị là gì ?
- 3 — Tật nghịch đức tế nhị.
- 4 — Ích lợi của đức tế nhị.
- 5 — Phương thế luyện đức tế nhị.
- 6 — Danh ngôn.
- 7 — Tự ám thị.

CHƯƠNG XXVIII — Đức khiêm tốn

278

- 1 — Cây sen và cây sậy
- 2 — Đức khiêm tốn là gì ?
- 3 — Tật nghịch đức khiêm tốn.
- 4 — Ác tính của kiêu ngạo.
- 5 — Cần thiết của khiêm tốn.
- 6 — Phương thế luyện đức khiêm tốn.
- 7 — Danh ngôn.
- 8 — Tự ám thị.

CHƯƠNG XXIX — Đức hiền dụ.

288

- 1 — Ai dùng gương phải khôn vì gương.
- 2 — Định nghĩa đức hiền dụ.
- 3 — Giá trị đức hiền dụ.
- 4 — Tật nghịch đức hiền dụ.
- 5 — Phương thế luyện đức hiền dụ.
- 6 — Danh ngôn.
- 7 — Tự ám thị.

CHƯƠNG XXX — Đức ái quốc.

298

- 1 — Vài câu *nhứt ngôn hưng quốc, nhứt ngôn táng quốc.*
- 2 — Đức ái quốc là gì ?
- 3 — Khái niệm về ái quốc.
- 4 — Khái niệm về quê hương.
- 5 — Hình thức ái quốc.
- 6 — Luyện đức ái quốc.
- 7 — Danh ngôn.
- 8 — Tự ám thị.